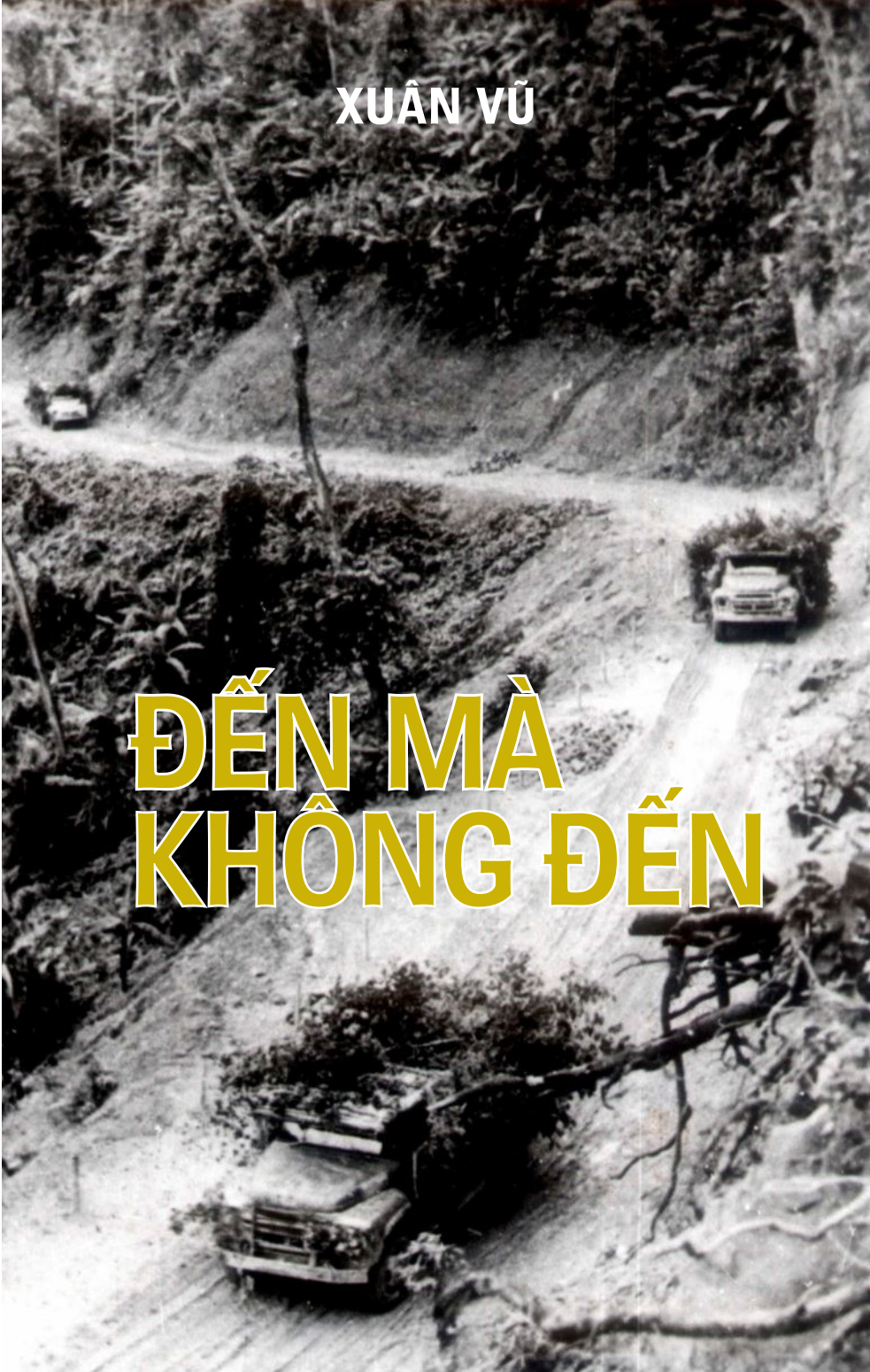


XUÂN VŨ

ĐẾN MÀ KHÔNG ĐẾN



Đến Mà Không Đến (4)

ĐẾN MÀ KHÔNG ĐẾN (4)

**ĐẾN
MÀ
KHÔNG
ĐẾN**

XUÂN VŨ

MIDWAY PRESS 2016

ĐẾN MÀ KHÔNG ĐẾN (4); Tác giả: XUÂN VŨ;
Layout: MIDWAY, 2016

Thay lời tựa Cộng sản Hà Nội truy nã một nhà văn: Xuân Vũ

(Trích Hồi ký của **Phạm Thành Tài**)

Hồi còn ở quê nhà, sau tám năm “cải tạo học tập” về, tôi có mở một phòng mạch chữa bệnh cho bà con để kiếm sống qua ngày. Chữa bệnh bằng Tây Y kiếm cơm hơi khó vì thuốc hiếm, mắc quá, bệnh nhân mua không nổi nên tôi chuyển sang chữa bằng Đông Tây Y kết hợp. Nhờ trời cũng đắp đổi bữa có bữa không. Nhưng tôi quyết không bỏ nghề, không chỉ vì sợ mất cần câu cơm, mà còn vì tôi không thể bỏ ngang thân chủ mình. Bà con lành được bệnh tôi cũng có niềm an ủi, hơn nữa cái thế giới quen biết của mình ngày càng rộng khắp với bao nhiêu tâm sự vui buồn trong thời ly loạn nhân tâm. Trong số đó có một người con gái tên Thu. Cô gái này hình như là sinh viên cũ của Sài Gòn không được vô Đại Học Nhà Nước, rất thích đọc sách. Lại một điều là cô ta chỉ thích loại tiểu thuyết lịch sử. Cô kể cho tôi nghe gần như thuộc lòng nào là “Tiêu Sơn Tráng Sĩ” của

Khái Hưng, nào là “Chiến Tranh và Hoà Bình”, nào là “Ana Karenina” của Tolstoi. Cuốn này cô kể thật hấp dẫn, đây là cuốn có tình tiết rất tinh tế, rất khó kể sao cho hấp dẫn, thế mà tôi nghe phải mê luôn các nhân vật trong ấy. Có một lần nghe cô kể, không hiểu sao tôi buột miệng hỏi:

- À mà lâu nay cứ nghe chuyện ngoại quốc. Còn truyện trong nước Thu có đọc nhiều không?

- Chuyện nào em cũng đọc. Hễ thấy là em mua ngay. Hết tiền vì đọc, má em la hoài... Em đọc cả sách “chui” nữa.

- Cả sách “chui” nữa, sách “chui” thì Thu thích cuốn nào?

- “Một Ngày của Ivan” và “Quần Đảo Ngục Tù” của Solzenitsyne, nhất là cuốn “Tảng Đầu Địa Ngục” cũng của Solzenitsyne.

Tôi lấy làm ngạc nhiên, nhưng ra mặt tỉnh bơ.

- Còn sách chui trong nước?

- “Đường Đi Không Đến” của Xuân Vũ!

Thu trả lời trơn tru, gọn lỏn làm tôi tá hỏa và có cảm giác ớn lạnh... Tôi nghe như ai lấy cục nước đá chà vào lưng đốt sống nhất là nhắc đến cái tên mà tôi chứng kiến đã từng bị truy nã. “Xuân Vũ!” Ngay lúc ấy tôi như không còn nghe Thu nói gì nữa. Sở dĩ mà cô dám đường đột nói như vậy là vì cô biết cái gốc của tôi không phải là cán bộ Cộng Sản. Hơn nữa, tám năm sau “giải phóng” người dân đã khinh nhờn Cộng sản rất xem thường vì chúng tỏ ra quá nham nhỏ, thua kém Sài Gòn cũ xa.

Cô hỏi:

- Sao mà thấy mờ ra vậy?

- Chả có gì!

(Chả lẽ tôi dám cả gan buột miệng. - Xuân Vũ là người tôi từng “biết”!)

Tôi còn hỏi lại:

- Cô thấy nói gì trong sách đó?

Thu không trả lời thẳng câu hỏi:

- Cái ông Xuân Vũ mà còn ở lại thì phải “ăn đạn đồng” “đền tội trước nhân dân và Đảng.” – Thu nhấn mạnh và bĩu môi ở từng lời.

- Làm gì mà ghê thế? – Tôi nói.

Nhu chuẩn bị hồi nào, Thu tuôn ra một hơi không có vẻ sợ sệt e dè gì hết.

- Thấy coi viết như vậy có ‘độc’ không? Mở đầu câu chuyện ông ta ví Đảng là người chủ ngựa, nhân dân là ngựa. Con ngựa gầy còm mỗi một nai lưng ra kéo xe. Đảng nói: Cố lên, đẩy nắm cỏ đằng trước mặt... rồi sẽ no nê... “ò đó thiên đường, gắng lên ...”

Lại thêm một lần nữa, tôi nghe Thu nói mà “ròn” gáy. Tôi đã đọc cuốn Đường Đi Không Đến quả là có câu đó, Xuân Vũ có viết nhưng khi nghe Thu kể lại thì cái hồn của ý đó nó sống động hơn, nó ma mãnh hơn...

Tôi suýt buột miệng kêu lên:

- Chao ơi, cô bé kể chuyện hay quá, tôi nghe mê quá. Còn cái ông Xuân Vũ kia quả là tôi...

Tôi tự chế kịp thời ngay trong tâm trí. Vì không thể nói ra một câu có thể làm cho tôi trở lại trại cải tạo mục xương.



Tình thế đẩy đưa làm sao mà tôi lại xin đi theo diện HO và được đi. Sang Hoa Kỳ tôi bơ vơ lắm không biết tìm ai? Đất nước mình sống bỗng nhiên phải bỏ đi để lại cha mẹ già trên tám mươi tuổi. Có thảm cảnh của dân tộc nào bằng thảm cảnh dân tộc Việt Nam? Thâm tâm tôi quyết tìm Xuân Vũ, người tôi có “quen” từ lâu. Tôi hỏi các báo có tên Xuân Vũ trong ban biên tập, chủ báo nói biết nhưng không được phép cho số điện thoại và địa chỉ.

Một hôm buồn quá, tôi dạo nhà sách Tú Quỳnh ở đường Bolsa. Có hai điều làm tôi chú ý bàng hoàng. Thứ nhất là cuốn sách *Đường Đi Không Đến* và thứ hai là một người con gái giống Cléopâtre.

Sự chú ý của tôi chột hướng hẳn vào những tên sách đập vào mắt tôi: “*Tử Vi Thế Kỳ*” *truyện ngắn Xuân Vũ*, “*Xương Trắng Trường Sơn*”, *hồi ký tập hai Xuân Vũ*, “*Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết*,” *hồi ký Xuân Vũ* và v.v. Đột nhiên, buổi thẩm vấn của tên công an cách nay hơn mười năm hiện lên trong đầu tôi như một thoáng ác mộng.

Tóc hắt húi ngắn. Đầu hắt hơi bờm xờm, điều làm tôi chú ý là hai chân hắt đi như lướt nhẹ làm lất phất hai cái ống quần rộng, chân hắt như không xương... lại một điều nữa làm tôi để ý là da mặt hắt trắng hồng và râu xanh mờ ở mép qua các đường cạo thật nhẵn, chắc là phải dùng loại dao cạo râu nổi tiếng Reles. Tôi mừng tượng như gặp hắt đầu đó thuộc ngày 30 tháng 4 năm 1975 và hình như hắt

đã từng gặp Xuân Vũ trong một dịp vô tình nào đó... chắc chắn hẳn không phải là một trong những nhân vật đi trên đường mòn Trường Sơn “*đường đi không đến*”... nhưng không thể không là một trong những tên mật vụ nhà nghề...

Trong bản thảo đầu tiên bài “*Truy nã một nhà văn: Xuân Vũ*”, tôi viết:

Năm 1973, nhà văn Xuân Vũ được giải nhất trong cuộc thi văn học giải Tổng Thống. Tác phẩm được giải là cuốn truyện *Đường Đi Không Đến*. Vô tình tên tuổi một nhà văn gắn liền với tên tuổi một Tổng Thống. Nhà văn Xuân Vũ và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Nhưng hai năm sau, ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày khai tử Việt Nam Cộng Hòa, chúng ta mất nước, cố nhiên mất Tổng Thống và mất luôn Nguyễn Văn Thiệu. Nhưng không mất *Đường Đi Không Đến* và không mất Xuân Vũ, vì tác phẩm thì vào lòng người và nhà văn thì không phải là một chức sắc.

“*Thằng Thiệu đã mất chức Tổng Thống. Còn thằng Xuân Vũ nó không mất chức vì nó là thằng Nhà Văn. Thằng Thiệu phải trả lại Việt Nam sau bao năm nó “bán đứng cho Mỹ.” Còn thằng Xuân Vũ nó “bán hồn” cho Thiệu, nó cũng bỏ tác phẩm mà chạy. Thằng Thiệu trốn, bỏ lại đất nước, ta còn có thể sửa lại còn thằng Xuân Vũ bỏ lại tác phẩm thì chả ai sửa lại được vì nó là chất độc, cực độc. Đất nước bị tàn phá Đảng ta sẽ làm lại nghìn lần đẹp hơn. Con người Miền Nam bị hư hỏng Đảng ta thừa sức cải tạo thành con người mới, con người*

Xã Hội Chủ Nghĩa. Nhưng những tác phẩm văn học phản động như kiểu Đường Đi Không Đến của thằng Xuân Vũ thì làm thế nào sửa lại cho đẹp, làm thế nào cải tạo nó... Cái nguy hiểm độc hại là ở chỗ đó... Chắc anh, một người trí thức, anh hiểu điều ấy hơn tôi... Vì vậy mới có hôm nay, chúng ta gặp nhau...”

Đó là câu nói hần học của tên công an thẩm vấn sơ khởi thuộc Sở An Ninh Nội Chính thành phố, nhưng tôi không được đến sở mà đến một biệt thự ngay trước cổng trường Gia Long...

Hôm nay tôi chép lại những dòng đầu tiên trong bản thảo đầu tiên viết theo thứ tự thời gian và sự kiện mà tôi còn nhớ về cuộc thẩm vấn.

- Anh có biết Xuân Vũ liên hệ với cơ quan Thông Tin Mỹ hồi trước 30 tháng 4 năm 75 không?

- Có lẽ anh nên gặp Xuân Vũ thì rõ hơn.

- Làm sao gặp được nó?

- Các anh cho tôi biết Xuân Vũ còn “kẹt” lại đâu ở Phú Quốc hay Bến Tre gì đó mà!

Tên công an nhu lõ lờ, liền bào chữa:

- Rồi tôi sẽ bắt nó! Nhân dân là lưới trời mà.

Viên công an cho tôi biết: Xuân Vũ vì liên hệ với một cô ca sĩ nào đó muốn xin đóng một vai trong cuốn phim dự định dựng lại từ cuốn truyện *Đường Đi Không Đến*. Cô ca sĩ mê Xuân Vũ vì tài..., còn Xuân Vũ mê cô ta vì sắc. Tài sắc “đồng ky” nên Xuân Vũ để gia đình đi trước, còn Xuân Vũ ở lại đón người đẹp theo sau. Đâu ngờ cách mạng như “vũ bão” làm nhà văn và mối tình vỡ mộng. Cô ca sĩ thì chẳng biết mô tê, còn Xuân Vũ thì chui rúc đầu ở miệt Hậu Giang.

(Tôi cũng có tin đồn Xuân Vũ chạy theo tàn quân về Bến Tre. Cũng có người nói Xuân Vũ đang “ấp” người đẹp tại một ngôi nhà “bí mật” ở ngay “Hòn Ngọc Viễn Đông” đầy dầu dế râu và chập chờn mũ cối...)

- Anh có biết tên cô ca sĩ đó không nhỉ? Tên công an hỏi.

- Tôi không hề gặp cô này.

- Anh nên thành thật khai báo! Chính cô ca sĩ này gặp Xuân Vũ tại văn phòng Trung Tâm Chiêu Hồi Trung Ương do anh làm Giám Đốc.

- Cô ca sĩ nào nhỉ?

- Anh Tài à, việc này chả có gì quan trọng, anh cho tôi biết tên cô đó là mọi việc êm xuôi. Chúng tôi chả làm phiền anh, mà tôi cũng xong việc.

- Có thể là Hoài Hương chẳng? - Tôi ngập ngừng đáp.

Người thẩm vấn viên như tìm được một cái “đầu mối”. Mắt anh ta sáng rõ, nhưng còn đề phòng.

- Đúng là Hoài Hương không?

Thực ra, có một cái tên Hoài Hương. Hình như cô này là xương ngôn cho đài Tiếng Nói Tự Do, rồi sang đài Mẹ Việt Nam. Tôi thoáng nhớ một cái tên như vậy và phịa ra cho xong chuyện. Nào ngờ “trúng tủ” tên công an, nhưng hấn neo lại đó, không hỏi vội. Hấn bọc một vòng rộng chung quanh tôi:

- Anh quen với Xuân Vũ vào dịp nào nhỉ?

Hấn vừa hỏi vừa chìa tay trao tôi một điều thuốc Điện Biên.

- *Thưa anh, hồi ảnh mới về Sài Gòn.*

Tên công an hít một hơi dài phà khói thuốc chạy dài thành một đường cong queo phía trước mặt hắn. Tôi đoán hắn đang mơ màng hình dung một câu hỏi tiếp:

- *À Xuân Vũ tên thật là gì anh Tài nhi?*

- *Thưa, hình như, nếu tôi không quên, là Bùi Quang Triết.*

- *Chắc hắn có họ hàng với tên phản động tư sản Bùi Quang Chiêu thời Pháp đô hộ...*

- *Thưa có thể... cùng là Bùi Quang... mà không rõ có bà con không? Chắc các anh rõ hơn tôi!*

- *Chuyện ấy không quan trọng, hỏi cho vui thôi. Nhưng nguồn gốc giai cấp thường quyết định lập trường. Bùi Quang Triết là cây bút thực tài dù chưa viết nhiều, nhưng tiếc là hắn đã quay về giai cấp của hắn, chống cách mạng...*

Thốt nhiên tên công an như trực nhớ ra câu trả lời đầu tiên của tôi và hắn hơi có vẻ vội vàng:

- *Hồi anh quen Xuân Vũ lúc nó mới về là hồi nào nhi?*

Hắn nhìn thẳng vào tôi. Tôi đang giả vờ dụi mắt thuộc vào cái gạt tàn bằng sứ để có chút thời gian đoán hắn muốn gài mình vào bẫy gì nếu câu trả lời hớ hênh, thì hắn như chớp lời:

- *Chắc là hồi nó ở Phủ Đặc ủy Trung Ương Tỉnh Báo đưa về Trung Tâm của anh phải không anh?*

- *Thưa phải!*

Và tên công an như buộc tôi đồng ý với hắn:

- *Hắn là công tác viên của Phụ Đặc Ủy Tỉnh Báo nguy chó gì?*

- Theo tôi biết thì chắc là không có.

Tôi trả lời tiếp:

- Trước khi anh Xuân Vũ về Trung Tâm do tôi làm Giám Đốc có một người tự giới thiệu là Phụ Tá Phủ Đặc Ủy hỏi tôi bằng điện thoại xem thử Xuân Vũ có phải là nhà văn không? Tôi khẳng định là phải, dù chưa hề quen ông ta. Người phụ tá ấy hỏi tôi rằng tại sao không thấy Xuân Vũ khai báo gì cụ thể để kết thúc hồ sơ. Tôi nói rằng, nếu đúng anh ta là nhà văn thì việc khai báo đối với họ là vớ vẩn vì họ làm việc bằng hư cấu, tượng trưng, điều cần thiết là tác phẩm của họ. Tôi còn nhớ tiếng nói của người phụ tá Phủ Đặc ủy trong dây nói: “Thế à!” Chuyện ấy bằng đi một thời gian mấy tháng thì từ Phủ Đặc Ủy Tỉnh Báo có gọi đến tôi một bì thư rất lớn và ghi là “tuyệt mật” khi mở bì ra, tôi thấy một xấp bản thảo trang đầu viết chữ thật lớn Xương Trảng Trường Sơn. Nét chữ gọn sắc, bản thảo ở dạng phát thảo bố cục, có đoạn viết thành văn, nhiều đoạn còn bỏ dở...

- À ra thế!... Cuốn này hẳn chưa cho in...

- Cuốn đó chính là Đường Đi Không Đến tập một...

Tôi ngưng một chút rồi tiếp:

- Theo tôi, hẳn bắt đầu bắt mần các anh hồi Cách Mạng tháng 8!

Tôi hơi mỉm cười làm tên công an thăm vấn nhìn chăm chăm vào tôi. (Hỏi đó hẳn chưa ra đời!)

- Anh nói sao tôi chưa hiểu?

- Thưa anh tôi có ý nói. Đường Đi Không Đến là cuốn sách mang tư tưởng “phản động” ngay từ lúc Xuân Vũ đi kháng chiến thuê Cách Mạng Mùa Thu.

- Tôi vẫn chưa hiểu?

- Xin lỗi anh tôi nói không được rõ. Tôi muốn nói là Đường Đi Không Đến chính là tác phẩm đã viết bằng tư tưởng chống cách mạng ngay từ lúc Xuân Vũ không bằng lòng cách mạng thuở còn kháng chiến chống Pháp. Từ ấy tích tụ đến nay và thể hiện ở Đường Đi Không Đến.

Tên công an hiểu ra, mắt hần nheo cười, mĩa mai:

- Nếu nó để cái tên cũ Xương Trắng Trường Sơn thì còn có lý. Phải có “Xương Trắng” khắp “Trường Sơn” mới có ngày hôm nay. Nó vô tình nói lên sự hy sinh vô bờ bến của Đảng và Nhân Dân. Đảng này nó viết đường Đi Không Đến là nó nói “phét”. Nếu không đến thì sao nó còn trốn lẩn quất đầu đây và làm sao tôi có thể gặp anh hôm nay được?

Tôi thầm nghĩ tên công an này thật là tráo trở nên tôi giả vờ :

- Thưa anh, tôi nghĩ là Xuân Vũ rất “phản động”, y còn viết một cuốn nữa...

- Cuốn gì anh nhỉ?

Hần vừa hỏi vừa còn giữ nụ cười mỉm.

Tôi nói

- Thưa cuốn Đến Mà Không Đến!

- Thật à...?

- Thưa có thật như vậy...

- Anh có đọc chưa?

- Thưa chưa... nhưng đã có dư luận độc giả rầm rộ lắm!

Nụ cười mĩa trên môi tên công an chợt tắt ngấm, hần có vẻ lúng túng và dằn giọng:

- Rồi chúng tôi bắt nó và sẽ hỏi: “Đến Chua”? Nó còn trốn đâu đây. Làm sao thoát khỏi lưới trời... Thôi ta tạm dừng câu chuyện này ở đây. Bây giờ tôi muốn gặp anh để nhờ anh giúp một việc khác, cũng là chuyện Xuân Vũ Bùi Quang Triết...

o o o

Sau cuộc thẩm vấn nhậm nhậy kể trên, tôi lại bị mời theo kiểu “bắt nguội”. Lần này chúng chờ tôi đi. Ngồi trên xe giữa hai họng súng cặp bên cạnh sườn. Tôi không dám nhúc nhích lỗ nó lầy cò thì bỏ mạng. Tôi không sợ nó bắn chết mình ngay trên xe. Muốn hành quyết thì phải đem ra bãi trống hoặc trong vườn hay là ở một sườn núi hoặc tiện hơn là ở một bãi sông... Bắn cho xác trôi sông... Tôi chỉ sợ súng cướp cò, súng Rouleau rất nhạy. Tôi đành ngồi như phỗng. Chiếc Volkswagen queo qua góc chợ Thái Bình, phía rạp hát Khải Hoàn rồi thẳng ra đường Hồng Thập Tự. Người đi đường vẫn thản nhiên nào biết có một người vừa bị “túm gọn” đang bị giải đi. Một chiếc Com măng ca chạy sau. Trên xe toàn là lính Bắc Việt. Họ đội mũ cối và nói giọng trọ trẹ. Còn trên chiếc Volkswagen thì là lính người Nam, chỉ có một người ngồi cạnh tài xế đội mũ cối là lính Bắc, mang cấp bậc thiếu úy. Sau này tôi mới rõ: Người tài xế là nhân viên của Phủ Đặc Ủy Tỉnh Báo Trung Ương Sài Gòn. Còn hai anh chàng lực lưỡng như hộ pháp ngồi hai bên chĩa súng vào mạn sườn tôi là nhân viên cảnh sát đặc biệt làm việc thời ông Thiệu. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, những nhân

viên cấp thừa hành của chế độ cũ đều được An Ninh Nội Chính Cộng Sản huy động đi ruồng bố bắt bớ những sĩ quan trốn trình diện học tập và các tổ chức “chống đối chế độ”. Bọn An Ninh Cộng Sản tuy sử dụng họ nhưng luôn luôn cảnh giác: Cứ một nhân viên tình báo chế độ cũ thì kèm theo hai hoặc ba tên An Ninh Cộng Sản trong khi hành sự. Cộng sản có cấp súng cho họ, nhưng hết giờ bố ráp thì thu lại. Họ được về nhà, nhưng cho tới tháng 10 năm 1975, nghĩa là sáu tháng sau ngày mất nước, toàn bộ nhân viên thuộc các tổ chức Tình Báo chế độ cũ đều trình diện và lãnh công USA đều ra Tân Cảng để lên tàu ra Bắc.

o o o

Dựa lưng vào nệm xe tôi thấy nhẹ nhõm và bắt đầu chú ý cuộc hành trình... Chiếc Wolswagen dừng khá lâu ở ngã tư đường Cổng Quỳnh và Hồng Thập Tự đợi cho hàng đoàn xe tải quân đội Bắc Việt đi qua toàn là xe Molotova cũ kỹ và đầy bụi đường. Nếu chiếc Wolswagen quẹo sang phải là chắc nó đưa mình lên đồi lao Gia Định, nơi nổi tiếng nhốt tù chính trị từ thời Pháp, còn nếu quẹo trái thì mình nằm ấp Chí Hòa. Chợt trong đầu tôi thấy tiếc, nếu nó bắt tại nhà là mình mang được “đồ nghề” theo, nào bộ tradi, cái mũ rộng vành, dép, bàn chải đánh răng..., giá như giờ nó đưa mình về nhà để “xét nhà” thì hay quá, mọi thứ chuẩn bị cho việc ở tù sẽ như ý, chỉ sợ cái cuốn *Tăng đầu địa ngục* nó tìm thấy thì hơi rắc rối... Nhưng tôi nghĩ lại, tụi nó bắt kiểu này là

bắt “nguội”, giống như nó bắt nhà văn Solzenitsyne vậy, sức mấy mà nó đưa mình về nhà. Nghĩ vậy nên tôi chờ cho đoàn xe Molotova qua hết xem nó quẹo trái hay phải.

Đoàn xe quân đội vừa qua chiếc cuối cùng thì chiếc Wolswagen quẹo trái. Thế là đi hướng Chí Hòa rồi. Nhưng khi xe chạy đến ngã tư Lý Thái Tổ thì nó vòng theo bùng binh quay ngược lại đường Hồng Thập Tự. Không hiểu tại sao nó đi vòng vo như vậy. Xe bon bon chạy đằng sau là chiếc Com măng ca. Sắp ngang qua đường Lê Văn Duyệt, tôi nghĩ, nếu nó quẹo phải là đưa mình về nhà để xét nhà và đọc lệnh bắt giam. Nhưng ý nghĩ này không vững, nếu vậy thì nó đến nhà bắt mình chứ. Nó cố ý bắt “nguội” mà. Nếu quẹo trái thì chắc nó cho mình nằm ấp “Trung tâm thẩm vấn Việt Mỹ” đường Tô Hiến Thành. Đây là một trung tâm khá lớn để thẩm vấn tù binh Việt Cộng thời trước. Mọi dự đoán đều sai. Chiếc Wolswagen chạy thẳng trên đường Hồng Thập Tự. Đường vắng ngắt, Sài Gòn sau hai tháng “giải phóng” như thất thần. Chiếc Wolswagen lại chạy, nó như không định hướng. Cứ mỗi ngã tư thì người tài xế ngoảnh sang tên thiếu tá Bắc Việt như xem thử hần muốn đi đâu. Tên thiếu tá lạnh lùng cứ mỗi ngã rẽ được thì hần hát hàm hướng về phía trước, xe tiếp tục lăn bánh trên đường Hồng Thập Tự qua cú ngã tư Duy Tân, Hai Bà Trưng, rồi qua cầu Thị Nghè, vậy là mình bị cho nằm ấp ở Biên Hòa rồi... Chiếc xe qua khỏi dốc cầu đổ xuống thật

nhanh nhưng đến ngã rẽ ngang chợ Thị Nghè thì tên thiếu tá ngồi ở ghế trước gio cánh tay ra hiệu. Xe quẹo mặt, chạy thật chậm ngang qua chợ, buổi chiều vắng. Vừa qua khỏi chợ Thị Nghè thì gặp một con đường ngang, con đường tôi từng đi hằng ngày mà nay quên tên rồi. Vừa đến ngã ba thì tên thiếu tá Bắc Việt lại gio tay ra hiệu: Quẹo phải. Xe tiếp tục chạy, tên thiếu tá gio bàn tay đập đập vào cửa xe bảo chạy thật chậm...

Xe từ từ qua cổng trước không còn lính gác như xưa. Hồi trước cổng được lính gác cản mặt, bên ngoài có cảnh sát đặc biệt theo dõi bọn đặc công cộng sản có thể tổ chức phá hoại. Tổng Nha Cảnh Sát đã từng phát hiện đặc công đem mấy kí chất nổ để phá hoại. Âm mưu bị phát giác và chúng bị bắt. Nay cổng không còn lính gác. Còn cái bảng thật lớn “Trung Tâm Chiêu Hồi Trung Ương” cũng không còn. Xe chạy qua sân lớn của Trung Tâm rồi thẳng qua văn phòng của tôi, cạnh đó là văn phòng của ông Phó Giám Đốc Xuân Vũ.

Tôi trầm nghĩ: Nhà văn chống Cộng khét tiếng lại làm Phó Giám Đốc cái Trung Tâm này thì Việt Cộng làm sao tha được. Vậy mà không lo mà chạy còn ở đó “bay bướm”.

Xe chở tôi ngừng ngay trước bậc thềm vào văn phòng chính của Trung Tâm, còn chiếc com măng ca theo sau thì chạy thẳng vào garage. Từ trên cao bậc thềm, hai người đàn ông tuổi trung niên bước xuống. Tên thiếu tá Bắc Việt mở cửa xe bước lên. Ba

người tùm lại nói đôi câu rồi tên thiếu tá đến phía sau xe nói:

- *Mời anh Phạm Thành Tài nào...*

Tôi vừa bước xuống chưa kịp khép cửa xe, thì hai người đàn ông trẻ tới bắt tay chào và nói rất nhỏ: “*Anh Tài*”

- *Chào hai anh!* – Tôi đáp.

Hai người đàn ông lạ hoắc, má cúp, một người có con mắt mở sáng và cặp chân mày đậm hơi xếch, nói giọng Bắc, còn người kia thì hơi thấp, có vẻ xuề xòa, đôi mắt mệt mỏi, nói giọng Nam...

Tôi chưa bao giờ đoán trước rằng họ có thể đưa tôi vào Trung Tâm này vì đây không phải là cơ quan mật vụ, cũng không phải là nơi lưu trữ hồ sơ gián điệp. Nó chỉ là một Trung Tâm trung ương tiếp nhận những người tìm tự do, những người yêu nước bị cộng sản mua chuộc, dụ dỗ, ép buộc hoặc đã lầm lẫn giữa cộng sản và dân tộc. Toàn bộ ngân sách chi tiêu của Trung Tâm do Hoa Kỳ viện trợ. Người Hoa Kỳ rất thích thú và vui vẻ chi tiền cho Trung Tâm điều hành công việc. Đó là nghĩa cử mở rộng vòng tay đón nhận những người tìm tự do.

Họ đưa tôi vào trong phòng rồi lên lầu. Tôi vẫn chưa rõ họ đưa tôi vào Trung Tâm này với mục đích gì?

- *Anh Tài, anh là Giám Đốc Trung Tâm này trước đây phải không?* – Người Bắc hỏi.

- *Thưa trước ngày 30-4-75, tôi có làm giám đốc ở đây...*

Người nói giọng Nam tiếp:

- *Hỏi vậy thôi chứ chẳng dính dấp gì chức vụ cũ của*

anh đâu! Anh yên tâm. Tụi mình gặp nhau là điều đáng mừng. Anh em nhau cả...

Người Bắc đến ngồi phía sau bàn ngày xưa Xuân Vũ ngồi làm việc, tôi còn nhớ cái bàn sắt của Mỹ bị quẹt ở phía trước một lần dài. Hắn đứng dậy khom người ra phía trước mời tôi một điếu thuốc Đại Tiền Môn của Trung Cộng. Cách mời rất lịch thiệp, anh ta vỗ điếu thuốc ra rồi đưa bằng hai tay.

- Mời anh... Thuốc này chắc không hợp “gu” anh...

- Cảm ơn anh... Tôi hút thuốc gì cũng được!

Người Nam ngồi trước bàn đối diện với tôi liền bật chiếc Zippo.

- Cảm ơn anh...

- Không có xăng Zippo nên lâu cháy...

- Dạ...

Người Bắc tiếp:

- Mời anh dùng trà, nước trà Bắc Thái đấy. Anh thử xem, anh cứ tự nhiên.

Tôi cầm cốc nước ực một cái rất ngon lành vì cũng đã khô cổ. Hình như thấy tôi tỉnh táo và chẳng e dè mấy, người Nam nhìn vào mắt tôi:

- Xin tự giới thiệu, chúng tôi là nhà văn ở R về...

Tôi ngỡ ngàng. Nhà văn mà gặp mình ở đây làm gì, có kèm theo thật vụ đi bắt người. Thế là sao? Tôi nghĩ đây chắc là hai tên Anh Đức và Nguyễn Quang Sáng, vì trước đây tôi có nghe Xuân Vũ tâm sự là bạn của hai tên này. Tụi nó đều là dân Nam kỳ tập kết. Vậy chỉ một tên, có thể là Đức hoặc Sáng

- Xin lỗi, xin quý anh cho biết bút hiệu? Tôi hỏi.

Hai người nhìn nhau, người Bắc nhanh nhẩu:

- Rồi chúng tôi sẽ tặng sách cho anh. Anh sẽ biết, muộn gì!

Tôi chưa kịp nói gì thêm thì người Nam phân bua.

- Anh không biết bút hiệu tui tui, chứ tui tui biết anh. Hồi anh còn Phụ giảng ở Đại học có làm thơ, tôi có đọc và còn nhớ. Đó là bài Chim Yến đăng ở báo Văn Nghệ Quân Đội và bài thơ Thăm hang đăng ở báo Văn học... Mỗi số bài tùy bút viết ở báo Sinh Viên... Tưởng là gặp anh ở chỗ khác nào ngờ lại gặp ở đây... Trái đất tròn ở đâu cũng gặp... miễn có gặp là vui vẻ là tốt rồi!

Người Bắc hỏi:

- Anh Tài, anh cũng là người viết văn, anh có nhận xét gì về nền văn học cách mạng không?

- Thưa anh, tôi chưa có dịp đọc nhiều, thành ra không thể có ý kiến gì về nền văn học cách mạng.

- Còn tui Ngụy, theo anh nó có một nền văn học không?

- Xin lỗi hai anh, cái đó để cho lịch sử phán xét... Tôi không rành về văn học.

Người Nam nói:

- Mình nói vui thôi mà, đâu nhằm tới cái lớn...

- Tôi bỏ viết lâu rồi, nên không lưu tâm...

- Anh khiêm tốn quá, tôi có đọc nhiều bài được ghi âm lại lúc chưa giải phóng. Anh có viết trên báo Khởi Hành, báo Diễn Đàn và rất nhiều tùy bút được phát thanh trên Đài Tiếng Nói Tự Do. Chắc anh còn nhớ các bài Đoạn tuyệt danh vọng, Hình của nước... Anh viết suốt cả năm này qua năm khác, hàng tuần, hàng tháng Đài Tự Do phát thanh bài của anh đều đều.

- *Sau đó thì tôi không viết nữa...*

Tôi tự hỏi tại này muốn cái gì đây mà nó cứ đi vòng vòng

- *Đúng, một năm gần đây không nghe Đài Tự Do phát thanh các bài tùy bút của anh nữa... Nhưng theo anh Tài, nhà văn nào viết khá nhất trong thời nguy...*

Tôi không ngần ngại:

- *Doãn Quốc Sĩ, Võ Phiến, Duyên Anh và... định nói thêm một tên nữa nhưng cái bàn đang ngồi dựa tay vào là cái bàn của chính người tôi phải giả vờ quên: Xuân Vũ... nên lặng thinh không đáp.*

Hình như hẳn muốn tự tôi đưa tôi vào tròng, hẳn vội hỏi:

- *Và ai nữa anh...?*

Tôi chưa kịp nghĩ ra một tên khác thì người Nam cướp lời:

- *Xuân Vũ, Xuân Vũ Bùi Quang Triết.*

Đến lúc này tôi mới hiểu ra. Chúng nó gặp tôi chỉ có một mục đích: hỏi về Xuân Vũ. Nhưng hỏi về cái gì, điều gì? Chẳng lẽ hỏi về sự nghiệp văn học chống cộng của Xuân Vũ sao? Tôi chợt nghĩ: Hay Xuân Vũ bị bắt, nó đem mình ra để điều tra Xuân Vũ. Vô lý! Xuân Vũ đã ra Phú Quốc một tuần trước ngày 30-4-75. Đường như đi trước cả mười ngày, nửa tháng nữa. Xuân Vũ có hẹn tôi nếu cần, cứ chạy ra Phú Quốc rồi tính sau... Tôi lại nhớ: Ngày vừa mất Sài Gòn chừng một tháng, nhà văn Sơn Nam có đến nhà chơi và có nói: "*Hình như thằng Xuân Vũ bị tụi nó bắt.*" Tôi cãi lại: "*Làm sao bắt được Xuân Vũ hẳn đi từ*

khuya.” Sơn Nam: “Nghe tụi nó nói là thằng Xuân Vũ đeo con nào đó, nên mới bị tóm.” Tôi lại đính chính: “*Xuân Vũ không phải loại đàn ông đại gái. sao có thể bị tóm được.*” Nhà văn Sơn Nam: “*Ngựa sinh chứng thì sao. Nó nổi tiếng với Đường đi không đến rồi mà, ông không thấy sao?*” Tôi không tin, nhưng thoáng chút ngậm ngùi: “Biết đâu chừng đó là sự thật.”

Tay tôi giả vờ rót liền hai cốc nước và còn định rót thêm để có thì giờ suy nghĩ.

Người Bắc nhìn chằm chằm vào tôi từ nãy, ngón tay trở gõ nhẹ trên mặt bàn, buông một câu:

- Anh có đọc Xuân Vũ chứ?

- Thưa có đọc.

- Anh mới đọc hay đọc lâu rồi?

- Nói là có đọc, nhưng nghe người ta nói nhiều hơn là đọc! – Tôi trở ngang.

Hắn nhấn mạnh cụt ngắn:

- “Đường đi không đến”.

- Nghe người ta nói chứ tôi chưa đọc được hết...

- Sách đoạt giải nhất giải Tổng Thống mà anh chưa đọc à...? Tay nghề khá vững, tiếc rằng nội dung... Hắn tiếp luôn:

- Xuân Vũ là bạn của tôi đó... bạn từ thuở chưa viết văn, từ hồi còn đi học.

- Tôi tiếc cho nó... Nhưng con người đâu phải là thần thánh, ai mà chẳng lầm lạc... – người Nam cắt ngang.

Tôi trầm nghĩ thằng này là thằng Sáng hay thằng Đức?

Người Bắc hỏi tiếp:

- Anh Xuân Vũ hình như có làm việc chung với anh?
- Thưa anh ấy có làm việc chung với tôi.
- Phó Giám Đốc - Người Bắc gật gù.

Người Nam:

- Cũng lạ, nhà văn Ngụy nó đưa qua làm hành chánh...

Người Bắc cười:

- Đâu có gì lạ. Tụi nhà văn Ngụy không đi làm công chức, hoặc có một nghề gì tay trái thi cho có rách. Nên Ngụy nó đưa Xuân Vũ vào làm ở đây cũng phải. Để có chút tiền rồi tha hồ viết chửi... Mỹ Ngụy nó độc lắm...

Hai người nhìn nhau như trao đổi ý kiến bằng mắt rồi người Nam nhìn sang tôi:

- Phải không anh Tài?

Gật mình nhận ra này giờ hai “nhà văn” có vẻ lịch sự, giờ thì bắt đầu lòi cái đuôi công an của chúng ra. Tôi nói:

- Thưa, không hẳn thế!
- Đúng thế chứ sao không hẳn thế, anh Tài!

Thấy không nên tranh luận với hắn, tôi giả vờ:

- Thế à!

Tôi linh cảm nhận ra, tụi này không thể bắt mình đến đây để nói chuyện suôn. Rõ là chúng muốn nhắm vào Xuân Vũ. Đã biết vậy mà tôi vẫn chưa rõ mục tiêu cụ thể. Nhắm vào Xuân Vũ để làm gì? Phải chăng đây là thời gian thử nghiệm để lần ra đầu mối. Nhưng cái đầu mối đó là gì? Chúng vẫn còn giữ kín...

Đang nói thì có một người mặc áo đen, khăn rằn đã bạc màu đến bên cạnh người Bắc. Nói gì không rõ, nhưng sau đó người Bắc hất hàm hướng về người Nam:

- *Chúng ta xuống dưới một chút đi! Xin lỗi anh Tài, ngồi xơi nước, thuốc đây cứ tự nhiên.*

Rồi hai người bước ra chỉ còn lại mình tôi trong gian phòng thênh thang xưa kia là phòng làm việc của ông Phó Giám Đốc Xuân Vũ, ngoài cửa là một nhân viên an ninh đi qua đi lại.

o o o

Một mình ngồi giữa gian phòng thênh thang không có bất cứ một vật gì khác ngoài cái bàn của Xuân Vũ xưa kia ngồi làm việc và ba cái ghế gỗ cái cao cái thấp, tôi nghĩ đúng là cuộc đời “bể dâu”. Mới chỉ hai tháng “giải phóng” mà gian phòng của ông Phó Giám Đốc đã đổi khác quá thể: cái bàn sắt khá đẹp nay đã phai màu, mà không còn một ngăn kéo nào cả, nó trông héch như lỗ mắt đầu lâu. Xưa những ngăn kéo này đầy chật bản thảo của Xuân Vũ. Tôi còn nhớ, trên mặt bàn này, Xuân Vũ ngồi viết tùy bút *Nắng và Tuyết* sau chuyến Xuân Vũ đi Bắc Âu về, 1973. Cái bàn thật nhiều kỷ niệm: Ngày sắp về làm việc với tôi, Xuân Vũ nói: *“Tôi chỉ cần xin anh một cái bàn đặt ở bất cứ góc nào cũng được và một xấp giấy”*. Tôi đã cho Xuân Vũ một lúc ba ram giấy pelure, một bó bút và cái bàn này.

Theo tôn ti chức sắc, trên bàn ông Phó bao giờ cũng có cái bảng nhỏ màu xanh bằng nhựa với mấy chữ “Phó Giám Đốc “. Cái bảng này có từ trước. Nhưng khi Xuân Vũ về thì một hôm tôi thấy cái bảng biến mất. Tôi hỏi Xuân Vũ. Nhà văn đáp: *“Tôi tưởng nó đâu quên mất”*. Tôi phải giải thích: *“Đó là nguyên tắc hành chánh”*. Xuân Vũ: *“À thế!”*

Sau ngày 30-4-75 là “trải qua một cuộc bể dâu”. Chàng nhà văn Phó Giám Đốc giờ không biết trôi dạt phương nào... hay đang ngồi trong phòng tối nào? Xuân Vũ thì nhất định chúng không cho ở chung trong trại cải tạo thường. Mất đảo qua phòng khách, anh nhớ lại không biết bao nhiêu là khách bốn phương đến thăm trung tâm, không một tuần lễ nào không có phái đoàn quốc tế.

Khách kinh ngạc vì những người tìm tự do ngày càng đông trong khi ngày chiến thắng cộng sản chỉ còn là thời gian. Người ta đến đây để tìm hiểu một vấn đề chính trị từ gốc rễ của nó: Tại sao những người trong hàng ngũ kẻ sắp “chiến thắng lại bỏ về”? Đúng ra họ phải ở lại để ngày vinh quang ngực sáng huân chương. Hay có chết đi bia mộ sẽ còn ghi: “Tổ quốc ghi công”. Người Mỹ đã tìm ra câu giải đáp ấy: đó chính là cái nguồn gốc độc tài bạo chúa của chế độ cộng sản đã thúc đẩy những ai ở trong quỹ đạo của nó hễ có dịp là tìm mọi cách để thoát ra, vì họ đã nhìn thấy trước cái mặt trái của chiếc huân chương và những bộ xương khô dưới những nắm mồ đắp vội. Người Mỹ thấu rõ điều ấy cho nên ngân sách giúp cho người tìm tự do cũng chẳng thua kém gì ngân sách giúp cho người tỵ nạn sang Hoa Kỳ hôm nay. Và Xuân Vũ, cũng như những người tìm tự do khác, cũng chỉ nhận nhúm xương còm không phải tận tay người Hoa Kỳ trao, mà từ tay những người Việt Nam phải chịu trách nhiệm ngày mất nước: 30-4-75. Thật tội nghiệp cho các nhà văn... Nhưng Xuân Vũ

chấp nhận đối đầu với cuộc sống khắc nghiệt. Anh không bẻ bút, anh vẫn viết và đã giúp cho chúng ta được biết cái con đường mang tên một lão già tự cho mình là “cha già dân tộc”. Con đường ấy, con đường của lão già râu bạc cầm gậy hướng dẫn ấy đã không bao giờ đến: Cái gậy đã gãy – “Đường đi không đến”.

ooo

Một người bước nhanh vào phòng:

- *Chào anh Phạm Thành Tài!*

- *Kính anh...* Tôi nghĩ ngay: thường ít ai gọi mình cả tên lẫn họ, chỉ các chức sắc khi giao thiệp công tác, một là họ lịch sự “tôn vinh” mình, hai là họ sợ lầm lẫn với người khác... Tôi lọt vào trường hợp thứ hai... công an sợ nhầm.

- *Khỏe không anh Tài?*

- *Cám ơn anh, tôi vẫn khỏe.*

- *Chắc là anh chưa gặp tôi lần nào?*

- *Thưa chưa!*

- *Nhưng tôi gặp anh hoài, hồi trước giải phóng.*

- *Dạ, vậy là tôi quên, xin lỗi anh.*

- *Khi thì gặp anh ở đài phát thanh Tự Do, khi thì ở khu nhà Nguyễn Mạnh Côn và Phạm Duy ở cư xá Chu Mạnh Trinh.*

- *Thế à... vậy mà tôi không được vinh hạnh biết anh.*

- *Tôi làm văn nghệ thành ra hay giao du với các cơ quan truyền thông báo chí và các anh em nghệ sĩ...*

- *Thưa anh, tôi có viết ở đài Tự Do, viết không nhiều. Thịnh thoảng có đến thăm anh Côn và anh Duy ở cư xá Chu Mạnh Trinh.*

- Anh viết khá nhiều ở Đài Tự Do đấy chứ, nhưng không sao đâu, tôi biết “ở với ma phải mặc áo giấy” mà. Tôi có đọc bài anh viết ở báo Văn Nghệ Sài Gòn. Chắc anh còn nhớ bài Máy vấn đề tự do trong văn nghệ, Nhật ký cuối năm, Vấn đề đảng tính trong văn nghệ cộng sản. Những bài đó, thật sự xin lỗi anh, là “độc địa” không có lợi gì cho cách mạng. Nhưng... chuyện ấy đã qua rồi... Tôi mừng là anh còn đây cho dù có “kẹt” tại... Lịch sử đã sang trang, tại mình đừng “quán nhau” giờ bắt tay nhau được rồi... (Vàng, lạy Chúa, bắt tay hết tám cuốn lịch! Nếu không bắt chắc thêm vài cuốn).

- Cảm ơn anh.

- Giờ tôi muốn anh giúp tôi. Nói thẳng ra cũng không hẳn là giúp tôi, mà giúp tôi để tôi giúp bạn anh!

- Thưa anh, nếu được, tôi xin sẵn sàng...

- Chúng tôi muốn hiểu thêm về anh Xuân Vũ Bùi Quang Triết. Nếu anh còn ở lại thì chẳng sao cả. Chúng tôi sẽ mời anh ấy viết lại, cố nhiên là phải thay đổi lập trường... Lúc này, hai anh ấy có gặp anh phải không? Một anh ở Hà Nội, một anh ở R.

Chúng bỏ tôi ngồi một mình, rồi đột nhiên trở lại, đến người Bắc hỏi tôi:

- À mà thằng Trường có đến đây thăm thằng Xuân Vũ không, anh Tài hả?

- Tôi không thấy Trường đến đây. Nhưng tôi nhớ lại hình như Trường có mời anh Xuân Vũ đến nhà chơi – Tôi bình tĩnh đáp, mặc dù chúng chuyển đề tài một cách đột ngột.

- Hối nào, anh Tài hả?

- Hồi nó là Tướng Tư Lệnh Vùng I chiến thuật.

- Làm đến Tướng Vùng mà còn nhớ đến bạn cũ cũng hay...

- Tôi muốn biết thằng Trường vì tình bạn mà mời Xuân Vũ đến chơi hay là nó có mục đích gì? Chắc là Xuân Vũ nó nói chuyện với anh chứ?

- Xuân Vũ chỉ kể tôi nghe là có gặp Ngô Quang Trường ở Đà Nẵng.

- Với ai nữa?

- Chỉ có Tướng Trường và Xuân Vũ...

Mắt hắn hơi nhúu lại, nghĩ ngợi...

- Anh Tài có nghe thằng Xuân Vũ cho biết Ngô Quang Trường bàn gì với nó không?

Tôi chưa kịp trả lời, thì hắn tiếp:

- Anh Tài, anh cứ nói thật đi. Tôi biết anh là người “có tình” với Xuân Vũ, anh không muốn nói hết những gì liên quan về nó, sợ cần rút lương tâm. Đó là “chất ngọc” rất là “con người” trong anh... – hắn ngưng ngang một hồi lại tiếp – Trong số các Tướng nguy, có lẽ thằng Trường là Tướng vừa “sạch” vừa có “lý tưởng”. Hình như thằng này không xuất thân từ “lĩnh tủy” vừa không ăn cắp tiền Mỹ, vừa có “lý tưởng” chống cộng, lại vừa “có tình” với bạn thì thật là hiếm có trong hàng ngũ “tai to mặt lớn” của bọn nguy. Xét cho cùng thì thằng Tướng này cũng nguy hiểm không kém cuốn Đường đi không đến của thằng Xuân Vũ, dù tác phẩm văn học nó tác hại sâu xa hơn, Mỹ bây giờ tìm một thằng Tướng để dân chúng “chưa giác ngộ cách mạng” ngưỡng mộ như mò kim đáy giếng...

Hắn đột ngột nhấn mạnh:

- Cho nên thằng Trường và thằng Xuân Vũ là một cặp bài trùng. Tôi không tin chỉ vì “tình bạn” cũ mà tụi nó gần nhau. Còn cái mục đích lớn hơn. Mục đích đó là mục đích chống phá cách mạng.

Rồi hắn nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Anh Tài, tôi cần anh cho chúng tôi biết tất cả những gì anh có thể biết được giữa thằng Ngô Quang Trường và thằng Xuân Vũ...

Nói xong, hắn bỏ lưng rồi bước ra ngoài...

Tôi nghĩ hắn đang nghĩ Xuân Vũ đã trốn thoát vào “mật khu” của Tướng Ngô Quang Trường và đang cùng Ngô Quang Trường tổ chức “chống phá cách mạng.” Nghe đâu Tướng Trường có lần đã bí mật về Sài Gòn... Cả Sài Gòn xì xào về tin này và có người nhận rằng mình đã gặp Tướng Trường. Có người tung tin họ vào mật khu của Ngô Quang Trường đâu ở vùng IV và có gặp nhiều nhân vật trong bộ tham mưu của ông ta... Tôi nghĩ, biết đâu trong số này có Xuân Vũ? Song tôi lại nghĩ, tôi là người thấu rõ nhà văn này. Xuân Vũ là con người “phi chính trị”. Ngay như chuyện tính toán mưu sinh hằng ngày, hắn vẫn là con người của cảm tính. Chuyện lớn mà bàn với hắn thì rốt cuộc hắn sẽ cho ta một hư cấu văn chương.

- Sao anh Tài? Anh nhớ gì nói nấy. Chúng tôi cần biết rõ quan hệ giữa thằng Trường và Xuân Vũ càng chi tiết càng tốt.

- Thưa anh, tôi chỉ nhớ toàn chuyện lật vật...

- Chúng tôi cần...

- *Thưa anh, theo Xuân Vũ kể lại, nó gặp Trường lần đầu tiên ở Chương Thiện nhân dự lễ gì đó tôi cũng quên. Ngô Quang Trường bấy giờ là Tư Lệnh vùng IV chiến thuật. Trong buổi lễ, Trường bất ngờ bỏ bàn tiệc đến nhìn chăm chăm vào mặt Xuân Vũ rồi hỏi: “Phải Bùi Quang Triết không?” Xuân Vũ đáp: “Phải!”. Ngô Quang Trường ôm chầm Xuân Vũ làm cả buổi lễ ngạc nhiên, kể cả các tai to mặt lớn, như các Bộ Trưởng, phó Thủ Tướng. Xuân Vũ giải thích cho tôi: “Ông biết sao mà Ngô quang Trường với mình gặp nhau mừng đến muốn rơi nước mắt vậy không? Vì mình với Trường - Xuân Vũ không nói họ và chữ lót - có quá nhiều kỷ niệm thời thơ ấu... Trường đã từng đá banh với tôi mà. Lúc ấy đang học lớp nhất sơ học ở Mồ Cây Bến Tre. Nó giữ “gôn” cũng khá. Chơi cho lọt lưới không phải dễ, vì nó dong dỏng cao, tay lại hơi dài, người gầy nên nó “trùm” được cả khoảng cách hai hòn đá trụ môn. Hôm đó tôi tức qua nghĩ ra một cách có thể đá “thùng lưới” thẳng “gôn” Trường này một cú. Tôi lừa banh sang góc trái. Trường dạng hai chân thủ ở góc đối diện. Tôi nhá chân như sắp “sút” một “sấm sét”, Trường đem hết “thần lực” để ôm banh, không ngờ tôi “hất” nhẹ bóng vào góc phải. Trường phóng tới nhưng bóng không dính vào đôi tay “nhựa” mà trúng trán làm đôi kính cận thị của Trường văng ra... Thế là lọt lưới”...*

Tôi kể vòng vo để có thì giờ suy nghĩ.

- *Anh thử cố nhớ Xuân Vũ nó có nói gì không. Có thể Xuân Vũ có nói mà anh không để ý, nên cố nhớ xem nào!*

– Hấn càng siết vòng vây.

Nhưng tôi chợt nghĩ là nó muốn tìm điều đó mình cứ phia ra may thì hấn không hỏi mình nữa, lại nữa còn có cái lợi là “gạt” nó để nó nghĩ là thực sự Xuân Vũ và Ngô Quang Trường đang kết hợp với nhau làm một “việc lớn”. Tôi nói:

- *Thưa anh, tôi thực sự không nghe Xuân Vũ nói gì chuyện này, nhưng nghe đâu như hấn nói xa, nói gần gì đó...*

- *Chúng tôi cần chuyện đó.*

- *Hình như Xuân Vũ có nói Ngô Quang Trường tương lai sẽ được Nguyễn Văn Thiệu cho lên làm Tổng Tham Mưu Trưởng rồi dần dà sẽ cho làm Thủ Tướng...*

- *Như vậy thì tướng Trường phải chuẩn bị “quản lý” chính phủ ngay.*

- *Thưa tôi không nghe, chỉ nghe khi mất Đà Nẵng, Ngô Quang Trường có bị kỷ luật nhẹ. Nhưng Tướng Trường còn được Tổng Tư Lệnh Nguyễn Văn Thiệu tin cậy và có giao công tác mới, vì cho đến lúc mất Đà Nẵng, tướng Trường vẫn còn uy tín trong quân đội và dân chúng.*

Hấn nhảy tung lên:

- *Công tác mới gì?*

- *Thưa tôi chỉ nghe vậy thôi. Du luận nói là sau khi mất Đà Nẵng, Tướng Trường có được phân công công tác mới. Còn mới như thế nào thì tôi không nghe.*

- *Vậy sau mấy lần gặp Ngô Quang Trường, Xuân Vũ không cho anh biết gì sao?*

- *Tụi nó chỉ nhắc chuyện xưa... hồi ở Bến Tre.*

Hắn hỏi vội:

- *Bây giờ tình hình như “nước sôi lửa bỏng” mà tại nó lại còn bình tĩnh nhắc chuyện quê hương... chắc là thằng Xuân Vũ giấu anh những việc nó bàn với Ngô Quang Trường?*

- *Thưa tôi chỉ biết đến đó, không còn gì hơn...*

o o o

Tên công an mật vụ này hỏi tôi về vụ “Xuân Vũ liên hệ với Tướng Trường” đúng một tuần lễ. Hắn trở đi trở lại hỏi ngoặc hỏi ngoéo để gài tôi vào tròng. Nhưng hắn đâu có kinh nghiệm về Cộng sản bằng tôi. Tôi đáng tuổi bố nó mà. Cho nên nó càng hỏi nhiều tôi càng có cơ hội “sáng tạo” nhiều tin tức lạ tháu cáy nó chơi.

Có điều tôi thấy rõ nhất là **chúng nó sợ văn chương chữ nghĩa không kém gì súng đạn.**

Phạm Thành Tài

Hoa kỳ tháng 4-1992

Khi tôi về đến R không ai còn nhận ra tôi, những người quen lâu cũng những kẻ mới biết trên đường Trường Sơn. Tôi không còn ra con ngọm gì nữa. Đúng ra là tôi đã phải chết cả chục lần ở dọc đường, nhưng không hiểu tại sao tôi còn sống mà về tới đây.

Hôm nay ngồi viết tiếp những dòng này giữa căn nhà ẩm áp, đèn điện, giấy bút đàng hoàng, bên ngoài trời mưa như trút, một cơn mưa lớn nhất của thành phố tôi đang sống - từ năm mười năm nay. Mưa ngập đến độ có người bị chết trôi, xe hơi nằm đường làng khang như củi khúc. Thế nhưng tôi không bị dính một hạt mưa nào. Xem TV tường thuật trận mưa ở vùng ven núi, thác đổ ào ào, tôi không khỏi giật mình nhớ lại những trận mưa tàn ác ở lưng Trường Sơn hai mươi bảy năm qua. Lúc đó tôi còn trẻ quá, từ khi cha sanh mẹ đẻ chưa hề biết nằm nhà thương

là gì, thế nhưng chỉ sau bốn tuần làm bạn với muối đòn xóc tôi đã ngã quy... Đó là lần tôi khát quá, phải nín mũi uống nước vũng voi đầm rồi ốm.

Rồi bò dậy, quyết chí về quê, sau một trăm ngày đêm sống không biết nhà cửa là gì, với một chiếc tăng ni lông, một cái võng, một hộp muối, một con dao găm cửa da không đứt. Khi về đến trạm cuối cùng - hình như là trạm Kà Tum hay trạm gì đó tôi không còn đi nổi nữa. Ông Trần Bạch Đằng là người xin và “bảo đảm” cho tôi về Nam đã cho hai giao liên của R ra công tôi. Nhưng Hoàng Việt còn tệ hơn, nên tôi nhường cho anh cái ân huệ được “công” về trước. Anh có triệu chúng ho lao: khạc ra máu mỗi buổi sáng và không ăn uống được nữa.

Xin nhắc lại về cái “lịch sử về nước” của tôi, để các bạn đọc không có dịp đọc các quyển trước (*Đường Đi Không Đến, Xương Trắng Trường Sơn, Mạng Người Lá Rung*) sẽ rõ cái sự về của tên Nam Kỳ ly hương này cũng đau đớn không thua gì Ngũ Tử Tư là mấy. Nếu không có ông Trần Bạch Đằng - xếp cũ của tôi thời đánh Tây - bảo đảm thì tôi như những người khác, mọc rễ luôn xứ Bắc.

Số là năm 1956-57 gì đó, tôi chán Hà Nội đến cùng cực nên tôi lên Ủy Ban Quốc Tế để xin về Nam một cách công khai. Vì theo Hiệp định Giơ Neo thì trong vòng bao nhiêu ngày đó người Bắc có quyền vô Nam và người Nam có quyền ra Bắc định cư (tôi không nhớ nhưng lúc tôi lên Ủy Ban Quốc Tế thì thời gian này còn hiệu lực). Vì ngày thơ nên bị tên

công an gác cổng báo cáo về cơ quan. Tôi bị kiểm thảo và bắt lên Đài Phát Thanh đọc một bài nhắn về Nam nói rằng “*Xuân Vũ không có xin về Nam và không có bị đày đi Nông Trường*”. Không hiểu sao báo Sài Gòn lúc đó lại đăng tin về vụ này chóng thế. Cái án “Ủy Ban Quốc Tế” treo trên cổ tôi sáu, bảy năm. Tôi phải phục xuống tích cực công tác để “chuộc tội”. Thế nhưng khi vô trường đi B rồi, tên cán bộ Tổ Chức gốc Liên Khu “nem” còn gọi tôi lên nhắc lại cái án treo đó.

Cộng Sản cướp được miền Nam xong, Trần Bạch Đằng không có chúc gì hết trong đảng cũng như trong chánh phủ. Thiên hạ đổ thừa rằng “tại thằng Xuân Vũ đi. Đó là trách nhiệm của ông!” Khi ra hải ngoại, Nguyễn Mộng Giác đến thăm tôi, cho biết như vậy.

Tôi cười, bảo: Nguyên nhân chính vì Trần Bạch Đằng là người Nam Bộ. Nếu ông là dân Rau Muống thì mười thằng Xuân Vũ hồi chánh ông cũng chẳng hề gì. Có ai bỏ tù Lê Duẩn, giáng chức Trường Chinh khi Hoàng Văn Hoan chui lỗ chó sang Tàu không? Vậy sao Xuân Vũ đi mà Trần Bạch Đằng bị tội? Thói đời Cộng Sản là thế! Hễ dân Nam Kỳ thì ăn cơm nguội ngủ hàng ba. Cái Câu Lạc Bộ Kháng Chiến mà ông là người lãnh đạo cất nghĩa rất nhiều.

Khi tôi về đến R thì tôi chẳng gặp ông. Ông chỉ gọi tiền Rịa cho và kèm một bức thư. Đó là bức thư độc nhất tôi nhận được của ông.

Đi đường chán ngán bao nhiêu, về R sợ hãi bấy

nhieu. Không có gì khác trong cuộc sống. Cũng tăng lều ni lông, cũng hộp gậy gõ nấu cơm cá thể và cũng... sốt rét.

Chỉ có khác một điều là mắc vòng giảng tăng không phải cuốn mỗi buổi sáng như trên đường Trường Sơn.

Các ông bà đi cùng đoàn với tôi đã được phân phối đi các “cơ quan” như văn công R hoặc đi xuống các khu I, khu II và bỏ trống vài cái sườn chòi và nền chòi. Ông Thủ trưởng của tôi là người rất tốt bụng. Là dân Thanh Hoá, vô Nam kháng chiến chống Pháp từ đầu, tên là Nguyễn Văn Phổ làm báo *Tổ Quốc*, cơ quan của Bộ Tư Lệnh khu 8 của Trần Văn Trà. Ông làm thơ, viết báo, chuyên viết mục gây căm thù thực dân và ký tên là “Sắt Máu” (Thật đấy! Tôi không có bịa chút nào đâu). Khi tập kết ra Hà Nội thì làm ở báo *Quân Đội Nhân Dân* ở phố Lý Nam Đế, đóng quân hàm đại úy. Năm 60, khi Mặt Trận Giải Phóng thành lập, ông về Nam lãnh chức Trưởng Tiểu Ban Văn Nghệ gồm có vài ngoe. Ông lấy tên là Bùi Kính Lăng tức Sáu Lăng. Về Sài Gòn ông làm Tổng Giám Đốc các nhà xuất bản - nghe nói đã qua đời.

Sáu Lăng cho tôi ở một cái chòi hoang đó.

Ngay buổi chiều ông đến cho tôi một mớ ruốc thịt nai. Còn những bạn bè “đồng hành” khác thì cũng tới chơi nhưng không cho gì, vì không có gì để cho.

Cái hạnh phúc lớn nhất của nhà leo núi Trường Sơn là được ăn thịt. Nhưng ở đây cái hạnh phúc to

hơn cả miếng thịt là sự “sáng mai không phải đi đâu nữa hết!” Giao liên không mè nheo, quát nạt, nhăn nhó, v.v... Ta thuộc về ta. Nhưng khổ nỗi ta lại sốt rét.

Mặc kệ! Vẫn cứ hạnh phúc như thường. Vì ở Trường Sơn sốt rét vẫn phải đi. Còn về đến nơi rồi, sốt rét không phải đi. Hạnh phúc là vấn đề tương đối.

Cho nên được voi rồi, tôi chẳng có đòi tiên bà, tiên cô gì! Xin được nằm. Muốn nằm đến chừng nào thì nằm cho khớp xương có thời giờ sản xuất chất nhờn.

Tôi đang rên hừ hừ thì một người đàn bà đến hỏi tôi:

- Anh đỡ chưa?

- Dạ chưa.

- Tôi đã nấu cho anh chén cháo hột gà rồi. Anh ráng ngồi dậy ăn cho khoẻ.

Trời đất! Không đòi tiên mà tiên lại đến mang cho cháo hột gà.

Đó là chị Hai Lý vợ của anh Lý Văn Sâm, nhà văn Sài Gòn ra khu với Mặt Trận Giải Phóng là Phó Chủ Tịch hay Tổng Thơ Ký Hội Văn Nghệ Giải Phóng của ông Tư Trang gì đó tôi không còn nhớ.

Chén cháo hột gà bốc hơi nghi ngút thiệt tình chó không phải mơ. Tôi ăn nhưng không biết mùi vị gì. Thực tình như thế. Vì quá thèm khát và vì cháo quá nóng. Húp không kịp biết mùi vị. Ăn xong như cọp ăn bù mồi. Như Bát Giới ăn sâm. Đáng lẽ phải ăn năm, bảy chén mới vừa.

Chị Hai có nuôi một con gà. Lâu lâu mới đẻ một

trứng rất tùy hứng. Thế mà tôi được hưởng thì có khác gì trứng gà vàng.

Một trong những người đến chơi với tôi có Thủy Thủ, tên thật là Thái Trần Trọng Nghĩa, có tục danh là “anh Tám”. Thủy Thủ người gầy, cổ cao, tóc ít, tiếng nói khàn khàn. Hồi ở Hà Nội tôi có nghe vụ anh và Phan Lạc Tuyên cả hai cùng là đại úy quân đội Sài Gòn đã rời bỏ hàng ngũ ra khu “hợp tác” (!) với Mặt Trận.

Tôi có gặp Phan Lạc Tuyên trong phái đoàn của Nguyễn Văn Tiến mà Hà Nội dựng lên thành “đại diện của Mặt Trận Giải Phóng” ở Hà Nội. Tiến tên thật là Lu Sanh Kinh, người Tàu lai ở Mỹ Tho làm bí thư cho Hoàng Xuân Nhị trong kháng chiến chống Pháp. Riêng Thủy Thủ có truyện ngắn là *Chiếc Guốc Xinh Xinh* đăng ở báo Văn Nghệ Hà Nội và được đăng tung hô dữ dội. Sự thực đó chỉ là một mẫu chuyện mà nhà văn nào nhắm mắt viết cũng được, nhưng người ta tung nó lên để tuyên truyền cái đại nghĩa bán vé của Mặt Trận (*Quả thật, sau này khi Thủy Thủ nhận ra cái bánh không ăn được bèn tự vận bằng AK, bỏ ông đồng chí ở lại một mình trong phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng ở Hà Nội như một con bú dũ kém hấp dẫn hơn khi ở vườn Bách Thảo. Tôi sẽ trở lại chuyện tự sát rừng rợn này sau*).

Mỗi khi tôi qua con sốt, Sáu Lăng và Thủy Thủ đến nấu trà uống với tôi. Một người nữa cũng đến là nhà văn Anh Đức. Anh ta không thích tôi mà tôi cũng không thích gì anh ta. Hồi ở Hà Nội, sống cùng

nhà nhưng không chơi chung vì anh ta là ngôi sao sáng nhất trong Hội Nhà Văn, còn tôi thì cứ như lục bình trôi, dỏ không dỏ hay không hay, ai đến đâu tôi đến đó. Tôi vô Hội trước anh ta nhưng viết không được, cứ viết tới viết lui ba cái chuyện kháng chiến không có lập trường và suôn đuồn đuột, còn anh ta thì lên như diều, tác phẩm lớp in sách lớp được lấy làm phim. Tố Hữu cho đó là cây bút số một, trên cả Nguyên Ngọc.

Khi về gặp nhau ở đây thì hầu như không còn những tình cảm cũ, thấy thương nhau hơn vì hai đứa bây giờ hiểu ra mình đều là nạn nhân và tội nhân của đảng cả. Khổ như con chó để sau này Nam Kỳ lại tiếp tục là thuộc địa của Bắc Kỳ như hai đứa cùng biết quá ể!

Nhìn thằng bạn, tôi hết biết nói sao. Tôi vụt nghĩ đến thân thể mình rồi sau này cũng thế mà ớn lòng. Trước kia nó trắng, cao, có một cái răng cửa sâu ăn, nói chung là đẹp trai. Đào hát bóng xướng phim Hà Nội có cô từng mê nó mà. Nhưng bây giờ than ôi! Nó đã trở thành một anh chàng nào khác. Mặt đầy nốt đen thâm như sẹo trái rạ, da bunn vàng hay xám ngoét tôi cũng không rõ nữa, một thứ nước da kỳ dị, thú thực tôi chưa từng thấy ở đâu. Tay thì nổi hột như da trái khổ qua, da chân như da cóc. Mối thâm sịt. Trời ơi! Đó là kết quả hai năm ở rừng của một chàng trai. Thoạt đầu nhìn thấy nó tôi hoảng hồn, nhưng rồi tự bảo: mình thì cũng có đẹp để gì! Loan, vợ chưa cưới của Anh Đức, nữ sinh Hà Nội, nhân viên giữ thư

viện của Hội Nhà Văn, cũng vô một chuyến với tôi. Ở đâu thì vợ chồng cũng có thể hưởng hạnh phúc, nhưng ở rừng thì vợ chồng là một điều bi thương. Thằng đàn ông đã bệnh hoạn kiệt sức lại càng kiệt sức bệnh thêm.

Lúc tôi còn ở Hà Nội, Anh Đức gọi thơ ra xin cho Loan vào. Bố Loan là tù chính trị cải tạo, mười năm mà không “tiến bộ” nên ở trên xét trường hợp của nàng một cách đặc biệt. Nếu không phải là người yêu của nhà văn Nam Kỳ đã về Nam thì không đời nào Loan được vô. Loan bị ở trên ngâm hồ sơ cả năm trời. Tổ Hữu phán quyết cuối cùng Loan mới được đi. Vào đây rồi, Loan sầu áo nào. Chỉ được phút đầu. Cơ quan tổ chức đám cưới cho hai đứa với hai gói trà và mấy thỏi kẹo. Vậy cũng đã là cả một vấn đề... tổ chức!

Sau đám cưới là sốt rét. Hai đứa thay phiên như hợp tác xã vắn công. Loan đi đường khỏe mạnh, vượt lên đi trước cả đoàn. Rủi thay, một lần vấp đá bị trẹo chân, cổ chân sưng vù. Đoàn phải hợp túc khắc, quyết định khiêng Loan đi theo như một ân huệ chưa từng có bất cứ ở quãng nào trên đường này. Hồi đó tôi còn khỏe nhưng không tham gia vào làm “phu kiệu cưới” vì tôi cho là dù có khiêng thì giỏi cũng chỉ được vài ba trạm. Nhưng đám thanh niên thuộc đội vũ Ba Lê cố tỏ ra mình là lực sĩ nên cứ khiêng.

Đâu được vài ba trạm thì tôi sốt, đi không nổi, nằm lại, chẳng ma nào diu dặt, mang dùm ba lô

nói chi tới khiêng. Trên đường này cũng có những tên nịnh đầm dũ dội, không biết có được xơ múi gì không. Bây giờ Loan đã vô đây và đã là vợ của nhà văn số một miền Bắc xã hội chủ nghĩa cũng là người có thâm niên ở rừng cao nhất Hội Văn Nghệ Giải Phóng, trừ Lý Văn Sâm.

Trong rừng lúc bấy giờ chỉ có hai cặp uyên ương là vợ chồng Anh Đức và vợ chồng Lý Văn Sâm.

Vô đây tôi mới vỡ nhẽ ra được nhiều thứ.

Ở Hà Nội khi nghe Đài Phát Thanh Giải Phóng tường thuật “Hội nghị văn nghệ R dưới quyền chủ tọa của Chủ tịch Trần Hữu Trang, nhà văn Lý Văn Sâm đọc báo cáo thành tích hoạt động của hội trong năm qua, nhà văn Anh Đức báo cáo những mắc mớ trong vấn đề sáng tác”, bọn tôi cứ nhảy nhồm cả lên, ngủ nghê không được. Phải chi có cánh bay về gấp gấp để dự hội nghị và bằng mình qua khỏi lửa để sáng tác, v.v...

Sau đó đâu vài tháng lại nghe đài tường thuật về buổi lễ long trọng phát phần thưởng cho các tác giả trúng giải thưởng Văn Học Nguyễn Đình Chiểu. Những tác phẩm được nêu tên là “Hòn Đất” giải nhất về tiểu thuyết, tập thơ của thi sĩ Giang Nam giải nhất về thơ, v.v... Đồng chí chủ tịch Mặt Trận trao tặng (chứ không phải chủ tịch Hội Văn Nghệ Giải Phóng đâu đấy nhé, chớ có lầm. Ảnh chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ được treo ngang ảnh Hồ Chủ Tịch ở tiền đình nhà hát lớn kia kìa. Vậy chẳng khác nào Hồ chủ tịch trao tặng). Nghe thế bọn tôi càng nôn,

nóng nảy muốn về mau. Đồ đạc ai xin cũng cho, giá mấy cũng bán. Phải về, nếu không, thì không kịp hưởng vinh quang.

Bây giờ về rồi: Công chúa mặt lợ!

Ông Tổng thư ký Hội Văn Nghệ Giải Phóng mặt mũi trộm lơ, ngồi đầu không đứng dậy nổi, cứ ngáp vắn ngáp dài. Ông Phó chủ tịch thì khá hơn nhưng lại mang bệnh ghê hờm. Mỗi sáng phải bỏ ra hai tiếng đồng hồ để gỡ mài ghê còn bao nhiêu thời giờ thì lại dành vào việc chăm sóc đám lác voi. Nói có trôi dạt chúng kiến, chỉ một mình Trưởng Tiểu ban Văn Nghệ là Sáu Lãng được sức khỏe kha khá không ghê hờm, không lác voi, sốt cũng ít. Nhờ vậy ông mới chạy chọt lãnh tiền xin gạo, thuốc ký ninh và bông băng thuốc đỏ về cho anh chị em dùng.

Té ra đài Giải Phóng gạt được cả bồ nhà. Tài! Tài thật. Tiên sư anh Giải Phóng! Trong số về trước tôi còn có vài nhân vật độc đáo khác nữa. Trong đó có nhà phê bình trẻ Từ Sơn con nhà văn Viện phó Viện Văn Học đầu sỏ sỏ một chống *Nhân Văn Giai Phẩm* 1956 Hoài Thanh. Cậu sinh viên này vừa soọc-ti đại học Văn Khoa của Phạm Huy Thông hay của Hoàng Xuân Nhị gì đó muốn vô chơi cho biết xú Nam Kỳ và dạy dỗ dân Nam Kỳ phê bình văn học theo đường lối đảng. Nhưng vô tới đây nằm mắc kẹt ở đây vì tỉnh quận giải phóng của ông Thọ đầu có rộng bằng cái bánh bèo của bé gái lên ba mà có sinh hoạt văn học. Không có văn học thì lấy gì để phê bình? Cái cây đặt trước con trâu nhà phê bình Từ Sơn tối ngày xung

phong bữa củi cho nhà bếp. Đừng tưởng đùa. Bữa củi tốt hơn ngủ trưa. Nếu nằm không thì cứ nằm ngáp dài một lúc là ngủ. Ngủ dậy nghe ớn ớn, rồi vài hôm là sốt. Cho nên bữa củi rất lao tu lưỡng lợi.

Nhân vật thứ hai là Ca Lê Hiến, cũng sinh viên Văn Khoa cùng khóa với Từ Sơn, nhưng lại làm thơ. Thơ Ca Lê Hiến được Tố Hữu khen. Do đó Hiến được tiến cử về Nam một cách suôn sẻ, khỏe hơn tôi nhiều! Hiến là con trai thứ bảy, thứ tám gì đó của cụ Ca Văn Thỉnh đốc học liên tỉnh Bến Tre, thị xã quê tôi. Cụ Thỉnh có cử nhân văn chương, có bút hiệu là Ngạc Xuyên, thời Pháp thuộc đã từng thông dịch cho toàn quyền Decoux tại sân vận động Bến Tre khi tôi còn là học trò Trung học. Cách mạng tháng tám nổ ra, cả gia đình vợ con cụ đi kháng chiến đủ mặt. Nếu tôi không nhầm thì cụ từng làm Bộ trưởng Bộ Giáo Dục hay một bộ nào đó trong chánh phủ liên hiệp hồi 1946. Bến Tre kể cũng có nhiều người hữu dụng cho kháng chiến lắm nhưng khi kháng chiến thành công họ đều ra rìa. Chính tôi thấy tận mắt, cụ Thỉnh được thưởng công kháng chiến bằng chức Giám đốc Thư Viện ủy Ban Khoa Học mà sách vở phần lớn là tiếng Nga cho nên mỗi ngày có chừng hai người tới đọc, trong đó có thằng con trai của cụ là Ca Lê Hiến biết tiếng Nga. Nhà nước cho cụ cái nhà mà trước kia Tây dùng nuôi chó béc giê! Hỡi ơi dân Thành Đồng Tổ Quốc! Phơi xương đổ máu để cho ai?

Ca Lê Hiến có người yêu đi học Trung Quốc là em

gái của Anh Đức. Cô nàng tên Lan Anh. Do đó, Hiến lấy bút hiệu là Lê Anh Xuân. Khi Hiến lội tới trong này thì Lan Anh từ Trung Quốc về Hà Nội. Thơ của Lê Anh Xuân làm nhiều hơn cả Giang Nam. Chàng đang làm trường ca “Tình Yêu Song Sắt Nở Hoa” để ca ngợi mối tình của Nguyễn Văn Trỗi và cô Quyên thì thư từ Hà Nội phóng vào, Lan Anh cho biết: “Em không thể chờ đợi anh. Vậy anh cứ đi đường anh và em đường em!” Nhà văn Anh Đức giận cô em gái nổi trời nhưng làm gì được khi trái tim Lan Anh không còn hòa nhịp cũ với trái tim Xuân? Nhất là hai bên ở cách xa ngàn cây số thì bàn tay phàm cũng khó nổi rút ngắn đường đất cho hai người gặp nhau để tâm tình và hôn hít được. Thói đời yêu nhau trên giấy, hôn nhau trong thơ vài lần thì còn “thơ” nhưng cứ năm này sang năm khác thì thơ hóa ra thơ thần rồi thơ thần trở thành ngo ngoe và nàng quất ngựa chuối đông luôn.

Anh Đức gởi thơ ra dọa: “Tao từ mày.”

Lan Anh gởi thơ đáp lễ: “Em có cuộc đời của em!”

Thế là nhà thơ Lê Anh Xuân “ôm song sắt nở hoa” một mình.

Sau đó ít lâu, Lê Anh Xuân đi Long An với một anh cán miền Bắc. Cả hai chết dưới hầm bí mật vì ngột thở. Cái chết của Lê Anh Xuân được báo về Hội Văn Nghệ Giải Phóng như một tin sét đánh! Nó làm cho những kẻ định đi Đồng Bằng lấy đề tài như tôi teo ruột.

Tưởng đến hóa ra chưa đến.

Từ rừng Cao Mên mà lội về tới Bến Tre là cả một cuộc đi vô cùng nguy hiểm không bằng thì hơn cuộc leo núi Trường Sơn chớ không phải dễ. Những người đã đi rồi về lại được R kể như đầu thai kiếp khác. Trong những người này có Anh Đức, kẻ đã về tận Rạch Giá để lấy tài liệu viết tiểu thuyết Hòn Đất. Theo anh ta kể lại thì phải qua vô số “cửa tử”. Đồng Chó Ngáp, Sông Cửu Long, Lộ Đồng Dương và đồn bót, chụp dù, máy bay, tàu lặn, cà nông của Mỹ gấp ngàn lần hồi kháng chiến chống Pháp.

Tôi nằm vồng cả ngày nhìn lên nóc tầng, cứ tưởng tượng đó là nóc nhà của mình cho đỡ khổ. Ở trên bảo riêng tôi: Về Bến Tre cố gắng viết một cái tiểu thuyết về Đồng Khởi! Vẫn ghi khắc lời dặn dò và mong ước ấy của cấp trên, nhưng làm sao về? Về tới nơi thì mới mong viết được chứ bỏ xác dọc đường thì viết làm sao?

Cái mộng viết tiểu thuyết Đồng Khởi trong tôi rất to. Nó vừa là tác phẩm vừa là mối hận tôi phải rửa cho xong, mối hận gần mười năm sống trên đất Bắc in ba quyển sách chẳng ra hồn.

Từ một hội viên trẻ nhất vô Hội sớm nhất, sau một thời gian đã được xếp vào hạng “sắp bị đưa xuống hội viên dự bị!” Điều này còn bí mật nhưng một thằng bạn Nam Kỳ vô Hội sau tôi bấy giờ đã vào ban chấp hành, rỉ tai cho tôi biết.

- Mấy ông chẳng có xét vấn đề chính trị gì gì của mày đâu (tức là vụ lên ủy Ban Quốc Tế xin về Nam) mà xét qua các truyện của mày.

Tôi bảo:

- Xuống dự bị thì xuống chứ tao còn biết làm sao bây giờ. Tao viết không được vì tao viết không được! Tao chịu thôi!

Bây giờ lấy cái tiểu thuyết Đồng Khởi mà phục hận cho chính mình vậy.

Những ngày nằm sốt rét lây lất ở Hội Văn Nghệ Giải Phóng, tôi gặp lại Hoàng Việt đi móc vợ ở sông Sài Gòn trở về. Sau một thời gian tắm bổ, anh khỏe lên nhưng tóc thì bạc hết và mặt như sung, da mặt láng như vỏ vú sữa. Anh khoe:

- Tao đạt mục tiêu rồi?
- Mục tiêu gì?
- Mục tiêu tao nói hồi ngoài Trường Sơn đó!
- À anh đã *móc* chị Bảy vô rồi hả?
- Tao về tới là *móc* vô ngay.
- Còn yếu vậy mà cũng cả *móc*!
- Hi hi... mày cũng nên tính việc *móc* đi. Cơ quan đòi thọ tiền *móc*.
- Nhưng tôi có quen với ai đâu mà nhờ.
- Cơ quan lo luôn cho mày. Có *móc* chuyên nghiệp. Họ đi một phát *móc* luôn năm, bảy gia đình.
- Anh gặp chị Bảy thật không?

- Cái thằng! Không chị Bảy mày thì ai?
- Có lời mấy cái hình em bé tóc vàng Bungari ra không?
- Tao đốt hết trước chứ mày!
- Bả có hạch hỏi gì không?
- Hạch gì mà hạch. Tao dẫn cái xác về tới được cho bả thấy là quói rồi. Nhiều thằng từ Sài Gòn đi một lượt với tao đâu có về nữa.

Hoàng Việt móc trà bao chì, lấy sữa Con Chim ra pha cho tôi uống. Anh bảo:

- Cửa bả đem ra đấy. - Rồi vung tay lên - Cái đồng hồ Movado này nữa. Rồi cả bộ đồ này nữa. Tao lột xác Trường Sơn vút cả rồi.

- Còn cái vồng đâu?

- Tao cũng có vồng ni lông mới. Hoàng Việt vừa móc thuốc lá thơm ra hút vừa đáp - cái gì cũng mới cả chỉ có vọ cũ. Nhưng vieille marmite, bonne soupe! (*nồi cũ canh ngon!*)

- Sao chỉ biết mà mua vồng mua dù cho anh?

- Mấy bà *móc* nói cả chứ! Chắc chắn là thằng Lê Tương Phùng ra đòi vào năm tới!

- Lê Tương Phùng nào?

- Cái thằng! Hoàng Việt trợn mắt - Mày mau quên quá mày...

Tôi sực nhớ ra đó là thằng con mà anh dự định sẽ có sau khi gặp chị.

Anh đem nào sữa nào cà phê ra liên hoan với tôi và kể chuyện bóp trời.

Sữa Con Chim thơm bát ngát cả một vùng rừng âm u man rợ...

Chợt nhớ tới hộp sữa của thằng Thuận cho trên đường Trường Sơn, tôi hỏi:

- Anh biết con Thu về tới đây chưa?

- Nó vô đây lâu rồi. Nhờ nó đi chung với đoàn của ông Mặt Sắt. Bộ mày muốn sưu tầm vốn cũ dân tộc hả? Để tao chỉ cho. Nhưng mà phải chờ.

- Chờ gì?

- Chờ cho mày lấy lại sức chó chờ gì. Mày bây giờ ruồi đậu lỗ mũi không đập nổi mà! Gặp làm gì?

- Chậc! Thì hỏi cho biết vậy thôi! Nó đến nơi, tôi mừng chó tôi có muốn gặp làm gì đâu?

- Thiệt không muốn gặp không? Mày mà bỏ đi được là mày tìm nó ngay chó không muốn. Nó ở ngoài đoàn của chị Ba Thanh Loan kia kìa. Tao vừa gặp bà. Tức cười quá. Hồi ở Sài Gòn trông bà suốt xẩy, vô đây lù xì quá đổi.

- Thanh Loan nào?

- Mày nhớ Thanh Hương không?

Thằng cha ác thật. Cái gì chả cũng biết. Toàn chặn họng mình. Thanh Hương là em Thanh Loan. Thanh Loan là đào thương của Đoàn Cải Lương Văn Nghệ Nam Bộ từ hồi kháng chiến. Tập kết ra Bắc là đào số một đoàn cải lương Nam Bộ của Nguyễn Ngọc Bạch em ông bác sĩ Hưởng, Phó chủ tịch Quốc Hội bù đìn. Thanh Hương trẻ đẹp (giống in như Kiều Lệ Mai bây giờ). Tình duyên trắc trở sao đó nên đang ở Sài Gòn hái ra bạc, bỗng bỏ đi bung biển năm 1950. Ra Hà Nội đóng vai Nguyệt Nga và Điều Thuyền độc chiếm sân khấu Cải Lương Nam Bộ ở

Hà Nội năm, sáu năm liền. Thanh Hương có quen với tôi, tới lui nhiều lần và làm mai cho tôi một cô đào Nam Bộ cũng ở trong gánh hát này. Nhưng tôi không khúng, mà tôi lại muốn người khác tuy rằng tuổi cao hơn tôi. Nói thẳng ra là bà mai tốt số.

Tại sao Hoàng Việt cũng biết mà khơi lại vết thương cũ?

- Mà có muốn ra đầu quân làm lính của nữ tướng Thanh Loan không?

- Sao kêu bà là nữ tướng?

- Bà đóng các vai Phàn Lê Huê Lưu Kim Đính ở Sài Gòn nổi tiếng chó sao.

- Rồi tôi vác cả bắp đi hầu bà nữ tướng à?

- Mà soạn tuồng cải lương cho bà.

- Tôi đâu biết món đó. Mà đã có Nguyễn Ngọc Cung về rồi! Ở trên đã cân đo sắp xếp cả.

- Thằng Cung đi về Bạc Liêu luôn để móc gia đình chưa thấy lên.

Tôi lại nhắc vụ Lê Tương Phùng:

- Anh có chắc năm tới chị Bảy ăm Thiều Nhi Cứu Quốc vô thăm anh không?

- Chắc. Bài bản tao thuộc lâu mà. Tuy mấy em tóc vàng bóc lột kha khá nhưng cây đờn kìm vẫn lên dây ngon như thường.

- Anh chị trăng mật được mấy ngày?

- Đếch họ chó mấy ngày!

Hoàng Việt mắc vòng nằm song song với tôi và đốt thuốc hút. Anh hút không hở miệng. Một gói Ruby Queen đốt một ngày không đủ. Tôi cũng hút

tối ngủ mới thôi. Ngủ mà hút được chắc anh cũng hút. Anh thò đầu qua ri tai tôi, nói bằng tiếng Pháp:

- Révolution égale barbarisme. Cách mạng có nghĩa là dã man! Mẹ, thằng anh đã mười bảy tuổi, thằng em mới oe oe chào đời. Tao đi vòng quanh trái đất mất bằng ấy thời giờ. Tưởng đi đâu ai dè cũng quay về chỗ cũ!

Hoàng Việt rít khói rồi tiếp:

- Trắng mặt gì mà trắng mặt. Dập mặt thì có.

- Sao vậy? Ở đâu?

- Bị ruồng chạy ra khỏi đất chó sao. Bờ sông Sài Gòn đẹp lắm mà ạ. Có thể ngồi ở đó mà tưởng tượng sông Cửu Long cũng được nhưng bom pháo toi bởi chạy tuốt quân tuốt áo, ở đó mà trắng với mặt. Gặp nhau chỉ hai mươi bốn tiếng mà thấp thỏm như ngồi bàn chông. Trục thẳng nó bay như chuồn chuồn! Cuộc chiến tranh này không có thơ mộng kiểu *Lá Xanh, Nhạc Rừng*¹ đâu đấy nhé. Để mây về đồng bằng rồi sẽ nếm mùi tân khổ.

Tôi hỏi:

- Tình hình căng như vậy anh làm sao biết chắc Lê Tuong Phùng sẽ ra đời?

- Bởi vì... chip! Tất cả đều từ ước mơ. Attends-moi! Je reviendrais! Đợi anh, anh sẽ về. Về rồi! ước mơ đã thành sự thực. Nhưng rồi lại có ước mơ mới.

Hoàng Việt ném cái tàn thuốc đưa tay lên miệng hú to và nói:

- Để tao kêu Ba Mực về nhậu.

- Ba Mực nào.

- Thành Xuân Hồng!

À, ra Xuân Hồng, tác giả nhiều bài nhạc giải phóng rất nổi tiếng ở Hà Nội, nổi tiếng hơn cả trong Nam, có cái tên là Ba Mực. Tôi chưa hỏi thêm thì Hoàng Việt đã nói tiếp:

- Nó là huyện ủy viên một huyện nào đó của Thủ Dầu Một tao quên rồi, không hiểu tại sao nó không lên tỉnh ủy mà lại nảy nách ngang làm nhạc sĩ mới kỳ chứ!

Nhạc sĩ Xuân Hồng là một con người khỏe mạnh, cù lự như nông dân cơ bản. Ở rừng tối kỳ là xoay trần và mặc quần tiêu (phơi sơ hở ra cho đòn xóc tiêm kí ninh!) nhưng Ba Mực lại mặc quần tiêu và ở trần, khoe bắp thịt còn rất cộm và rắn chắc.

- *“Chiến sĩ ta dầm mưa dãi nắng. Rét run người nắng râm màu da!”* - Hoàng Việt vừa nói vừa cười - Làm một miếng trà Thiết Quan Âm cái đã rồi tính tiệc mặn!

- Chú không phải *“chiến sĩ ta ngồi đâu ỉa đó, ỉa trong quần không biết mùi hôi”* à? - Xuân Hồng tự chế diễu.

Tôi cười xã giao:

- Có bài nào mới không, hát nghe chơi ta!

Hoàng Việt xỏ ngang:

- Ý đang sáng tác trường ca dài hai trăm tám chục nhịp.

- Vậy hả, tên gì? Gởi ra Hà Nội chưa? Ở ngoài đang chờ tác phẩm trong này gởi ra như chờ nước uống.

Hoàng Việt cười:

- Chưa. Còn chờ sả ớt!
- Bán gì mà có sả ớt trong đó.
- Trường ca “Săn Mển”!

Tôi bật cười. Hoàng Việt tiếp:

- Mục tiêu của nó là một tuần phải hạ được hai khi, một mển, một cà khu còn chim chóc thì không kể. Mà mới về chưa biết danh nó đâu. Để nay mai tao bảo nó sẽ bắn một con mển liên hoan mừng mày về tới nơi.

Hoàng Việt quay sang Ba Mực:

- Vợ con có ra được không bỏ .
- Ra gì nổi mà ra anh Bảy!

Ba Mực đưa tay cào cái đầu tóc xù lên như cái bụi nhùi thợ rèn và nói tiếp:

- Khó lắm anh Bảy ơi! Hôm anh đi rước chị Bảy tôi muốn cản anh ghê lắm vì tôi sợ anh không thành công nhưng vì thấy anh nôn nóng quá xá, nên tôi không dám .

- Nóng chó nguội sao được! Hai mươi năm trời vợ con bất biết, bây giờ về tới đây sống chết cũng phải gặp.

Hoàng Việt nấu nước châm trà. Quần áo có làn xếp thẳng băng như giặt ủi. Trà rót ra ly tách văn minh đàng hoàng chứ không uống bằng chén sắt Hungari hoặc nắp gà mèn quốc doanh Hà Nội đâu. Hớp một ngụm trà, rít một hơi thuốc thơm rồi lắc lư cái đầu bụi nhùi, Ba Mực hỏi phong long:

- Biết ông Bảo không?
- Bảo nào?

- Nguyễn Văn Bảo, dân chiến khu Đ hồi kháng chiến trước và là đồng chí Nam Kỳ 40 với Tô Ký.

Tôi vọt miệng:

- Phải Bảo sư đoàn 330 không? Tôi biết. Người cao lớn, mặt mũi hiền hậu, ông là Chánh ủy Sư đoàn của Đồng Cống Bến Tre tôi mà. Ông có cho tôi đi ké xe jeep lên Nông trường Lam Sơn hỏi văn nghệ sĩ đi lao động thực tế sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm 1958.

- Chết rồi? Ba Mực nói gọn khô.

- Trời đất! Tôi kêu lên.

- Ông về đến bờ sông Sài Gòn thì biệt kích bắn chết. Ở trên đưa ông về làm chính ủy I/4.

- Vậy à? Vậy là lên chức dữ dội. Từ chánh ủy F lên chánh ủy Quân khu.

Hoàng Việt ngồi lặng lẽ uống trà và phà khói mịt mù như núi lửa phun, để mặc cho tôi và Ba Mực tân cổ giao duyên chơi, hồi lâu mới trút xác trà ra và nói.

- Lên chức con mẹ gì!

- Từ chánh ủy F lên chánh ủy một khu mà không lên chức à? Tôi cãi lại.

Hoàng Việt chậm rãi châm trà mới rồi nói:

- Mà ở ngoài Bắc cả chục năm mà vẫn còn ngây thơ. Chỗ nào bỏ mạng sa tròng dễ dàng thì thằng Nam Kỳ đi đầu hết cả. Ngã rạp như cỏ lác bị phát rồi ké đó...

- ... mới tới mình! Ba Mực vuốt.

Hoàng Việt lắc đầu:

- Không! Mình đâu có được đi tiếp theo. Mà là tụi Bắc Kỳ. Tụi nó dẫm lên xác mình và đi tới nắng chiếu

nhất chiều nhì ngồi chật hết. Xong đầu đó mới tới tụi mình châu rìa đứng bốn góc chiếu chờ chúng nó ném cái xương nào lên đầu thì mới nhào ra giật lấy mà gặm.

Ba Mực cười:

- Anh đi mấy năm trời bên “Bun-da-ri” mà cũng còn bất mãn dữ vậy sao anh Bảy?

- Thì tao nói để rồi tụi mày coi có đúng không? Bắc Kỳ vô đặc rừng này hết rồi đó. Chùng nữa đây rồi từ Bộ trưởng cho đến tổ phó tam tam chế cũng đều Bắc Kỳ xức hết ráo, chứ đám đua hấu chả có được cái con mẹ gì. Tao bảo đảm tụi mày như thế. Giỏi lắm thì chỉ “phó” thôi. Phó nháy, phó may, phó nhòm, phó cối, phó vịn, phó đề, phó đội!...

Ba Mực cười:

- Ông Tư Siêng vô đây là để làm Bộ trưởng Bộ Văn Hóa đó cha nội!

- Ủ, thì ở trong rừng, nó phong chức đủ hết! Nhưng khi về thành phố, bày đặt ra tiêu chuẩn xe hơi nhà lầu phiếu đi mạo dịch quốc tế kia, chùng đó dân Nam Kỳ mới bị đá văng một cách rất đau đớn mà đếch có dám la. Bây giờ ở trong rừng với ba con cà khu này, thằng nào cũng ăn cơm nấu bằng chảo đựng, hơn nhau vài viên thuốc sốt rét, Bắc Kỳ nó đâu có thèm tranh giành cho mang tiếng mậy!

Ba Mực ngăn người ra. Tôi cũng có một bụng bất mãn giống y như Hoàng Việt nhưng để Hoàng Việt sô lô cho Ba Mực nghe êm ái hơn. Vì tôi là thằng ăn nói lỗ măng hay chửi thề bọn Bắc Kỳ nên ngồi im rung đùi cho khỏe bộ giò Trường Sơn nhào.

Hoàng Việt chưa chịu xì tốp. Anh uống trà liền liền đốt thuốc liền miên và tiếp:

- Hồi kháng chiến chống Pháp tao thấy các ông Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần mà thương. Hai ông ấy có ở chiến khu D với tao một thời gian. Tao phục các ông lắm. Đại trí thức như vậy mà không thèm bơ sữa xe hơi nhà lầu, bỏ tất cả để đi kháng chiến giành độc lập cho dân tộc. Còn Luật sư Thái Văn Lung người Công giáo, hy sinh trong kháng chiến, Lê Trần nhạc sĩ nữa, kể sao cho hết. Nhưng qui luật của tụi Bắc Kỳ là như thế này: khi mò cua bắt ốc thì cục muối cắn làm hai nhưng khi mâm cỗ dọn lên rồi thì Bắc Kỳ quất trợn.

- Bộ anh thấy vụ đó sao anh Bảy? Tôi cười khẩy chọc tụi anh bạn Nam Kỳ sồn sồn chơi.

Hoàng Việt nguyền tôi một phát kinh hồn rồi bảo.

- Mà biết rõ hơn tao chứ! Phạm Văn Bạch thì ở hang chuột còn Phạm Ngọc Thuần thì bị đẩy đi làm đại sứ bên Đức Quốc.

Tôi nói:

- Nói làm mẹ gì mệt cái mồm, để uống trà Thiết Quan Âm cho nó ngọt.

Ba Mực nói:

- Tôi còn một mớ khô nai đây đem ra “chống sốt” chơi.

Ba Mực và Hoàng Việt ở chung một chòi một cách tương đắc. Khi Hoàng Việt vừa về là Ba Mực rước tới chòi luôn. Vì Hoàng Việt không còn khả năng dựng nổi một cái sườn chòi và cũng không có đủ ni lông

để mà lợp. Cả tôi lẫn ông nhạc sĩ Giao hưởng số một của chế độ được xếp vào hạng sơ cấp (*Xin phép dùng lại đít mẹ thằng Hồ và Trung ương đảng mỗi đứa vài phút*) trong khi anh vợ thằng Lê Đức Thọ và mẹ già trâu vợ Nguyễn Chí Thanh thì lại đi vô Nam bằng máy bay Hàng không dân dụng và trực thăng Liên Xô. Chí công vô tư của đảng đấy!

Hoàng Việt đến trạm cuối cùng là Cà Tum Cà Teo gì đó thì không còn lết được nữa. Trần Bạch Đằng nghe tin bèn cho hai nhân viên ra công khiêng vác lòi anh nhạc sĩ về tới nơi thì ngáp ngáp.

Bây giờ đã lấy lại sức khỏe đi rước vợ, đi lung tung là nhờ ba cái thịt rừng của Ba Mực và ba cái xa xỉ phẩm Sài Gòn được tiếp tế qua tay bà vợ. Ba Mực ở chung với Hoàng Việt được cái lợi là học hỏi thêm ở đàn anh tiên tiến còn Hoàng Việt thì được Ba Mực săn sóc như một người yêu.

Ba Mực lấy khô đem dụi vào bếp. Thứ khô này rất nhát lửa. Chỉ nháy mắt là đem ra dẫu là mềm mại ăn được ngay. Ngon lắm. Lại có cả rượu Tây. Quên là hiệu gì nhưng không phải “đế quốc Miên”. Thế là từ trà bắt qua rượu, từ việc nhà bắt qua việc nước, việc kia việc nọ lung tung.

Từ hôm về tới nay, tôi chỉ toàn ăn chực, uống chực chứ không có tiền mua sắm một thứ gì. Sáng dậy thì đầu này hú, đầu kia hú đến uống trà, trưa lành cơm xong một bạn nào đó bí mật xì cho một ít ruốc thịt rừng hoặc một dùm lạc rang muối. Vậy là đã quý vô cùng rồi. Còn chỗ ở thì tấp vào cái chòi chung với nhà phê bình nòi là Từ Sơn con của ông Hoài Thanh.

Anh này nghịch lắm. Đi ăn cơm về là nhào lên võng nằm là rớt cái ạch thôi. Đó là do anh ta sửa dây võng. Ở với anh ta nhưng tôi chỉ về để ngủ và những lúc bị ma rét hành, còn thì suốt ngày tôi đi la cà hết lều này sang lều khác để hỏi thăm tình hình trong Nam và tìm gặp người quen từ kháng chiến chống Pháp.

“Tiệc” sắp dọn ra thì có tiếng cười khúc khích rồi tiếng chân khua lá khô. Tôi ngoảnh nhìn ra thì thấy một bầy tiên cô tay ôm quần áo từ từ đi tới.

Như một ảo ảnh xa vời, đám con gái vụt hiện ra trước mặt tôi, ngay bên thềm chòi.

- Đi tắm hả các em? Ba Mực nhấp miếng khô rồi hỏi - Đừng có quậy ngọp đục hết nước, để các anh uống trà nhé!

Tôi vụt kêu lên:

- Thu!

Cô gái đi sau cùng còn lếch thếch ở phía bụi cây vừa nhô ra đi tới chòi cũng khựng lại như tiếng gọi của tôi.

- Thu với chả Đông! Hoàng Việt càu nhàu một cách vui vẻ - Mày đi đâu cũng gặp nợ!

Thu vừa tới thì lũ con gái đi trước đã quá chòi khuất dạng về phía suối.

Thu đứng lại bên thềm ngăn ngõ. Tôi hỏi tiếp:

- Em vào đây đã lâu chưa?

- Cả tháng rồi!

- Ngồi trên vồng kia em gái, đứng mỗi chân! Ba Mực trở cái vồng mời khách một cách ga lăng.

- Em phải đi, kéo tụi nó trêu. Nó lại báo cáo với đoàn

- Trêu cái giống gì? Báo cáo cái gì?

- Đoàn có kỷ luật nghiêm lắm. Đi đâu phải đi tập thể!

- Ừ thì đi đi! - Hoàng Việt lúc nào cũng tỏ vẻ “ghét” các vụ nam nữ lằng nhằng.

- Bữa nào em xin phép đoàn vào thăm anh! - Thu nói xong quay lưng đi.

Tôi nhìn theo, sững sờ.

Kể từ chia tay ở cái trạm gặp ông Mặt Sắt tới bây giờ là một trăm năm hay một tháng, tôi cũng không còn nhớ được. Tôi đã chết năm bảy lần và cũng đã sống lại năm bảy lần, tôi cũng không hiểu. Tôi càng không ngờ là tôi còn gặp được Thu.

Thu bây giờ trông có vẻ trắng trẻo trơn tru không lù xì bùn beo như hồi đó.

- Cái gì mà ngẩn ngơ thế kia? Này, uống một chút cay hâm bầu nhiệt huyết! Hoàng Việt bảo.

- Đoàn gì mà có kỷ luật nghiêm dữ vậy anh Bảy?

- Đoàn Văn Công chứ còn đoàn gì?

- Trời đất? Tôi kêu lên - Văn Công gì?

- Thì Văn Công chứ còn Văn Công gì? Cái thằng!

- Ở đây diễn cho ai coi?

- Cà khu, khi mặt xanh, khi mặt đỏ, nai, mễn, rần rít và tụi mình! Ba Mực tiếp.

Tôi mới sực nhớ ra rằng trong đoàn tôi đi có đến cả chục cô em đẹp nhất lấy từ trường Múa và các đoàn Văn Công Trung ương trong đó có Phương của tôi và Thu.

Phương đã bị phục kích chết ở Eo Máu trên đường về quê khu Năm. Còn Thu thì còn sống sót vô đến đây để gặp người yêu, nhưng dọc đường chúng tôi đã đi quá xa trên con đường tình cảm. Tôi muốn biết thêm về việc gặp lại người yêu của Thu ở trong này. Nhưng không tiện hỏi thẳng Thu mà cũng hơi khó hặc Ba Mực. Nhưng Ba Mực biết tỏng bụng tôi nói:

- Vụ đó xù rồi! Thằng kia ở trong này lại lẳng nhăng với một con nhỏ cái lương.

Hoàng Việt cười, nhìn tôi một cách trêu chọc:

- Mày nên báo cáo với tổ chức đi là vừa. Để nó trống chân lâu ngày có thằng nhảy vô đấy.

Ba Mực cười:

- Ra thế à?

- Thì nó thế đấy. Còn hơn thế nữa. Hà Nội đỡ rắc rối là nhờ nó và một thằng nữa đi vô đấy.

Ba Mực hỏi:

- Thằng nữa là thằng nào?

- Thằng Sáng ủy viên Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn. Đó là hai con quỷ chùa phá nhà chay ở ngoài đó, cho nên để cho dân Hà Nội an cư lạc nghiệp, người ta tổng hai thằng vô rừng này.

Ba Mực hớp miếng rượu khà một cái to và tiếp:

- Muốn làm gì thì dắt đi đâu chứ ở đây không được đâu cha nội ơi!

- Dắt đi đâu là đi đâu?

- Không có đi đâu được hết, nghĩa là không có làm gì được hết.

- Sao quái gở vậy? Hoàng Việt hỏi.

- Các anh mới về nên chưa có thông tình hình ở trong này đâu! Đoàn Văn Công không cho ai yêu ai, không có nói tới cái vụ yêu đương trong lúc này. Để toàn tâm toàn ý phục vụ cách mạng.

- Vậy sao cái thằng của con Thu lại lăng nhăng với con nhỏ nào?

- Hai đứa vừa bị kiểm thảo một trận trời long đất lở.

- Thế à? Hoàng Việt cười khè - Bà trưởng đoàn đã

“lên mốc” nên không cho đám trẻ con chơi trò hú tim chó gi!

- Chị Ba ở Sài Gòn mới ra nhưng chỉ giác ngộ mau lắm. Chỉ còn nghiêm hơn các ông ngoài ta.

- Chị Ba nào? Tôi hỏi.

- Chị Ba Thanh Loan chứ chị Ba nào. Anh không biết sao? - Ba Mực nói.

- Không!

Hoàng Việt trả lời thay.

- Thanh Loan là chị Thanh Hương Nguyệt Nga Điều Thuyền của ông Tám Danh rõ chưa nào?

- Ủa!

- Ủa cái gì! Bà là ủy viên trung ương Mặt Trận ta đó chú em.

- Hiện phụ trách đoàn Văn Công Giải Phóng của mình.

- Vậy thì “chú em” có muốn “đút đờ-măng” vô con Thu phải báo cáo với nữ chúa nghe! Vô đây là cơ quan rồi không có dấu phép như trên đường Trường Sơn được nữa. Coi chừng sập hầm chông đấy!

Tôi thở dài một cách vui vẻ:

- Vấn đề là tui có muốn oánh phép hay không thôi chứ không phải vấn đề xin phép ai đâu!

Hoàng Việt cười ré lên:

- Mày là con quỉ. Đi đâu thì phá làng phá xóm tới đó.

- Tôi tu lâu rồi anh Bảy!

- Ủa mày sắp thành ở ngoài trường đi B rồi đấy nhì.

- Trường đi B nào? - Ba Mực hỏi.

- Túc là cái trường tên mang gạch mang đá của tụi này đây. Trước khi vô đây phải trải qua một khóa luyện nội công ba tháng. Ở đó vách tường khít rim mà nó còn đấu phép rần rần kia kìa, vô đây rừng cây không có hàng rào nó coi như đồ bỏ.

Tôi hỏi sang vấn đề khác:

- Chị Ba có anh Ba không?

- Không có ai cả!

- Vậy ai làm người tình của nữ chúa? - Hoàng Việt cười ngặt nghẽo hỏi.

Ba Mực ngó quanh rồi nói:

- Có ông Tám Năng nhà mình mới xứng, nhưng ông đạo đức lắm, ông không dám đánh du kích đâu.

- Ba Mực nói.

- Tám Năng nào?

- Huỳnh Minh Siêng đấy! Trại của Kim Hữu, nhớ không?

- Á, à... ông vô đây đổi Tư Siêng ra Tám Năng hả?

- Ủ thì đại khái là ở rừng thì cũng lấy tên cho nó có vẻ rừng rú một chút. Nay mai rồi mày cũng phải vứt bỏ cái tên Trường Sơn của mày đi để tra một cái tên rừng vào. Xuân Vũ thì đổi ra Tư Cọp, Năm Cheo hay Tám Bò Hóc vậy đó. Không thấy Xuân Hồng lại hóa ra Ba Mực sao?

- Ba Mực là tên cũ của tôi bây giờ đem ra xài rất hợp nì! Còn anh thì lấy tên gì?

- Tớ thì có sẵn rồi. Tụi nó bảo Hoàng Việt cũng như Hoàng Cò... Thôi thì để cho Mỹ Ngụ nó không tìm ra tác giả *Tiếng Còi Trong Suong Đêm*¹, sẵn rượu

thịt đây, tôi tự đặt cho tôi là Bảy Cò luôn nhé. Còn thằng Xuân Vũ thì tao đặt cho là Hai Cọc, được không?

Tôi cười ngất:

- “Cọc hay “cọc”? Cọc thì có nghĩa là cổng cọc bắt cá dưới địa còn cọc là cây cọc, cọc gỗ, em gái ngồi phải cọc. Anh muốn cho tôi là cổng cọc hay cọc cho em gái ngồi?

Ba Mực đáp:

- “Cọc” hay hơn.

- Tại sao?

- Vì “cọc” không có “ô” cho nó khỏe và khoai nữa. Còn “cọc” thì có “ô” mệt lắm. Ở đây mà bị một phát “ô” thì sâu đời vô cùng.

- Ô che nắng che mưa, gì mà rầu.

- Không! Cái “ô” kia cơ!

- Ô trong này ăn cục ăn khổ thể mà cũng phạm cái “ô” đó nữa sao?

- Cả hai cái, “ô” này dầm lên chưa rút chân ra khỏi lại dầm lên “ô” nọ. Có thằng dầm một, có thằng dầm cả hai. “Buồn tình quê” lắm ông văn sĩ xã nghĩa oi! ông về đây thì nên mau mau xin xuống đồng bằng mà công tác đi thôi. Ở trên này chẳng có để tài đâu.

- Đi đâu bây giờ?

- Ông ở Bến Tre thì về viết Đồng Khởi. Ông Bảy Cò thì đi sông Cửu Long viết Giao hưởng số hai như ông đã từng tâm sự với tôi.

- Còn ông ở đây à?

- Ở đây thì sớm muộn gì cũng kênh cản cổ lên đội

“dua hấu” thôi, nhưng nếu đi hết thì ai thường trực? Tôi với thằng họa sĩ Đức kia kìa được phân công ở lại thường trực.

- Đức nào?

- Đức cháu họa sĩ Huỳnh Văn Gấm đại biểu quốc hội hồi 46 đó!

- Ủa... Thế à!

- Ông ra ngoài có gặp ổng không?

- Có chứ đi họp gặp hoài, ổng có minh họa truyện của tôi đăng trên báo nữa.

- Nhưng mà nói chuyện với ông họa sĩ này thì nên chú ý nghe!

- Tại sao?

- Nó toàn dùng ngôn ngữ đặc biệt không hề.

- Thí dụ như gì?

- Thí dụ như đi săn khỉ, cà khu thì nó gọi là đi săn Tổ Tiên. Đi bệnh xá thì nó gọi là đi Diêm Vương, uống kí ninh nó gọi là “thỉnh thị”, trà hiệu con khỉ nó gọi là con khỉ học máu... hoặc con khỉ có tháng.

- Anh ta có định nghĩa “Rò” là gì không? Tôi cứ nghe nói rò, rò, mà không hiểu rò gì!

Ba Mực nói:

- Tôi không hiểu cũng không rõ nó có từ đâu. Ai đặt cho nó từ thời nào? Tụi tôi nói riết quen miệng, thành thói quen luôn. Cũng như chữ “I”. I ngắn ổng hiểu không. Chẳng hiểu tại sao người ta không gọi là Khu Tư, Khu Ba, Khu Tám, Khu Chín như thời chống Pháp, mà lại gọi là “I”. I Tư là khu Tư tức Sài Gòn Chợ Lớn. I Ba là khu 9. I Hai là khu 8 cũ. Rò có

lẽ là một tiếng lóng lấy từ câu “Rờ Rầu, Rầu Rụng, Rờ Rún, Rún Rung Rinh” chẳng?

- Không phải!- Hoàng Việt cãi lại-. Rờ là “Ròm Rỉn Rầu Rỉ Rét Rên Rũ Riệt Rã Rời.”

- Vậy mình xài cái tiếng mà chính mình không hiểu à?

- Có nhiều tiếng quái gở hơn thế nữa cơ.

- Như tiếng gì?

- Ví dụ như tiếng “Học.” Minh dùng tiếng này một cách phổ thông là: Tôi đi học, học trường nào. Phải không? Thế nhưng nếu ông xuống đồng bằng thì ông nghe các ông tỉnh ủy nói: “Tôi đi học cho các đồng chí cơ quan!” ...

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là “tôi đi dạy cho các đồng chí cơ quan một bài gì, một chỉ thị nào của ở trên!”

- Tiếng gì lạ vậy ai mà hiểu cho nổi.

Ba Mực cười khè khè hiền hậu:

- Ở trong này nó toàn ngược ngạo như thế. Anh ở đây hoặc xuống đồng bằng rồi sẽ thấy. Không có giống bất cứ sinh hoạt nào hồi kháng chiến hết.

- Thí dụ coi.

- Thí dụ như tất cả sinh hoạt đều về đêm. Chợ họp đêm, mít tinh đêm, đi đêm, ngủ ban ngày và ở hầm bí mật. Ở rừng này cũng vậy thôi. Chúng ta chỉ sống về đêm, chỉ hưởng được sự yên ổn về đêm. Nhưng bây giờ đêm cũng không còn yên ổn nữa.

- Tại sao?

- Trên rừng thì bị B52. Đồng bằng thì bị trực

thăng. Thăng Mỹ này ác gấp ngàn lần thăng Pháp. Khi nó đã đánh thì nó đánh triệt để. Đại khái như nó bỏ bom nhé. Bom bỏ xong, đến pháo bắn. Pháo bắn dứt trực thăng đến tia. Ba cuộc tấn công liên tiếp không cho mình góc đầu dậy.

Ba đứa đã nhậu hết rượu và khô. Keng com khua leng keng vừa đủ nghe. Ba Mực đứng dậy:

- Để tôi đi lãnh khẩu phần!

Đoàn tiên nữ tám tuổi lại vừa cười rúc rích vừa dẫm lên lá nát trở về.

Ba Mực nói:

- Chùng vài bữa nữa bọn đục rựa các anh sẽ cầm hết.

- Sao vậy? Một nàng gắt yêu.

- Tụi anh ở dưới nguồn chú sao. Hà hà hà...

Hoàng Việt đỡ giùm các cô:

- Bậy nào, uống nước tiên tắm, giọng hát mới thanh tao chó.

- Mấy anh ngày nào không ghé tụi em là mấy anh bị sốt hả?

- Đâu tui có ghé... ọ ọ. Các em chê tui xấu xí mà!

Hoàng Việt tiếp:

- Đứa nào sô lô Xuân Chiến “Xĩ” đâu, vô đây tác giả thưởng miếng khô dê, ủa khô na... ai!

- Ảnh láu ăn lắm. Hôm nọ ảnh săn được con nai, ảnh vác ngang đoàn tụi em, ảnh không đi đường mòn mà cắt đường mới, sợ tụi em xin một đùi.

- Ai mà sợ! Xin một đùi cho liền, sợ bắt nguyên con chó.

Thu đứng xa xa nhìn tôi qua vai các bạn. Bây giờ tôi thấy khó gặp nàng. Có lẽ nàng cũng muốn nói gì với tôi nhưng không tiện đứng lại. Cho nên khi các cô kéo nhau đi thì Thu cũng chỉ gio tay vẫy nhẹ tôi rồi quay lưng đi.

Ba Mực nói với theo:

- Mai anh bắn cho con tổ tiên nhé.
- Con tổ tiên là con gì?
- Là con tổ tiên ở trên ngọn cây kia chứ con gì.

Hoàng Việt kêu giật lại:

- Ấy Thu! Trở lại anh Bầy gọi bài hát của anh về cho chị Ba phân công cho em nào duợt trước đi. Mai anh sẽ ra duyet.

Có lý do chính đáng, Thu quay lại. Ba Mực xách gà mèn lảnh com, vừa đi vừa hát:

“Chiến sĩ ta ngồi đầu ngủ đó...đó...!”

Hoàng Việt hỏi Thu.

- Thế nào? Thằng kia chơi đùa rồi hả?

Thu cúi xuống lí nhí trong miệng:

- Chuyện của người ta, em không để ý.
- Giờn hoài! Không để ý mà leo hết dây Trường Sơn vào đây!

- Em đi công tác chứ!

Hoàng Việt cười khẩy:

- Ô, không để ý thì đừng có nhờ anh Bầy giúp đỡ nghe! Muốn nói gì, nói một câu đi! Kỷ luật đoàn gặt gao lắm. Nay mai anh Bầy đi đồng bằng, ở trên này không có ai hiểu em đâu.

Thu đứng trơ trơ không nói gì. Hoàng Việt quay sang tôi:

- Nam Bắc chùng nào thống nhất một nhà hả mày?

Tôi rót miếng trà đưa cho Thu:

- Em uống tí trà chặn cử sốt chút đi. Em cứ tự nhiên. Chúng ta vẫn là bạn.

Hoàng Việt gắt:

- Bạn gì? Bạn đường, bạn đời hay bạn trăm năm. Năm bảy thú, thú nào? Không được nói bạn này mà ra bạn nọ. Tao thấy mày nên quyết định đi. Tình hình địch gang lắm. Mày không còn thì giờ để nhón nhơ như ở Hà Nội nữa đâu. Thành Anh Đức nó khôn đấy. Vô đây là quèo con nhỏ vô đám cưới liền. Nhảy pa-dô-đóp luôn đi, ở đó mà rà rê tango!

Tôi uống trà cầm chùng chờ xem Thu tỏ thái độ ra sao. Nhưng dù thái độ của Thu sao đi nữa, tôi cũng không thể đi tới bước nào. Vì hiện đang có một người con gái Nam Bộ từ Hà Nội vào đây. Chắc Thu du biết điều đó. Cũng như Thu biết tôi đã hứa với Phương...

Thu đã hớp hết chén trà và trao cái bát cho Hoàng Việt. Hoàng Việt gắt:

- Trà ngọt không?

- Em không biết nữa! Thu lắc đầu và hơi nhếch môi.

- Đắng à?

- Không.

- Không ngọt cũng không đắng hả em? Không có trà ngọt hay trà đắng! Nó đắng hay ngọt là do cái lưỡi của mình.

Thấy Ba Mực xách com về, Hoàng Việt chạy ra đỡ tiếp, đứng rừ rì rồi rẽ vào một lối mòn đi sang chòi khác.

Lạnh lùng, Thu đứng dậy cáo từ. Tôi hỏi:

- Em có hay Phương đã hy sinh chưa?

- Hồi nào? Thu kêu lên - Anh bày đặt hả?

- Thiệt mà.

- Các anh là ghê gớm lắm.

- Anh không đùa đâu. Chốc nữa hỏi Hoàng Việt thì biết!

Thu sững sờ. Tôi cũng lặng thinh. Và không hiểu mình nói ra chuyện đó để làm gì trong lúc này. Để cho Thu yên trí rằng tôi không còn vương bận ai nữa chăng? Tôi đã đi tới với Thu một cách bất ngờ.

Thu gạn hỏi thêm. Tôi cho thêm chi tiết về vụ phục kích ở Eo Máu mà kẻ sống sót là Thiệp chồng của Xuân Anh.

Thu hỏi:

- Chị Xuân Anh bị bắt à?

- Thì như thế đó. Truyền đơn bay xuống từ phi cơ và tiếng loa nghe rõ ràng.

- Rồi anh Thiệp ở đâu?

- Thiệp định đi vào luôn với anh, nhưng sau khi nghe tiếng nói của vợ thì nằm nín lại đó...

- ... Để làm gì?

- Ai biết! Đau chân thì há miệng vậy thôi chứ còn biết làm gì!

Tôi chẳng ngờ rằng tôi sống lại cái không khí lều trại ở Tây Nguyên mấy tháng trước. Cái làng đó không biết còn hay bị máy bay quét sạch thiêu rụi rồi. Tôi về đến R là một việc không thể hiểu. Tôi cố nói câu gì để xua đi mùi tử khí trong chuyện tôi vừa gọi lại, nhưng Thu đã nói ngay một cách chán đời cực độ.

- Chết thì vô lý mà sống thì vô ích.

- Sao Thu lại nói thế. Chết thì hy sinh cho cách mạng, còn sống thì phục vụ cho cách mạng chứ!

- Anh nghĩ thế thật không? - Thu bĩu môi.

Cái lập trường của tôi như ngọn cỏ bị phạt chân nhưng còn guơng:

- Không nghĩ thế thì còn nghĩ thế nào nữa?

- Em cảm thấy em là một ký sinh trùng chết dở mà sống cũng dở. Tệ hơn nữa, một ký sinh trùng bị ký sinh trùng phản bội!

- Thu định làm gì bây giờ?

- Em đâu có định làm gì. Mà có muốn làm gì cũng không được.

Chúng tôi lặng thinh một chập lâu. Tôi nghe câu nói của Thu như một mũi tên bắn vào tim tôi. Tôi là kẻ phản bội Thu? Tôi đâu có non thể biển hẹn với Thu! Chúng tôi chỉ là bạn đồng hành. Chúng tôi chỉ tựa vào nhau để cho đôi tim không phải chịu quá nhiều đau đớn khi lăn lóc trên mặt núi đá Trường Sơn. Tôi biết Thu vào đây để gặp người yêu và Thu cũng biết tôi yêu Phương, bạn đồng nghiệp của Thu.

Tình yêu đến bằng bước chân nhưng không ai biết được. Đôi khi mình tự nhủ lòng rằng không nên nhưng rồi vẫn cứ...

Tôi không trách. Thu. Khi người ta đau khổ thì người ta có quyền đổ lỗi cho bất cứ ai, nhưng khi người ta yên vui hạnh phúc thì người ta không để ý đến những ai đau khổ vì mình.

Thu ngồi lại một chốc rồi đứng dậy, chua chát:

- Bây giờ em mới hiểu một điều ghê gớm.

- Điều gì?

- Cách mạng là một lý do chính đáng để những kẻ phản bội vin vào làm phản.

- Nghĩa là thế nào?

- Em cũng không hiểu nghĩa là thế nào cả.

Đám bạn của Thu đã đi xa, nhưng còn một cô ở rốn lại có ý do thám. Cô ta bảo:

- Mình chờ Thu này giờ.

- À, thế hả? Thu có vẻ mất tự nhiên, tự bào chữa -

Mình chờ anh Hoàng Việt đi lấy bản nhạc đem về cho chị Thanh Loan.

- Bản gì?

- Anh ấy mới sáng tác.

- Bản Tình Rừng Rú. Nhịp Valse, hay lắm! Cô nào sô lô bản đó sẽ nổi tiếng ngay tức khắc! - Tôi hơi cáu, nói một hơi dài. Nhưng nhìn ra thì đó là một cô bạn quen từ Hà Nội: Kim Ly.

- Kim Ly? Tôi cười - Nè, có nhắn gì thì tôi nhắn giùm cho chứ làm bộ chờ chi cho mất công.

Kim Ly cười:

- Sao anh biết em nhắn ai?

- Tôi còn biết thấu chuyện gì nữa cơ.

- Thôi mày có nhờ gì thì nhờ quách đi. Để có người tới rồi mất dịp tốt. - Thu cười bảo Kim Ly, yên tâm rằng có kẻ chung xuồng.

- Còn mày. Mày đã nhờ chưa?

- Tao không cần gì cả!

Thấy hai cô đùa nhau có vẻ gay gắt, tôi xen vào:

- Thằng bạn tôi nó sắp sửa đi đồng bằng đấy, Ly viết thư đi, tôi chuyển giùm cho. Bảo đảm bí mật trăm phần trăm.

Kim Ly có hôn phu ngay bên cạnh, cả hai đi vào Nam trước chúng tôi. Hai bên cứ sống song song với nhau. Thiếp đầu chàng đó suốt từ Hà Nội vào đây nhưng không chịu dứt điểm cho rồi. Vỡ nhẽ ra là nàng không yêu chàng mà không nỡ dứt đường tơ.

Chàng thì như kẻ nô tỳ lúc nào cũng sẵn sàng quì gối dâng trái tim cho nàng. Chính vì thế mà nàng

lại không nhận. Một thứ tình yêu van xin. Chàng là “nhà quay phim” tài liệu còn nàng là diễn viên điện ảnh đẹp nhất nhì Hà Nội. Nàng đòi hỏi phim truyện, phim tình Othello, phim yêu say đắm, phim trên trời dưới biển nhưng chàng thì chỉ có khả năng đi ống kính vào các nhà máy, hợp tác xã hoặc vào mặt mũi những anh hùng chân vệt, làm phân xanh. Hai tâm hồn, hai ước mơ. Con đường Trường Sơn đã có một lúc là ngã rẽ nhưng rồi không hiểu sao họ vẫn còn song song tồn tại.

Thằng bạn tôi là một nhà văn trẻ nhất và có tài nhất, sáng chói nhất của Hà Nội lại là uỷ viên Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn. Ở Hà Nội, một hôm bất ngờ tôi bắt gặp nàng đến phòng thằng bạn tôi. Chúng tôi ở chung nhà, phòng chỉ cách vách, một tấm vách để lọt những âm thanh chứ không lọt ánh sáng. Vô đến đây tường dút ai dè chưa.

Tôi bảo Kim Ly:

- Nó đang sốt, có gì cho nó tắm bỏ không?
- Có, anh đem giùm cho ảnh nhé.
- Đem thì đem.
- Anh không sợ bị kiểm thảo à?
- Tôi chưa biết sợ cái gì cả ngoài sốt rét.
- Người ta vừa bị kiểm thảo đấy.
- Ai?
- Anh hỏi sẽ biết.
- Ai kiểm thảo tôi, tôi kiểm ngược lại cho bỏ mẹ.

Thu xen vào:

- Anh lại nói cái giọng ngang như cua nữa rồi!

Kim Ly liếc Thu:

- Thế mà có kẻ yêu gần chết đấy mày ạ!

- Ai yêu anh?

- Có chứ. Mày muốn biết không tao chỉ cho - Kim Ly tiếp - Gái Bắc yêu mấy anh Nam là vì cái kiểu ngênh ngang của các anh. Nếu tao là Bắc tao cũng thế.

Tôi bảo:

- Nam Kỳ chỉ được cái du côn ai yêu họ thì đó là người khùng.

Hoàng Việt và Ba Mực về tới. Kim Ly cười như nắc nẻ:

- Trông hai anh nhạc sĩ em tức cười “oá” hê!

- Trông thấy chỗ nào của hai anh mà cười? Hoàng Việt hỏi gặng.

- Thì chỗ đó đó! Chớ còn chỗ nào nữa? - Ba Mực nói hót.

Kim Ly úp mặt vào vai Thu cười sục sục:

- Một ông thì giống chủ nhiệm Hợp tác xã còn một ông giống công nhân đẩy xe ba gác bến Phà Đen.

- Bậy nào - Tôi gạt ngang - Một ông giống ma Hời một ông giống ma Miên.

Hoàng Việt cười:

- Kệ tui, ma gì ma miễn tui có khô nai và rượu Tây nhậu thôi. Nè, cô Ly chừng nào dám cưới? Ăn giầu cau lâu rồi. Hồi tôi mới đi nước ngoài, tới bây giờ tôi về nước, về Rừng rồi cũng chưa cưới nhau còn đợi chừng nào? Đợi anh về, anh có đi đâu mà đợi!

Kim Ly đáp giống như tài tử xi-nê:

- Em đâu có đợi. Cái em đợi đã không đến. Cái đến lại là cái em không đợi!

- Ba Mực! Chú mày nên nhường chỗ trong Hội Văn Nghệ Giải Phóng cho cô ấy đi!

- Tôi đâu có nằm hoặc đứng ngồi gì trong Hội đâu mà bảo tôi nhường. Tôi đảm nhiệm việc sẵn khi mà.

Hoàng Việt nói:

- Thôi, ai có sứ “miệng” cao cả gì thì trao đổi đi, kéo đóng trong chòi tôi lâu quá rồi người ta đồn tiểu tùm lum oan cho tôi lắm.

Kim Ly nguyệt ngang:

- Anh muốn đuổi tụi em thì nói đi chứ ai đồn tiểu gì anh. Anh gần có cháu nội rồi ai không biết. Còn chú Ba thì là chủ tịch hội sồn sồn của R, tụi em kêu bằng chú mà!

Hoàng Việt trở tôi:

- Thằng này có kêu bằng chú không? “Chú” với “chó,” hai chữ đó chỉ khác nhau cái chữ “u.”

Kim Ly nói:

- Có người trong đoàn vừa đi qua bên Bộ Chỉ huy về mang một cái tin có liên quan tới ảnh nên em trở lại cho ảnh hay. Vậy mà ảnh nghi em do thám con Thu!

- Tin gì? Tôi hỏi - mà có liên quan đến tôi?

- Người bạn của anh đang sửa soạn đi vô.

- Bạn nào! Tôi có cả trăm, biết thằng nào?

- Đây không phải là thằng đâu! - Kim Ly cười khúc khích.

- Không phải ông cũng không phải thằng.

Hoàng Việt biết là tin gì nên nháy Kim Ly một cách kín đáo. Có lẽ Kim Ly không biết quan hệ giữa tôi với Thu trên đường Trường Sơn, hoặc biết mà vì lý do gì đó cứ nói phứa ra.

- Anh có quen với ai tên Nguyệt không?

Tôi suýt nhảy nhồm như bị kim chích, nhưng bấm bụng ngồi bình tĩnh. Tôi giả bộ reo lên:

- Tưởng ai chớ cô... ô ấy thì tôi que... en!

Kim Ly hỏi tới:

- Quen thế nào?

Hoàng Việt biết sự đời đã vỡ tung ra rồi, nhưng còn cố đỡ giùm tôi:

- Cái cô đó hả? Tôi biết rồi. Ở Văn Công cũ của tôi hồi trước, nhưng ra Bắc lại bị rau muống quẩn mất.

Kim Ly nói tới:

- Làm gì có vụ gái Nam Kỳ bị rau muống quẩn! Có mấy ông Nam Kỳ bị bánh đa quèo thì có! Anh tưởng em không biết chị Nguyệt hả. Để em kể lại vụ rau muống quẩn chỉ cho anh nghe. Rau muống thấy dưa hấu ngon thì ham nhưng có quẩn được không chứ?

Hoàng Việt sợ vỡ to hơn nên tạt ngang:

- Thôi cái gì đã qua thì qua luôn. Bây giờ mình ở rừng hãy nói chuyện rừng, phải không ông bạn Xuân Chiến Sĩ?

Tôi để ý thấy Thu đổi sắc mặt. Thu đứng lặng ngắt sau cây cọc lều tự nẩy giờ. Thu nói hơi cộc:

- Đi về đi Ly! Tổ đang nhận vai vũ trong tác phẩm của ông Thái Minh.

Kim Ly đã ra đi còn quay trở lại nói với tôi:

- Hôm nào có tin thêm em vô cho anh hay nghe!

Đợi cho nhị vị tiên cô đi khuất, Hoàng Việt lắc đầu:

- Bể nữa rồi!

- Chậc, con quý cái! - Tôi chép miệng.

- Tao tính bùm mà không kịp. Con nhỏ kia đoán ra rồi chứ gì. Thế nào nó cũng cách con Ly, không có giống gì lại bí mật được.

Ba Mực cười khà khà:

- Nói vậy ông anh cũng đã hát bài *Tình Ca* của anh Bảy dọc Trường Sơn?

- Nó lúc nào cũng hát. Hát song ca, hát chùm một lúc “ba bè” cơ đấy ông ơi! - Hoàng Việt kể chuyện Phương và tôi trong trường đi B, chuyện Nguyệt gặp lại tôi cho Ba Mực nghe.

Ba Mực lại cười hồn nhiên với Hoàng Việt:

- Tại anh chó sao!

- Tôi có xúi nó đâu. Tôi còn ngăn nó nữa là đằng khác! Đi đường ráng giữ gìn ba cái sức khỏe để lúc bị Fulro phục kích thì còn đủ xí quách mà chạy. Nhưng nó có nghe tôi đâu. Hết vụ này tới vụ khác. Hoàng Việt chép miệng. - Mà nghĩ cũng kỳ, không biết tại sao đám con gái tới với nó hoài hoài. “Chất nhòn” ở Trường Sơn hiểm thế mà nó lại có thừa.

Ba Mực trở ra bụi cây lấy ba cái gà mèn com đem vô lều rồi nói:

- Hần học tập anh chó sao anh Bảy. Anh đã viết trong *Tình Ca*:... “Vuốt bằng bằng qua đêm tối tìm hương hoa mà!”. Anh nói sao làm vậy phải không?

- Tôi tu lâu rồi!

- Vàng, anh Bảy tu lâu rồi ông Ba Mực ạ! Bây giờ mà có ai qua Bungari sẽ tìm thấy dấu vết của anh tu với mấy cô vãi tóc vàng trong rừng thông ở mấy cái am Píc níc!

Ba Mực banh com ra. Tòì liếc thấy mà ngao ngán. Ba Mực biết ý nói:

- Để tôi nấu miến canh lua mới vô.

- Canh gì?

- Canh bột ngọt.

- Ủ nấu đi? Hoàng Việt giục! Ở đây tuy thua Hà Nội nhưng còn sướng gấp trăm lần Trường Sơn. Đ.M. ở đường dây đang nấu com, giao liên nó bảo đi cũng phải cuốn bếp đi!

Tòì leo lên vông nằm chờ Ba Mực nấu canh.

- Con Kim Ly nó bảo ông Bảy nhà mình giống chủ nhiệm Hợp tác xã là đúng đó anh Ba bảy trẻ! Con nhỏ có mắt tinh đời phải biết!

- Mày định moi lý lịch của tao ra hả mày thằng qui.

Tòì tiếp:

- Ảnh từng làm chủ nhiệm Hợp tác xã rồi đó, anh Ba mày biết không?

Ba Mực đang thổi lửa khói bốc mịt mù, quay ra gắt:

- Hợp tác xã sáng tác nhạc à?

- Không! Hợp tác xã nấu cao khi! Tòì cười to khoái chí: - Ảnh đã từng nấu cao khi suýt thành công ở đường Trường Sơn kia đấy! - Tòì kể luôn vụ bắn khi với thằng Phẩm, người trồng cây mận Quảng Bá ở hốc núi Trường Sơn cho Ba Mực nghe rồi kết luận - Bây giờ xin đổi lại “Cao Tổ Tiên” cho hợp lý với cuộc sống trong này.

Ba Mực kêu lên:

- Có vụ đó nữa sao?
- Thì ông chủ nhiệm còn đó, tôi có bịa tạc đâu!
- Rồi có kết quả không anh Bảy? Ba Mực hỏi.
- Tao nấu ba bốn trăm liền, xương vẫn còn nguyên nên quăng đi cho nhẹ.

Ba Mực nói:

- Hồng chừng vụ đó trở thành sáng kiến ở đây nghe. Từ trước tới giờ ăn thịt tổ tiên xong, hài cốt quăng hết ráo. Uống quá? Để tôi đi bắt một con về nấu cao tắm bổ chơi.

Nước sôi, Ba Mực lấy bột ngọt và ruốc nai bỏ vào quậy quậy rồi nhấc xuống đất:

- Canh bột ngọt là vậy đó!
- Không có chút rau gì sao?
- Rừng bạt ngàn rậm rịt, nhưng không có cái lá gì ăn được.

- Ở dọc khu 6 có lá “bép” và đọt cây “dót” ăn đỡ khổ lắm. Ở đây không có hai thứ đó à?

- Không có gì cả ngoài lá “bờ lờ”.
- Bờ lờ hả?
- Không “bờ lờ.”

Hoàng Việt cười như nắc nẻ:

- Quanh đi quẩn lại thì cũng cái... lờ.
- Không. Bờ lờ là Bàng Lăng, tức là cây thao lao ấy mà! Lá nó đẹp nhưng đó là đề tài vẽ tranh chứ ăn không được.

- Ở Tiểu ban mình có ai vẽ chưa?

- Có ba ông họa sĩ nhưng một ông là chuyên gia

bữa củi, một ông suốt tháng cứ sốt, còn một ông thì chê rừng không có ánh sáng nên đòi móc đất sét nặn tượng cả khu. Nghệ thuật ở đây vẽ bằng nước cơm sôi và màu vẽ là gạo, nhạc là tiếng kêu của muỗi đòn xóc và thơ văn là những bài kiểm thảo dài cả chục trang giấy.

Hoàng Việt cười hắc hắc:

- Mấy trang thì mấy nhưng anh đây thấy cái gò má lằng lằng của mấy em, anh muốn dầm bữa lên một cái ô cho biết mùi cay đắng chút chơi!

- Anh có để ý thấy trong các tiên cô có một nàng cổ cao ba lóng, ngực tròn vung vung không? Hề hề... đó là cô Miên lai, Văn Công ta mới tuyển vào đoàn.

- Thấy rồi. Nhưng cô nào lại ngực không vung không tròn?

- Tròn nhất, vung nhất cơ! Đó là đề tài của một bài thơ dài vừa mới xuất bản.

- Thôi Mực ơi! Chuyện của Văn Công cậu đem vào đây rồi thằng nhà văn nổi hứng nó ra ngoài đó “nghiên cứu” nhân vật thì mình lại ngồi đau xương sống đấy.

Tôi hỏi:

- Đó là một bản song ca phải không? Giọng Soprano thì là nàng Miên lai còn giọng Ténor là ai?

Ba Mực nghiêng qua nói vào tai tôi. Tôi kêu lên và ngồi sững sờ hồi lâu.

- Tôi thật không ngờ.

- Ai ngờ nổi! Ai mà ngờ một chuyện như vậy lại xảy ra. Nếu nó trống chân thì cơ quan cũng xử nhem

thôi, nhưng ngặt một nỗi là con nhỏ đã có chồng. Chồng nó đang đi công tác bên vùng biên giới. Nghe chuyện tùm lum nó về ngay.

- Đường dây lược nào đánh tin đi mau vậy?

- Nó có con em gái làm thơ trong tiểu ban mình nè. Con nhỏ cho anh nó hay ngay. Đ.bà! Cơ quan võ lờ còn hơn ăn B52. Nó là Việt kiều mà! Thành ra phạm chánh sách to!

- Thôi Mục ơi! Nói chuyện khác đi. Cứ nói ba cái chuyện Bờ... lờ đó hoài nghe mẹ... ệt quá!

- Đó là đề tài chính mà. Chỗ nào có Bờ lờ mình mới sống được.

- Kệ nó, kể nghe chơi để rút kinh nghiệm... êm!!

Ba Mục lua hết mớ cơm, rót canh vào nắp gà men húp lia lịa, hà một cái, thờ phào:

- Hồi này bỏ ớt hơi quá tay nên cay quá! Hít hít hà! - Ba Mục tiếp - Thành chồng nó về có vẻ bình thản lắm. Nó không tỏ vẻ gì cả. Nó lại còn tuyên bố: Chuyện đó chẳng ăn thua gì. Ở trong rừng khủng hoảng sinh lý nên ai cũng thế thôi. Tôi về là vì xong công tác.

- Thành ngon hả! Tôi gật gù bảo.

- Khoan khoan đã! Nó cao tay ấn thật đấy. Thấy thái độ cao thượng của nó, ông Ténor nhà mình bèn mời nó đến để xin lỗi. Xếp cơ quan mà đi xin lỗi thành nhân viên, kể cũng hiếm có.

- Thành chả cũng ngon chó! Dám làm sai, dám nhận lỗi!

- Khổ thay nó không để ông Ténor nhận nhיע gì. Nó quét cho ông một nhát.

- Nhát gì?
- Cũng may là nó không chơi theo du côn Cầu Muối! Nó chỉ dùng cây... Bờ lò ủa gỗ Bờ lò...
- Mày cứ xài cái chữ đó hoài!
- Rồi sao? - Tôi hỏi.
- Thì vậy đó chứ còn sao nữa! Do đó mà ở ngoài Bắc mới đưa ông chủ trại của Kim Hữu vào thay chứ gì?
- Ông cũng biết danh tù trại của Kim Hữu nữa à.
- Biết chứ. Ông Tám Năng nhà mình chó ai!
- Tôi gác tay lên trán thở dài. Hoàng Việt nói:
- Trường hợp của mày khác mà! Thăng kia đã có con nhỏ Cải lương cải liếc gì đó cho nên con Thu trống chân. Mà mày với nó đã quan hệ “mật chì” với nhau rồi.
- “Mật chì” là mật gì? - Ba Mực gặng ngay.
- “Thiếc” với “chì” cũng thế thôi. “Mật thiếc” cũng như “mật chì”!- Hoàng Việt tiếp: - Mày nên báo cáo với tổ chức đi thôi, để Văn Công nó xây dựng cho mày. Mày tới lui rù rì dưới bóng mát Bờ Lò không có ai tránh tròn gì mà cơ quan cũng đỡ phải thả do thám theo rình mò.
- Anh biết vụ tôi với con Nguyệt mà anh Bảy. Nguyệt đã hứa với tôi sẽ vô. Bây giờ nghe tin. Nguyệt vô thiệt tôi không thể làm gì khác hơn là chờ.
- Bao lâu?
- Không biết.
- Nó đã cho mày đi cầu tuột một phát học máu ra đàng đít rồi, bây giờ lại thủy chung.

- Chuyện đó là do cơ quan, đâu phải cô ta muốn.

- Mày luôn luôn tin miệng con gái, suốt đời sẽ không ngóc lên nổi vì con gái. Ba mươi ba tuổi rồi. Người ta có con hồi mười tám, mười chín tuổi là thường. Mày còn ở đó ôm ống đồng của Thoát Hoan mà thác oan!

Tôi lại thở dài. Quả Hoàng Việt nói đúng. Tôi cứ chạy theo chữ thủy chung rồi cuộc chẳng sò được cái vôi của nó. Khi tôi giữ trọn thì người ta bẻ gãy nó ra, còn khi người ta giữ yên nó thì tôi lại đành ngoảnh mặt đi, còn khi cả hai đều chung thủy với nhau thì một đứa lại chết. Như trường hợp Phương hy sinh ở Eo Máu vừa rồi. Ba mươi ba tuổi chưa phải già nhưng không còn trẻ. Có vợ có con là đã muộn lắm rồi. Nhưng tôi cứ bị tình cảm gàn cản. Cái đã dứt lại nổi như trong tiểu thuyết...

Năm nói chuyện trời trăng với ông nhạc sĩ Ba Mực một chập, tôi ngồi dậy vác gậy ra về. Ông Tư Mô là người bạn “chung lều” với tôi. Từ hôm ông Hai Tân, phó ban tuyên huấn cho tôi hay rằng tôi được ở trên chấp thuận cho đi đồng bằng, tôi đến ở chung lều để bàn việc hành quân với anh. Anh là nhà thơ từ đầu kháng chiến, có nhiều bài đăng báo mà tôi chép trong tập “luộm lặt” của tôi. Đời Tư Mô là cả một chuỗi éo le chua xót. Anh cỡ tuổi với cậu với chú tôi, học cùng trường với chú tôi và đi kháng chiến với cậu tôi.

Khi tỉnh Bến Tre bị lực lượng UMDC (Unités Mobile de Défense Chrétienne) của Một On tức là Thiếu tá Le Roy người Tây lai ở An Hóa, chiếm đóng, anh Tư và gia đình chạy xuống miền Tây, tỉnh Rạch Giá ở đậu với một người nông dân trong Rạch Cái Nhào. Anh và chị Tư mới có đứa con trai đầu lòng

tên là thằng Lê. Cậu bé còn ẵm nhưng bị bệnh xụi hết một tay, hình như tay mặt (bây giờ nó đã ba mươi bảy tuổi và đã có con). Hai vợ chồng đi mua dừa khô và đường mía (bà con thương tình bán rẻ) về làm mứt dừa đi bán cho các quán cóc trong vùng giải phóng. Khu giải phóng thời kháng Pháp rộng ba tỉnh Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng chèo xuồng đi mệt không hết chứ không phải như thời đánh Mỹ không có lấy một cái chợ làng. Nhờ cái “lò” kẹo dừa này mà chị Tư đã nuôi được chồng con. Tang thương thay, một người có bằng cấp Tú tài (thời đó đâu có nhiều! Đốt đuốc kiếm cũng không ra) mà phải đi mua từng trái dừa khô và từng kí đường mía!

Hồi đó tôi mới bắt đầu viết báo, làm phóng viên đi theo bộ đội trong các chiến dịch hoặc những trận đánh lẻ tẻ của chủ lực hoặc của bộ đội địa phương và du kích, nhưng hăng lắm. Chính anh đã dịch bài thơ Attends-moi (Đợi anh Về của Simonov và chép một bản đưa cho tôi. Sau này khi ra Hà Nội tôi so bản dịch của anh và bản dịch của Tố Hữu thì thấy chẳng kém tí nào, nhưng không hiểu sao anh không được Tố Hữu gọi ra Bắc như anh Phạm Anh Tài (Sơn Nam).

Hòa bình sau Giơ neo đã là một cái nạn cho anh. Anh về Sài Gòn bị ông Diệm bắt. Rồi tù. Tập kết là một chánh sách mọi rợ và ngu xuẩn. Nó được Sơn Nam phê phán như sau: “Một đám đi, một đám ở lại bị đám đi trói quăng vô chuồng cọp.” Cái chánh sách này đã phá nát hàng triệu gia đình cán bộ và quân đội kháng chiến chống Pháp.

Theo anh Tư thì sau 54, cán bộ cũ của Bến Tre bị “xúc” sạch vì tên tỉnh ủy viên thường vụ ra đầu thú và chỉ điểm. Hắn tên Tuất. Đồng bào gọi là thằng chó.

Tôi biết hắn khi tôi còn làm ở cơ quan Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh của hai anh Trần Chính và Mạch Văn Tư. Sau này Cao Thái Tôn thay thế. Tên thật của hắn là Quang. Quang là cán bộ Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh không có gì xuất sắc nhưng vì sự thiếu hụt nên đưa hắn vào tỉnh ủy. Hắn lấy một cô giao liên trẻ nên sợ bị kỷ luật và hai cu cậu đồng lòng luôn cho được việc.

Anh Tư Mô được thả ra vào khoảng 1960 là lúc mạnh nha có Mặt Trận Giải Phóng cái mà ông Diệm gọi là Mặt Trận Côn Đảo. Tư Mô đang ngồi nhậu đầu cá ở Chợ Đũi thì có người tới quèo. Cột kèo cũ không rử cũng về. Thế là anh ra khu. Tưởng ngon lành: Ai dè ra khu anh bị coi là tên đầu hàng phản bội, bị xử lý nặng nề trong đảng đến nỗi không còn được coi như đồng chí mà chỉ là một nhân sĩ lô can. Tư Mô buồn lắm, nhưng lỡ tay trót đã nhúng chàm rồi, không còn làm gì được nữa. Đêm đầu tiên tôi gặp lại anh, hai anh em nằm đầu đầu vòng tâm sự suốt sáng.

Chuyện tù tội khổ ải và cay đắng lắm, đã qua thì cho qua chứ nhắc lại làm gì. Anh cho tôi biết, anh có ý định gả cô em cho tôi khi nghe tôi về gần tới.

Anh chưa biết gì về những chuyện đầy mơ rã má của tôi khắp từ Nam chí Bắc, ngoài chuyện một người con gái khác nữa. Cô này là đạo diễn kịch nói đã về trước trong Nam (cùng bằng đường Trường Sơn) nhưng khi về tới R thì được ông Trần Bạch

Đằng cho giao liên thành đưa về Bạc Liêu quê cô ta. Cũng may, nếu cô còn ở lại Tiểu ban Văn Nghệ này thì sẽ có một Đông Châu Liệt Quốc R.

Tôi về tới lều thì Tư Mô đang ngồi chiên khô cá trên hay cá mè gì đó. Mùi thơm bốc ngào ngạt. Anh bao giờ cũng nấu nướng hoặc chế biến thức ăn “tùng cựu đáo tân” như anh nói, tức là thức ăn “gốc” của nhà bếp lành về tanh lắm, thô sơ lắm, không thể để vậy mà ăn được. Với bàn tay của anh nó sẽ thay hình đổi dạng phi thường. Anh là tay nấu bếp rất có “gu” ăn uống giống như công tử..

- Cơm chưa?

- Tôi ké đằng chòi ông Bảy Cò rồi.

- Tôi đang “ngào” lại ba con khô. Có sum sum đây chú làm thêm ít miếng!

- Tôi nhậu đằng đó với ông Xuân Chiến Sĩ rồi.

Tư Mô nói ngay:

- Coi bộ tình hình “găng xi măng” lắm nghe chú!

- Tình hình gì, anh?

- Ở trên cho biết là Mỹ sẽ mở chiến dịch Johnson City.

- Chiến dịch Johnson City là chiến dịch gì?

- Đại khái đó là chiến dịch của nó cũng như tụi nó có những cái tên chắc chú chưa nghe. Như Phụng Hoàng Vô Mối, Bùa Lưới Phóng Lao, v.v... vậy đó.

- Tên gì mà nghe ớn vậy?

- Về đồng bằng còn ớn nữa chú em!

Bây giờ ngồi ghi lại cái quãng thời gian trước CZ Johnson City tôi bỗng rùng mình. Nếu tôi không

sớm quất ngựa chuối thì có lẽ tôi đã theo ông theo bà. Chuyện đó cách đây ít nhất là hai mươi bảy năm! (1963-1990). Tỉnh cò một hôm tôi đi tìm một số các loại đá cho con gái tôi làm bài về địa dư Texas, thì tôi đi ngang qua Johnson City nơi sinh ra Tổng Thống Johnson.

Khi lái xe đi ngang qua tấm bảng có chỉ mũi tên cho biết lối rẽ vào nhà của tổng thống, tôi vụt nhớ lại khu rừng của R. Trong đầu tôi như có một sợi tơ ngàn dặm mà một đầu là khu rừng Tây Ninh một đầu là nơi nhau rốn của người đẻ ra cái chiến dịch kể trên. Hai mảnh đất này hoàn toàn xa lạ với nhau nhưng lại nhờ ký ức của tôi mà trở nên gần gũi. Ghê gớm thay, tôi nghĩ vậy như một tia chớp. Nhưng tôi cũng chẳng biết là cái gì ghê gớm và tại sao ghê gớm. Có lẽ là cái thằng tôi ghê gớm chẳng? Tôi đã đi từ đó đến đây. Đi từ cái hoang vu đến ánh sáng văn minh, đi từ đổ nát đến kiến thiết, đi từ cái chết ra sự sống. Ghê gớm là vì thế chẳng? Hai mươi bảy năm một cái chớp mắt.

Tôi với Tư Mô bây giờ đã cách nhau nửa quả địa cầu. Ai ngờ nổi chuyện đó. Vừa rồi (1988) nhân có người quen đến Mỹ có cho biết Tư Mô vẫn còn sống và vẫn viết truyện. Tôi có tìm đọc được một truyện của anh. Thì vẫn như thuở nào: giọng văn chưa chút mĩa mai!

Bây giờ trở lại với Tư Mô ở rừng Tây Ninh năm trước. Tư Mô nói tiếp:

- Ông Hai Tân bảo mình đi sớm chừng nào hay

chùng ấy. Vì khi nó khởi sự thì nó bao vây tất cả và chặt đứt mọi đường huyết mạch mình sẽ không đi được.

Tôi chưa ném bom đạn Mỹ nhiều nên lo lúng trả lời:

- Chùng nào anh đi thì tôi đi, chớ tôi có biết gì!

- Chú lại đăng kho quản lý tìm một đôi giấy bắt heo thủ sẵn đi!

- Chi vậy?

- Lợi Đồng Chó Ngáp.

- Đồng Chó Ngáp là đồng nào?

- Đồng Tháp Mười! Nó nằm ở tỉnh Kiến Phong Kiến Tường tức Mộc Hóa hồi trước.

- Nhưng giấy đâu ở đó mà tìm. Dép Trường Sơn này không đủ hay sao?

Tư Mô dọn cơm ra ăn một mình còn tôi leo lên vòng lắc lư. Cái lều lung lay như cái răng rụng của Tú Xương và gậy guộc như Tú Mỡ tưởng chùng cây đu của Hồ Xuân Hương. Anh bao giờ cũng ăn uống chậm rãi, tươm tất, dù thiếu thốn cũng có vẻ sang trọng phong lưu như Nguyễn Tuân, chứ không ăn ẩu tả bạt mạng như tôi. Hễ đói bụng thứ gì ăn được cũng nuốt càn.

Anh nhắm nháp rượu rót từ trong một cái chai thuốc tây có nút vắn cũng do anh pha chế cho đúng miệng. Anh giải thích tiếp về vụ giấy dép:

- Lợi Đồng Chó Ngáp là giẫm lên củi trầm mục, nó đâm lủng gan bàn chân, chú biết không? Cho nên phải có dép. Nhưng dép không xài được. Vì lợi lút

bùn rút chân lên thì dép mắc ở dưới. Cho nên phải mang giấy. Ràng rịt vô chân như cầu thủ đá bóng vậy.

- Trời đất! Tôi kêu lên - Lợi lấy mang giấy thì chỉ có mình thôi!

- Chứ ai mà kỳ cục như vậy được. Nhưng nếu không mang giấy thì không lợi nổi.

- Củi trầm ở đâu mà kỳ vậy?

- Trầm đâu thời Thiên Hộ Dương ai biết!

- Rồi giấy ở đâu mà có?

- Thì tiếp phẩm họ mua để sẵn cho ai đi đồng bằng thì sẽ “vỡ trang” cho. Hoặc những ông bà từ đồng bằng lên. Ông bà nào có kinh nghiệm thì cũng thủ sẵn một đôi trong ba lô để cho Chó Ngáp.

Cơm nước xong lên vồng “ru hồn” với ma sốt. Đêm ở rừng thật là kinh khủng. Trẻ cũng hóa già. Vì nghĩ tới tương lai thì mù mịt và là bệnh hoạn hoặc cái chết. Cho nên chỉ hồi tưởng là mang lại chút ít an ủi mà thôi. Tư Mô ló đầu ra vách mùng hút thuốc và hỏi tôi:

- Chú năm nay bao nhiêu rồi?

- Ba mươi ba.

- “Meo” lắm rồi. Chú là con một phải không?

- Tôi còn một đứa em gái.

- Vậy là phải lo gấp!

- Nếu tôi biết đi ra Bắc mà lâu vậy thì tôi đã rút trở lại rồi.

- Chíp! Ai mà biết trước cái sự đời.

- Bố tôi đâu có cho tôi đi. Kể cả kháng chiến cũng không. Nhưng tôi trốn đi, rồi đi luôn.

- Hồi đó ai cũng hăng. Bây giờ ai cũng hết. Tôi lo mơ suy nghĩ nhiều điều lung lăm. Chú đừng có nghe tôi mà bị ảnh hưởng.

- Ảnh hưởng gì?

- Lý lịch chú chưa bị “đổ mực tàu.”

Tôi thở dài. Tôi biết đó là tâm sự cay đắng của anh. Vô cộng sản hồi 48, kháng chiến mười năm ngon hơn. Hòa bình bị bắt. Khi ra tù bị kỷ luật vì những chuyện không đáng gì. Bây giờ gặp tôi, có lẽ là người hiểu gốc rễ của anh nhất nên anh mới nói tới câu đó. Tôi né đi vì sợ động tới vết thương của anh. Tôi nói sang chuyện khác.

- Bây giờ mình tính cách về quê đi anh. Anh xa quê mình bao lâu rồi?

- Thì hồi UMDC của Một On chiếm tỉnh. Rồi vô miền Tây gặp chú ở xã Hồ Văn Tốt gần Cái Nhào đó. Nhớ không?

- Nhớ chớ sao không - Tôi nói luôn một mạch - Hồi đó anh có thằng Cu đầu lòng.

- Có đứa con gái nữa chớ. Thằng bé bị Polio xụi một tay. Mẹ nó phải làm kẹo dừa bán cho quán ở Vàm Cái Dứa gần nhà thằng Phục.

- Anh lấy tên là Trường Kháng phải không? Anh có cho tôi một bản dịch bài thơ Đợi Anh Về của Simonov. Tôi có đưa cho báo đăng.

Tư Mô thở dài:

- Hồi đó cũng khổ nhưng mình sống với dân. Dù gì cũng có tiếng chó sủa gà gáy, thấy cái xuồng, cái ghe, thấy cây dừa cây cau. Còn bây giờ chẳng thấy cái gì cả. Tối ngày chỉ nấu cơm là hết giờ.

- Làm sao về được nhà anh Tư?

- Tôi cũng nôn nóng lắm nhưng cái đó còn do trời. Trời cho thì đi tới. Trời không cho thì mình “nằm đường”.

- Tưởng về tới đây là đến. Chẳng ngờ chưa.

- Sốt rét và bom đạn đều nguy hiểm cả nhưng sốt rét thì có thể chữa được nhưng bom đạn thì vào một cái là xong.

- Anh bị quan dữ vậy anh Tư?

- Mấy chú mới về còn lạc quan lắm. Vì sau một thời gian leo núi đã đến nơi nằm nghỉ khỏe hơn. Còn tôi ở đây đã mục mấy cái vồng rồi. Ngó xuống đồng bằng không thấy gì cả. Hy vọng thì to còn triển vọng lại bé.

Hai cái vồng đưa, rung lắc làm cọc lều rung rinh như trời đất sắp đổ! Chính ra trời đất đổ tự trong lòng người. Tư Mô trở lại vụ cô Thu buổi chiều.

- Sao ở Bắc tám năm mà không vợ con gì hết vậy?

- Cưới sao được mà cưới.

- Sao người ta được mà chú lại không??

- Tôi biết thế nào cũng đi. Rủi có con bỏ lại ai nuôi? Vô Nam đâu phải chuyện chơi.

- Còn vụ cô ba lê.

- Cô ba lê nào?

- Tôi nghe tụi nó nói cả rồi.

- Tôi cũng có định nhưng đem một cô Bắc về nhà Nam sợ e không hợp phong thổ. Ông già bà già tôi khó lắm. Khi tôi còn ở ngoài Bắc đã có thư đi đường Cao Miên ra cho biết ở nhà đã đi hỏi vợ cho tôi.

- Làm sao?

- Hỏi những chỗ quen từng là bạn học cũ ở trường của tôi.

- Bây giờ vấn đề vợ con của mấy chú là nan giải. Ngoài ba mươi cả rồi. Sợ khó ai ung. Còn con nít mới lớn lên thì đi dân công, văn công, cán bộ hư hỏng cả.

Tôi cười:

- Vậy ở ngoài Bắc tôi nghe Ban Thống Nhất cho biết là các cô chờ đợi dân Mùa Thu dữ lắm. Các cô sẵn sàng trừ mười tuổi cho dân Mùa Thu.

- Vậy chú còn hai mươi ba. Khỏe quá hả. Tư Mô bật cười, ném cái tàn thuốc vạch một vòng cung trong màn đêm và tiếp:

- Mấy ông mình tuyên truyền giỏi lắm. Hồi Đồng Khởi cũng thế đó. Đến chừng rõ ra mới ngã ngựa.

Tôi lặng thinh. Ở đâu cũng một phách với báo *Nhân Dân*. Cái gì nghe cũng phản khởi cả. Đụng vào thực tế thì mới rõ là ở trên nói láo. Ngay con đường mòn cũng thế. Khi bắt đầu vào trường đi B thì người ta bảo là dọc đường sẽ có các mậu dịch bán đủ thứ hàng bằng ba loại tiền Việt Miên Lào. Ngay cả ông Bảy Cò cũng còn tin nữa là ai. Nhưng khi vào vài trạm thì hỡi ôi! Đến muối cũng không có.

Tư Mô bảo:

- Thôi bây giờ chú hãy ở lại R một thời gian đã.

- Rồi sau, tôi đi với ai?

- Tôi chờ.

- Để làm gì?

- Thì nghe nói có cô Nguyệt nào vô tới đó.

Tôi lặng thinh. Đây là một chuyện vừa vui vẻ vừa là... nguy hiểm. Tôi gặp Nguyệt ở Cần Thơ năm 1952. Ra Bắc vì ba cái vụ Cải Cách Ruộng Đất, lập trường bản cổ nông nọ kia nên tôi và Nguyệt hiểu lầm nhau. Cuối cùng chia tay. Nhưng rồi hai bên giảng hòa. Khi đi vào Trường Sơn chúng tôi lại gặp nhau và cuộc giảng hòa đã đi đến kết thúc tốt đẹp. Lúc đó Nguyệt là Trưởng đội văn công của Quân Đội Nam Bộ. Vì biểu diễn cho các đơn vị trên đường Trường Sơn nên Nguyệt phải trở ra Hà Nội sau khi xong công tác. Nhưng Nguyệt đã hứa với tôi là nàng sẽ xin trở về Nam. Con gái ba mươi tuổi mà chưa chồng, kể cũng hiếm có. Vả lại ra vào con đường chết này những hai lần, lại càng hiếm có hơn.

Quả thật nàng xin vô. Và đã vô tới.

Khi ở trên đường Trường Sơn thì gặp nhau là hạnh phúc. Bây giờ gặp nhau lại là trở ngại công tác vô cùng. Ai cho ở đây để cưới vợ. Và nàng ở bên Bộ Chỉ Huy Giải Phóng còn tôi ở bên dân chánh. Sự điều động của hai bên sẽ trở he như lần tôi và Phương sắp trở thành vợ chồng mà Phương bị đưa về Bắc Ké, còn tôi thì lại đi tuốt da cây me ông Cụ.

Phen này có thành chuyện gì thì cũng lại sẽ chia loan rẽ thúy. Vậy ra cưới vợ để phục vụ công tác cách mạng chó chẳng phải để gần nhau. Cách mạng là dã man. Đó là lời của Bảy Cò nói hồi chiều. Tôi đã nghĩ vậy từ lúc Kim Ly cho biết Nguyệt đã vô tới.

- Vậy bây giờ chú tính sao?

- Đầu anh tính giùm tôi thử.

- Về đồng bằng không còn ma nào đâu. Coi chừng chú buông hình bắt bóng cho mà coi.

- Hồng chừng anh nói đúng. Tôi với Nguyệt biết nhau cả chục năm rồi. Vì cái lập trường Cải Cách Ruộng Đất (Nguyệt là con địa chủ học trường Tây) nên Nguyệt bị dọa đủ điều. Do đó Nguyệt tự ái với cách mạng và giận lấy cả tôi. Tôi còn trẻ quá, cũng giàu tự ái như ai, đâu có chịu năn nỉ và giải thích cho ra nhẽ hoặc liễu mạng tương một câu như ông đạo diễn Bích Lâm đã dạy tôi nói với Nguyệt: “Anh yêu cả những sai lầm của em!” (Đúng ra Nguyệt không có sai lầm gì. Có chăng là cách mạng sai lầm với Nguyệt.) May mà tôi chưa kịp nói câu ấy. Chứ nếu tôi nói câu ấy thì nàng càng tự ái mạnh hơn.

- Chú nên quyết định đi! Tư Mô bảo.

Chả là Tư Mô cũng biết mối tình “màu hoa anh đào” đỏ của chúng tôi hồi kháng chiến nên mới khuyên tôi đi tới.

- Con gái giải phóng nứt mắt ra là có chuyện rồi vì ba cái Thanh Niên Xung Phong, ba cái cán bộ lưu động, chú ơi. Tôi có con thà bỏ nó ở thành nó hư mình không tức, chứ cho nó đi theo giải phóng mà mình cũng giải phóng, nó lại hư với giải phóng thì tức lắm. Không có đứa con gái nào chịu trừ cho chú tám năm ở miền Bắc đâu. Thà là nó chưa hoang với tỉnh ủy huyện ủy.

Tôi lúng búng lỗ tai. Tư Mô lắc lư cái vông và tiếp:

- Con bé ba lê của chú là gì?

- Là gì nghĩa là gì?

- Nghĩa là có ăn thua gì lắm chưa?

- Thì cũng chỉ tình cảm thôi.

- Thằng hôn phu của nó đang bị một cú kỳ luật nặng. Nó nghe rồi, nó sẽ không có ngó tới nữa đâu. Bây giờ nó đeo chú là cái chắc. Nhà văn không hơn thằng diễn viên múa lang ba à?

- Vậy anh không rõ vụ nhà văn Anh Đức nhà mình à?

- Không!

- Ở Hà Nội có một cô đào xi la ma mê anh ta lắm vì anh ta có cái truyện được trung ương cho làm phim. Cô nàng muốn đóng vai chánh. Thế nhưng đá bóng với nhau vài lần không hiểu sao cô nàng lại yêu một anh thơ ký xoàng thay vì trao trái tim cho nhà văn.

- Ở đây lại khác. Nàng diễn viên ca múa lại muốn trao tim cho nhà văn hơn. Tôi bói chắc trúng đó.

Tôi bói rồi. Về sắc đẹp thì cô ba lê hơn Nguyệt xa, lại trẻ nữa. Đầu hai mươi, hai mươi hai là cùng. Từng đi học ngoại quốc, nói chuyện rất là hơi hám tiểu thuyết. Còn Nguyệt thì cũng là nữ sinh nhưng đã trung niên rồi. Nhưng tôi có hơi nghiêng về Nguyệt vì là người cố cựu và bản sở. Cắt với Thu thì dễ nhưng quay lưng lại Nguyệt thì quả là không thể.

Dêm khuya lạnh lẽo như trong khám tù. Gió không thổi nhưng ngọn cây xao động vì thú rừng chuyển qua lại trên cành. Và những tiếng cú rúc nhọn hoắt như những chấm than, như những lưỡi dao găm cắm vào tim mình. Ngón ngang trăm mối tơ vò. Nợ nước tình nhà.

Qua một đêm trần trọc tôi như ốm nặng. Sáng bết từ lâu nhưng tôi cứ trần trở không thoát ra khỏi chiếc mùng túm rùm.

Nhưng lại có một tin vui. Hoạ sĩ Anh Đức đến bảo:

- Chuẩn bị nghe nhà “dăng”.
- Cái gì chớ vác gạo thì cho tôi miễn.
- Biết rồi. Ai mà bắt người mới dzô vác gạo sớm vậy?

Chuẩn bị đi liên hoan tiễn ông Thép Cũ về Hà Nội.

- Thép Cũ nào?

- Thép Mới ấy mà. Chú nên phỏng đoán chữ nghĩa của ông hoạ sĩ này. - Tư Mô bảo.

- Dịp may rất hiếm, bỏ qua rất uống.
- Liên hoan to lắm hả?
- To vô cùng.
- Sao ông về Hà Nội vậy?
- Ông lấy hết đề tài của mấy ông rồi cho nên về nhanh Hà Nội để sáng “toác” chứ sao!
- Đúc cười hí hí rồi đi. Tư Mô bảo tôi:
- Cũng một vụ tính nhảm, như tôi và chú.
- Nhảm gì?
- Tôi nhảm kháng chiến chống Pháp, tù xong lại nhảm giải phóng. Còn chú thì nhảm tập kết hai năm. Nhảm kháng chiến là nhảm bài thơ:

Bao giờ kháng chiến thành công

Chúng ta cùng uống một chung rượu đào

Tết này ta tạm xa nhau

Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.

- Tết sau hay là Tết mười năm sau? Bây giờ thì hai chục năm sau. Sum vầy đâu? - Tư Mô cười khẩy - Thì cũng như chú xuống tàu ở bến Chác Bạng để ra Bắc vậy. Giờ hai ngón tay phải không? Bây giờ thì mấy chục ngón? Hai chục phải không?

Tôi càu nhàu:

- Đ... bà mấy thằng Tây nói ầu mà đúng.
- Nó nói gì?
- Hồi đó tôi làm phiên dịch ba ngữ cho Ủy Ban Liên Hiệp Đình Chiến tỉnh. Mấy thằng sĩ quan Tây lấu cá bảo thẳng với tôi: “Hai mươi năm chứ không có hai năm đâu!” Tôi quát trả lại: “Chúng ta tin

tuồng cách mạng sẽ thành công!” Tụi nó chỉ cười và mời tôi hút thuốc Camel.

Khi tôi xuống tàu, bọn thủy thủ lại trêu lần nữa. Chúng không nói gì, chỉ ngồi trên mũi tàu. Nhìn đồng bào đứng trên bờ gạt nước mắt tiễn chồng con ra đi, chúng xòe mười ngón tay và gĩa cả hai bàn chân lên nữa. Vậy mà đứng mới thấy mẹ chứ.

- Cách mạng có nghĩa là dă man và nói láo! - Tu Mô nói bằng tiếng Pháp. Anh thường nói bằng tiếng Pháp với tôi vì sợ mấy anh bần cố nông nghe được, đi báo cáo. Anh tiếp: - Mình tin cách mạng một lần đã tiêu tưng rồi bây giờ lại tin lần thứ hai.

Tôi tiếp:

- Ai biểu ở Sài Gòn yên thân rồi mà lại vọt ra đây chi?

- Thì lại cũng “tin” chớ còn sao nữa?

- Bộ người “ngoáo” anh ra khu cũng hứa “hai năm”

- Không! Họ không hứa gì cả.

- Vậy họ có hứa là năm sau ta sẽ sum vầy không?

- Sum vầy! Tôi cưới vợ đã hai mươi năm! Chẳng bao giờ gần được vài tháng, ngoại trừ lúc tản cư xuống khu 9 làm kẹo dừa bán.

- Thăng Lê nay đã bao lớn rồi?

- Mười bốn. Cô nó nuôi chứ tôi có nuôi ngày nào. Con Thi cũng vậy. Đi làm cái gì ở đây? Nhiều lúc nghĩ mà tự thẹn một mình. Không hiểu hỏi đó sao mình ham vui và dễ nghe lời người ta vậy.

Mặt trời đã lên cao, những tia nắng yếu ớt của

một bình minh tối om lớn vồn trên vòm lá. Tôi vừa rũ áo đi khỏi cái xã hội chủ nghĩa oái oăm để về Nam mong hưởng lại không khí thời kháng chiến chống Pháp, nhưng bây giờ lại thất vọng. Chẳng có cái gì mình ước mơ mà thành sự thực cả. Ngay cả những giấc mơ nhỏ nhất của đời mình. Cách mạng là gì? Đó là một mớ tà thuyết được tiêm vào đầu óc những lãnh tụ mù quáng coi dân tộc và mạng người như cỏ rác. Mười năm ở miền Bắc tôi chẳng thấy một điều gì nhân dân chấp nhận một cách vui vẻ. Về đây lại cũng y như thế.

Đột nhiên Tư Mô hỏi tôi:

- Già Tuế bị đụng xe mô tô chết ở Liên Xô phải không?

Tôi giật mình, không hiểu tại sao Tư Mô lại biết tới chuyện đó. Ở Hà Nội tôi có nghe phong phanh anh ấy đã chết vì tai nạn. Nhưng tôi nói trớ qua:

- Tôi không hay gì cả.

- Giả đồ Phó Tiến sĩ triết học rồi. Ngày mai lên đường về nước thì ngày nay cỡi xe máy dầu ngoài đường Mốtcu bị xe đụng chết tươi. Tôi biết hẳn hồi còn làm cán bộ tuyên truyền quận Mỏ Cày.

- Sao anh rành vậy?

- Thì cũng do mấy cha ngoài đi về nói lại chớ ai. Còn Nguyễn Xuân Ôn nghe nói làm nghề huấn luyện trong quân đội phải không? Hai đứa nó học một khóa với nhau, sau tôi hai năm.

Chỉ tiếng “Mỏ Cày” làm tôi nhớ lại tất cả khung cảnh kháng chiến chống Pháp. Hồi đó tôi mới mười

bảy tuổi đã mang ba lô đi tuyên truyền cho Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc và các quyền Dân Chủ dưới chế độ Dân Chủ Cộng Hòa. Vui thiệt là vui. Đi đến đâu cũng được đồng bào tiếp đón và lắng nghe nồng nhiệt. Tuế là một cán bộ tuyên truyền rất sáng chói (người xã An Định cùng quê với vợ tôi), có bằng Tú tài trước 45. Trưởng ban tuyên truyền là ông Nguyễn Văn Ngọc, thầy học của tôi ở trường quận.

Tôi rất mê nghe tuyên truyền và tập làm cán bộ tuyên truyền vì thấy người ta vỗ tay hoan nghênh dữ quá. Tư Mô là người thâm trầm không thích nghe ăn nói, mà chỉ làm thơ văn và ở trong Đoàn Văn Hóa Kháng Chiến Tỉnh.

Giới trí thức đã tham gia nhiệt liệt cuộc kháng chiến chống Pháp. Cả các tôn giáo cũng thế. Khấp thôn quê rộn rịp. Ai không tham gia kháng chiến là tự thấy mình lạc lõng, không hợp thời.

Tôi buột miệng hỏi Tư Mô:

- Họa sĩ Đức là cháu của họa sĩ Huỳnh Văn Gấm phải không anh?

- Đúng vậy!

- Sao hấn ra đây làm gì?

- Đi học Liên Xô! Nó đang học Bô-da Gia Định, không biết ai móc nó ra khu để đi Liên Xô.

- Sao còn ở đây?

- Nghiên cứu nguồn gốc loài khỉ!

- Chùng nào sang tới bên đó để học tiếp?

- Còn chờ ý kiến ban tổ chức Trung ương.

- Trời đất!

- Chúa hài hước đó! Nó nói lái, nói xiên, nói xéo, nói móc nói ngoéo tối ngày vì cay cú việc đi học. Nhưng nó được cái là dễ dãi và ai cần gì nó cũng giúp, một tay bắn khí cho cơ quan ăn, chỉ thua Ba Mực tí thôi, nhưng nó siêng bữa củi hơn Ba Mực.

- Bữa củi mà cũng được chấm công à?

- Chú đừng tưởng chuyện đó là tầm thường. Đó là lý tưởng cao nhất đấy.

- Nghĩa là sao?

- Củi trên Trường Sơn dễ kiếm chứ ở đây khó lắm.

- Ở Trường Sơn không dễ đâu anh.

- Tôi không biết ở đó chuyện củi lửa ra sao chứ còn ở đây phải đi xa khu vực đóng quân đốn cây rồi cưa khúc bỏ ra vác về nhà bếp. Nếu đốn cây ngay trong khu vực thì chẳng bao lâu tội mình bị lòi lung hết. Ban chỉ huy An Toàn Khu đã cảnh cáo nhiều cơ quan rồi. Bây giờ ngay cả vấn đề bắn khí cũng bị hạn chế nên sự cải thiện sinh hoạt gặp khó khăn.

- Tại sao hạn chế bắn khí?

- Tại vì bắn mãi, tiếng động sẽ lọt vào tai gián điệp.

- Trong rừng mà cũng gián điệp?

- Phải đề phòng từ muỗi đòn xóc đến B52 mới sống được chú ơi!

Đó là câu chuyện lớt lờng vợ vắn buổi sáng. Từ Mô bao giờ cũng có một cữ trà tiếp theo để trưng cái bao tử trong lúc chờ cơm. Đồ nghề của anh đã có sẵn. Anh như một chuyên gia về môn uống trà. Ai có trà muốn uống cho ngon cũng mang đến lều của anh để

uống. Trà dở uống ở đây cũng trở thành ngon. Anh chẻ củi rất tỉ mỉ. Mớ nào để làm đóm, mớ nào để đun, mớ nào mới chẻ còn tươi mớ nào đã gác trên giàn bếp đã khô anh đều xếp có thứ tự hể nhóm thì lửa cháy chứ bếp không tắt cam khói bốc mịt mù bị an ninh cơ quan cảnh cáo như những lều khác. Ngoài sự uống trà chuyên nghiệp, Tư Mô còn là một ông “Chủ Tịch Liên Việt” - nghĩa là với ai anh cũng đoàn kết thiết tình, bất cứ thành phần nào anh cũng chơi thân.

Nước sôi anh quay ra bốn phía hô lên: “Uống trà nghen!” vài ba lần, thế là có khách tới. Khách thứ nhất là ông Bảy Cò, khách thứ nhì là Ba Mực, thứ ba là Sáng, thứ tư là Tám Thủy Thủ, thứ năm là họa sĩ Đức, v.v...

Đề tài các buổi uống trà là sẵn khi, vác gạo, móc gia đình, mua trà loại nào uống ngon mà rẻ, anh nuôi nấu cơm sống chín, ai bữa củi, ai sẽ đi tản khai trong lúc CZ Johnson City sắp mở màn, ai sẽ ở lại thủ trại. Và cuối cùng là đề tài muôn thuở: Các tiên cô của đoàn Văn Công Giải Phóng dưới quyền cai quản của nữ chúa Thanh Loan!

Đây là chuyện “Cấm trẻ con dưới hai mươi lăm tuổi.” Vì ở đây trẻ con ít nhất cũng đã trên hai mươi lăm nên không cần phải cấm ai, tha hồ ngả mặt.

Họa sĩ Đức mở màn câu chuyện bằng cách nhắc lại:

- Uống trà nước sôi này không sớm thì muộn phải cam!

Sáng là nhà văn cùng đi một chuyến với tôi vô đây, ngo ngác một cách thật tình:

- Bộ tuổi ở đây độc lắm hả ta?

- Độc nhất vùng, đồng chí ạ! Họa sĩ Đức nghiêm chỉnh đáp.

Ba Mực nói:

- Thôi, để các ông mới tới uống cho ngon miệng mà!

- Khi các ông biết sự thực thì uống càng ngon miệng hơn!

Bảy Cò cười khặc khặc. Sáng tiếp:

- Trên đường Trường Sơn có lúc tôi cũng được giao liên cho biết là có con suối độc, lội xuống rụng hết lông chân, có con suối thì nước uống vô bị sốt rét hoặc thương hàn. Nói thì nói vậy thôi chứ có con suối nào là chúng tôi không múc nước uống đâu mà rồi có rụng cái lông này... ào!

Họa sĩ Đức xua tay:

- Đó là suối hiền ông ơi! Còn đây mới là suối độc!

- Sao các cha ở đây hồi nào tới giờ, uống nước đó mà chưa cảm?

- Chậc, cái thằng! Bảy Cò lên tiếng - Mày không biết thằng Đức à? Nó nói vậy là mày phải ngẫm ra cái kiểu biểu tượng hai mặt.

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là nó nói chuyện này phải hiểu chuyện kia.

- Suối hiểu ra cái gì?

- Thì vẫn là suối nhưng suối này...

- Có bảy con nhên nhện tám giết hàng ngày - Bảy Cò tiếp - Rồi cá leo xuống đó, hiểu chưa?

Sáng vốn là anh chàng thích chuyện hiện đại, không bao giờ mó tới truyện Tàu nên không hiểu cá leo là cá gì. Cho nên cả bọn cười rộ mà Sáng vẫn ngo ngác.

Thấy thế, Bảy Cò bèn rỉ tai Sáng. Sáng kêu lên và vỗ đùi :

- Biết rồi. Tôi biết rồi! Nhưng dù có nhئن nhئن tằm thì nước càng ngọt chứ sao uống phải cảm?

- Ai biết đâu! ông Ba Mực đang nói ngọng, nhạc của ông toàn dấu “xì” bémol không thôi.

Bảy Cò nói:

- Ở ngoài Hà Nội thì dễ, nhưng vô đây cây nhà lá vườn mà khó. Ngó thấy đó mà không bỏ ngón được, hả các em?

- Bền Bung-gia-ca-ri khó hay dễ anh Bảy?

Bảy Cò cười:

- Tao tu rồi. Không nên nhắc chuyện trần thế nữa nghe.

- Nói cho mấy em nghe rút kinh nghiệm.

- Mày có đi thì đi Liên Xô chứ đâu có sang xứ Bungari của tao.

- Sao vậy?

- Hội họa thì phải sang Liên Xô chứ Bungari đâu có truyền thống về hội họa.

Mặc ai nói gì thì nói, Tư Mô thủ phận chủ nhà nấu nước pha trà đều đều. Cốc uống trà thì tự túc. Ai muốn uống trà thì phải mang dụng cụ theo - đúng ra là cái để đựng nước và cho vào mồm chứ không phải chung uống trà. Nếu cái ông ăn mày trong “Những

chiếc ấm đất” của Nguyễn Tuân thấy cảnh này chắc phải khóc ròng chứ chẳng chơi đâu.

Ba Mực nói:

- Tôi không hiểu bà cụ Thanh Loan giữ mấy con nhên nhện để làm mắm hay sao mà ai động tới bả cũng bắt kiểm thảo cả. Bữa nào tụi mình phát thịnh lên tổng ruộng thộp hết cái đám nhên nhện đó về bó... óp gỏi nhệch một bữa thử coi bả làm gì?

Họa sĩ Đức cười, tiếng bễ nghe cạch cạch:

- Ai làm nguyên soái, tôi xin lãnh ấn tiên phuông ngay.

Bảy Cò chêm vào:

- Ở ngoài đó có cô em Miên lai “đầu gà đít vịt” coi khó khảm! Thằng nào muốn hết đau lưng thì quơ lấy.

- Đọ anh Bảy mở đầu giao... hưởng rồi đó nghe! Anh làm nguyên soái đi anh Bảy!

Tôi hỏi gặng:

- Anh cũng chân ướt chân ráo sao anh biết có cô em “đầu vịt đít gà?”

- Tao ra dượt cho đám đồng ca, tao liếc thấy chó sao mậy.

Tư Mô nói:

- Tài thật. Mới ra vườn đã biết ngay hoa thuộc được giữa đám cỏ hoang. E he! Nhưng mà coi chừng đó. Nó có chủ rồi nghe ông Bảy!

- Có chủ thì có chó, tao đâu có mó vào!

- Chuyện rắc rối lắm ông Bảy ơi! Đừng có ham. Ông mới về nên không rõ. Vì là chuyện của ông lớn

nên người trong cơ quan cố ém đẩy thôi. Nếu của tụi nhai nhép thì kiểm thảo trắng đồ con mắt rồi.

Tám Thủy Thủ chỉ ngồi khoanh tay rế uống trà và thỉnh thoảng cười mỉm chi cợt, không nói tiếng nào. Tôi hơi giật mình. Vốn luôn luôn bị những cú sét ái tình ở mọi hoàn cảnh nên tôi nghe mà lo. Nhưng vẫn tính trước khi đi đồng bằng thế nào cũng tìm cách gặp em “ba-lết” một đôi lần. Kỷ luật chặt chẽ đến như ở trường đi B mà tôi cũng còn hoạt động hữu hiệu, sá chi cái khu rừng mênh mông không có hàng rào và cửa ra vào với ông Liên khu 5 xét giấy rất gắt này.

Bảy Cò bấm trúng tim đen của tôi:

- Bữa nào tao ra duyệt cho tốp đồng ca, chú em theo để tìm đề tài nghe! Tao sẵn sàng làm bình phong cho.

- Coi chừng trâu buộc ghét trâu ăn! Tụi cải lương ngoài đó cũng găm ghé từng mục tiêu cả rồi. Tụi nó sẵn sàng báo cáo bất cứ kẻ lạ mặt nào dám xâm nhập vào vương quốc “Cặm-bù-chia” của chúng nó. Nhưng tụi nữ ca nhạc mới lại không thích cải lương.

Họa sĩ Đức vừa dứt lời thì Bảy Cò tiếp:

- Không nên nghĩ như vậy. Túng quá thì cái gì cũng được nữa là cải lương.

Sáng nói:

- Ngoài đó còn có kịch nói, ca múa nhạc nữa chớ bộ một mình cải lương thôi sao!

- Ông thầy “vũ đạo” tu rồi. Các em giỡn mặt, xách... hồ lô múa qua múa lại ổng vẫn không quăng cây tru tiên kiếm ra.

- Ông đầu có kiểm tru tiên tru tiếc gì mà quăng!

Cả mâm trà cười ré lên, ngã nghiêng ngã ngửa. Bầy Cò nói:

- Ông trời thiệt là bất công. Kẻ ăn không hết người lần chẳng ra. Ông có dư của ăn của để mà không biết làm gì. Không khéo mấy em bắt mần bỏ ca múa, vô trong này hợp xướng với mình hết cho coi.

- Nói vậy thôi chớ có những cú ngầm mình đầu có hiểu nổi chú em! Quy luật cách mạng là “Sức ép mạnh sức bung càng mãnh liệt” mà!

Câu chuyện đang hào hứng thì bỗng có tiếng “rùng rùng” giây lâu làm rung rinh mặt đất. Trà trong chén cũng xao động khe khẽ. Mọi người ngó nhau, lặng ngắt.

Chờ cho dứt tiếng rung, Ba Mực nói:

- Kỳ này “dưa hấu” bán hơi gần đó nghe các cha.

- Độ chừng ở đâu ta?

- Bình Dương, Tam Giác Sắt, Củ Chi gì đó.

- Là ở đâu?

- Vài chục cây số thôi! Ba Mực tiếp: Mấy lúc gần đây sáng nào nó cũng cho mình điểm tâm dưa hấu. Cái trận vừa rồi, mình thiệt hại to, nên mới dòi qua đây. Các cha mới về không biết đâu. Nó đánh ngay chóc. Hai đợt. Mỗi đợt cách nhau năm phút.

Thật tình tôi không nghe gì hết về cái vụ Ban Tuyên Huấn R bị B52, mà điểm nặng nhất là tiểu ban Văn Nghệ. Ngay cả trong nội bộ cái tin này cũng được giấu kỹ và những ai biết hoặc, sống sót sau trận đó phải thủ khẩu như bình, không được bàn ra tán

vào gì hết. Nó đã vậy thì cứ cho nó vậy luôn, không được bới móc ra.

Sau khi dư âm của trận giao hưởng tan đi, buổi uống trà gương hào hứng trở lại. Theo ông chuyên gia Ba Mực thì buổi sáng nó chỉ chơi một cú thôi. Nếu hợp tác xã văn nghệ mình mà thất thu cú sáng thì kể như yên ổn được hai mươi bốn tiếng đồng hồ, nghĩa là tới sáng mai. Cuộc đời được tính như thế, nếu không có việc mua đêm cây rừng ngã đè chết, không bị rắn chàm oạp gặm, không bị sốt ác tính, v.v...

Ba Mực nói với Tư Mô:

- Anh cho chúng em xin bình trà mới đi anh Tư.
Tụi em phải ăn mừng mới được!

- Ăn mừng gì?

- Ăn mừng chết hụt chớ ăn mừng gì! Há há há!
Mỗi đêm trước khi ngủ, em đều chấp tay lên ngực cầu xin ông thần Chà Gạc phù hộ cho chúng em tai qua nạn khỏi.

Tôi hỏi:

- Thần Chà Gạc là thần gì?

Bảy Cò vọt miệng đáp:

- Đây là đất Miên, hiểu chưa chú em?

- Đây là đất Miên? Mình đang ngồi trên đất Miên?

- Vậy chứ còn đâu nữa!

- Tôi tưởng là Tây Ninh chớ!

- “Tây” bất an “Ninh” của mình... không ổn nữa nên mới dời qua đây.

Tôi ngơ ngác:

- Vậy sao ở ngoài Bắc tôi nghe “la-diô” nói là Mặt Trận đã giải phóng ba phần năm đất đai và ba phần tư dân chúng?

Bảy Cò chép miệng:

- Cái thằng! Mày ngây thơ quá mậy.

- Ai cũng tin vậy chớ phải mình tôi đâu!

Họa sĩ Đức cười hắc hắc:

- Giải phóng năm phần năm đất đai và bốn phần tư dân chúng của mình xong rồi nhưng Miền chưa giải phóng cho nên mình mới qua đây giải phóng Miền chớ sao!

Tư Mô moi ba lô lấy trà mới. Nhưng lại hết nước.

Những cái bao tử lép đã tiêu thụ hết cả thùng nước anh lấy dưới suối lóng trong hôm qua. Cái thùng con vốn đựng thịt nạc heo của Mỹ gởi qua tiếp tế cho lính Mỹ lại chạy tọt vào nuôi sống bọn ốm đói chúng tôi qua tay các con buôn Sài Gòn. Dung tích của nó chừng bốn, năm lít. Một cái thùng không như thế không dễ gì kiếm trong rừng. Tư Mô là người được kính trọng lắm lắm nên nhà bếp mới dành cho một cái, để chứa nước nấu trà. Tư Mô hỏi họa sĩ Đức:

- Chú em giỏi giò đi xuống suối lấy nước đi!

- Ủ được! Ai có đồng hồ coi giùm mấy giờ rồi?

Bảy Cò vừa được phu nhân trang bị cho một cái Movado, giờ tay lên xem và bảo:

- Mười giờ bốn mươi chín phút mười lăm giây rưỡi!

Họa sĩ Đức cười ha hả:

- Vậy thì tôi xin xung phong ngay.- Rồi rí tai tôi và Sáng.

Chúng tôi cười. Tôi hỏi:

- Nhưng có chắc không?

- Chắc chứ. Giờ này là giờ đại lợi mà ta.

- Ông có kinh nghiệm lần nào chưa?

- Cả chục lần rồi. Hễ mất mũi tôi hơi kèm nhèm là tôi đi ra suối rửa ngay.

- Sao bảo nước suối độc, uống nước sẽ bị cảm? Bầy Cò gắt.

- Uống thì cảm nhưng nhìn thì sáng! Nói vậy rồi họa sĩ kéo tay tôi lần Sáng - Đi hai cha! Mới leo dốc Trường Sơn, bây giờ phải nên tắm bổ.

Đúc lời hai đứa tôi. Tôi và Sáng cũng hăm hở đi theo.

Ba Mực nói:

- Các tiên hay xuống suối vào buổi sáng. Trời thanh tịnh và suối còn trong.

Bầy Cò nói:

- Mỗi ngày tắm hai lần còn gì là suối?

- Vậy nước uống trà mới ngọt chứ anh Bầy!

Bỗng nổi tiếp theo câu nói của Ba Mực, một tràng “rùng rùng.” Ba Mực kêu lên:

- Coi bộ nó làm gân hơn anh Bầy. Mấy cái chén nhẩy tung tung.

Tư Mô nói với tôi:

- Nó sửa soạn mở màn chiến dịch Johnson City. Mình phải đi gấp. Ở đây không có lợi đó chú Hai.

- Muốn đi cũng không phải dễ đâu anh Tư. Còn phải chuẩn bị lương khô chứ. Ít nhất phải vài ba tuần mới đi được. Hồi đi Trường Sơn tụi tôi không

có chuẩn bị gì hết ráo nên dọc đường khan thức ăn phải vô buồn đổi gà đổi chó nguy hiểm vô cùng.

Tư Mô nói:

- Ở trên đường mình sẽ đi, đâu có buồn bán gì mà đổi gà đổi chó, chú em.

Đúng ra tôi cũng không còn có gì để đổi. Vừa đến đó thì ông Tổng Thư Ký Văn Nghệ Giải Phóng Lý Văn Sâm đến. Tôi có cảm tưởng đó là một con ma sốt rét hiện hình, trông thảm não vô cùng. Ngó anh mà tôi hiểu tôi. Chắc tôi cũng không hơn gì anh. Chỉ khác là tôi trẻ hơn đâu chừng mười tuổi thôi. Anh nói giọng khàn khàn:

- Chiều nay mình tiễn đồng chí Thép Mới về Bắc. Dự trù của anh nuôi là giết con gà mái cuối cũng để làm tiệc, ngoài ra thì ai bụng com thường nấy đến ăn chung một bữa.

Ba Mực vọt miệng hỏi:

- Đi tất cả hả anh Hai?

- Ý quên! Mỗi tổ cử một đại biểu thôi. Tổ văn thì được ưu tiên ba đại biểu.

- Tại sao?

- Vì đồng chí Thép Mới là nhà báo. Hai Lý tiếp - Còn tổ thơ thì Giang Nam đi, tổ họa...

- Tôi xin nhường cho người khác! Tư Mô nói - Tôi mệt lắm không dự nổi.

- Họa sĩ Đức đầu rồi, này giờ tôi đi tìm mà không thấy!

- Nó đi coi tiên... ủa, nó đi lấy nước uống trà!

Hai Lý thủ thỉ:

- Đồng chí Thép Mới vô cũng đã gần ba tháng lại

có đi đến cả Củ Chi lượm đề tài nữa. Hà Nội đâu có đồng chí nào gan dạ bằng đồng chí ta. Vậy chiều nay trong buổi tiệc tiễn đưa, các đồng chí nên phát biểu vài cảm tưởng cho ngọt để đồng chí mình về ngoài đó giữ những cảm tình tốt đẹp với miền Nam.

- Có thể bảo thằng Xuân Vũ nói cảm tưởng! Bày Cò vọt miệng nói liền.

- Nó ở ngoài Bắc mới vô, để cho nó phát biểu thì chẳng khác nào mèo khen mèo dài đuôi.

- Anh đừng lo! Nó có đọc Tùy bút của Thép Mới và quyển *Thời Gian Ủng Hộ Chúng Ta* của Ilya Erhembourg do Thép Mới dịch, nó khen hay lắm. - Bày Cò nói.

Tư Mô cãi lại:

- Cái chúng mình phải khen là những gì Thép Mới viết về miền Nam, chớ còn mấy cái kia thì đã cũ rồi, và lại khen Thép Mới như là một dịch giả thì không cần thiết lắm anh Hai ạ.

Hai Lý lăm nhăm một hồi rồi nói:

- Vậy thì thôi, trong bữa tiệc, tự do cảm tưởng, nhưng đường hướng chung là đề cao đồng chí ta.

Vừa đến đó thì lại một loạt “rùng rùng” khác tiếp theo, gần hơn hai lần trước.

- Mẹ kiếp! Ba Mực kêu lên: Bữa nay nó thím xức ba lần. Coi bộ nó muốn chơi qua ranh giới Cao Miên nữa đó anh Hai.

Hai Lý lắc đầu:

- May rủi tại trời, mình sống như những con kiến dưới những lỗ nê vậy. Một gáo nước sôi, một mối lửa là rụi tềng heng hết ráo.

- Anh nói vậy làm sao *Nắng Bên Kia Làng* nổi, anh Hai!

- Nắng đã tàn rồi, chú em!

- Nhưng nắng được thì cứ nắng chứ anh Hai!

Tuy cà rồn với nhau vậy chớ trong bụng, người nào cũng hoang mang cực độ. Chiến dịch Johnson City đã mở màn ở xa xa rồi đó. Nhưng bọn tôm tép này thì cứ ở đây chờ lệnh trên. Có lẽ nó khía Củ Chi trước rồi đến các cơ quan R chung quanh biên giới Việt Miên. Nó không cần đồ quân, chỉ chơi B52 là đủ.

Vài người rút lui. Một người còn ở lại lơ lảo mất hồn. Sáng, tôi và họa sĩ Đức lấy nước xong trở lại thì chỉ còn có ông chủ lều ngồi chong ngóc một mình.

- Gặp tiên không? Tư Mô hỏi.

- Đi sớm quá, tiên chưa đáp xuống.

Họa sĩ Đức cười:

- Coi hát đã đòi rồi còn bảo là chưa. Hề hề... bây giờ cảnh giác nên rút lui không phơi cánh nữa. Nếu bây giờ mà trở lại thì gặp chắc.

- Thôi đi cha non, đưa hấu sắp rụng tới nơi rồi kìa ở đó mà coi tiên.

Hai Lý là người lãnh đạo tiểu ban về mặt chánh quyền nên anh cũng chỉ làm hụ hợ vì đã có đảng bao sân, chánh quyền giải quyết xong rồi cũng phải thông qua đảng. Đảng không đồng ý thì cũng vô ích thôi. Ngay như việc hi sinh con gà mái để tiễn nhà báo về quê cũng phải có ý kiến của đảng.

Chiều hôm đó, chúng tôi đến với tư cách đại biểu chính thức của tổ văn là tổ đứng ra tổ chức buổi tiễn đưa này. Theo qui định của anh Hai Lý thì mỗi đại biểu đều mang khẩu phần thưởng lệ của mình đến bữa tiệc. Giữa nền đất tro khác là hai cái nồi, nồi cháo loãng như Biển Hồ, trên mặt lênh bênh mấy vệt mỡ vàng nhạt lấp lánh mặt trời chiều không có tí hành nào bập bênh biểu hiện tư tưởng bấp bênh của cán bộ trong lúc này.

Còn chú gà luộc thì có lẽ tự biết bản thân mình quá bé bỏng trước miệng những con hổ đói nên lần tránh đầu đó. Đây là con gà tự túc còn sót lại của tiểu ban: Ba con trước, một con bị chôn tha, một con phải hy sinh cho bữa người ốm cần bồi dưỡng, một con thì lại sâu tình cứ đứng cú rũ nên tiểu ban quyết định xử trảm sớm để ăn thịt tươi trước khi nó chết. Còn con có khả năng sản xuất trứng mà tôi là một trong những

người được hưởng hôm mới về đây, thì được vinh dự hi sinh cho buổi tiễn đưa quan trọng này...

Mỗi người đưa bát lại cho anh nuôi múc cháo và bỏ vào đó một tí thịt có thể để dành nguội như dầu Nhị Thiên Đường chứ không phải để ăn.

Đối tượng được đãi tiệc hôm nay là nhà báo Thép Mới cũng nhận lãnh số cháo và thịt y như mọi thực khách, không hơn không kém.

Phải nghĩ rằng có những người trong tiểu ban không được hân hạnh đến dự buổi tiệc này thì mới hiểu được giá trị của bát cháo thịt. Có người húp cháo “nguyên chất” để tìm lại hương vị của nó ngày xưa ở via hè Sài Gòn hoa lệ hay thời đi học ăn sáng: bát cháo gà có rau ghém bắp chuối. Nhưng có những người cho rằng ăn như thế là phí. Nên trộn com nhà bếp vào mà lua. Như vậy cũng vẫn biết mùi cháo đồng thời no bụng hơn là húp cháo rồi ăn com hai phần rời ra.

Hình như không ai nghĩ đến việc phát biểu cảm tưởng đối với cuộc từ giã của đồng chí mình. Nó không có ý nghĩa như cuộc sang Tần mạo hiểm của Kinh Kha, nhưng kể ra nó cũng nguy hiểm lắm.

Đồng chí Thép Mới nhà mình vào đây chưa quá ba tháng nhưng vì là Béka nên Bộ Chỉ huy (toàn là dân Ba kê) ưu đãi đặc biệt. Lệ thường nhà văn nhà báo của R đi công tác thì cứ đi như dân thường, không có cần vụ bảo vệ gì cả, nhưng Thép Mới đi thì có “gạc-đờ-co” và bây giờ trở về Hà Nội thì ba lô của đồng chí đầy những vải vóc đồng hồ, bút máy và các thứ

xa xỉ phẩm khác của Bộ tặng hoặc các đồng chí ấy nhờ mang về cho gia đình ở ngoài xứ mạt rệp Bắc Kỳ.

Không phải một ba lô mà cả chục. Một tiểu đội giải phóng quân, mỗi người đeo một ba lô đầy ắp. Đó cũng là công tác cách mạng chớ sao. Những thứ này được nhân viên công tác thành mua ngoài Sài Gòn chuyển vô đây qua đường dây cách mạng đấy ạ. Nhìn đồng chí Thép Mới đi, tay chống gậy, lưng còng xuống vì chiếc ba lô quá nặng, anh em xi xầm với nhau: “nhà báo bị gậy thật vinh quang.”

(Có lẽ vì chuyển công tác chỉ công vô tư này mà sau này trung ương không tin nhiệm Thép Mới nên đã tách chóp hai tên Hồng Hà và Hà Đăng qua đầu y vút vào Ban Chấp Hành Trung ương đó chăng?)

Tư Mô không đến dự buổi tiệc bi đát này. Thấy tôi cầm chén không trở về, anh hỏi:

- Xong rồi hả?

- Xong rồi!

- Lo ba cái lương khô để sửa soạn hạ san! - Tư Mô bảo - Vô đây coi bản đồ để thấy đường đi.

- Ở đâu mà anh có?

- Ở đâu có thì thôi, không nên hỏi.

Đi trên đường Trường Sơn, giao liên bảo đi đâu đi đó, bảo đứng thì đứng, bảo nằm thì nằm, không hề biết thắc mắc cũng không hề hỏi đi đâu, bữa nay là lần đầu tiên tôi được xem tấm bản đồ lớn có rất nhiều chi tiết nhỏ nhặt. Anh trải dưới đất. Mới nhìn vào tôi tối tăm mịt mịt, phải nhờ anh chỉ mới dần cảm nhận ra.

- Đây là vùng Tam Biên. Đây là những buôn của dân tộc ít người. Chú phải đi qua các tỉnh Quảng Đức, Lâm Đồng, băng qua sông Đồng Nai Thượng hai lần mới tới Đồng Nai Hạ, vượt qua một dãy núi tới suối Mã Đà. Mã Đà Sơn Cước anh hùng tận là ở đây! Nó nằm ở giữa tỉnh Long Khánh và Phước Long. Dân Nam Kỳ mình bò tới đây là kiệt sức, chỉ còn lết chó đi hết nổi. Nhiều người nằm luôn tại đây. Nghỉ dưỡng sức ở đây rồi lại phải băng qua sông Bé thuộc tỉnh Bình Long lội qua sông Sài Gòn đi hết bề ngang của tỉnh Tây Ninh. Đây là Cà Tum. Đây là Cầu Cần Đăng. Lúc chú về ngang chiếc cầu còn đó không?

- Sập rồi.

- Hiện mình đang ở đây, trên xứ con Mên. Hễ có động tịnh là vọt vô sâu nữa.

Tôi nhìn lại con đường mà ớn cho cặp giò. Vay mà vẫn lội suốt.

- Bây giờ mình phải đi dọc sông Vàm Cỏ Đông. Có lẽ phải qua cả Vàm Cỏ Tây nữa. Lội băng hai tỉnh Kiến Phong Kiến Tường tức là Đồng Tháp Mười, qua Mỹ Tho rồi mới đến tỉnh mình. Còn cả chục con sông phải qua, vài ba khúc lộ Đông Dương phải vượt.

- Tôi tưởng về đến R coi như là tới nhà chó!

- Chưa đâu chú em. Còn lội tóe phở ra đấy. Coi trên bản đồ thì chẳng mấy gang tay nhưng ngoài thực địa thì vạn lý trường chinh. Mấy cậu đi miền Trung miền Tây về nói lại, găng lắm, không có dễ như hồi kháng chiến trước đâu. Đi rồi sẽ biết. Bây giờ thì phải chuẩn bị cặp giò. Ở Trường Sơn thì núi

đá tai mèo, mang dép cao su leo được, nhưng ở đây dép cao su thọc xuống là dính luôn. Ở Đồng Chó Ngáp, biết không? Củi tràm lục dưới bùn đầm thũng gan bàn chân.

Tôi ngán ngẩm vô cùng. Đường về quả là khó khăn.. Đến đây chỉ mới nửa đường. Nhưng chẳng lẽ lại không về. Không về thì vượt Trường Sơn làm cái gì? Bao nhiêu người bỏ mạng trên đỉnh Trường Sơn, bên bờ suối Mã Đà, giữa dòng sông Bé cũng là vì một chữ “nhà” - Về Nhà - chứ nào có phải vì lý tưởng giải phóng giải phiến gì. Ngoài ra còn có một lý do khác, chán ngán ề ảm cái xã hội chủ nghĩa quái gở. Có phải vậy không? Ba trăm ngàn hồi chánh viên trong đó có trên một trăm ngàn người Bắc, còn lại là dân Nam Kỳ tập kết hoặc dân giải phóng Nam Kỳ tại gốc - ngày nay sống rải rác khắp trong nước và ở nước ngoài, hãy xác nhận điều tôi nói. Riêng tôi tôi đã chán đến cùng cực cái xã hội mọi rợ do một lũ ngổ dưng lên. Ai về được sẵn sàng về, như thoát địa ngục, ai không về được thì ráng ở lại chờ. Chẳng có quyến luyến chút nào với cái gọi là xã hội chủ nghĩa.

Một hôm tôi nằm buồn bèn đi theo một cậu thanh niên lao động đến địa điểm của tiểu ban Văn Nghệ để tìm sách đọc. Sách đây là sách “phản động Sài Gòn.” Người có “trách nhiệm” mới được quyền mó tới nhưng vì trong lúc loạn lạc, cái kho sách chẳng còn ai trông nom nên mạnh ai nấy tìm đọc. Trước khi tôi về, tiểu ban Văn Nghệ R đã bị một trận B52. Khi tôi về đến R thì được biết ông Trần

Hữu Trang, thường được gọi là bác Tư Trang, chủ tịch hội Văn Nghệ Giải Phóng, ủy viên trung ương Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam của Nguyễn Hữu Thọ đã chết trong trận bom B52 đầu tiên. Ngoài ra còn có bảy người khác gồm diễn viên hạng bét ở Sài Gòn chui ra rừng và một soạn giả cải lương ở miền Bắc về: Ngọc Cung. Tôi quen anh ta hồi kháng chiến chống Pháp, ở Bắc không viết được vở nào khả dĩ diễn được trên sân khấu lớn, nhưng không hiểu sao Hà Nội cho anh về để chết vô lối như vậy. Về đến R, lội luôn một mạch đến nhà ở tận Bạc Liêu gặp vợ con cha mẹ. Gia đình buôn vàng ở thị xã Bạc Liêu, giàu lắm. Anh được tiếp tế cả chục lượng vàng, giặt lưng lội trở về R để nghỉ ngơi, sáng tác gởi ra Hà Nội nhưng chưa kịp xài tí vàng cũng chưa viết được vở nào thì bị B52. Thanh Loan, Thanh Hùng và Ngọc Lan là những người sống sót trong trận B52 kể trên nên tôi được gặp mặt, còn Bảy Thịnh và những người khác thì chết đã lâu nhưng tên tuổi được giấu rất kín. Ngay cả vợ con ngoài thành hỏi tin tức thì R chỉ trả lời rằng các anh ấy đi công tác ở tỉnh, nhưng tỉnh nào thì không chịu nói ra. Ai mà không biết cái kiểu ám ó của tụi đầu bò.

Bây giờ ngồi viết lại những chuyện xưa (hai mươi tám năm qua, ít ỏi gì) tôi thấy những người chết hồi đó quả thật khỏe hơn là đồng đội của họ bây giờ. Chết đi, khỏi phải trông thấy những cảnh hỗn man mọi rợ của Sài Gòn đỏ, cái Sài Gòn tươi vui phồn thịnh đã nuôi họ lớn đã tạo cho họ tiếng hát để cuối

cùng bị họ phản bội. Họ chết đi để khỏi phải nhìn thấy đào kép bây giờ xơ xác tro bụi khốn nạn bản cùng đi hát với cái bụng lép với cái đầu đội mào nhà Hồ nặng cụp cổ. Họ chết đi để khỏi phải ân hận thấy rằng mình đã ngu dại đi tìm cái mà mình đã có thừa trong tay nhưng đã quăng đi để tìm cái không. Họ chết đi để khỏi phải trông thấy những đồng nghiệp tài ba của họ rụi dần và không có mầm non nào mọc lên dưới sự cai quản của lũ xạo ke gọi là đảng ủy và công đoàn. Họ chết đi để khỏi bị dân Sài Gòn chửi vào mặt, như đã chửi vào mặt một tên nào đó ăn com quốc gia thờ ma Việt Cộng bằng mấy câu thơ tuyệt vời:

“Thằng nhạc sĩ vàng

Ôm cây đàn đỏ

Âm nhạc từ đó

Trở thành màu cam.”

Màu cam là sự pha trộn đỏ với vàng. Màu cam là màu chết người. Thằng nhạc sĩ vàng là thằng nào? Bảy Thinh, Tư Trang, Ngọc Lan, Thanh Hùng hay thằng nào khác mà bài thơ không chỉ trán ra? Họ chết đi là họ đã tránh được cái địa ngục chính họ góp công sức và tiếng hát xây dựng và ca ngợi. Đời cô Lựu xưa hãy còn đẹp gấp vạn lần đời các cô Lựu ở Sài Gòn ngày nay.

Ngày nay nếu lão Tư Trang còn sống ắt là sẽ được đám đầu bò Hà Nội quăng cho cục xương giò bò để đền ơn đã ra công vận động nhiều nghệ sĩ hạng bét

Sài Gòn tham gia Mặt Trận Giải Phóng của một tên lưu manh mang tiền án nhơ nhớp chưa rửa sạch.

Tôi theo chân cậu thanh niên đến vùng bom B52 cũ bên đất Tây Ninh để tìm sách đọc giải sầu.

Cậu thanh niên miền Bắc giải thích:

- Chỗ mình ở hiện nay là đất Miền anh ạ.

- Đất Miền?

- Vâng. Sau khi bị B52 cơ quan mình vượt biên giới.

- Làm bữa như vậy tại Miền nó không nói gì sao?

- Họ thấy mình có súng họ chạy bỏ bố chớ nói gì!

Tôi gặng hỏi:

- Nhưng làm sao cậu biết rằng mình đã vượt biên giới?

- Em nghe ở trên nói vậy thì hay vậy, chớ có biết biên giới là cái gì.

Tôi không thấy dấu vết gì có thể gọi là ranh mức cả: một lạch nước hoặc một làn cỏ khô nằm giữa một vạc đất trống cũng không.

Nhưng tôi hiểu sự đào tẩu sang đất Miền dù chỉ cách đất Việt non cây số là sinh lộ. B52 của Mỹ nó biết tôn trọng luật quốc tế còn “chúng ta” dùng cái sai để đáp lại cái đúng. Cộng sản luôn luôn như thế. Chúng sống để làm bậy và bịp người. Và không bao giờ dám công nhận lỗi lầm.

Vùng đất bị B52 nay đã hồi sinh. Cành cây đã nảy tược, những lỗ bom đang cạn dần. Tôi hỏi cậu thanh niên:

- Các đồng chí mình nằm ở đâu?

- Dạ, rải rác mỗi người một nơi.

- Em vô đây hỏi nào? Đột nhiên tôi hỏi ngược lại để tìm hiểu thêm.

Cậu thanh niên đáp:

- Em vừa dứt đầu vô vài bữa thì bị.

- Bom tới vào buổi sáng hay buổi chiều?

Cậu bé đứng hẳn bên một gốc cây bị vết đạn gây cúp như một cánh tay xụi và nói:

- Thường thường nó đến buổi sáng. Mỗi buổi sáng đều có vài vụ ở chung quanh mình. Lúc đó anh em trong cơ quan bàn rằng nó đánh các cơ quan khác quan trọng hơn như Bộ Chỉ Huy, Cục Tham Mưu và Mật Trật, còn mình là văn hóa chẳng quan trọng gì nên nó không cần đánh. Thế nhưng đúng một cái nó đánh, cho nên không trở tay kịp. Em đang nấu cơm sáng. Lúc đó chừng chín giờ Bỗng nghe *rầm rầm rầm*. Em đâu có biết là tiếng gì. Nếu bom thì phải có máy bay tới, nhưng em không nghe tiếng động cơ. Chỉ nghe tiếng bom nổ, mà nổ hàng loạt như liên thanh. Em lăn xuống đất. Rồi bò bạt mạng.

- Không có hầm à?

- Có chứ, nhưng đâu còn nhớ đâu đấy gì. Nếu có ai hỏi mình tên gì cũng không nhớ nữa là! Em co mình phóng vào gốc cây. Cây run như bão, đất lắc như sàng gạo còn miếng đạn thì rít như sáo thổi anh ạ. Dứt loạt đầu em lóp ngóp bò dậy không thấy gì hết. Khói đen nghịt và lửa cháy từng cụm, em không còn nhớ lều của ai ở đâu nữa vì tất cả cây cối đều gãy cúp xuống hết.

- Nó bỏ trúng ngay trôn à?

- Chứ còn gì nữa anh! Trúng ngay cơ quan! Chẳng những thế lại trúng ngay đầu não. Bác Tư chết ở loạt đầu và ngay trong hầm. Cậu bé nuốt ực và kể tiếp - Lúc đó em nghe văng vẳng tiếng chú Sáu Lãng kêu: Bác Tư bị thương các đồng chí ơi! Bác Tư bị thương.

- Chỉ một mình bác Tư thôi à?

- Cả chục người chứ đâu một mình được anh. Em định chạy tới coi sự thể ra làm sao. Nhưng em vừa đứng dậy thì lại té ngựa ra rồi rầm rầm rầm.

- Nó tới nữa à?

- Vâng, nó tới nữa. Nó tới đợt thứ hai.

- Ấc thế!

- Chỉ cách nhau chưa tới năm phút. Anh Cung chết ở đợt này. Còn chú Tư Siêng thì bị đất lấp. Cũng may nó chỉ bỏ có hai đợt. Nếu nó thêm đợt nữa chắc tiểu ban không còn người nào.

Tôi viết đến đây thì chiến tranh mặt đất bắt đầu diễn ra ở Kuwait. Tôi có dịp xem sự tàn phá của B52. Đứng ngoài vòng nguy hiểm để xem sự nguy hiểm thì còn thích thú nào bằng. Lửa cháy như biển. Một chiếc B52 qua, một loạt bom rắc như trấu vẩy. Sinh mạng con người dưới cánh B52 quả là mong manh hơn mạng con kiến.

Không gì chịu nổi với B52. Nhưng quân Iraq thì có thì giờ đào hầm hố và đúc bê tông công sự để cố thủ hoặc có pháo phòng không để chống trả. Hơn nữa khi cần di động thì chúng có xe thiết giáp. Còn cái gọi là tiểu ban Văn Nghệ và các cơ quan R không

có gì hết. Ban đêm thì nằm phình bụng húng còn ban ngày thì dùng đầu để đội như cầu thủ đội banh da. Trên thế giới này không có ai tàn nhẫn bằng bọn lãnh đạo Hà Nội. Chúng ở trong dinh thự hưởng lạc, xua đám thanh niên miền Bắc ngây thơ đi giải phóng miền Nam và đốt đất bọn Nam Kỳ nhẹ dạ cả tin Trung ương thừa thắng xông lên chơi với Mỹ để sau này lãnh thêm một cái huy hiệu Thành Đồng Tổ Quốc.

(Khi kết thúc cuộc chiến tranh ăn cướp, dân Nam Kỳ lãnh khúc xương không có tí thịt để cạp chơi đỡ buồn).

Cậu bé thanh niên lao động này vượt Trường Sơn bốn tháng vào đến tiểu ban Văn Nghệ lãnh chức hỏa đầu quân và chết hụt B52. Cậu ta nói tiếp:

- Chúng em phải moi đất kéo chú Tư Siêng lên. Chú vừa thở dốc vừa nhìn cái cây bên miệng hầm bị xén đứt ngọt vừa hỏn hển nói: “Trời cứu tôi.”

Cậu thanh niên trở cho tôi cái mả của Bác Tư Trang, cái mả của Ngọc Cung, của Bảy Thịnh và mấy cái nữa. Mấy mô đất nằm không có hàng lối gì, cũng không gần nhau... Bởi vì khi chôn còn tùy địa hình địa vật. Chỗ nào đất mềm mới đào huyệt được, theo cậu bé nói. Đâu có ai ngó ngang gì. Vì chúng nằm bên Tây Ninh. Về bên đây lơ mơ lại ăn phát nữa.

Đột nhiên tôi hỏi:

- Chỗ mình đang đứng đây là đâu, tên gì?

Cậu bé đáp vừa đủ cho tôi nghe:

- Tà Nốt! Cậu ta ngập ngừng một lúc rồi nói - Đây là sát biên giới Miên. Nếu mình nhảy một cái qua là đất Miên rồi. Đây là Tà Nốt. Còn chỗ mình đang ở

là “phum” gì đó cháu quên rồi. “Phum, sóc” là làng người Miên. Tà Nốt đầu phải là tiếng Việt Nam. Có lẽ đất Tây Ninh ở vùng này trước đây thuộc về Cam Bốt.

Những địa danh khác cũng nghe như tiếng Miên: Kà Tum, Lò Gò, Trảng Bàng, Củ Chi, Nàng Rà, Chà Ruột...

Cậu bé bảo tôi:

- Chú có lấy sách vở gì thì lấy mau đi rồi về! Vừa nói nó vừa trở tôi cái hăm.

Tôi chui xuống và moi tất cả vút lên mặt đất. Một số ướt ỉm, một số bị mối ăn.

Mặc kệ, tôi liếc những tên sách báo rồi tìm một tấm ni-lông rách túm lại tất cả quảy lên vai.

Thằng bé nói:

- Chờ cháu một chút.

- Để làm gì?

- Cháu cầm mấy cái bia.

Lúc ra đi tôi thấy nó xách hai ba tấm gỗ bó vào nhau. Tôi không hiểu nó dùng để làm gì. Té ra đó là những tấm bia. Nó đi sang đây công tác đặc biệt chứ không phải chỉ xung phong dắt tôi đi lấy báo.

- Chú Sáu Lăng bảo đem cầm mấy cái bia cho bác Tư, ông Bảy Thịnh và ông Ngọc Cung.

- Ủ thì cầm nhanh nhanh đi rồi về.

- Nhưng cháu không biết bác Tư nằm đâu còn hai ông kia nằm đâu.

Tôi hơi cáu:

- Sao hồi nãy nói rõ vậy?

- Chú Sáu Lăng có dặn cái mả cao nhất là mả bác

Tư nhưng bây giờ cả ba cái đều tụt thấp bằng nhau cả, cháu không biết cái nào là của bác Tư.

- Thôi vác bia về để kỳ sau hỏi cho kỹ rồi hãy đem cấm. Chẳng lẽ bia ông này lại cấm mà ông kia.

Thằng bé bảo:

- Cháu ớn đi qua bên này lắm. Cháu không dám đi nữa đâu. Chú coi đó toàn là mỏ mả, hố bom giữa hoang tàn, không có một bóng người.

Tôi thông cảm với thằng bé:

- Vậy thì làm sao?

- Thôi cháu cứ cấm đại, bia nào mộ nào cũng được chớ sao!

- Làm như vậy tui vong linh người chết quá cháu ạ!

Thằng bé đáp ngay, không suy nghĩ:

- Nếu tui vong linh thì những đồng đội của cháu chết dọc Trường Sơn tui hơn nhiều. Họ chết có được chôn cất gì đâu! Toàn dập, lòi cả tay chân nói chi đến mộ bia. Thằng bé nói vậy rồi dựng mấy thanh gỗ vào một gốc cây - Thôi để kỳ sau...

Chúng tôi trở về trên vết mòn cũ. Thiệt là hân hũu. Bất ngờ tôi có một tủ sách con con để giải sầu.

Tư Mô thấy tôi về thì mừng rỡ:

- Chú đọc hết mớ sách báo đó thì mình đi là vừa.

- Anh có viết cho những tờ báo này lúc ở Sài Gòn không?

Tư Mô soạn qua và đáp:

- Tôi có viết cho mấy tờ thôi.

- Anh thấy những tờ Văn Nghệ Sài Gòn so với tờ Văn Nghệ Hà Nội thì sao?

- Ai có trí thức nấy chú ơi.

- Vậy cũng tốt chứ sao? Mình có lý luận phủ nhận công trình của người ta thì người ta cũng có lý luận phủ nhận công trình của mình. Anh viết truyện ngắn hay gì?

- Truyện ngắn. Ý mà thôi bỏ đi chú ơi! Tôi khổ vì ba cái truyện ngắn đó.

- Viết là khổ chứ sao!

- Không phải thế đâu. Khổ công sáng tạo nói làm chi! - Tu Mô ngó quanh, không thấy có ai nên tiếp - Khổ này là khổ ngồi còng lưng kiểm thảo. Người ta kiểm thảo tôi ba ngày ba đêm về tư tưởng sáng tác đó chú ạ!

- Con mẹ gì lắm thế?

- Ác lắm. Tôi chỉ nhận sai lầm thôi; còn sửa chữa thì không cần thiết.

- Tại sao vậy?

- Vì tôi không định viết cái gì nữa hết.

- Thì đó cũng lại là sai lầm. Hì hì. Tiểu ban có mấy ngoe, anh không viết thì ai viết.

- Có thiếu gì!

Tôi trải sách báo ra một vệt nắng tròn tròn méo méo mà phơi. Tôi gỡ ra từng trang rời cho mau khô. Tôi tự chế diễu mình: Một thú Cố Quỳnh phơi sách nhưng không có bà công chúa nào đi ngang qua để xin “đá bèo” một phát.

Trong tiểu ban có một anh bạn rất dễ thương. Đó là nhà văn Thủy Thủ, thân hình gầy nhom, tay chân lòng không. Đã vậy lúc nào cũng mặc quần

cút và áo bà ba ngắn tay không cài cúc để hở cái cổ cao nhòng và bộ ngực lép như tấm các tông. Anh có giọng nói khàn khàn. Thủy Thủ thân với Tư Mô nên đến chơi luôn. Do đó gặp tôi ở trong lều với Tư Mô. Thủy Thủ hay nói chuyện trời mây mưa nắng chứ không nói chuyện Sài Gòn (sợ các đồng chí nghi là còn dính dáng với chế độ cũ!) cũng không nói chuyện rừng rú hoặc xã nghĩa, vì không biết nhiều. Anh là một thủy thủ - từng sống trên đại dương... hơn trên đất liền. Tôi có nghe anh em nói anh làm chủ bút tập san Hải Quân Sài Gòn. Ngoài ra tôi còn biết anh qua truyện ngắn *Chiếc Guốc Xinh Xinh* đăng trên báo văn học Hà Nội, là cơ quan cuối cùng của tôi trước khi tôi đi B.

Thủy Thủ lặn lưng một gói “chè” Chính Xuân. Anh đưa cho Tư Mô và nói:

- Của anh Sáu Lãng cho tôi.

Sáu Lãng, cũng như anh em, trên răng dưới dế, có cái gì khác đâu Anh đặc biệt chú ý đến Thủy Thủ như một người bạn lắm đường biết ăn năn hối ngộ, và với Tư Mô là đồng chí bị kỷ luật đảng (một cách oan uổng hay không oan uổng) và đang buồn rầu. Có lần đi hội nghị ở đâu “trên,” anh giấu đem về được một tí rượu Mao Đài Tửu trán dít chai để tặng Tư Mô, cái thứ rượu thừa của các ông bà thủ trưởng vô sản, nhưng rất quý với đám các ké này.

Tư Mô luôn luôn nhắc lại tấm ân tình nồng mặn đó. (*Ngay cả lúc xuống Bến Tre với tôi, hai đứa chạy vắt giò lên cổ, anh cũng vẫn nhắc cái hộp rượu Mao Đài*).

Tư Mô nhóm lửa nấu nước và bộ ba ông táo uống trà khan. Tư Mô khen:

- Ngoài Bắc chỉ có trà Chính Xuân là uống được thôi. Nó đậm đà, pha nhiều nước vẫn còn cốt. Còn các thứ khác như Hoa Nhài, Ba Đình thì không bằng.

Tôi nói:

- Tôi không phải là chuyên gia uống trà, nhưng xin cho anh biết Chính Xuân là trà hạng bét miền Bắc ta đấy!

- Còn trà nào hạng nhất?

- Anh đoán thử coi! Thiết Quan Âm Kỳ Chương của Chợ Lớn, Vũ Di Sơn, Trâm Mã Trà của Tàu không sánh nổi đâu.

Tư Mô ngẩn ngơ:

- Có thể là tôi chưa biết.

Tôi nói:

- Đó là trà “cau khô”.

- “Trà cao” à? Trà nấu thành “cao?”

- Không!”Cau,” trái cau của mấy bà cụ ăn trâu.

- Rồi làm sao thành trà?

Tôi điềm nhiên nói :

- Trà khó mua lắm. Cán bộ và dân ghiền phải treo mồm chờ đầu tháng để mua một gói. Lúc lên con ghiền thì đi quán uống trà cau khô. Nói tắt một cái là chủ quán phơi xác trà rồi tẩm với nước cau khô đem sấy. Châm nước vào rót ra cũng nước nâu nâu, uống thì chất chất nhưng không có bao nhiêu vị trà. Tụi quán này tìm được sáng kiến đó nên làm được khối tiền.

Tư Mô hỏi:

- Khách vẫn uống à?

- Không có chất chất nào khác thì đành chịu uống nước cau khô thôi.

Tư Mô nghe tôi nói thế lắc đầu ngồi im.

Tôi rót cho anh và Thủy Thủ mỗi người một cốc và nói:

- Đây không phải là nước cau khô đâu. Uống đi cho bổ khỏe.

Tư Mô bỗng bật qua rượu:

- Tại sao quốc doanh ta lại cho rượu Đồng Tháp cái màu bao nhang như vậy chứ?

- Tôi đâu có hiểu được anh!

- Nó giống như xi-rô gờ-rờ-nát-din trong này chứ không phải rượu. Hơn nữa nó ngọt quá đi. Uống gắt cổ tưởng như ăn chè.

- Anh uống hồi nào mà anh biết rõ vậy?

- Hôm nọ thằng gì ở bên Tuyên Huấn gọi cho tiểu ban nửa chai. Sáu Lãng đưa tôi nếm thử để phê phán!

- Rồi anh phê phán làm sao?.

-Trước mặt vài ba người khác, tôi đành phải né. Tôi nói nó ngon như Anis của Pháp nhưng phải cái màu đỏ bao nhang, nhà quê quá! Giống như Marie Sến trong văn học vậy.

Không muốn để cho đồng nghiệp Thủy Thủ nghe nhiều chuyện miễn Bắc nên tôi quay sang *Chiếc guốc xinh xinh*. Tôi hỏi một câu đáng lý ra là một nhà văn không nên, nhưng tôi muốn biết câu chuyện chứa đựng bao nhiêu sự thực hay chỉ là một sự tưởng tượng hoàn toàn.

- Anh viết *Chiếc guốc xinh xinh* trong trường hợp nào?

- Tôi viết ngay ở đây, trong cái lều của tôi kia kia.

Tư Mô nhấp hớp trà rồi nói:

- Chú nó muốn hỏi anh là chuyện đó có “*baser sur une vérité*” (căn cứ trên sự thực) hay chỉ sáng tạo?

Thủy Thủ cười:

- Chắc anh cũng tưởng tượng ra được câu trả lời. Nhân vật chính trong truyện là tôi. Tức là một sĩ quan trong cuộc hành quân ở An Hóa ấy mà. Tôi đã dùng một chiếc guốc có cái gót nhọn đập đầu tên chỉ huy trưởng cuộc hành quân và chạy sang hàng ngũ cách mạng. Ở tại mặt trận đang nổ súng, có viên chỉ huy trưởng nào để cho sĩ quan thuộc cấp đánh mình trước mặt ba quân như vậy không? Càng lạ lùng hơn nữa là viên sĩ quan vẫn chạy thoát và...

- Và bây giờ ngồi chong ngốc ở đây uống trà Chính Xuân. - Tôi nói tiếp - Và nghe cán bộ miền Bắc kể chuyện uống trà cau khô!

Cả ba cùng cười, Tư Mô nói:

- Chú ấy hỏi cho vui vậy thôi, chớ ai không biết đó chỉ là sự tưởng tượng quá phong phú của tác giả.

Thủy Thủ cười khoe hàm răng trên vàng ệnh khói thuốc.

Cuộc uống trà chỉ xoay quanh năm mẫu chuyện vặt. Rồi trà nhạt, chuyện cũng nhạt theo. Sắp sửa tan hàng, bỗng tôi sực nhớ câu chuyện cấm mộ bia cho bác Tư Trang. Biết rằng cả hai người Thủy Thủ lẫn Tư Mô đều là những kẻ sống sót Sau vụ B52, nên tôi hỏi thẳng Tư Mô

- Bác Tư bị thương ở đâu anh Tư?

- Ở đầu và cổ.

- Nặng không?

- Nặng chớ. Anh Sáu Lăng kêu y tá. Nhưng tiểu ban đầu có y tá y tướng gì. Chỉ có chị Hai Lý (tức vợ anh Lý Văn Sâm) giữ một mớ kí nin và thuốc đỏ thôi. Ngoài ra khi ốm đau thì mỗi người là y tá của chính mình. Kêu khản cổ chẳng có ma nào chạy tới. Nhưng nếu có thì cũng không kịp.

- Tại sao vậy?

- Chú ơi! Bị một trận rồi mới biết B52 là ma quỷ. Nó rải thảm một loạt rồi chú thấy trời đất đều thay đổi, không biết đường nào mà đi. Chân tay như xụi lơ, đầu óc trống rỗng không còn hoạt động và suy nghĩ gì nữa. Nhưng chỉ trong vòng ba, bốn phút là đột hai lại tới. Tất cả lại thụt xuống hầm chớ làm sao mà bằng bó. Nhưng bằng bó cũng vô ích vì bác đã chết rồi.

- Không có trời trần gì à?

- Bác chết trên tay Sáu Lăng. Sáu Lăng bảo bác không có nói gì hết. Ngáp ngáp rồi đi xuôi.

- Còn Ngọc Cung?

- Ngọc Cung chết ở đợt hai.

- Nghĩa là...

- Hồi sau đợt một Ngọc Cung chỉ bị sụp hầm nên bò sang hầm Bảy Thinh. Do đó mà chết cả hầm sáu, bảy người - Chậc! Tư Mô ngồi thù ra một hồi rồi tiếp - Con người có cái số hay sao đấy chú ạ! Nếu nó không bò sang hầm Bảy Thinh thì nó đã không chết.

- Tại sao anh lại bò sang đó?

- Đã bảo là hầm của nó bị sập mà! - Tư Mô lại ngồi thừ ra, không giấu được sự xúc động. - Mấy người chui trong hầm chữ L là cái hầm lớn nhất của tiểu ban đều vắng mất hết. Sau đợt hai, anh em đi nhặt nhanh. Bảy Thịnh còn sót có cái đầu, nhờ mó tóc xám tro mà anh em nhận ra. Còn Ngọc Cung thì anh em chỉ nhặt được có cánh tay đeo đồng hồ. Là thay người chết mà cái đồng hồ vẫn chạy. Cái đồng hồ vàng của vợ mới mua cho. Chỉ có bác Tư là còn nguyên xác thôi.

- Rồi chôn cất làm sao?

- Chộp! Điều đúng, hoang tàn và khốn nạn lắm chú ơi. Ở trong nhà chỉ có một người chết là tang gia đã bối rối lắm rồi. Đằng này sáu, bảy người. ủa... đâu phải sáu, bảy mà...

Thủy Thủ tiếp:

- Mười một người anh ạ!

- Mười một người chết một lúc, chôn một lúc. Và “tang gia” không có món gì hết ngoài chiếc cốc cùn. May sao còn được món binh khí đó. Nếu không thì phải đào huyết bằng răng. Ba lô ba liếc bay mất hết, vòng màn lều trại không còn chút nào. Anh em đi quơ được miếng ni lông, mảnh vòng nào đem đắp điểm chú không đủ gói ghém đâu. Cứ để nguyên xác vậy cho xuống huyết rồi lấp đất. Chôn xong mười một cái xác là đến nửa đêm. Chưa kịp đắp nấm đã phải dời cơ quan. Vì sợ sáng mai nó chơi phát nữa là rụng hết tiểu ban. Thằng yếu hóa ra ốm, thằng

mạnh thì dật dờ như sắp chết. Cả một lũ khật khừ kéo nhau đi giữa đêm tối. Đâu có biết đường hướng gì. Cứ nhắm chùng mà vượt biên giới, qua đất Miên để lánh nạn. Cũng may nó không vượt biên ầu cho nên mình mới tìm ra chỗ bắc cái bếp nấu lon nước uống. Nếu nó đuổi theo thì chẳng biết chạy đi đâu. Chíp! Chú biết không, tôi nằm ở giữa hai hố bom chú ạ. Nếu thằng phi công “bấm nút” sớm hoặc muộn một cái nháy mắt thì tôi văng xương rồi. Chú có nghĩ rằng có trên một trăm trái bom rơi xuống khu vực tiểu ban mình không?

- Một trăm?..

- Sợ còn hơn. Số chết tôi vừa kể là người của tiểu ban Văn Nghệ thôi, còn các bộ phận khác thì không tính. Có một cặp vợ chồng ôm nhau mà chết. Đó là một cặp đào kép trẻ mới tập sự. Hai đứa yêu nhau nhưng tổ chức lại ngăn cản. Sợ rằng cô đào mang bầu thì không lên sân khấu được ngoại trừ một nhân vật trong kịch có bầu. Chúng nó vẫn kiên trì yêu nhau... Hôm đó có lẽ chúng chui chung một hầm để có dịp tâm sự hoặc hôn nhau. Đúng vậy, khi bom dứt anh em đào lên, thấy cô trong tay cậu. Không vết tích gì hết nhưng chết tươi. Súc ép của không khí làm đôi tim ngưng đập. Hai đứa nó sẽ yêu nhau trên thiên đàng.

- Mặc dù hết sức bối rối, anh em vẫn làm hô hấp nhân tạo cả mấy tiếng đồng hồ, nhưng tim vẫn không đập trở lại. Có lẽ mạch máu nào đó bị đứt. Trái bom nổ cách có ba thước tây.

- Có ai làm thơ về cái chết đó không?
- Ở đó mà thơ. Thơ vẫn ở đâu đó ngay trong tiểu ban Văn Nghệ thì lại không.

Thủy Thủ đi về lầu. Còn nửa gói giao lại cho Tu Mô để ngày mai lại hội nghị bàn trà. Trời ngả hẳn sang chiều. Nắng làm khô những cuốn sách và những tờ báo. Tôi khao khát được đọc báo Sài Gòn xem sinh hoạt văn học trong này ra sao.

Tôi hỏi Tu Mô:

- Tờ nào anh thích nhất?
- Chú cứ đọc đi rồi tôi sẽ trả lời sau.

Tôi mắc màn chui vô nằm kỹ vì sợ lúc mê đọc muỗi đòn xóc chích không hay mà mang khốn. Tôi để một chồng báo và một mớ sách dưới đất ngay đầu võng còn một xấp thì ôm trên mình, như vậy khi đọc hết thì sẵn đó với tay lấy khỏi phải đi đầu mất hứng. Khởi đầu bằng các tờ tạp chí. Tôi dò từng tờ thì thấy mấy truyện ngắn của các nhà văn Liên Xô chống đối Stalin. Như truyện *Bàn Tay* của nhà văn Kuzenetsov. Anh ta mô tả Stalin với bàn tay đầm máu, loại truyện

ẩn dụ không phải tả chân. Đọc xong tôi dò tìm những bài khác. Bất ngờ tôi gặp bài nói chuyện của Trường Chinh (lâu quá rồi, tôi không còn nhớ tên bài và tờ báo nào đã đăng nó). Nhưng sau này khi về Sài Gòn thì tôi biết đó là do Vũ Hạnh từ khu mang về. Tôi đọc lại cả bài thì thấy gần nguyên văn bài nói chuyện của Trường Chinh mà tôi nghe và sau này đăng trên báo Hà Nội. Lần đó, sau đại hội văn nghệ toàn quốc đề bạt Nhân Văn Giai Phẩm, ông ta lên lớp toàn thể văn nghệ sĩ Hà Nội. Tất cả là chín điểm. Dài lắm. Cho nên nói không kịp giờ, phải dời văn nghệ sĩ đến Câu Lạc Bộ Quân Nhân ở trong sân Cột Cờ. Câu lạc bộ nhỏ quá không đủ chỗ chứa cho nên một nửa ngồi bên trong, một nửa đứng ngoài sân cỏ. Tôi là cái thằng không bao giờ chịu đọc hết một bài báo *Nhân Dân*, bất cứ bài gì và của ai viết trừ bài của ông vua xét lại Khơ Rút Sốp (có bài dài cả ba trang báo nhưng đọc vẫn khoái). Từ 1958 trở đi tôi có ý nghĩ tờ *Nhân Dân* là tờ báo Ngụ Dân nhất thế giới, nói bậy nói bạ, nói ẩu nói tả, nói láo nói toét, không có một bài nào đáng hoàng, ngay cả một mẫu tin sản xuất của Hợp Tác Xã. Các báo Cộng Sản phụ họa cái đường lối đó. Nhân dịp câu lạc bộ không có chỗ ngồi, nên tôi ra ngoài sân cùng với cả trăm người khác một cách hợp pháp. Nghe ông diễn giả nói đâu tới điểm thứ năm gì đó thì tôi ngủ khò. Nằm trên cỏ xanh êm như nệm lại có gió thổi lai rai, tội gì không ngủ. Khi giật mình thức dậy thì tôi nghe lan man được một câu - đến bây giờ vẫn còn nhớ - Câu đó như thế này:

- Ở nước ta thì có nhà văn Tô Hoài chú ý tới lời ăn tiếng nói của quần chúng.

Thế là tôi ghi trong trí câu nói ấy. Tất cả chín điểm của ông nói mất tám tiếng đồng hồ, còn sót lại trong tôi có mấy chữ đó. Bây giờ có cả bài in trên báo Sài Gòn, tôi có thừa thì giờ đọc nhưng tôi cũng không đọc. Tôi tìm các báo khác. Tôi có đọc một truyện ngắn của Thế Uyên, không nhớ là truyện gì trong đó có câu: “*Những tên cộng sản cuồng tín*”. Câu này không làm tôi phản ứng gì cả. Tuy vậy vẫn còn nhớ tới bây giờ: “cộng sản cuồng tín!” Đúng quá!

Sau đó tôi đọc *Loan mất* nhưng một cách say sưa. Vì lâu nay không đọc loại truyện có nhiều “chất mặn” như vậy. Đúng ra là thời kỳ còn đi học thì có đọc lén các sách của Pháp như Paris Magazine, Sous Les Tilleuls, v.v. Rồi đi kháng chiến thì đọc báo sách toàn là cầm thù giết Tây. Có thể nói chồng báo sách Sài Gòn đã cho tôi thấy hai con đường văn học khác nhau giữa Hà Nội và Sài Gòn. Hà Nội thì quá nhiều thứ cấm kỵ còn Sài Gòn thì chẳng cấm kỵ gì cả. Tôi cũng không nghĩ là một ngày nào đó tôi sẽ viết như nhà văn Sài Gòn, nhưng có một thời tôi mơ ước được làm nhà văn viết như Tam Lang, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân - mô tả những cảnh khốn cùng, những cảnh chơi bời, những cảnh éo le của cuộc đời. Đó là khoảng 1956, khi tôi từ trong Nam mới ra Hà Nội. Tôi thấy sao người viết văn ở đây bị gò bó quá xá. Hở ra một cái là lập trường. Nhất là trong Cải Cách Ruộng Đất thì lập trường càng phải được giương cao

lên như một thứ quốc hồn. Nhưng nhìn quanh tôi những nhà văn tên tuổi, có ai viết được một quyển nào về Cải Cách Ruộng Đất đâu!

Tôi chỉ đọc có một quyển *Mười năm* của Tô Hoài. Anh nghe tôi than thở: “*Không viết được*” thì cầm quyển sách tới tận cái ga ra bần hèn của tôi - (ở chung với Nguyễn Quang Sáng) ngay bên cạnh một cái cầu tiêu thùng - mà cho tận tay rồi lại còn rủ tôi đi đến chợ Hàng Da ăn bít tết và uống rượu vang nữa. Nhưng tôi chỉ uống rượu chứ không ăn, nài có là đã ăn cơm rồi, kỳ thực thì bụng nghĩ giá miếng bít tết năm đồng (tôi lãnh lương có đâu ba chục đồng) thì nhiều quá, ăn rồi biết bao giờ mới mời lại anh được?

Anh khuyên tôi cố gắng nhớ lại chuyện kháng chiến và quan sát chuyện bây giờ... Tôi nhận lời cả, nhưng cứ nao nao tâm trí thế nào ấy, vẫn cứ không viết được. Và ý nghĩ về Sài Gòn ngủ dưới gầm cầu để viết những chuyện trong đó có gã Gavroche, có cô Colette như Victor Hugo hay những chuyện đi hát lang thang trong Sans Famille của Hector Malot, chứ ở đây thì suốt đời chắc chắn không viết được, nên đã có ý định giang hồ lang bạt chứ không thích cuộc sống bình thường. Do đó tôi lên Ủy Ban Quốc Tế xin về Nam để viết... Nhưng chuyện bất thành, như đã kể trên.

Bây giờ tôi lại được thấy “đồng nghiệp” ở Sài Gòn viết những gì mà mình từng mong ước nhưng quả tình là chưa có ý định về Sài Gòn. Vì ít ra mình cũng đã ra khỏi miền Bắc bó buộc, về Nam thì có không

khí mới mẻ của chiến tranh chống Mỹ, nào Ấp Bắc, nào Đồng Xoài, nào Địa Đạo Củ Chi, nào anh hùng diệt Mỹ. Do đó ý định xưa của tôi bị loãng đi, hầu như bị vùi lấp. Tuy vậy không chết hẳn!

Tối hôm đó, nhân có một cuộc diễn tập một vở kịch nói của Nguyễn Vũ, tức là ca sĩ Ngô Y Linh trước kia từng tham gia kháng chiến chống Pháp ở miền Đông Nam Bộ. Tôi muốn đi xem cho biết. Đây là vở kịch thứ tư của nhà soạn kịch này. Ở Hà Nội, Nguyễn Vũ có vài vở diễn ở Nhà Hát Tây được ở trên khen mạnh. Đó là những vở mô tả phong trào học sinh chống đối chánh quyền ở Sài Gòn. Tôi có đi xem nhưng không đến màn cuối. Tôi thấy nó không đúng. Tác giả bịa ầu quá! Cũng kiểu như vở *Giáo Sư Hoàng* của Bửu Tiên. Tôi được vé mời mấy lần mới đi xem, nhưng cũng chỉ xem nửa chừng. (Cái lối của Hà Nội là ở Sài Gòn cái gì cũng tẻ hết cả, kể cả lương tâm). Tôi đi học, có nhiều thầy và giáo sư có bằng cấp cao, tôi tin chắc giới trí thức không ngông cuồng như thế, nếu có thì không phải là bản chất mà là hiện tượng, không phải phổ thông mà chỉ là đặc thù gì đó (theo như lý luận của các ông giáo sư Chính trị Hà Nội).

Buổi diễn tập này tôi lại cũng không xem được, vì ông ta cũng phịa ầu như ở Hà Nội, bất chấp thực tế. Tôi lại gặp Thuần, thằng bạn Hà Nội. Hắn làm Phó giám đốc Đại Học Nhân Dân ở Thái Hà ấp. Trường này tọa lạc trong khuôn viên của Phó vương Hoàng Cao Khải do ông Nguyễn Văn Trấn làm giám đốc, một cái trường đại

học gần Khâm Thiên, như một cái ổ cò đầu, dùng để làm mọi việc ngoại trừ đào tạo sinh viên thành tài.

Thuần chán cái chức Phó Giám Đốc trường Đại Học Nhân Dân này vì thực chất không có ai học cả. Nó như một cái nhà chứa. Cơ quan nào cần họp đại hội thì đến mượn hội trường. Chính cuộc đấu tố Nhân Văn Giai Phẩm đã xảy ra ở cái trường Đại Học Nhân Dân này.

May mắn không hiểu ở trên nghĩ thế nào mà ông Phó Giám Đốc được cho đi học Triết học ở Liên Xô. Hắn đi hồi nào quả tình tôi không hay, nếu có thì sẽ nhờ hắn mua giùm cái quạt máy tai voi để dùng đỡ giấc ngủ vào mùa hè. Bù lại tôi sẽ gởi cho hắn vài chai nước mắm. Khi tôi sắp về Nam thì lại gặp hắn ở Hà Nội. Hắn cho tôi biết cũng sẽ đi Nam cùng với Bùi Thanh Khiết sau này về làm trưởng phòng Chính Trị mà tôi sẽ có dịp nói đến trong hồi ký *Củ Chi Đất Thép Thành Bùn* của tôi.

Khi vào Trường Sơn, đến trạm năm, hay sáu gì đó thì lại gặp Thuần. Bấy giờ hắn làm bí thư riêng cho ông đại tướng Mặt Sắt. Ông đại tướng giấu mặt nhưng nhờ hắn mà tôi biết được. Lần đó hắn cho tôi cả một hộp sữa Con Chim Nestlé thú thiệt. Ối giào! Phải là một thằng như thế nào và thân với tôi đến mức nào mới có thể làm cái nghĩa cử vĩ đại đó. Rồi hai đứa chia tay. Không rõ hắn đi đường nào nhưng bây giờ gặp lại thì thấy hắn tốt tươi như hoa xuân trong vườn xuân vậy.

- Mày lò mò tới định làm rể cho bà Thanh Loan hả?

- Bậy hoài! Thằng nào muốn làm suôi với tao thì làm chó tao chịu làm rể cho ai mậy!

- Mà có con trai hay con gái?

- Con trai con gái có đủ, nhưng con trai lớn hơn.

Hắn lớn hơn tôi vài tuổi. Thế mà con đã lớn ngần ấy, còn tôi “*vợ còn chưa có, có chi con!*” Rõ buồn. Bây giờ tôi mới thấy thích thú thay là cái sự có con. Cứ xách xe chạy rong hết yêu lại yêu, yêu từ Hà Nội yêu vô tận trường đi B, yêu vô tận Trường Sơn rồi bây giờ chả con ma nào bên cạnh cả.

- Tao đem thằng con gởi cho chị Ba Thanh Loan đây chứ.

- Mà móc nó vô hả?

- Chớ sao! Cha Việt Cộng, con Quốc Gia sao được!

Hai thằng kiếm chỗ mắc võng, nhưng nằm một chập, hẳn gọi ý:

- Mà có chỗ nào nhậu không?

- Có!

- Vậy thì đi! - Để tôi yên tâm hẳn nói ngay - Tao có rượu, thịt, cà phê, thuốc lá đủ hết. Kiếm chỗ nào yếm yếm hai đứa làm một bữa. Tao biết qua đây là gặp mà y nên chuẩn bị sẵn hết.

Nói xong hẳn đi một chốc rồi trở lại với chiếc xe đạp.

Tôi kêu lên:

- Mà làm chúa tể rồi!

- Vợ tao nó gởi vô đây!

Tôi nhìn chiếc xe Peugeot mà trầm trồ:

- Phải còn ở Hà Nội tha hồ mà “nhõn” với các em.

Thuần cười :

- Thứ này trong Nam là đồ bỏ. Tao nói cho vợ tao nghe về tình trạng xe đạp ở Hà Nội. Tao kể cho nàng nghe luôn chuyện một ông giám đốc gởi thơ về nhà ở Sài Gòn qua đường Pháp, chỉ xin gia đình cái khung xe đạp thôi. Vợ tao hời oi. Nàng không dám hỏi “xã hội chủ nghĩa gì nghèo vậy anh?” Nhưng tao đọc trong đầu nàng một trăm câu. - Nào, nhảy lên cho anh đội “lái” về nhà! - Thuần pha trò - Rồi về nhà mời anh đội uống tí “nước” ...! Bộ sợ hư xe hả. Peugeot chắc lắm, đừng lo!

Thuần gò lưng đạp đi.

Tôi cũng pha trò trở lại:

- Độ này anh đội còn khỏe không ạ? Vừa gặp “chị đội” có công tác tốt không?

- Tốt chứ! Hí hí! Cả chục năm tích trữ lực lượng chẳng lẽ lại thua à?

- Ba ván liền không bỏ ván nào hả?

- Ôi giao, anh đội khỏe như vâm ấy. Ban đêm không đủ, tranh thủ cả ban ngày.

- Rồi chị đội về à?

- Ở trong này muỗi mòng chịu sao thấu. Ẽn gốc “đ. chĩa” mà.

- Chị ấy có rù rì câu gì mất lập trường không?

- Ẽn thì rầu lắm. Còn thằng con tao thì nó gặp tao nó không mừng chút nào. Nó nói với má nó rằng tao không giống ba nó mới thấy mẹ chó! Đã vậy, một hôm nó hỏi tao: “Ba ơi ba! Việt Cộng là thằng nào hả ba? Sao hôm rày con không thấy?” Tao vừa tức cười vừa tức giận, quát: “Là thằng cha mày đây nè!” Nó nói: “Ồ trường, tụi con nghe nói: *Việt Cộng, ba thằng đeo một tàu đu đủ không rụng.*”

Hai đứa cười vang rùng. Chiếc xe bất ngờ sụp xuống một cái ổ gà nhưng Thuần đạp rướn lên. Tôi nói:

- Trường hợp của mày còn có chỗ chế, vì trẻ con chẳng biết gì. Mày đi hỏi nó mới bốn, năm tuổi. Ở nhà nó lớn lên không có cha bên cạnh lại bị Ngô Đình Diệm nhồi nhét hai tiếng Việt Cộng vào đầu cho nên nó không thể tưởng tượng một thằng lèm nhèm lù xì như mày lại có thể là bố nó. Để tao kể cho mày nghe trường hợp thằng cháu vợ của Lê Đức Thọ. Mày biết Nguyễn Văn Cung trưởng ty Công An Bạc Liêu thời chống Pháp không?

Thuần nói:

- Hắn đeo dít ông em vợ ủy viên Bộ Chính Trị nên được lãnh chức trưởng Sở Du Lịch Hà Nội rồi về Nam được đi bằng máy bay không phải lội Trường Sơn như mày.

- Như mày nữa chứ?

- Ý tao thì khác mày đã nghe!

- Nói vậy mày đi trên mây hả?

- Không biết chừng! Rồi sao nữa?

- Thằng chả có thằng con trai tên là Chu Dung Chu Vương gì đó. Ở tại Sài Gòn nó ăn chơi khét tiếng và mần ký giả nữa. Ông già nó về, kêu nó vô khu nó không vô. Ông phải nhờ chú ruột nó gọi tiếp nó mới vô.

- Tại sao bố không có quyền bằng chú?

- Tại vì chú nó có công dạy nó nuôi nó từ bé! Ngoài ra chú nó còn là giáo sư triết học đi Liên Xô như mày. Nó vô bị chú nó chinh một keo nặng lắm.

Nó ngồi im không nói gì. Chú nó tưởng thằng cháu thẩm bài bèn lấy bài thơ *Hãy Nhớ Lấy Lời Tôi* của Tố Hữu ra đọc cho nó nghe và giải thích cho nó theo kiểu triết học. Đại khái là: “*Phút thiêng liêng anh gọi Bác ba lần*” và “*lũ giết thuê và lũ viết thuê*”. Y nói là lính Sài Gòn và các ông nhà báo Sài Gòn là một lũ “viết thuê.” Đến đây thì không còn nhịn ông chú được nữa, ông cháu bèn hỏi:

- Chú nói ai là “lũ viết thuê?”

- Là tụi báo biếc Sài Gòn.

Ông cháu cười nhạt:

- Chú đã lần nào gặp “tụi” đó chưa mà biết họ “viết thuê”?

- Chưa gặp nhưng chú biết chúng nó chỉ viết theo lệnh đồng tiền và bọn chánh quyền.

- Cháu xin lỗi chú, cháu cũng là nhà báo đây, nhưng chưa bao giờ cháu viết theo lệnh đồng tiền và lệnh chánh quyền cả. Cháu hoàn toàn làm chủ ngòi bút của cháu. Ngược lại cháu thấy các nhà báo Hà Nội toàn viết theo lệnh chánh quyền.

- Sao cháu biết?

- Cháu có đọc báo Hà Nội khá nhiều. Toàn là một khuôn. Chỉ có Nhân Văn Giai Phẩm là khác thôi.

Ông chú bí lý, ngồi im. Ông cháu tấn công tới tấp:

- Cháu nghe ba cháu nói là nước mình độc lập dân chủ nên má cháu ở nhà nuôi cháu và em cháu để ba cháu đi kháng chiến. Khi hòa bình lập lại, cháu cũng muốn tập kết với ba cháu nhưng má cháu không cho đi vì cháu là con trai duy nhất. Cháu tưởng là miền

Bắc có dân chủ thật sự, nhưng khi hành nghề ký giả, cháu tìm hiểu nền báo chí và văn học miền Bắc để so sánh với báo chí và văn học miền Nam đặc biệt là Sài Gòn. Càng tìm hiểu, cháu càng thất vọng. Qua các báo *Nhân Dân*, *Độc Lập*, *Lao Động*, *Văn Học*, *Tạp Chí Nghiên Cứu Văn Học* và một số truyện, bút ký của Hà Nội, cháu có thể thấy ngay miền Bắc không có tự do, bất cứ tự do gì. Còn như ông Tố Hữu viết cái câu thơ “viết thuê” là viết ầu.

Ông chú trợn ngược và nhảy dựng lên:

- Mà nói thật đấy chứ?

- Vâng, đây là cháu nói với một sự chính xác và nghiêm túc tối đa. Cháu có thể đặt giả thuyết: Nếu tất cả các báo đều xóa tên của mình chỉ để tên báo *Nhân Dân* thì cũng được, bởi vì báo nào cũng nói giống y báo *Nhân Dân*, gần như “báo cóc”. Còn truyện và ký, nếu xóa hết tên tác giả chỉ để một ông X hoặc Y nào đó đứng tên giùm tất cả cũng cứ được, vì ngòi bút không có sắc thái, không có cá tính riêng mà chỉ có một lập trường.

Ông chú ngồi ngẩn tò te. Cuộc “tranh luận” giữa chú, cháu chấm dứt. Đường ai nấy đi. Sáng hôm sau ông cháu cắp nón ra về. Mà biết ông chú đó là ai không?

- Ai?

- Ông ở bên tổ huấn học của Ban Tuyên Huấn Miền Nam.

Thuận đạp một mạch tới nơi “tư thất” của tôi và Tư Mô, thì hạ trại. Tư Mô thấy chiếc xe Peugeot còn mới mà trầy trụa, bùn đất dính đầy thì lắc đầu. Tôi liền giới thiệu thẳng bạn:

- Đây là ông Phó Giám Đốc trường Đại Học lớn nhất Hà Nội nhưng không có ông bà học trò nào cả, đồng thời là một nhà triết học suýt đổ bằng Phó Tiến Sĩ... Còn đây là ông Tư Mô dân ghiền có “bài nhí” của tiểu ban Văn Nghệ nhưng vì không có nước cay nên không vươn lên “bài nhút” được. Bữa nay ông Phó Tiến Sĩ hựt sẽ đãi ông ghiền bằng một hộp thịt Mỹ, một chai rượu Tây, một gói cà phê Lèo, một chai mắm bò hóc Miên và một hộp sữa Sài Gòn, v.v.

- Com chiều với mấy cục thịt dọc dai nhách, nuốt không vô, xót ruột chưa biết phải cải thiện sinh hoạt bằng cách nào đây, chẳng ngờ ông bạn mang bằng ấy chiến lợi phẩm tới thết chúng tôi quả thật là nhờ hồng phúc của Sáu Lãng đại đế.

- Đại rượu đế!

Bếp núc nổi lửa rào rào. Rượu khui một cách êm ái. Tránh mọi tiếng động có thể quến những ông khách không mời mà đến, những ông vô ngại tướng quân, và những ông hay đi rào qua các lều vào những buổi chiều ăn cơm “hèo” như thế này.

Tư Mô vừa khui hộp thịt vừa nói với tôi:

- Chú Hai sẽ thấy một cục thịt nạc heo bằng chiếc gối đệm trong cái hộp này.

- Sao anh biết?

- Ở Sài Gòn tôi ăn hoài mà. Nhưng nhậu thì đây không phải là món hấp dẫn.

- Kệ nó, dù sao cũng hơn rắn mối và cua đá.

Anh nói:

- Chỉ nên ăn một phần ba, còn hai phần ba để

đành ngày mai chó! Ông bạn ở lại chơi mình lấy gì đãi?

Chai rượu tây hiệu gì tôi không còn nhớ nhưng ngon lắm, lạ lắm. Tư Mô đem nó pha với rượu đế để khỏi xa xỉ. Nhậu xong thì uống cà phê. Cà phê xong đến trà. Vì có khách đặc biệt nên tôi lẫn anh Tư đều đồng ý không mời Thủy Thủ. Tuy nhiên, theo điệu nghệ “bài nhì” chúng tôi long trọng quyết định sẽ để dành cho ông bạn vàng một cục thịt khá dī chi dưng trong một bữa cơm, ngoài ra sẽ đãi ông một chén cà phê sữa pha theo kiểu nhà nghề và một điếu thuốc Pall Mall.

Thuần nói với tôi:

- Tao tìm mày để nhậu bữa nay vì tao sắp đi với “ổng” xuống Củ Chi đất thép không biết chừng nào về và không biết có về được không. Ngoài ra tao muốn gọi thằng nhỏ cho mày trông coi giùm. Má nó không cho nó đi nhưng tao sợ để nó ở ngoài rồi nhiễm ba cái văn hóa Sài Gòn. Sau này khó uốn nắn theo cách mạng dữ lắm.

Tôi hỏi:

- Sao mày không để nó ở “bển” có phải tốt không? Ở đó toàn là tượng tá gương mẫu cho thằng bé noi theo, còn trong cái tiểu ban Văn Nghệ này chú bác của nó bê bối lắm, làm sao mà dạy dỗ nó cho được?

Thuần nói:

- Nó bảo nếu để nó ở bển nó sẽ đi về với má nó. Tao nghe nói văn công của chị Ba có lắm chất tươi cho nên muốn gọi nó ở đó. Chị Ba đang cần người mặt mày

sáng sửa để làm diễn viên, chắc nó nhảy cóc nhảy nhái giúp cho chỉ cũng được.

Tôi cười :

- Nhưng mà chuột sa hũ nếp, ở đó có mấy cô đào non Việt kiều, coi chừng nó bị hớp hồn đó nghe mày.

Thuận lắc:

- Dòm ngó cho vui thì được nhưng đi sâu hơn nữa ắt không xong. Má nó ở nhà đã lựa chỗ làm suôi rồi. Con nhỏ kia có cho nó hình. Coi cũng khá lắm. Tao nghĩ cũng kỳ, bỗng nhiên mình có dấu. Giống in như trời cho.

- Tao thấy mày khỏe rồi đó. Dầu sao cũng lấy vốn.

- Vụ con “ba lê” của mày tới đâu rồi?

Tư Mô cười:

- Phải nói là “ba lét” mới đúng.

Tôi cũng cười và phụ họa:

- Chắc là phải “lét” thôi. Nhưng bà bầu Thanh Loan canh kỹ quá. Tao không muốn ra đó.

- Cô “ba lê” tôi gặp ở dọc đường đó anh Tư.

- Anh đội leo núi mệt ứ hơi mà lại còn đèo em út. Vô tới đây chắc em không ngó tới anh nữa phải không? Công anh xúc cá nuôi cò, nuôi cho cò lớn cò dò lên cây.

Tư Mô lắc đầu:

- Không phải vậy đâu ông bạn. Vấn đề lại quay ngược.

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là cô ta đeo mà cậu chàng muốn gỡ. Vì nghe đâu có một cô ở ngoài Hà Nội sắp vô.

Thuần cười :

- Tôi biết vụ đó anh Tư à. Tôi có bằng chứng đây này! Thuần vỗ vô túi áo. Tôi đem tin cô nàng qua cho chú Hai nó đây. Cái thư gửi đi từ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 330. Biết đâu nàng đang trên đường vào. Chú mày biết không? Tôi vào đến đây. - Thuần đưa tay che miệng - mất có sáu ngày kể từ khi gặp chú ở trạm năm. Đó là trạm đặc biệt cho loại cóc nhái như tao. Còn anh Sáu thì chỉ mất có hai ngày.

- Tin gì?

- Để nhậu xong sẽ biết!

- Đi mất sáu ngày mà là cóc nhái, còn tao mất trên ba tháng thì là cái gì? Là ruồi muỗi chắc.

Tư Mô cất ngang:

- Rượu này khá quá đó ông bạn. Chắc uống xong gân cốt sẽ chuyển rãng rặc như dây giăng võng vậy. Ở bên Liên Xô có bán thứ này không?

Thuần lắc:

- Không có đâu. Toàn là Vodka. Muốn có rượu Pháp, Ý, thì phải vô tiệm rượu đặc biệt.

- Lại cũng quốc tế mậu dịch như ở Hà Nội à?

- Không phải có phiếu nhưng phải có xu cho nhiều. Một chai Cognac, Champagne của Pháp giá gấp ba Cognac Champagne của Liên Xô.

- Tại sao vậy?

- Tại uống Champagne Pháp đã hơn. Uống vô một ly là nhớ người yêu phương xa ngay.

- Người yêu phương xa thì nhớ còn người yêu phương gần thì sao?

- Cái vụ đó thì khỏi phải nói rồi. Con gái ở bên xứ bạn “đại chúng và khoa học” lắm. Tụi nó không có phong kiến như con gái xứ mình. Mà rủ nó đi chơi là nó đi ngay.

- Đi đâu?

- Vô rừng thông, đi bãi biển, đi hái nho.

- Đi hái nho chớ không phải hái lá nho nghe chú Hai? - Tư Mô chen vô.

- Mấy vụ này thì ông Hoàng Cò nhà mình tương đối rành.

Thuần hỏi:

- Ông có găng đây không? Hú ông lại chơi! Cái giò què của ông khỏe lại chưa?

- Ông đi đón con ông vô. Thành nhỏ cũng mười lăm, mười sáu tuổi gì đó.

Thuần uống một hớp buồng chén và nói:

- Mong rằng nó không hỏi bố nó: Việt Cộng là thằng nào như con tôi hỏi tôi. Thuần quay sang Tư Mô - Anh Tư được mấy cháu?

- Nhờ trời tôi được bốn đứa. Ba trai một gái.

- Chỉ ở ngoài làm nghề gì để sống?

- Bán bánh bò ở nhà lồng chợ Bến Tre.

- Trời đất!

- Đứa con gái và thằng con trai lớn của tôi ở với cô đảng đi học vì vợ tôi không nuôi nổi.

- Nó học trường Sài Gòn thì đỡ khỏi nó nói “Việt Cộng ba thằng đeo tàu đu đủ cho coi.”

- Thì cũng đành thôi chớ biết làm sao bây giờ ông bạn. Đến vợ tôi còn không hiểu nổi “tại sao anh cứ đi hoài” và “anh đi làm gì?” nữa mà, huống hồ con nít.

- Hồi kháng chiến trước anh ở đâu?

- Mấy năm đầu thì ở tại xứ, sau ngày Một On chiếm, chạy xuống miền Tây. Hòa bình về thành bị tù. Tù ra có người móc, nhảy vô khu. Tóm lại từ ngày có vợ có con tôi chỉ ở trong gia đình chừng vài tháng. Còn bao nhiêu thì đi mần cách mạng.

- Thì tôi cũng như anh vậy. Từ năm 1946 tới giờ có đụng vợ được mấy lần đâu.

Tôi xen vào:

- Sao bà vô mà không bắt ở lại lâu lâu mà thả bà về mau vậy?

- Bắt sao được mà bắt. Ở trong này bom đạn bắt ngờ. Rủi chết chùm cả đám làm sao? Bà còn muốn lời tao về thành nữa đó mà ới! Đây là tao chỉ nói riêng với mà và anh Tư. Đừng để ông Tổ Chúc hay được là tao mất chúc “bí” đấy.

- Mấy vẫn còn làm “bí” cho “ổng” à?

- Còn chớ. Ngoài vụ đó ra tao có mần được cái gì.

- Bí nhứt hay bí nhì?

- Chỉ một mình tao thôi.

- Vậy là bí nhứt. Nhứt bí!... Ba cái triết học ở Lomonosov, mà đã kho tương hết chưa?

- Chưa. Còn chờ nấu canh Xiêm Lo với mắm bò hóc!

- Sao không ráng học chút nữa lấy cái bằng Phó Tiến sĩ Triết học mà về đút đầu vô rừng mần chi?

- Thì tao cũng tính vậy nhưng mấy chả kêu về đi giải phóng Miền Nam. Đúng ra tao cũng chán ngấy học hành rồi. Học cái gì kỳ vậy mà học năm sáu năm

trời. Tao thấy nó chẳng ăn nhập gì với nước mình cả: duy vật biện chứng pháp xài vô cái ngà nào trong khi dân ăn toàn mắm cáy? - Thuần rút thuốc hút và tiếp - Tao chuẩn bị làm luận án Phó Tiến sĩ.

- Viết về vấn đề gì đó ông bạn? Tư Mô hỏi.

- *Chủ nghĩa Mác và vấn đề tôn giáo Việt Nam.*

Tôi kêu lên:

- Mà muốn làm Phó Tổng bí thư theo sát đồng chí Trường Chinh chắc! Ông thì làm một phát “*Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa*” còn mà thì **“Chủ nghĩa Mác với vấn đề tôn giáo Việt Nam.”**

Tư Mô nói:

- Vấn đề của ông bạn đây học búa hơn vấn đề của đồng chí Trường Chinh nhiều. Tôn giáo Việt Nam rất phong phú nhưng cũng rất phức tạp.

- Tôi cũng biết vậy nhưng loay hoay mãi chẳng tìm ra đề tài nào. Lại nữa, mình phải chọn đề tài mà mấy ông thầy đọc phải điếc con ráy, mấy ông không mò ra thì mấy ông phải chịu thua mình và cho mình năm điểm cộng. Còn nếu mình chọn đề tài dễ xơi như “*Chủ nghĩa Mác và kinh tế Việt Nam*” thì mấy ông thừa biết kinh tế của mình là cái cày chìa vôi và xếp hàng rồng rắn mua đồ thì làm sao mình hù mấy ông được. Tôi chọn đề tài đó là cao tay đó chó anh! Hi hi. Nhưng khi tôi gởi cái dự thảo về cho anh Bảy Trấn xem thì anh trả lời: “Vứt sọt rác cho mau! Đừng có mà bêu riếu chủ nghĩa Mác kiểu đó.”

Thuần bật cười khoái trá:

- Cũng may là tôi được ra trường về nước đi giải phóng Miền Nam.

Thấy tôi ngồi đăm chiêu có vẻ nghĩ ngợi, Tư Mô nói:

- Tôn giáo của mình vô số kể ngoài những tôn giáo lớn như Công giáo, Phật giáo, Cao Đài giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Tin Lành, v.v. Còn có các ông đạo Nổi, đạo Liếm, đạo Nằm, đạo Ngồi, đạo Đưa Bếp... ở vùng Thất Sơn Châu Đốc ở trên núi Cấm, núi Tượng, ngoài ra lại còn nhiều đạo khác nữa, mà ông giáo chủ nào cũng được tôn thờ cả.

Tôi nói:

- Điều đó cũng khó luận, nhưng không khó bằng đề cập tới các tôn giáo Cao Đài và Hòa Hảo.

- Tại sao? Thuần hỏi.

- Mà không nhớ hồi đầu kháng chiến à? Tại đất Tây Ninh này, bộ đội của các ông Tô Ký, Hai Búa đã làm cỏ tín đồ Cao Đài quăng chạt giếng các đồn điền cao su, còn bộ đội Miền Tây thì giết vô số tín đồ Hòa Hảo ở các vùng Thất Sơn, Bảy Núi, Ba Dầu, Định Mỹ, Láng Linh, v.v. Đặc biệt ở Láng Linh, Vệ quốc đoàn đã giết hàng trăm tín đồ, đốt phá triệt hạ mấy làng. Cảnh tượng ghê rợn đến nỗi có bài hát đồng dao phỏng theo bài *Nhớ Chiến Khu* của Đỗ Nhuận:

Còn đâu trên Láng Linh khi trời chiều

Bên ngàn chất đống cao ngàn cây chết...

- Chú có đi Láng Linh à? Tư Mô hỏi.

- Có chứ. Hồi 47 tôi đi theo bộ đội tảo thanh vùng đó. Rồi năm 50-51 tôi đi chiến dịch Long Châu Hà I - Long Châu Hà II. Bộ đội mình đã bị tín đồ Hòa Hảo bao vây chạy suýt chết.

Cả Tư Mô lẫn Thuần ngồi im. Tôi nói:

- Tệ nhất là mình đã giết ông Huỳnh Phú Sổ lúc ông đang làm ủy viên đặc biệt của ủy Ban Kháng Chiến/HC Nam Bộ.

- Chuyện đó cũng chưa ghê gớm.

- Vậy chuyện gì mới ghê gớm?

- Mấy không biết cụ Hồ giết Dương Bạch Mai bằng thuốc độc của Trần Quốc Hoàn ở tại Quốc hội à?

Tôi làm bộ không biết:

- Không, tao chỉ nghe ông đau tim.

- Đau gì mà đau. Thôi bỏ qua đi! Tao mong sao giải phóng cho dân Nam Kỳ về xứ.

- Về con mẹ họ chớ về! Bỏ xác khắp nước Lào và Trường Sơn! Còn về được mấy nghe?

Buổi nhậu đạt chỉ tiêu năm trăm phần trăm. Nói chuyện khào một lúc, ai leo lên vồng nấy. Tư Mô kéo chăn lên tới cổ buông màn và bảo:

- Các chú xổ bầu tâm sự đi nhé. Tôi du tiên đây.

Đêm đã khuya, nhưng tôi không chợp mắt được. Lá thư của Nguyệt làm cho tôi bồi hồi. Tôi nhớ đêm “tái ngộ” trên đỉnh Trường Sơn. Chúng tôi đã xóa hết giận hờn của ngót mười năm và sống những phút vợ chồng trong căn lều của thằng bạn được sĩ đồng hương tốt bụng. Nguyệt hứa với tôi khi trở về đơn vị sẽ lập tức xin đi B.

Y như lời, bức thư vào trước như một cánh én mùa Xuân.

Tôi biết Thuần ở gần mặt trời có nhiều tin hấp dẫn, nên cách hỏi nó liên miên về tình hình sắp tới. Trước khi “cung khai” nó dặn tôi hãy kín miệng “là cứu nước” năm bảy lần. Tôi cũng hứa với nó năm bảy chục lần rằng tôi sẽ “kín miệng” để cứu nước, nó mới chịu nói như nói chuyện cấm đàn bà và trẻ con dưới hai mươi lăm tuổi.

Trước tiên tôi hỏi nó:

- Mà thấy tình hình giải phóng đã “meo” chưa?
- Meo là sao?
- Là sắp “bung mâm”
- Chưa đâu ông nội! Đừng có tếu!

- Vậy hỏi tao ở trong trường đi B ông Vĩnh rồi ông Giáp có đến nói chuyện với tụi tao rằng thì là tình hình miền Nam sắp chín muồi rồi. Rằng thì là các đồng chí về tới trong đó thì tất cả đều khác xa. Vậy là cái nghĩa gì?

- Tao không biết nhưng thấy còn vất vả trăm ngàn mày ơi! Chưa có loé lên một tia sáng tia tối gì đâu. Máy ổng còn đang lo ba cái vụ Mỹ đổ vô Đà Nẵng, Huế, Sài Gòn gì đó.

- Lo là lo thế nào?

- Lo chinh huấn bộ đội.

- Chinh sao cho lại ba cái B52?

Thuần làm thinh. Tôi biết tôi vừa buông ra một mũi tên độc ác trúng tim đen của thằng bạn nên không hỏi thêm nữa. Gió rừng lao xao. Những chiếc lá rơi rào rào khua động trên rừng. Vài chiếc rơi trên nóc tăng nghe rõ mồn một. Thấy Thuần không nói gì thêm, tôi bèn rẽ sang chuyện khác:

- Mày sang đây để gọi con mày cho Văn Công à?

- Mày thấy còn chỗ nào cho nó trú ngụ không?

- Tao đâu có biết. Mày đến hỏi thử xem. Tao chẳng có quyền hạn gì với ai cả. Mày biết tính của tao không có muốn chi huy ai và không muốn ai chi huy mình. Nhưng mà mày gọi nó ở đó để học cái gì?

Thuần thở dài:

- Tao đâu có định cho nó học cái gì. Ở ngoài Sài Gòn nó gần thi Tú Tài rồi, nhưng tao sợ nó thi rớt bị bắt đi học sĩ quan thì nguy lắm. Thằng con giết thằng tía mà không biết! Cho nên tao đưa nó vô đây để hai cha con gần gũi nhau, vậy thôi chớ ở trong này có cái gì mà học?

- Ủ đúng đó, mày có biết là con gái vô đây là hồng bét hết không?

- Làm gì tao không biết. Ở bên Bộ Chi Huy toàn là

con gái mấy ông lớn nhưng hư thì cũng cứ hư. Đám con gái đánh máy cho Lê Đức Anh và Hai Búa, Ba Sinh, Ba Thắng, Chín Hò quá trời quá đất, không ai can nỏi.

- Chúng làm gì?

- Còn làm cái gì nữa! Kể ra cũng bị mấy cha lớn bày chuyện cho chúng nó cả. Chính mấy chả không nên thân nên con nít bắt chước. Kể cả ông tướng Mặt Sắt nữa. Tao ớn lắm! Một là ớn B52, hai là ớn mấy chả.

Tôi hỏi:

- Chúng mày ở đâu có chứ?

- Mày không biết thật à?

- Tao từ ngày chui vô đây không có đi đâu ra khỏi cái “Bầu Lùng Tung” này. Biết cái gì mà biết?

- Chỗ tụi tao ở là Tà Bon. Nói phức ra cho rồi. Ở đó có động tịnh gì thì các chả có đường sinh lộ: vọt ngay sang Minốt bên xứ Thổ uống rượu thuốc không đau lưng.

- Minốt là cái giống gì?

- Là đồn điền cao su có sân bay. Các cha ở ngoài vô toàn là đi máy bay. Tao đeo vè xe hơi ông tướng Mặt Sắt được một đoạn. Ờ, trong chuyến đó có con nhỏ ba-lê của mày. Coi được lắm! Nhưng tao đâu có dám bỏ ngón vì nó là của mày mà.

- Đếch gì! Ở đời muôn sự của chung. Nó vô đây hết là của tao rồi. Chỉ đá lông nheo xa xa thôi không có rờ rẫm được nữa.

- Chuyến đó... ờ phải rồi. Gặp mày ở tại trạm 5,

có Văn Công sư đoàn 330 diễn kịch, rồi ông hỏi ý kiến của mày chó gì. Sau đó đoàn tụi tao tách ra. Đi ít hôm nữa là ông trở về Hà Nội rồi đi máy bay luôn vô Nam Vang. Con Thu cũng đi xe hơi với tụi tao về Hà Nội, nhưng không được trở lại cơ quan và cũng không được liên lạc với gia đình. Kể như nó đã đi rồi. Sau đó lại đi...

- Không biết ông có giấu con nhỏ trong văn phòng ông hay không. Chuyện đó có trời biết!

- Ôi! Tao đâu có tính mấy chuyện đó. Nó vô đây là đúng thằng nôm của nó rồi.

- Mày không... gì nữa à?

- Tao có cấy rau muống thì cấy từ ngoài Hà Nội chó về tới xứ rồi, rau muống đâu có giá nữa.

Tôi quay lại chuyện bên Bộ Chỉ huy:

- Ê! Bêka vô ngập hết rồi hả mậy?

- Thì vậy thôi. Để rồi mày coi, đám đá thì dân Nam Cờ mình đi đầu, mâm cỗ dọn lên thì Bêka quơ sạch. Tụi mình bơ mỗ chó chứ được cái đếch gì. Mày không thấy hồi tập kết ra Bắc đó sao? Dân Thành Đồng Tổ Quốc hóa ra dân Thành Bùn Xó Hóc, lon gáo người ta mang hết sạch, lơ lơ láo láo đứng dựa gốc cột ngó một hồi rồi về nhà uống trà đào nuốt hận. Lần này cũng vậy nữa. Bộ Chỉ huy toàn là dân cộc cạch và rau muống không thôi. Trần Văn Chè là dân khu “Nôm” đó nghe cha nội. Đừng có tưởng chả là Nam Cờ mà lắm đau đớn.

- Tao thực sự không hiểu thằng cha đó có ăn chịu gì với Trung ương mà nó lên chúc vù vù vậy.

- Mày không biết thật à?

- Không!

- Nó canh gác cho Ba Duẩn đeo đứng mũ Nga ở U Minh. Nó kiểm gái cho Lê Đức Thọ chơi. Nó nịnh Văn Tiến Dũng. Có thể thôi. Bây giờ nó đội Nguyễn Chí Thanh. Chỉ còn thiếu dâng vợ nó...

- Mẹ kiếp! Nó ở khu 8, tao biết rành quá chời! Nó có đánh đá gì đâu. Chiến công Giồng Dinh Giồng Dứa, Mộc Hóa, La Bang, Pắc Xa Ma, Vàm Nước Trong, Phú Lễ, Bàu Voi, v.v... và những trận khác toàn là của các tay tiểu đoàn trưởng và lính chó nó có xía vô được phát súng nào. Vậy mà ra Bắc lên trung tướng, hiệu trưởng Lục quân Trần Quốc Tuấn, thứ trưởng Quốc phòng...

- Thối đời thằng nào đội giới thằng đó lên lon mau mày ơi! Ông Bảy Trăn của tao đáng lẽ cũng là Trung tướng mà chẳng được cái mẽ gì hết. Tụi nó tổng ổng ra dân, làm “*giám cái mòng đóc*” đại học.

- Nhưng tụi nó còn cho làm giám đốc đại học Nhân Dân cũng là đỡ lắm. Còn hơn Tư lệnh khu 7 Huỳnh Văn Nghệ chỉ được cho làm trọng tài thổi còi các trận đá bóng Sân Cột Cờ. Còn mày nữa, sao mày lọt sổ đi Liên Xô được vậy hả?

- Mày không biết là tao làm Phó giám đốc trường đại học “không có ai học” đó à? Bởi vậy nên ông Bảy ổng muốn tống tao đi nghỉ mát ở Liên Xô vài năm chơi cho biết mùi bơ sữa nước anh em.

- Qua đó thì bơ sữa đã đành, nhưng có biết mùi các em không?

- Chuyện đó khỏi nói rồi. Để cu thôi. Có xu, rú

em đi pic-nic vô rừng là ăn thua ngay, nhưng tụi nó khoa học lắm. Nó bắt thằng nhỏ phải mặc áo giáp như auto blindé, thì nó mới cho vào hang “bắt cộp.”

- Sao kỳ vậy?

- Nó sợ mang “bị tương lai” chớ sao.

- Mà y có để lại cái nào cho các em không?

- Hì hì...

- Tao hỏi chuyện này mà y phải nói thật nghe.

- Tao sợ gì mà y mà tao phải nói láo mà?

- Tao nghe nói có một tay to lắm sang đó mò một con nhỏ hầu phòng vốn là đoàn viên Komsomol bị nó la nên Sứ quán mình mất mặt phải xin lỗi. Có không?

- Không có đâu! Thằng nào ngu mà đi mò tụi đó. Có cần thì cho nó năm, sáu rúp là... nó suốt đêm, Komsomol sô miếc cái đếch gì? Có tụi thanh niên mình tin ở lý tưởng nọ kia chớ tụi Liên Xô chẳng tôn thờ cái món đó lắm đâu. Mà y ra bãi biển với một em, mà y có thể làm vịt Xiêm đập mái dưới nước được mà.

- Không! Tao nghe nói lão bộ trưởng Phủ Thủ tướng bị em Komsomol la.

- Có thể là thằng chả xui xẻo mò nhầm một cái lập trường cứng rắn.

- Nghe nói con gái anh Ba Duẩn mê thằng cha thầy có không?

- Tao chỉ biết là các ông lớn, ông nào cũng có con học Liên Xô với tiêu chuẩn cao hết cả, chớ không biết vụ đó. Nhưng có biết vụ con ông lớn làm tiền ở bãi biển Krimée.

- Mà y “trả thù xứ sở” được mấy lần?

- Nhiều.
- Mà khiến có xuể không?
- Khi ăn khi thua. Nói chung là mấy “ẻn” không chê dân ta lắm.
- En nào cũng trường túc hết cả hả?
- Có em mập có em ốm chó. Nhưng nói chung là em nào cũng hảo ngọt cả. Ăn và chơi là hai môn các em thích nhất. Mười lăm, mười sáu ít khi nào còn nguyên. Tụi nó thực hành đấu hồi mười bốn tuổi hay sao ấy. Nó có mùi hôi hôi mà y. Không phải hôi hám đâu. Cũng không phải là nó ở dơ. Nhưng cái mùi của các em bên đó không có hợp với “khứu vị” của bọn mình.
- Nè! Mà có biết thằng Lê An không?
- Không. Nhưng có nghe nói. Khi tao qua thì Sứ quán kêu một lũ “ma mới” đến dần mặt ngay. Ông Kinh đại sứ bảo là chó có lang bang. Lơ mơ là đóng thùng gởi về nước. Thằng Lê An nhạc sĩ violon chó gì. Không biết nó làm cách nào lủi vô được Sứ quán Hòa Lan rồi đồng về Sài Gòn. Cái thằng! Bảo hại tụi sinh viên phải học tập cả tháng.
- Học tập cái gì?
- Học tập lại lập trường vô sản chó học tập cái gì.
- Vậy còn các cha Võ Văn Doãn và Lê Vinh Quốc qua học đại học Mác Lê rồi ăn phải bã của ông Trọc Khơ, học xong ở lại thành lập đảng Cộng Sản Việt Nam bên đó, có học không?
- Tao qua thì cờ tàn rồi, nhưng cũng còn nghe dư âm. Khô rơi đài. Kossigine lên nắm, hai tên xét lại bị bỏ

cùi heo gọi về Việt Nam. Bây giờ mất tích luôn không thấy tụi đó đâu nữa.

- Vậy chắc đám sinh viên học tập đã đòi về vụ đó hả?

- Cũng vừa phải thôi! Vì tư tưởng của già Khor ăn ruỗng ác lắm. Ai mà nghe lão nói chuyện cũng mê hết.

- Kể ra xừ lữ cũng có tài chó hả. Lôi cả cái xác Stalin ra khỏi hồng trường thiêu hủy và đá văng cả bảy ông trong Bộ Chính trị ra khỏi ghế mà y không hề hấn gì cả. Đây rồi tới Mao chủ tịch.

- Ồn nhất là ông nội Bánh Bao này! Vì lão bụng phê này ở gần mình và mình ăn chịu với lão quá đậm. Lão ho một phát là mình ròn tóc gáy và quì xuống mà vàng dạ ồm tỏi. Mà không thấy ông Mai nhà mình chỉ nói lão ta là “Mác xít mít xoài” là bị thưởng một chai nước ngọt, uống chưa hết là dầy tê như cá lóc bị đập đầu hay sao?

- Không biết bên đó đang diễn cái trò gì mà lúc tao nằm giữa Trường Sơn tao nghe Đài Bắc Kinh nói oang oang Lưu Thiếu Kỳ là tên phản đảng và bị gọt gáy bôi vôi, hả mậy?

- Mình không có thể hiểu được mấy ông to đầu đầu mày ẹ. Tao đã ở gần ông Mặt Sắt này khá lâu. Tao thấy ông có vẻ bí hiểm lắm. Ông lăm lăm lì lì như thánh con vậy. Ông vô đây là toàn quyền đó nghe mậy, ông muốn thay đổi tổ chức như thế nào thì cứ thay, không cần phải thỉnh thị Trung ương - Thuận tiếp. - Sắp tới đây có hội nghị to lắm ở bên Bộ Chỉ huy...

- Ông ở bên đó hả?

- Thì ở bên chó ở đâu. Ông như vua trong cung điện vậy không có ai gặp mặt được, chỉ trừ con vớ thằng Trỗi thôi!

- Thằng Trỗi nào?

- Trời đất! Màylú lẫn rồi hay sao? Màyl quên cả anh hùng của mình à?

Thực tình là tôi đã quên. Hoặc nói theo duy vật biện chứng bá láp là trong tiềm thức của tôi không có ghi cái tên Trỗi này. Bây giờ nghe nhắc, nó mới bật ra. Và nhớ lại. Nguyễn Văn Trỗi mà Đài Phát Thanh Hà Nội đọc là Nguyễn Văn “Trôi” và các nhạc sĩ Hà Nội theo lệnh Tố Hữu đã làm hàng trăm bài hát ca ngợi chó gì? Nhà thơ cũng thế, làm thơ đăng khắp các báo. Thú thi sĩ con cóc nhảy ra chưa bao giờ được “hôn tòa soạn” để tòa soạn đăng cho một bài, thì nay có dịp trở tài thi phú. Vẫn “ôi” trong chữ “TRÔI” thì dễ gieo dễ đáp quá, nên thơ rất nhiều, báo Văn Nghệ (mà tôi ở trong Bộ Biên tập) đăng không hết. Riêng Tố Hữu thì làm một bài xếp xâm đăng ở báo *Nhân Dân* có tựa là “Hãy Nhớ Lấy Lời Tôi?” trong đó có câu “Phút thiêng liêng anh gọi Bác ba lần”. (Có những cái mồm ăn mắm ăn muối cười toét với nhau hỏi: sao không “bốn lần?”, nói lái theo kiểu Nam Kỳ thì mất hết thiêng liêng). Chế Lan Viên và Xuân Diệu thì tha hồ biểu diễn lập trường thơ của mình.

Thuở đó tôi rất mệt vì phải chạy lăng xăng làm phóng sự nghĩa là đi tìm tài liệu trong “các tầng lớp nhân dân” để viết, nhưng rồi tôi không viết nổi vì

xưởng Phim Tài Liệu Hà Nội đã thâu hết cả rồi. Họ làm phóng sự bằng hình ảnh, để chiếu ra liên. Riêng các họa sĩ thì thức đêm để vẽ áp phích... Nguyễn Văn Trôi đứng ngồi nằm đủ ba mươi sáu kiểu khắp Hà Nội, kiểu nào trông thấy cũng tê người hết cả. Đi đâu cũng nghe bàn tán, ở ngã tư, ngã ba, ba ngõ... hẻm nào cũng có hình Nguyễn Văn Trôi. Đùng một cái trên Thông Tấn Xã cải chính “Nguyễn Văn Trỗi”. *Trỗi*, chớ không phải *Trôi*. Thế là bỏ mẹ rồi! Khổ nhất là các nhạc sĩ. Dấu nhạc *đồ* (gi) không đổi ra (xò) *lá* được. Và lại muốn hát trên đài cho nhân dân nghe, phải có mũ-dịch đi kèm, chứ chẳng lẽ cứ la như mãi vỗ sơn đông? Cho nên cuối cùng không sửa được cứ để “Anh Nguyễn Văn Trôi” nguyên con. Do đó dân Hà Nội vốn chúa dí dỏm và sáng tạo ngôn ngữ, bảo nhau: “Mình ca ngợi ông Trôi anh hùng, trong khi ông Trỗi lại chết bắn!” Thành ra trót he.

Nhưng còn một cái tai nạn khác khiến cho tôi không quên ông TRÔI được. Đó là quyển *Sống Như Anh*, một quyển sách độ trăm ngoài trang do Hà Nội in. Hai chữ SỐNG NHƯ màu đen, chữ ANH màu đỏ. Sách này là của một anh chàng làm ở báo *Cứu Quốc* rất vô danh chuyên nghề viết tin hợp tác xã. Để tổng bót nhân viên đi cho nhẹ tòa soạn, báo này cho anh ta hưởng cái vinh quang đi Nam. Và chớ ngáp phải ruồi. Anh ta vớ được “vụ Nguyễn Văn Trỗi” trong cục R. rồi tương lên thành sách, ký là Trần Đình Vân. Bản thảo gởi ra Hà Nội, Tổ Hữu sướng lắm, xách đi khoe ở Hội Nhà Văn và cho lệnh in hai mươi ngàn bản. (Thơ của Xuân Diệu, Chế Lan Viên chỉ đến sáu ngàn là thượng

đỉnh. Chỉ có thơ họ Tố mới in hai mươi ngàn). In xong, họ Tố bảo Hội Nhà Văn họp để hoan nghênh và xé to ra cho có tiếng vang quốc tế! Trước nhất là các ông to bà lớn trong Hội phải viết bài để ca ngợi nghệ thuật và lập trường của ông anh hùng. (Tôi không có ý chế diễu một người đã chết dù chết cách nào đi nữa. Nhưng đây là sự thực. Chính Hà Nội đã làm cho người anh hùng của họ trở nên hài hước. Càng hài hước hơn nữa là đồng bào Sài Gòn ở vùng cầu Trương Minh Giảng đã biết rõ ông anh hùng này. Sau khi về Sài Gòn tôi có tìm hiểu để xem sự thực nằm ở cái lỗ mờ: một là “Ngô Đình Diệm bỏ thuốc độc giết cả ngàn tù ở Phú Lợi”. Tôi đã đến tận nơi hỏi, thì đồng bào ở đây ngơ ngác bảo chẳng biết vụ đó là gì? Vụ thứ hai là Nguyễn Văn Trỗi đặt bom ở cầu Công Lý để giết Mac Namarra. Vài người bảo không rõ đầu đuôi nhưng bà con trông thấy một kẻ chui vô chuồng gà tưởng là tên ăn trộm gà nên kêu cảnh sát bắt... Rồi ở Hà Nội, tên “ăn trộm gà” lại hóa ra vĩ nhân!)

Tôi xách xe đạp chạy long cả đầu gối đi lạy từng ông từng bà một để mong ông bà viết cho một bài khen dùm quyển *Sống như anh* của Trần Đình Văn.

Nguyễn Tuân bảo: đó không phải là nghệ thuật văn chương gì cả mà chỉ là những bài bán, có thể ông Quang Đạm, ông Như Phong (hai cây bút trụ cột của báo *Nhân Dân*) hoặc ông Hoàng Tùng (Việt Nam Thông Tấn Xã) khen thì cứ khen, còn tôi thì... hà hà bạn quá!

Còn Tô Hoài chỉ cười nhếch mép: “Tôi chưa có đọc!”

Còn một ông, nhưng ông lại ở xa quá, ông Nguyễn Hồng ở mãi nơi miền sơn cước Bắc Giang, nên tôi đành chịu... phọc-phe. Tôi bèn xoay ra kể khác. Đi đến Thành Đoàn Thanh Niên Lao Động Hà Nội, ông Bí thư (tên gì tôi quên mất, hình như là Vũ Quang) buồn rầu bảo: trong thanh niên Hà Nội có một luồng chế độ quyền sách này, chúng tôi đang có chỉ thị dập tắt đây. Tôi hỏi: tại sao chế độ? Ông Bí thư bảo: thanh niên kháo với nhau rằng “Sống như anh” thì “chết sướng hơn”. Nghĩa là chết ở pháp trường bỏ vợ trẻ đẹp lại cho ai? Thế nên họ bảo: “*Đừng sống như anh!*”

Tôi mất hứng quá, không còn biết cạy gỡ cách nào. Bèn chạy về tòa soạn tìm quyển sách. Đến lúc này tôi vẫn chưa đọc. Tôi chỉ đọc vài trang thì... quả như lời ông Tuấn nói.

Tố Hữu câu lắm, nhưng không làm gì được, đành tự tay viết một bài đăng báo *Nhân Dân* hay báo *Văn Nghệ* gì đó tôi không nhớ, hình như báo *Nhân Dân* thì phải. Rồi báo *Văn Nghệ* chụp in lại. Thế nhưng sau đó, khi tôi vào tới trong R. thì nghe tin tác giả quyển *Sống Như Anh* được gọi đi Trung Quốc cùng với nhà thơ Thanh Hải và được “ăn cơm với Chủ tịch Mao Trạch Đông”.

Do đó bây giờ nằm ở R. tôi làm sao quên được “Nguyễn Văn Trôi”. Tôi kể một mạch những sự việc trên cho Thuần nghe, và hỏi lại:

- Mày gặp bà anh hùng ở bến hà?
- Ủ!

- Bà có giống trong hình không?
 - Hình nào?
 - Hình trong quyển sách *Sống Như Anh*!
 - Tao đâu có thấy mặt mũi quyển đó, nhưng cô nàng xinh lắm. Còn trẻ ghê. Tên là Quyên.
 - Tội nghiệp!
 - Ông Sáu Vi cung cô ta lắm... ả... ả... ả... ả!
 - Cung thế nào? Như con hay như chá... ả?
 - Cái thằng! Mà muốn đứt đầu hả?... Thằng Thép Mới muốn qua gặp cô ấy nhưng ông Sáu không cho gặp. Bảo cô còn buồn, không ai được phỏng... cô ta. Nếu ông vô sớm thì thằng kia không được gặp đâu. Cô ta đi đâu ông cũng cho vệ binh theo tò tò canh giữ cái của quý của ông.
 - Thì của quý... í chớ là gì nữa!
 - Mà đừng có nghĩ bậy bạ nghe mà!
 - O kìa, mà nói cô ta là của quý thì tao nói là của quý chớ phải tao nói là của không quý sao mà mà bảo tao nghĩ bậy b... ả? Tao có nghĩ bậy bạ gì đâu.
 - Cô ta tắm thì vệ binh xách nước cho cô tắm chớ ông không cho cô xuống suối...
 - ... Sợ người ta nom thấy cái của quý... hí hí...!
- Thuần bật cười. Tôi hỏi:
- Mà đã được tiếp cận, ả tiếp xúc với cái của quý đó chưa?
 - Cái của quý nào?
 - Thì cô Quyên ấy mà.
 - Tao gặp hằng ngày!
 - Bộ mà ở gần đó à??

- Trước đây thì tao ở chung một nhà để làm việc với ông. Tao là “bí nhút” của ông mà. Hồng biết ông kêu hay Mặt Trận tự động đưa cô ta qua cho ông. Rồi ông Ba Chè cho vệ binh cất cho tao một cái chòi riêng cách chừng vài chục thước, ủa chừng trăm thước. Nghĩa là khi nói chuyện, người bên này không nghe người bên kia, mà phải gọi to mới nghe. Mà rõ chưa nào?

- Dạ em rõ ạ, rõ lắm ạ! Như vậy là mày bị tống ra xa chúc bí nhút để trở thành bí nhì.

- Cô Quyên về ngủ chung với ông một... chòi!

- Bậy mày!

- Gì mà bậy! Bác cháu ngủ chung một chòi. Có gì đâu? Cháu được bác cung đỡ dãi.

- Hồi này mày bảo tao đừng có nghĩ bậy bạ, vậy còn mày thì sao?

- Tao có nghĩ gì bậy bạ đâu. Cô Quyên là vợ một anh hùng liệt sĩ, còn ông là một nhà cách mạng thứ dữ, chỉ có thua Hồ chủ tịch thôi. Ai mà dám nghĩ bậy về hai con người như vậy.

- Vậy sao tao nghe nói...

- Nói gì? Mày nghe cái gì?

- Hì hì... tao hồng có nghe cái gì hết! Nhưng cái gì tao cũng nghe hết, không sót một cái gì!

Thuần im lặng một lúc lâu rồi góc đầu lên:

- Mày có nghe thiệt à?

- Mày nghe hồng nghe thì thôi chớ tao có hồng có nghe cái gì ráo trọi!

- Mày nghe gì thì nói cho tao biết, tao ngăn chặn đứng dư luận. Để lan tràn ra kỳ lắm.

Thấy thằng bạn hơi hốt hoảng tôi càng nói hàng hai để thẩu cáy hần chơi.

- Nói thiệt với mày tao nghe nhiều lắm, nhưng không biết cái nào đúng cái nào sai.

- Không có cái nào đúng đâu!

- Ủ không đúng thì bỏ qua đi, hỏi tao làm đéo gì!

- Thì đâu mày nói tao nghe thử.

- Không phải ổng đâu mà thằng khác.

- Hả? Thằng nào?

- Mấy thằng bên Mặt Trận hay ở đâu đó, ai mà biết được? Có thằng nào lại chịu cha ăn cướp. Hồng chừng có mày trong cái danh sách dài dằng dặc đó.

Thằng Thuần bỗng ré lên cười khanh khách. Tôi biết là tôi đã thẩu cáy hần rất thành công nên bảo luôn:

- Nhưng mày chưa đi đến đâu đâu!

- Sao mày biết?

- Mày chỉ xạ giàn ngoài thôi!

- Giỡn hoài vậy!

Tôi biết tính thằng bạn. Nó “nhảy bén” lắm! Hơn nữa có vó tài tử xi-nê. Dễ gì mà nó tha con nai tơ ngo ngác nhoáng qua nhoáng lại trước mắt hằng ngày. Hơn nữa con nai đã bị treo mõm mấy năm vừa đói lại vừa khát. Nghe suốt lòng reo rả rích róc ra róc rách làm sao chịu nổi. Tôi bảo:

- Mày dở thật. Của ngon treo trước mõm lại để sói già nuốt mất.

- Đếch họ! Sói già chỉ ngồi vảnh ngoài thôi. Còn gân đầu mà đánh vô trung tâm?

Tôi biết là hần tự ái nên nói khích:

- Tao lết trên Trường Sơn ói ra máu cục vậ mà vẫn “trả thù dân tộc được mấy tháng liền”, còn mấy ăn no ngủ kỹ vậ mà người ta dâng đưa tới hòng thì lại tu.

Thuần cười. Hồi lâu mới tiếp:

- Để tao kể cho mày nghe nhé.

- Đừng có nói láo ông nội ơi!

- Tao láo cho B52 ăn tao đi.

- Ủ thì kể nghe!

- Nhưng mày phải hứa là không có nói đi nói lại cho ai nghe nhé?

- Chẳng có “nhé, nhỉ” gì hết. Nói thì tao nghe chơi. Sau này viết truyện tao đưa khéo vào.

- Ông nội ơi! Cái “khéo” của ông là cũng đủ bỏ mẹ tôi rồi. Nhưng được, dám ăn dám chịu. Sợ đếch gì. Mánh khéo ở đời không phải là “anh có ăn vụng không” mà là “anh ăn vụng anh có chùi mồm sạch không?” Phải không mày? - Thuần nói to lên trong lúc tôi vẫn nằm im không đáp. - Tao biết nhiều vụ còn động đất hơn. Vụ này ăn thua chi?

- Ủ nói nghe chơi. Chớ để chết đem theo à?

- Chẳng có lãnh tụ nào anh minh cả. Trước cái l..., thằng chó nào cũng hít hít và gặm mặt vào đó và mê mẩn cả thôi Tao biết hết ráo trội.

- Cả bác Hồ?

- Ông già thì tao không có ở gần mà tao chỉ nghe vài giai thoại thôi, còn từ anh Ba Duẩn, anh Hai Hùng, anh Sáu Thọ, anh Ba Khiêm, anh Mười Kinh, anh đếo nào tao cũng có hồ sơ cả.

- Kính nào?
- Kính đại sứ ở Liên Xô!
- Ông cũng có thành tích dữ vậy à?
- Ông Trần Văn Chè, ông Sáu Nam.
- Nam nào?

- Lê Đức Anh tham mưu trưởng khu 7 hồi kháng chiến chống Pháp. Vô đây đổi tên là Sáu Nam. Rồi ông đại tướng họ Võ, ông Văn Tiến Dũng, ông râu ria mặt mốc nào cũng đội cái hùm lên đầu chứ chẳng có đạo đứt họng gì cả. Nếu tao là nhà đảng thì tao sẽ ghi ra hết.

- Còn ông Phó Giám đốc trường Đại Học Nhân Dân?

- Là ai?
- Là mày đó chứ còn ai? Mày quên mày à?

Thuần phá lên cười rồi nói:

- Ông Chánh của tao cũng vậy nên tao phải noi gương chó sao. Ông là một cây đó mày ơi! Sờ dĩ ông không vô trung ương được là cũng do cái sự ấy một phần. Tụi Bêka nó nài có đó ra mà đá ông. Mày biết không, ông làm tái đến bà “ích xì” nữa đó. (Bà phu nhân này là vợ của một nhà cách mạng rất danh tiếng đã qua đời từ lâu, nên tôi xin phép không nêu tên.) Hồi ông còn làm Tư lệnh kiêm Chánh ủy miền Tây, vợ ông ghen cạo trọc đầu và nhảy xuống sông tự tử cơ mà! Các cha Trịnh Khánh Vàng, Võ Quang Anh cũng là những con heo nọc trứ danh mà mày không biết à?

- Có biết chó sao không.

- Chuyện anh Ba Duẩn mày không biết bằng tao đâu. Nhưng khai ra nó thối lắm. Tao không muốn xấu lá xấu nem. Bây giờ với mày và ở giữa rừng tao mới nói ra lần thứ nhất. Hồi ở khu 9 ấy mà. Anh Ba nhà mình không có chỗ chơi nên quơ con Nga là mèo của ông Chánh ủy qui nhà mình. Con nhỏ này ở thành mới ra, cái hồ phệ còn mới, ra khu để kháng chén chống Pháp. Nào ngờ ra khu lại gặp Tư lệnh khu yêu mong em liền. Tư lệnh khu bỏ em dưới ghe mũi ống có hai máy gân chạy khắp sông nước miền Tây lang thang trữ tình còn hơn là Phạm Lãi Tây Thi nữa. Bà Tư lệnh nghe được bèn tới nơi đánh ghen một trận còn hơn cả trận Tấm Vu, Sóc Xoài. Ông Tư lệnh chỉ huy ba quân nhưng lại sợ Su Tử Hà Đông bèn tìm cách dứt đường tơ với cô nữ sinh Sài Gòn hơ hớ cái xuân tình. Cũng may, thời đó anh Ba mình từ ngoài cụ Hồ vô Nam để lãnh đạo kháng chiến. Các tai to mặt bụi trong mình tới tâng công bằng cách gợi ý cấp cô bé cho ông già sồn sồn mặt nám đen như trời đánh hệt.

Anh Ba mình thấy cô nàng da trắng như tuyết, tóc đen như mây thì mê tí tồ lò rồi nhưng làm bộ chín hấu mại dưa leo, ra cái điều đạo đức cao “Tôi đã có gia đình rồi, làm vậy hơi khó coi!” Khó thì khó nhưng mấy ông Hai Hùng, Ba Khiêm, Chín Kinh ép tí nữa: “Anh xa nhà thiếu thốn tình cảm. Anh nên có chị để phục vụ cách mạng!” Thế là anh Ba nhắm mắt phục vụ cách mạng với em Nga ở dưới ghe ngay buổi tối đó! Đạo đức con người dễ đánh rơi quá mày ạ!

- Mày có ở gần đó không?
- Tao ở trong cơ quan chó đâu.
- Sao mày thấy cái đạo đức của anh Ba rơi mà mày không chịu khó lượm lên gắn lại dùm cho anh?

Thuần cười.

- Phải nó rơi một lần thì tao còn lượm được. Còn đằng này nó cứ rơi liên liên mà. Rơi nghe lùm bùm dưới nước. Cá chốt bu lại ria hết ráo, còn đâu mà lượm?

Ngung một chút Thuần lại nói tiếp. Hắn nói mê man như xỏ bầu tâm sự ứ đọng lâu nay.

- Tao nói thật với mày. Nhà thơ tao chỉ phục có mình Xuân Diệu thôi.

- Sao vậy? Phục bài nào?

- Một câu thôi.

- Mặt trời đi ngủ sớm hả?

- Không! Câu này: *"Khuyên ai chó khá lại gần ta!
Nhân loại trông gần cũng xấu xa!"*

- Là cái nghĩa gì?

- Mày không hiểu nghĩa gì à? Sợ mày còn hiểu hơn tao chó. Xưa kia tao đi theo "cách mệnh" tao coi trời hồng tươi, đẹp đẽ, rực rỡ, cao quý, cao thượng, vĩ đại, linh thiêng... vô cùng. Cho nên tao bỏ trường đi theo không học tiếp, bằng Tú tài chỉ còn sáu tháng nữa là nằng cái một, vợ đẹp con xinh như chơi, nhưng tao không màng. Cách mạng đẹp quá! Đi theo cách mạng vinh quang hơn. Ở xa xa, nhìn cách mạng thì nó là mỹ nhân, khi tới với nó rồi, nó thành thường nhân, đi với nó lâu ngày, thì nó là thằng cùi, và bây

giờ thì không biết nó là cái gì trong tao, tao ón lằm. Nghe ai nói tới hai tiếng cách mạng là tao mắc cỡ thắm. Tất cả những thằng già thằng trẻ, con gái bà già đi theo cách mạng là để kiếm chắc chớ chẳng phải có lý tưởng lý tung gì cả đâu. Cho nên khi họ nhìn rõ mặt cách mạng rồi họ “ô-rơ-voa” ngay.

- Giỡn hoài mậy!

- Để yên tao nói hết. Mày thấy sau khi tụi mình tập kết ra Bắc, cách mạng có còn đẹp và hấp dẫn như thời mình mới bỏ trường đi kháng chiến chống Pháp nữa không?

- Đẹp chứ, nhưng đẹp cách khác! - Tòì gượng gạo đáp.

- Đẹp sao mày lên Ủy Ban Quốc Tế xin về Nam hà?

Bị thằng bạn chơi một phát bất ngờ, tôi chơi với không đáp được. Thuần tiếp:

- Cách mạng hết đẹp kể từ khi cách mạng thành công. Và lũ lãnh tụ trở thành một lũ súc vật mang mũ cao áo rộng cũng kể từ đó. Tao biết cả. Thằng nào cũng mong được chức cao để lãnh villa và Volga mà ẹ. Có những thằng kèn cựa xe và nhà. Rất buồn cười. Bây giờ cũng y hệt như vậy. Cách mạng có cấp bậc hết cả. Cách mạng đầu trâu, đầu bò, đầu cạp và đầu c... Cách mạng nhép, cách mạng cóc nhái, ếch ương, cách mạng châu rìa, cách mạng cà nhõng... Nhưng tất cả các tầng lớp cách mạng đều đồng qui nhất điểm: cái bánh bèo.

- Mày phản động quá mày! - Tôi vừa cười vừa nạt.

- Ủ! Kệ tao để tao nói hết? Sợ mày còn phản động hơn tao nhưng mày không nói ra thôi. Me xừ Duẩn đéo được mụ Nga đã đòi còn đi đéo vật vô số chỗ tao

biết. Ở Hải Phòng tên Hoàng Hữu Nhân, chủ tịch thành phố dất tới, vô Thanh Hóa tên Ngô Tuyên bí thư tỉnh ủy dăng đưa, vô Quảng Bình có tỉnh ủy cống hồ. Hấn làm lược sạp hết cả nhưng vẫn đóng vai trò lãnh tụ vô sản kính yêu như thường. Còn ông đại tướng của mình chộp được mụ Đặng Thị Thu Hề phải không? Mụ này dạy bài “Ba Lê công xã” dở ẹc, tao phải dạy lại mụ để mụ đi giảng cho học trò đại học công nông của mụ chó ai. Sở dĩ mụ dạy Sử học là nhờ ông đại tướng gà cho, chứ mụ ấy biết Ba Lê công xã là cái đéo gì. Tây nó dạy tao rõ hơn chó.

- Mà biết mụ nữa à?

- Mụ ta có những ngón tay rất dài, có cặp môi rất thâm. Học trò nó ngao là môi thâm thì cái ấy cũng thâm, làm mụ mắc cỡ bỏ giảng một tuần mà. Ông đại tướng nhà mình ăn uống sâm Triều Tiên nổi gân chiến thắng Điện Biên tấn công tới tấp, bà ta vác cái đôi Him Lam chạy tới nhà tao trốn cho qua tai nạn rồi mới về. Ông đại tướng đi tìm mãi không được về nhà đánh piano, sôlô một mình. Rồi có chuyện lẹo tẹo với bà thầy đồn.

- Mà biết vụ đánh đá đó nữa à?

- Mà cứ tin là tao biết hết mọi chuyện bí ẩn của các ông anh mình. Lúc ông ấy bị ông đại tướng bắn cố nông cho ngồi chơi xơi nước ở Hồ Tây, ông mới nảy ra ý làm nghệ thuật, bèn mời một nữ nhạc sĩ dương cầm tới dạy, dương cầm thì ông ta học dở nhưng trò dương... vật thì ông ta mạnh lắm. Đến đổi chồng của nữ nhạc sĩ ghen không cho vợ đi dạy nữa! - Thuần

thở dài ngao ngán. - Mà thấy có thằng cha nào đạo đức không? Tao còn quên kể cho mà cái chuyện bà Muồi Thệp nữa. Ối giời, nó có dây có nợ, có tích có tàng mà ời!

- Muồi Thệp nào tao không biết?

- Bà Muồi nữ chiến sĩ Nam Kỳ 40 ở Cai Lậy tỉnh mà mà quên à?

- Quên đâu mà quên. Bà Muồi Thập! Má thằng Quang và con Thu!

- Bả ra Bắc được cho ngồi ghế trung ương đảng. Bả phát biểu ý kiến ở đại hội Phụ Nữ Cứu Quốc có câu phản đối đế quốc, bả nói BOM HỘT NHUN (thay vì bom hạt nhân) bị phóng viên nó ngao chó đầu. Thằng Quang được cho đi học Liên Xô, không thèm. Bả bắt nó cưới vợ nó cũng không nghe. Nó bảo nó ghét cảnh ô trọc của đám lãnh tụ, nên xin về Nam chiến đấu cho quê hương.

- Trời đất, cái thằng lạ vậy? (Tôi làm bộ ngạc nhiên, chứ thực ra tôi biết thằng con Bà Muồi chết ở Trường Sơn.)

- Để tao nói hết cho nghe. Bà Muồi chạy lên ông Hai Hùng nhờ can nó dùm và bắt nó ở lại cưới vợ nhưng nó nhất định không nghe. Nó đi vô Trường Sơn sốt rét ác tính chết dọc đường, trong ba lô còn cả bó sâm Triều Tiên. Vậy đó! Còn con Thu chưa chồng nhưng lại mê thằng họa sĩ vẽ phong cảnh lương cho đoàn Văn Công Nam Bộ, thứ bảy chủ nhật nó đều xách cái phèng la của nó tới cho thằng họa sĩ dùng dùi cồng gõ beng beng chơi.

- Mày dùng chữ chưa chính xác. Phải nói: nó xách cái đĩa màu palette của nó tới cho thằng nọ quẹt cọ lông vô chớ! Vậy mới gọi là chơi chữ.

- Ủ! Phải! Nhưng có đúng là bà Thập đó không?

- Mày còn su tao nữa rồi. Nhưng vụ này chắc mày không biết đâu!

- Vụ gì?

- Vụ người ta cấp đôi bả với anh Ba nhà mình ở Nam Bộ không?

- Có vụ đó nữa sao?

- Có chớ. Ông thì rằng cở cái rụng cái lung lay còn bả thì đi đâu cũng xách túi nhái đựng trâu. Hơn nữa cả hai đều là chiến sĩ cách mệnh triệt để. Xúng lữa vừa đôi biết bao nhiêu, tại sao ông không chịu mà lại quơ con bé Nga?

- Thì tại vì cái mặt nạ của bả nhân da ổi hết rồi chớ sao! Chẳng có thằng đàn ông nào khoái lấy bà già cả. Chỉ có con gái là mê ông già thôi. Vì ông già thì già mặt già mày tay chân già hết...

- Mày thấy chưa? Tao bảo nhân loại trông gàn cũng xấu xa mà. Mới đầu tao nhìn Ba Duẩn, Hai Hùng, Ba Khiêm như là thần thánh cả. Nhưng khi ở gần mấy chả, tao thấy mấy chả đều phàm tục dơ dáy thấy bà. Tụi mình không đến đỗi như vậy. Như tao vậy, tao có đéo vật mấy em Liên Xô chút chút nhưng tao đâu có bỏ vợ bỏ con như các chả. Mày biết vụ bà Ba Khiêm ở Hà Nội ghen một phát vỡ cả Phủ Chủ tịch mà! Còn vợ lớn Lê Duẩn nữa. Mụ ta đánh bà Nga tuột quần ở Bệnh viện Việt Xô. Anh Ba phải

bỏ chị nhỏ vô thùng gửi sang Tàu tá túc với cụ Mao. Còn ông ủy viên trung ương Trung tướng Nguyễn Văn Vịnh nữa. Ông vô Nam cuỗm một bà hơ hớ. Ra Hà Nội lãnh villa và Volga như ai. Vợ lớn ở Nam Định nghe được tin vác cái chảo bể lên hô giăng. Ông trung tướng chạy tét không dám hô thâu tiếng nào.

- Còn gì nữa hết?

- Còn nhiều mày ơi! Kể sao cho xiết. Mày có viết tiểu thuyết cũng không hết.

- Tuy vậy mía sâu có đốt nhà dột có nơi mày ạ! - Tôi làm bộ chống đỡ dùm cho các anh nhón.

- Không có đốt nào không sâu, không có chỗ nào không dột hết! Sâu tất, dột tất!

Tôi cười:

- Tao nghĩ là ông Sáu Vi là con người tuyệt vời, không có một nhược điểm nào ngoài cái mặt sắt vuông như cái khay trầu của ông.

Thuần làm thinh. Hồi lâu lại cười hắc hắc.

Tư Mô trở mình lên tiếng

- Anh Hai Hùng nữa chứ!

- Ông Hùng không lem nhem nhưng ông phạm tội còn nặng hơn lem nhem.

- Tội gì?

- Ông quơ bà vợ địa chủ. Mai Khanh chị nuôi thành nhạc sĩ Hoàng Lưu, con Hội đồng gì ở Phú Hữu.

- Vậy à? Tôi tưởng ông toàn bích.

Thuần tiếp:

- Tao nói theo kiểu vòng vo Tam Quốc để kết luận bằng câu thơ của Xuân Diệu: Nhân loại trông

gần cũng xấu xa. Xấu xa thật! Hồi tao ở Hà Nội, nghe văn nghệ sĩ xầm xì oán ghét ổng, tao tự nhủ thầm: ổng chỉ có tật hăng xò máu chút thôi. Mà chính thực đảng cần những người như ổng, nếu không ai bảo vệ lập trường. Nhưng tao cũng lằm nốt! - Thuần ngưng lại rồi cười ha hả một tràng dài như liên thanh.

- Gì như mắc đảng bố vậy mậy?

- Mà nhớ chuyện tiểu lâm ba ông thầy tu không?

- Thầy tu đạo gì?

- Không nên hỏi đạo gì phạm chánh sách. Có ba thằng thầy chùa Lỗ Mũi Trâu định sơn mặt đỏ ngoài Sài Gòn vô nằm bên Mặt Trận đang xin yết kiến ổng. Chuyện đó như thế này. Chẳng là có ba tên trần tục lên núi tầm sư học đạo tu tâm dưỡng tánh được vài năm thì xin hạ san. Ông thầy bảo: muốn biết các con đã dứt lòng trần tục chưa thì thầy cho các con một cái phép. Ông thầy lấy ba cái trống nhỏ đem đeo vào cho mỗi người.

- Deo ở đâu?

- Để chút rồi biết! Deo xong, ông thầy bèn dặt một cô tiên nữ cỡi trần truồng ra cho đi qua đi lại trước ba trò. Hễ cái trống trò nào không khua từng từng thì trò đó được hạ san.

Tôi phản đối.

- Tiên nữ ở đâu mà lộn lạo với tiên nam như vậy bố non?

Tư Mô cười khè khè:

- Tiểu lâm cải biên theo đời bây giờ mà chú!

Thuần tiếp:

- Ông thầy cho cô tiên duợt qua duợt lại vài ba lần rồi đứng ưỡn ẹo một chập. Ông không nghe cái trống nào khua cả, như vậy nghĩa là dùi trống nằm im không nhúc nhích, các đệ tử thấy mỹ nhân lỏa lồ mà không có bị tà dâm kích động! Ông thầy khắp khối mừng thầm cho các đệ tử thành công đắc quả to. Rạng rỡ danh thầy biết bao!

Ông thầy bèn đến tháo trống ra để sửa soạn phát bằng cấp “Liêm Chánh” cho họ.

- Chớ không phải bằng cấp Phó Tiến sĩ của mày à?

- Bằng này to hơn bằng của tao nhiều. Ông thầy tá hỏa tam tinh khi nhận thấy cái dùi của tên học trò thứ nhất thọc thủng mặt trống và kẹt trong đó luôn.

- Hớ hớ... hớ. Tư Mô cười. Tôi cũng cười theo.

Thuận tiếp:

- Đến tên học trò thứ hai thì mặt trống còn nguyên mà cái dùi trống cũng không có chìa ra chút nào.

Tôi hưởng ứng:

- Vậy là trò đó lãnh bằng Đại Học Nhân Dân rồi!

- Nhưng mà ông thầy coi kỹ lại thì thấy mặt trống ướn nhẹp.

- Vậy là Bùi Kiệm rồi!

Thuận tiếp:

- Đến trò cuối cùng. Trò này xuất sắc nhất. Cái dùi xuyên toạc cả hai mặt trống, ló qua cả bên kia.

- Quí thần ơi! Dùi gì mà ghê hồn vậy?

- Thế là ba ông con phải ở lại tu tiếp.

- Còn cô tiên nữ đó thì sao?

- Cô ta bị đoạ luôn với ông thầy và đám học trò. Ông thầy chính là ông Mặt Sắt đỏ mày ạ. Còn đám học trò kia là mấy lão Chín Vinh, Lê Trọng Tấn, Trần Văn Chè. Trước đây tao cũng cho là ông Mặt Sắt thì cái gì ông cũng “sắt” cả. Ở Hà Nội có lần ông đến dự tiệc của Bộ Quốc phòng, gặp vợ Thiếu tướng Phạm Kiệt. Bà thiếu tướng trang điểm thường thôi, vì có khách Liên Xô, Đông Âu mà, chẳng lẽ lại mang bộ mặt mù già trâu tới đó? Ông ta điểm mặt bà ta mà mắng ông thiếu tướng; “Anh coi kia, vợ anh son phấn như một con đ.”

- Có chuyện đó nữa à?

- Có chứ, mày ở ru rú trong cái bếp Hội Nhà Văn của mày nên chẳng biết gì hết.

- Rồi ông Kiệt phản ứng ra làm sao?

- Đếch dám phản ứng gì cả. Còn bà ấy thì ôm mặt chạy ra ngoài. Khách Liên Xô ngo ngắc; có người hỏi thì phiên dịch bảo là bà ấy có bệnh nhức đầu cấp tính! Đọ, bây giờ tới phiên ông hạ san và được xét nghiệm bằng cái trống đạo đức... thùng toạc cả hai mặt.

- Thùng mẹ hết rồi hả?

- Cái trống này ông không phải đeo. Nó là của người ta mà ông xách dùi tới gõ.

- Mày nói trống nào vậy?

- Tao hông biết?

- Ờ mày nói chuyện đó có pa-tăng không mậy?

- Tao nói láo có căn chứ không bỏ sách bỏ vở đâu!

- Nếu vậy thì nói tiếp nghe chơi. Ở đây chỉ có ông

bạn già mình thôi! Đâu có ai khác mà lo tai vách mạch rừng.

- Chuyện đeo vật các cháu bây giờ ở bên Bộ Chi huy là thường xuyên và công khai, đâu có ai nói gì. Mà có qua bên đó sẽ thấy. Các ông Tư lệnh, Phó Tư lệnh, Cục trưởng, Cục phó đều có riêng nữ thư ký đánh máy thành phần học sinh Sài Gòn mới ra lò cả. Phá thai càng có lợi. Ngâm rượu tẩm bổ rồi lại sản xuất hài nhi tiếp. Ông Mặt Sắt là thứ dữ trong Bộ Chính trị nhưng chỉ là cắc kè so với chín Hô và Ba Chè, Sáu Bù Lạch trong chuyện tu ở chùa “Một Cây Cột.”

- Chín Hô nào?

- Chín Hô là Chín Vinh tức Trần Độ, Ba Chè là Trần Văn Trà, Sáu Bù Lạch là Sáu Nam tức Lê Đức Anh cục trưởng Cục Tham Mưu Quân Giải Phóng. Các cha này đớp hết cả bấy tiền cô Sài Gòn mà ý hiểu không? Bây giờ còn hỏi tiền cô đâu nữa thôi? Nhưng đặc biệt chỉ có nàng tiên của ông Mặt Sắt là gái có chồng thôi, còn đám kia chắc là nguyên xi. Mà nghĩ coi ở trong rừng năm này qua tháng khác mà tiên cô mang trứng núc ních qua lại như vậy, dúi trứng không cựa quậy hay sao?

- Tao tưởng là ông Sáu nhà mình đạo đức cỡ cụ Hồ.

- Trước kia tao cũng tưởng như vậy, nhưng sau khi ông thử trứng thì tao té ngựa ra.

- Cái thằng nói cà rồn hoài vậy. Tao cần nghe cụ thể như sự việc đã xảy ra chứ không cần mà thêm mắm dặm muối gì cả.

- Ô được! Muốn nghe tao kể cho nghe. Một hôm có điện ngoài Bộ Tổng đánh vào. Ông đã xem và nói nội dung cho tao thảo bức điện báo cáo. Tao thảo xong thì mang qua chòi ông.

- Lúc đó nhằm buổi chiều hay buổi sáng, mấy giờ mấy phút mấy giây?

- Buổi sáng trong rừng có chim ca vượn hú và dê kêu be he nữa. Tao qua đến nơi thì nghe tiếng giảng bài oang oang trong chòi: “Giai cấp vô sản là giai cấp tiên phong lãnh đạo cách mạng nhưng nó phải kết hợp chặt chẽ công nông binh!” Tao đi trờ tới ít bước gần hông nhà. Nhà bên đó có hai loại. Loại cho trung cấp thì ngăn phòng nhưng vách trống chân trống đầu. Còn cao cấp thì bít bùng bốn bên. Nhưng tất cả đều bằng thân nửa đập dập cho nên có kẽ hở, ở ngoài dòm vô, ở trong dòm ra đều không thấy, nhưng kê mắt sát vào thì thấy tuốt.

Nghe ông giảng bài oang oang tao dừng lại, không vô ngay mà dừng lại ghé mắt vào kẽ hở. Tao thấy ông Sáu nằm võng còn cô tiên thì ngồi trên vạt nửa khít bên võng. Đám vệ binh cũng có ý thức. Chúng làm vậy để khi nào ông Sáu nằm võng chán thì bò lên giường hoặc nằm giường chán thì leo xuống võng dễ dàng.

Ông giảng rất hùng hồn. Giọng ông sang sảng chúng tỏ sức khỏe ông còn...

- ... còn có thể cất dùi lên nện vô mặt trống.

- Đến câu vô sản liên hiệp lại hay câu xã hội không giai cấp gì đó thì ông thò tay nắm tay cô tiên lôi xuống đặt cô ngồi trên bụng ông.

- Không đứt vòng à?

- Vòng đôi dây ni-lông dù của Mỹ có thể treo năm tạ mà! Cô ta ngúng nguẩy định đứng dậy nhưng hai bàn tay to sù của ông kềm lại, ông run run bảo: “Ngồi đây nghe bác giảng tiếp.” Nhưng ông không giảng nữa mà ông rủ rỉ: “Cháu ở đây có buồn không?” - Dạ buồn - Cô tiên đáp. - Cháu muốn về Sài Gòn. - Ở đây học làm cách mạng chứ về trong đó toàn là dân phản động đâu có ai giúp cho cháu. - Có gia đình cháu chứ! - Ở đây bác cho đi Liên Xô. - Cháu hỏng đi bên đó đâu. - Sao vậy? Người ta muốn đi mà không được đấy. Cháu chóng ngoan đi! Bác khen giỏi, vừa “giỏi” bác vừa đưa tay ngoặc đầu cháu xuống sát mặt bác. Cô tiên vùng đứng dậy chạy tuốt vô phòng trong.

- Chỉ có bấy nhiêu thôi à?

- Đó là lớp một màn một. Sau đó còn nhiều màn khác. Kịch cợt đầu có ngưng ngang như vậy được. Tao hoảng quá, tao vội vã trở về chòi tao ngay. Tao thú thực là tao sợ run lên. Như có cái gì đổ vỡ trong lòng tao, tan nát, tan nát hết. Lạy Chúa! Đến bây giờ tao hãy còn run khi nhớ lại cái hình ảnh đó. Thuận tiếp - Tao không dám đem cái công điện qua nữa. Tao sợ phải nhìn mặt cái người mà mình kính phục lâu nay. Đúng vậy, lâu nay tao chỉ còn kính phục có mình ông thôi.

- Còn cụ Hồ!

- Xịt! Thằng cha già sát nhân.

- Giỡn mậy!

- Lão giết Dương Bạch Mai bộ mày không biết à?

- Ờ ờ... (Tôi biết việc đó nhưng tôi làm bộ quên đi.)

- Sau vụ đó tao nhìn lại các ông Duẩn, ông Giáp, ông Thọ, tao ón quá trời.

- Còn ông Đồng thì sao?

Thuần cười :

- Mà thấy ông ra sao?

- Ông đạo đức khá chó. Ông có bà vợ điên chữa hoài không hết. Ông tức giận ông đi hỏi người yêu của tao.

- Hả?

- Mày đếch biết chuyện đó đâu. Cũng không có nhiều người biết. Chỉ có thằng cha Nguyễn Kim Cương thủ trưởng Phủ Thủ tướng biết thôi. Vì thằng chả là xếp cơ quan của con nhỏ bạn tao.

- Rồi sao có vụ đó?

- Lão Cương đang làm Phó Giám đốc Đài Phát Thanh. Con nhỏ của tao làm việc ở đó. Thằng chả tưởng hai đứa tao “huề cò” nên làm mai kiếm điểm. Con nhỏ thuật lại cho tao nghe. Tao bảo: “Sao không nhận quách làm bà thủ tướng có phải sướng hơn không?” “Nó vả miệng tao, bảo: “Ông lớn tuổi hơn tía tui mà!”

- Các ông lớn đều... thế cả. Đến ông Sáu Mặt Sắt này là hết phép Người ta thuyết giảng đạo đức thì dễ ợt thôi. Nhưng giữ đạo đức lại khó. Chỉ khi nào đeo trống mà trống không khua thì mới chắc thôi. - Thuần nói một dọc rồi chửi thề văng tê lên. - Cái Bộ Chỉ huy đã trở thành một ổ điểm đục gài, tối ngày mấy thằng đầu bạc chỉ lo cạo râu, sửa chân mày và đánh quần đánh áo để gù mấy cháu chó đâu có việc gì làm.

- Rồi lớp hai màn một như thế nào? - Tôi hỏi.

- Để tao kể qua lớp một cái đã. Tao về nằm trong chòi. Buồn thầu trời. Thì có vệ binh tới gọi. Tao phải sang châu. Tao cố xem cho ra sau cái bộ mặt sắt của ông còn bộ mặt nào khác không hoặc trên cái mặt sắt đó ông có đeo mặt nạ không?

Ông hỏi tao:

- Nãy giờ cậu đã sang đây lần nào chưa?

- Dạ chưa. Anh Sáu có việc gì cần gọi tôi?

- Không, ấy là... tôi hỏi thế mà. Vì nãy giờ tôi ngủ quên. Tôi sợ cậu sang thấy tôi ngủ rồi trở về mình đánh điện trễ mất.

- Dạ công điện dài nên tôi viết hơi lâu. Viết mới vừa xong tôi sang ngay.

Tôi hỏi tiếp:

- Còn màn hai thế nào? - Cô tiên qua chòi tao than thở xin “trả lại đôi cánh” để về Sài Gòn. Bữa đó ông đi họp với mấy cha xếp các Cục ở quanh đây không xa lắm nên tao được ở nhà, không phải xách cặp đi theo. Do đó mới biết tâm sự cô tiên. Chao ôi! Nếu tao kể ra đây chắc thằng anh hùng Cầu Ông Lãnh, ủa, cầu Trương Minh Giảng phải đội mồ sống dậy.

Cô ta kể rằng hồi đó thằng Trỗi mang về nhà mấy đồng chí để bàn công tác bí mật. Cơm nước xong, thằng Trỗi đeo một thằng đi đầu đó, chẳng ngờ là đi xem chỗ đặt bom.

Con nhỏ khóc với tao nức nở: “Nếu em biết ảnh làm việc đó thì em cản rồi. Em thấy cảnh sát canh chừng rất kỹ, làm sao mình đặt được bom. Bom chó

phải quả cà cái bánh gì mà dễ giấu vậy. Thôi việc đó qua rồi, em cũng không nên nhắc làm gì. Một anh ở nhà với em. Có bà già chồng em nữa. Nhưng nửa đêm anh ta quèo em. Em không dám la vì sợ bà già hay thì mất mặt đồng chí của anh. À quên, anh làm thợ điện nên anh có cái thùng dụng cụ để dưới gầm giường. Em giận lắm. Em muốn rút cái búa nện vô đầu thằng này, nhưng em cố dần lòng. Làm đổ bể ra anh cũng không vui gì. Có thể mất đồng chí lẫn vợ. Thằng này lại giở ngón khác. Anh ta dụ dỗ đi với anh ta. Em bảo em có chồng rồi. Anh ta bảo: “Thằng Trỗi sẽ chết chứ không có thoát qua vụ này đâu? Em nên móc với anh mà sống!”

Cô tiên ngừng lại quẹt nước mắt, nghẹn ngào hồi lâu mới tiếp. Em hỏi sao ông biết anh sẽ chết mà không can. Anh ta nói: tại nó muốn hy sinh cho Tổ Quốc. Em ngờ có một âm mưu của anh ta trong vụ công tác này. Bây giờ anh đã thế rồi. Em không muốn khơi lại nữa. Mà dù có âm mưu, thì ai dám nhận? Tao hỏi: - Sao em biết có âm mưu? Cô tiên nói: - Sau khi anh Trỗi bị bắt thì anh ta lại xuất hiện. Không tỏ vẻ đau buồn gì hết, mà lại còn hơn hờ. Anh ta xoa tay: đã bảo mà. Lính, cảnh sát và mật thám như rươi mà làm sao qua mắt tụi nó được? Em nói: anh bị bắt thì mấy anh phải tìm cách giải thoát chứ? Anh ta cười, không nói gì, rồi bỏ đi. Hôm sau anh ta trở lại, kêu em chuẩn bị vô khu. Em bảo em không đi. Anh ta dọa ở đây không có an ninh. Thế là em phải đi. Anh ta chở em vô khách sạn... Em chống kịch liệt. Anh ta bảo: nếu ưng anh ta thì hai đứa

cùng ở lại Sài Gòn. Anh ta “lặn” luôn (nghĩa là không công tác nữa). Anh ta cũng là thợ điện và tổ trưởng tổ công tác của anh Trỗi. Anh xem đó, loại người như vậy mà công tác gì? Ở trong khách sạn anh ta ép nài đủ thứ... Em không nghe. Anh ta lại dọa: không nghe thì anh ta kêu cảnh sát bảo đây là liên lạc của tên đặt mình câu Công Lý. Em bảo: chồng làm chồng chịu, em không dính vô đó. Anh ta còn bảo: tại vì cô mà thằng Trỗi chết. Em hỏi tại sao? Anh ta nói huých toẹt ra: tôi cho nó xung phong ra trước để tôi ở lại sau chớ sao!

Cô nàng uất nghẹn. Việc gì đã xảy ra cho người đàn bà cô thế lại bị kẹt giữa hai gọng kềm, tao không cần nói ra mày cũng biết rồi. Cô tiên bảo khi vào khu cô có méc mấy ông Nguyễn Hữu Thọ, ông Sáu Vi, nhưng mấy ông chỉ hứa thi hành kỷ luật tổ công tác đó thôi, ngoài ra không gì nữa hết. Thi hành gì được mà thi hành, vì bây giờ chính ông ta lại đi vào dấu mòn đó. Em chán nản lắm! Em chỉ muốn về thành thôi. Ở đây không được anh ạ. Kỳ cục quá hà! ” Tao không dám hỏi tới nữa. Tao sợ nghe những chuyện đánh rơi cái đạo đức như của anh Ba mình ở miền Tây thời chín năm thì buồn lắm, tuy biết rằng chuyện đó đã xảy ra rồi, dù cô nàng không tố cáo. Ai dám đi tố cáo một ông vua? Cô ta muốn xin đi ra Bệnh viện hoặc một cơ quan nào có đông người Nam để công tác cho khuấy khóa, nhưng ông chỉ hứa nay hẹn mai, cứ giữ riết cô tiên để thử dùi trống.

Tôi cười:

- Còn mày đã thử cái trống cho mày chưa?

Thuần cười há há và nói:

- Tới phiên tao thì cái mặt trống phải bằng sắt chứ không chỉ bằng da trâu.

Tôi ngáp dài. Nghe câu chuyện của thằng bạn tôi tưởng bạc hết cả tóc. Nhưng nó bảo:

- Vừa rồi bà mới vô mang cái trống bể cho ông đánh.

- Bà nào?

- Bà rằng đen tóc quần rế chó bà nào.

- Bà Sáu Vi vô đây? Bộ bà lợi Trường Sơn tìm phu tướng hả?

- Giỡn hoài vậy. Bà đáp phản lực “không người lái” đấy. Phản lực hạ xuống ngọn cây bằng lăng, bà nhảy dù xuống, ông hứng xong là phản lực trở về Hà Nội. (xem Củ Chi Đất Sét Chùa Thành Bùn, đầy đủ chi tiết rùng rợn hơn.)

Tư Mô găm lên:

- Lại tiểu lâm cải tiến!

Thuần cười:

- Nói đùa chó các bà tướng đi mé-bay vô Cao Mên đáp xuống sân bay Xiêm Rệp rồi trực thăng đưa xuống sân bay Mimot. Ba Chè, Chín Hò cho lực sĩ đem vòng sang khiêng về.

- Khiêng về!

- Chớ sao. Nuôi quân ngàn năm nhờ một thuở mà. Khiêng chừng tám tiếng đồng hồ thì tới đây.

- Tao không thể tưởng tượng nổi chuyện mấy bà đó mang cái cối vô đây cho mấy lão thọt mà lại bắt giải phóng quân khiêng như vậy.

- Vậy mới có danh từ “phải giống” của dân Bêka chó.

- Tàn nhẫn thiệt!

- Nhân đạo bỏ mẹ chó tàn nhẫn gì đâu. Để mấy ông ở trong này bị dồn nén rồi ôm các cháu gái, các cháu la mất uy tín hết, hoặc các cháu không la rồi mang bầu, nạo thai, vậy còn tàn nhẫn gấp ngàn lần. Trời ơi! Bà Sáu Vi vô ngồi với con Quyên, tao thấy tao tưởng là hai bà cháu chó không phải hai mẹ con mà ạ! Chắc bà tin tưởng ông lắm nên không thấy bát đĩa khua trong sóng. Mấy bữa đó con nhỏ qua ở tạm bên chòi tao.

- Độ tao biết mà, thế nào mà cũng thử trống. Có không?

- Tao cũng không biết tao có thử hay không? Nhưng nhớ chắc là trong những đêm dài dằng dặc đó, con nhỏ mới có hoàn cảnh kể với tao những chuyện vừa rồi.

Tôi không thấy buồn ngủ. Cặp mắt cứ trong veo không cay, mi mắt không nặng chút nào. Tụi Bắc Kỳ hi sinh dân Nam Kỳ cho địa vị của chúng nó không thương tiếc. Bốn mươi năm rồi chứ không phải mới vài mươi năm nay thôi. Nhưng dân Nam Kỳ bị cùm chặt quá không gỡ ra được thành thử cứ phải vái lạy mãi, chứ nếu sút cùm ra dân Nam Kỳ sẽ vùng lên giết lũ Cộng Sản còn hơn giết Tây nữa.

Khi tôi ra Bắc tôi mới sáng mắt ra dần. Dân Nam Kỳ không có nhà cửa đi lang thang ngoài bờ hồ và gặp nhau ôm khóc như mưa. Một số lớn bị đưa lên rừng khai hoang ở những nơi không có đàn bà con gái. Nhất là ở Lam Sơn. Lính như tù. Mười ngàn lính giải ngũ cuộc đất trồng khoai, chủ nhật lấy rượu làm vui. Nông trường Lam Sơn với quân số kể trên, uống một số rượu bằng hai triệu dân Thanh Hóa.

Khi tôi đi lao động ở đó, có mấy vụ “dâm ô” làm

tôi hết biết nghĩ sao. Tôi thù Hà Nội tận xương tủy vì những chuyện như vậy. Đây là những sự dã man do chính thằng Hồ gây ra.

Một hôm anh lính B, người Bắc, có vợ con đến thăm. Vì không có chỗ, anh B phải khiêng tấm gỗ ván ra ngoài rừng để hưởng tuần trăng mật. Còn đứa con gái năm tuổi thì anh gởi ngủ với chú A. Sáng hôm sau, trong bữa cơm, con bé nói oang oang trước mặt cả trăm người: “Chú thơm con!” Vợ anh B lườm con: “Chú thương nên chú thơm!” Con bé nói tiếp: “Rồi chú kê miệng chú vô môi con chú nút làm con tê cả người!” Không ai bùm miệng con nít được!

Nhưng cũng chưa tệ lắm! Bên cạnh trại lính chúng tôi có một cái nhà. Không biết tại sao người này lại lên ở đây có một mình như vậy. Để cho việc của tôi sắp kể ra đây có chứng cứ, tôi nêu rõ tên đơn vị: Đại đội 2, Đại đội trưởng là Nguyễn Văn Quý. Trung đội trưởng quyền đại đội phó là một người bị thương nặng ở tay nhưng không có sổ thương binh. Chủ nhà có một đứa con gái mười hai, mười ba tuổi. Đêm nào tôi cũng nghe tiếng chân đi rậm rật về phía nhà cô bé. Được một thời gian, bỗng một hôm nghe ông già tri hô lên rằng con gái ông chết. Nhiều người chạy tới. Tôi cũng sang. Thì thấy dưới giếng sâu có hai bàn chân thò lên và một mảnh tóc bập bênh. Vì vùng đồi nên giếng không có nhiều nước. Ông già nghèo không có tiền mua quan quách nên nhờ bộ đội ném đất đá chôn luôn. Rồi bỏ nhà đi. Trong đơn vị xầm xì. An ninh của nông trường (Lam Sơn)

xuống điều tra, nhưng không kết luận được. Dù vậy người ta vẫn biết cô bé bị hiếp hằng đêm. Những tên hiếp dâm là lũ quỉ nông trường. Có lẽ sợ lộ bí mật, mất “danh dự” (!) nên lũ quỉ giết và ném con bé xuống giếng.

Vụ thứ ba: Chú đưa cháu ngủ trên võng. Cháu gái mới có một tuổi. Chú vừa hát vừa trật quần đứt dương vật vào âm hộ cháu. Cháu khóc thét lên. Người ta chạy tới bắt quả tang giữa ban ngày. Chú bị bắt giam...

Ông Đại tá Trần Thắng Minh còn sống không, xin xác nhận ba chuyện này?

Bạn đọc tới đây có lẽ sẽ rút sách tôi xuống đất mà chửi: Thằng nhà văn viết tởm quá! Nhưng sự thực còn tởm hơn nhiều, tởm đến mức độ tôi chỉ dám viết một phần. Không có nhà văn nào bịa nổi những chuyện như vậy, cũng không có con người nào làm những chuyện như vậy. Chính là bọn súc vật Hà Nội dồn những con người vào hang cùng, và biến con người thành những con vật. Bạn thử nghĩ lứa tuổi mười tám hai mươi đi kháng chiến chống Pháp, ra Bắc chín mười năm liền không biết đàn bà con gái là gì. Trong khi đó các lãnh tụ ở Hà Nội vợ bé vợ mọn tha hồ, bơ sữa no phê, lại còn có tên ủy viên trung ương là Nguyễn (Văn) Quyết dùng vi trùng giết vợ lớn để lấy con gái nuôi (hãy giở báo Nhân Dân lại mà xem, tôi không có bịa đâu!)

Và trong khi lính chết như gà toi trên Trường Sơn thì các ông tướng họp nhau trong triều đình ở Cục R,

uống bia hút thuốc lá thơm, phân chia chế độ cơm
bung nước rớt, cần vụ giặt quần áo, vệ binh khiêng
các mệnh phụ phu nhân như hoàng hậu lại còn dám
dật loạn xà bì. Cách mạng đó! Thắng lợi một trăm
phần trăm rồi đó và những con người ở rừng ngày nay
đã coi bỏ. hết bộ mặt dã man chưa? Xin thưa rằng họ
còn dã man hơn lúc ở rừng. Họ bậy bạ hơn chính họ
trước đây. Đất nước mà họ dẫn dắt sẽ đi đến một nơi
thối: đó là một cơn đại nguy đại loạn.

Khuya quá rồi, tôi hỏi Thuần rằng một câu để ngủ:

- Mà qua đây để gọi con, còn có việc quốc gia gì
đại sự nữa không?

- Tao qua bảo Văn Công chuẩn bị sang biểu diễn
cho đại hội mừng công.

- Công gì mà mừng?

- Pháo binh R vừa bắn tan mười ba chiếc B57 ở
sân bay Biên Hòa.

- Có thật mười ba chiếc hay kiểu như hai ngàn
chiếc phản lực bị bắn rơi ở miền Bắc?

- Mừng công to lắm, có đám trí “ngủ” Sè-goòng.
Nào giáo sư, văn sĩ, kỹ sư, nào bác sĩ nào các thứ đạo
dụ mắm tôm, mắm cáy, đầu cua mắt ếch không thiếu
thứ nào. Có cả thằng thầy chùa Lỗ Mũi Trâu nữa.

- Thầy chùa nào mà Lỗ Mũi Trâu?

- Tao không biết mặt nhưng nghe xầm xì thì
ông Sáu Vi hứa cho nó làm thủ tướng nếu lật được
Nguyễn Văn Thiệu.

- Bộ thầy chùa đeo súng lục à?

- Nghe nói thằng này đang làm loạn ở ngoài Sài
Gòn, tên là Thích gì đó.

- Mẹ kiếp, nó làm thủ tướng thì mình ăn tương chao bỏ mạng.

- Đừng lo. Đám thầy chùa này là con cháu Lỗ Trí Thâm ăn lòng chó gặm đùi dê, khoác áo cà sa nhưng bụng một bồ dao găm chó không phải loại thầy chính thống của Thích Ca đâu. Không nói mày cũng phải hiểu rằng thầy chùa mà chạy vô tới đây để gặp ông Sáu Vi là loại thầy chùa gì chứ? Bọn Sài Gòn vô đây ông Sáu Vi ổng coi như rác nhưng ngoài mặt thì ổng làm bộ kính trọng mày hiểu không. Có mấy thằng đồng nghiệp của mày nữa.

- Đồng nghiệp nào?

- Ba thằng văn sĩ chết nhất có lẽ ăn bơ sữa của Mỹ hết nổi nên vô đây tìm thịt cà khu chó gì. Lại có một con đi lũng rãng bàn nạo. Tao thấy mấy cái mặt dày vô kiếm ăn ké tao đểch có thêm ngó.

- Vô đây làm gì đông dữ vậy?

- Bảo là vô dự đại hội mừng công mà. Sẵn dịp chia chác ghế Bộ trưởng thú trưởng. Tư Siêng nhà mình nâng cái ghế Bộ Trưởng Văn Hóa là chắc rồi. À quên, có mấy ông thầy cũ của tao nữa.

- Ai đó?

- Nguyễn Văn Chì và Nguyễn Văn Chí. Nghe nói thầy Chì được xếp cho ngồi ghế Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên, thầy Chí thì làm Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Sài Gòn Chợ Lớn. Còn hai đồng nghiệp của mày thì ôm cẳng Lưu Hữu Phước tức là Thú Trưởng Văn Hóa.

Tôi cười:

- Còn mày giữ bộ nào?

- Tao à? Chắc là bộ DTR, tức là Bộ-dùi-trống, hoặc bộ ĐKZ.

- Là bộ gì?

- Là bộ Đ... *không giật*.

- Đ... *không chạy* mới đúng chứ. Ờ, tao hỏi thiệt nghe. Mà mày hứa là mày nói thiệt thì tao mới hỏi.

- Hỏi đi.

- Cô anh hùng sang tổ khổ với mày, mày có cảm động không?

- Cảm chứ.

- Cảm rồi ngồi y nguyên hay là kéo tay em ngồi giần lên bụng?

- Thôi mày ơi! Còn nhiều chuyện bí ẩn ở màn hai, màn ba lắm nhưng để hồi sau sẽ phân giải.

- Có mày một chân trong đó hả? Ờ, mày ờ như mày có ăn chung mâm với ông không?

- Chung sao được mà chung. Ông ăn đặc tiểu táo, còn tao là trung táo cách nhau ba bậc mày không biết chế độ trong quân đội à?

- Mày đi Liên Xô học lấy bằng Phó Tiến sĩ triết học rồi mà!

- Cái bằng đó chẳng hơn gì cái tấm tả con nít.

- Vậy sao thằng cha Khiết đi Liên Xô một lượt mày nó về nước rồi vô đảng làm Trưởng Phòng Huấn Học của Ba Trà.

- Ba cái thứ đó tao ỉa cũng ra. Thằng Khiết học ngu như bò. Nó đếch có dám phát biểu ý kiến gì mới. Giáo sư bảo nó nên nghỉ đi đừng có học môn triết học vì biết nó không có óc sáng tạo. Những thằng

có óc sáng tạo, về nước đều vắng dènh hết cả. Hề trong học bạ, bên Liên Xô phê cho mấy câu “sáng tạo” hoặc “có tìm tòi nghiên cứu, có ý kiến mới” thì về Hà Nội bỏ mạng sa tràng ngay. Sáu Thọ chẳng để bạt lại còn đầy đi đất trích.

- Sao vậy?

- Vì Trung ương sợ nuôi ong tay áo cái kiểu Lê Vinh Quốc và Võ Văn Doãn tao nói hồi nãy chớ sao. Lãnh tụ đảng mình gồm những bộ óc bò, vô học nên rất sợ văn hóa văn minh. Nói ra câu gì đảng muốn một trăm năm sau nhân dân nhắc lại y như vậy không được thêm bớt chữ nào.

- Vậy sao ông đại tướng bắt mày làm bí thư cho ông?

- Ông thích nghe triết học. Tao thường giảng cho ông nghe. Ông có óc cầu tiến hơn xừ Giáp. Xừ Giáp ỷ ba cái chữ Tây nhưng về việc tổ chức thì Sáu Vi giỏi hơn vì ông ta có óc thực tế lại muốn tìm hiểu triết học. Lắm khi ông thú thật với tao rằng ông dốt và chẳng biết Mác Xít là cái gì. Ông không học Mác Xít ngày nào cả, nhưng vì ghét Tây, yêu nước nên ông chiến đấu vậy thôi.

- Thế à?

- Thì ông xung tội thế, ai biết đâu!

- Vậy sao mấy lần ông đến nói chuyện với văn nghệ sĩ ông khắc ra Mác vậy.

- Ừ thì lập trường ai nói chả được, nhưng vận dụng triết học Mác là chuyện khó chớ mậy.

- Mày có khá không?

- Tao chẳng hiểu giống máu gì cả. Đại khái như cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam này thì ai làm cũng thế thôi nghĩa là cứ nhắm mắt đánh bừa may ăn rủi thua chớ có ai thấy Các Mác Xít là ở chỗ nào. Tao học thì thuộc bài lắm, nhưng nhiều khi tao tự hỏi: Tốn cơm đi nhai ba cái này để làm gì? Đi cày một vạc đất trồng mấy cây lúa còn có ích hơn.

- Luận án của mày có gì khác không?

- Là *Chủ Nghĩa Mác và Vấn Đề Tôn Giáo* thôi, không có gì khác hết.

- Mày định luận thế nào để nâng cái bằng Phó Cối?

- Tao nêu lên một luận điểm chính là tôn giáo là kết quả của cả triệu năm lạc hậu của nhân loại. Khi được ánh sáng Mác Xít rọi vào tôn giáo sẽ tan ngay không cần phải dùng những phương pháp giết chóc tù tội tàn bạo như đảng làm đối với Công giáo, Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo ở nước mình. Tao lấy ví dụ về những chiến dịch mình tàn sát dã man các vùng Hòa Hảo ở Láng Linh năm 1947, ở Ba Dầu Định Mỹ năm 50-57 và nêu những trò hề dùng Mười Trí làm một loại keo để hàn gắn sự đổ vỡ đó. Tất cả đều chỉ mang lại một kết quả: **TẤT CẢ ĐẠO GIÁO Ở VIỆT NAM ĐỀU THÙ CHÚNG TA MỘT MỐI THÙ BẤT CỘNG ĐÁI THIÊN.**

Đọc bản thảo luận án của tao xong chắc ông thầy cho tao điểm cao nhất. Ngoài ra còn điện riêng về Ban Tuyên Huấn nhà hãy nhận tao vào làm công tác tuyên huấn đảng, ông còn nói rằng ở Liên Xô đảng

có giết phản động nhưng không có trường hợp nào Hồng Quân bắn vào dân chúng giết một lúc cả trăm người hoặc thiêu hủy các làng mạc tôn giáo như thế.

Khi tao về nước, Tổ Hữu không ngó ngang gì tới tao mà lại đưa tao làm bí thư cho ông Vịnh. Ông này thì chả biết gì cả ngoài cặp mông bà vợ nhỏ. Tao than với ông rằng tao xa nhà lâu quá, muốn về Nam chiến đấu, ông bèn đưa tao vô Bộ Quốc Phòng nằm chờ. May sao Cục Tổ Chức chộp được, đưa tao cho ông Sáu Vi.

- Bây giờ mày định làm long-tong suốt đời à?

- Ở thế, sau đây tao xin về tỉnh nhà.

- Ở đâu?

- Gò Công. Thôi nhé! Đừng có hỏi thêm nữa! Tao đã vui miệng mà khai hết nỗi lòng của tao cho mày rồi. Đó là sự thực tao đã sống qua. Chắc mày cũng có những điểm giống tao! Nhưng bây giờ làm gì? Chúng mình đã đi từ đầu, thì phải đi đến cuối, mặc dù hết muốn, cũng phải đi.

Tôi buồn vô kể. Đêm rừng là một thứ day dứt tàn nhẫn cả thể chất lẫn tâm hồn. Nghe thằng bạn tâm sự mà chán chê tê tái. Tôi nói:

- Mai mốt tao đi đồng bằng.

- Đi đâu?

- Về xứ! Thăm cha mẹ ông bà, mổ mả tổ tiên. Đi hai mươi năm chẳng ra cái tích sự gì.

- Đi cho cẩn thận nhé. Mày là con một trong gia đình. Nếu hồi ở Hà Nội mày nghe lời tao lấy vợ thì đã có con rồi. Dù bẻ gì gia đình mày cũng có người

nổi dỗi. Nói không phải trù, nhưng cây một trái, rui mưa gió sai mùa, nó rụng rồi làm sao. Do đó khi tao về tới nơi tao kêu vợ vô. Thấy thằng con trai lớn xộn, tao mừng quá cỡ. Tao bắt nó vô luôn với tao.. Vợ tao bảo để cho nó học xong Tú Tài đã. Tao nhất định đem nó vô đây. Cha con nghĩa nặng mà mậy. Dù sao cũng có nhau. Cha con hai bên chàng hảng, ra trận giết nhau đau lắm. Mày về đồng bằng phải cưới vợ ngay đi. Muộn mẹ nó rồi. Nhưng muộn còn hơn không.

Nghe bạn khuyên tôi luống ngậm ngùi. Mãi mê đi theo cách mạng mà “cách cái mạng” mình luôn. Người ta đi theo cách mạng cưới cả vợ bé vợ mọn thứ hai thứ ba cơ đấy. Mình thì tuổi cứng cựa rồi vẫn không ngờ. Chả biết vợ con là gì.

Ngu thật, ai biểu tôi mê cụ Hồ, mê xã hội chủ nghĩa, mê những thứ gì đầu đầu. Nữa thôi?

- Mai biết ‘còn gặp nhau không! Tao khuyên mày nhớ lời tao nhé.

- Như Nguyễn Văn Trôi trời *“Hãy nhớ lấy lời tôi”* vậy hả?

- Bậy nào! Tao đã sắp chết đầu mà trời. Thôi ngủ đi, gần sáng rồi. Mai tao gặp bà Thanh Loan bảo bà sửa soạn đem mấy chục cái “trống” qua cho người ta “thủ.”

Tư Mô vốn là tay mất ngủ thường xuyên. Đêm nào cũng nuốt vài viên Tranquinol để vỗ an giấc điệp, nghe Thuần bảo “ngủ đi” thì cười xòa:

- Làm sao ngủ được mà ngủ! Nghe chú kể chuyện

có lẽ tôi phải uống cả ống Tranquinol họa may mới ngủ được.

Tôi bảo Thuần:

- Ông cũng xa vợ hàng chục năm rồi đó. Bởi do cái tánh ham vui. Phen này hai anh em tao lợi Đồng Chó Ngáp về Bến Tre một keo, coi nhà cửa ra sao!

- Ủa ông cũng dân bà Ba Định à?

- Ủ, làm thi sĩ sớm lắm.

- Còn chuyện cái bà Tư Lệnh Phó của mày nữa. Có lẽ phải mất một đêm mới kể hết.

- Chuyện gì? Bà được ông Sáu Vi đề bạt ngồi chễm hễm trên đầu tụi “trí ngủ” ngoài thành là vinh quang tột đỉnh rồi còn chuyện gì nữa.

- Cái gì lên tột đỉnh rồi cũng rơi xuống đáy cả. Thôi ngủ đi. Để sáng mai có “dưa hấu” rụng còn sức mà đội.

- Bậy bạ hoài vậy!

Sáng hôm sau Thuần cuốn vòng uống trà rồi đi về.

Tôi rất buồn. Những thằng bạn cũ dám nói với nhau những chuyện bất mãn của mình và chuyện lằng nhằng của thượng cấp không phải là nhiều. Ở gần những thằng đạo đức giả như thằng Hồ Chí Meo, Lê Xuân và thằng cha X,Y,Z... thiệt không thoải mái chút nào. Tôi vốn là tên thích nói nhảm, nói tục, nói tào lao, không ưa lễ mễ dạ thưa thì ở rừng là phải lắm nhưng lại không có bạn. Nếu có thì sắp xa nhau rồi: thằng Sáng.

Sáng hôm đó vừa ăn cơm xong thì cơ quan lại họp để quyết định phân tán tránh CZ Johnson City.

Những ai ở lại tiểu ban thì lo chuẩn bị dùi sâu vô đất Con Mên. Bên bộ phận nhạc nhọt gì của Lưu Hữu Phước gồm năm, sáu ngoe trong đó có anh chàng chơi vĩ cầm có hạng ở Hà Nội. Anh ta treo cây violon trong lều ni-lông thấy mà tội nghiệp. Sợ nó ướt khi trời mưa, anh ta trùm ba bốn lớp ni-lông. Lâu lâu mới mở ra kéo một vài bản. Chẳng ai buồn để ý. Vì nó lạc lõng, chối tai thế nào ấy. Ai lại đói thấy mẹ còn ngồi nghe Schubert hay Mozart? Anh ta mê một cô vũ ba-lê cùng vượt Trường Sơn vào cùng chuyển với tôi tên là Hồng. Hồng đẹp lắm, tay chân vóc mình gì cũng tuyệt cả. Đi học Liên Xô mới về xung phong đi Nam để “biểu diễn cho đồng bào Sài Gòn xem.” Vô tới đây cặp đùi ngọc trở thành hai con lươn bông, mặt mũi bùn xì, tóc rụng có nùi, đầu gần trọc hết. Và không có nhảy một bản nào cả.

Mặc dù vậy cô nàng cũng được coi là một mỹ nhân. Và ông vĩ cầm vẫn cứ mê như thường. Nhưng cô Hồng thì tối ngày cứ ngồi thở hắt ra hoặc gõ mài ghê ở chân. Ai hỏi gì, ai bảo gì cũng lác!

Bạn của Hồng là Điệp. Điệp kém hơn nhưng đã có “chồng” rồi. Chúng nó “lễ gai cho nhau” từ trên đường Trường Sơn, vào đến đây thì xin làm đám cưới, nhưng tổ chức không cho. Bảo rằng vào đây là để phục vụ không phải để yêu đương. Nhưng chúng cứ đánh du kích hoài hoài, cơ quan can không lại nên đành chịu thua.

Anh chàng cũng là nhạc sĩ, nhưng thổi kèn đồng, học bên Hungari mới về, có sứ mệnh đi vào đây để

xây dựng đội quân nhạc cho giải phóng quân đi “ô pà” trong ngày diễu binh mừng chiến thắng. Anh ta hít vô hay thở ra đều rắc bất mãn. Nghe kèng đánh gọi lãnh cơm, anh em bảo hấn đi.. Hấn bảo: “Cơm cần nhưng không cần bằng nói thật!” Được mời họp, hấn bảo: “Họp để nói láo thêm chuyện gì? ” Kiểm thảo hấn lén phéng với cô bạn, hấn nói toạc ra: “Các đồng chí cứ thiến tôi đi, chớ để tôi nguyên thể này thì chỉ mất công kiểm thảo.” Hấn chỉ phục có mỗi một mình Hoàng Việt nhưng Hoàng Việt bảo hấn có lý nên không khuyên can gì cả. Thế là ông Cai kèn cứ bất mãn lồng lộng chẳng nề nang ai. Ông Cai gặp ông họa sĩ Đức thì kể như hết chỗ chê. Một ông thì châm biếm, một ông bất mãn, nói toàn những danh từ trời ơi! Khi nghe cũng chạy tét.

Rồi một hôm tôi nhận được thư chính thức của Nguyệt ở bên Bộ Chỉ Huy Quân Giải Phóng. Thiết là vui mà cũng thiết là buồn. Vui là vì phen này tôi có vợ. Buồn là từ nay, không có làm thơ tình, cũng không có viết thơ loại trời trăng mây nước nữa. Tôi phải nghe lời ông Mô và thằng Thuần: lấy vợ!

Thư của Nguyệt gửi từ Bộ Chỉ Huy qua đến đây mất một tháng. Nàng đã đến nơi. Khi vô đây tôi có nghe danh từ “bên Bộ” nhưng đâu có biết “bên” Bộ là bên nào. Rừng thì ở đâu cũng như ở đó. Cây cao bạt ngàn, lá che bít mặt, khi già khi con lao xao, đâu đâu cũng chỉ là người sống chung với khỉ, hoặc người trở thành khỉ sống chung với người. Tôi bàn tới bàn lui với Tư Mô rồi tôi quyết định đi sang gặp Nguyệt.

Đi bằng cái gì? Ở đâu thì cũng chỉ xe đạp muôn năm. Cả tiểu ban có ba cái, một cái cho tiếp phẩm, một cái cho ông trưởng tiểu ban và một cái cho toàn thể thân dân Văn Nghệ.

Như nguyên lý của cuộc sống, cái gì chung thì tôi tệ, cái gì riêng mới đẹp đẽ. Cái của tiếp phẩm thì không thể mượn được, cái của thân dân thì nát bét ra rồi, hai lốp chưa xì nhưng một cái pê-đan đã lòi, nghĩa là không thể đạp được. Đó là điều quan trọng nhất. Đã kêu là xe đạp mà pê-đan hư thì làm sao đạp. Mà đã không đạp được thì bánh xe không thể lăn. Tôi muốn làm gan mượn chiếc xe riêng của đồng chí trưởng tiểu ban nhưng Tư Mô can:

- Ông để làm chân làm cẳng lên hóp trên Ban (Tuyên Huấn), chú mày đi ít nhất cũng vài ba tuần, ở nhà rùi có chuyện gì hỏa tốc ông làm sao?

Thế là còn cái xe của tiếp phẩm, nhưng tiếp phẩm không xe, thì anh em nhịn đói! Khả năng giao thông cuối cùng là chiếc xe công cộng. Tôi xem tới xem lui bèn sực nhớ cái xe đạp của ông bưu điện trong *Quê Người* của Tô Hoài. Một hôm chiếc xe bị hỏng ghi-đông, ông ta đeo nhánh dúi thay vào. Thế mà lại có một cô nàng mê ông ta ồm lăn ồm lóc ra cơ đấy. Vậy cái xe này chỉ gãy pê-đan thì hãy còn khá hơn xe của ông ta nhiều. Tôi bèn vác dao đi đốn một nhánh cây tra vào trong cái cần pê-đan. Thế là ổn. Tôi từ giã Tư Mô với sự cảm động còn hơn buổi Kinh Kha sang Tần. Tư Mô cũng rung rung nước mắt như tôi:

- Chú đi cho cẩn thận nhé. Mau mau rồi về đi Bến Tre!

- Đi thì đi chớ biết cẩn thận là thế nào anh!

- Bom đạn phía bên đó nhiều hơn bên này. Tôi ở nhà lo sửa sửa đủ hết chờ chú về rồi đi!

- Tôi sang gặp cô ấy bàn định công việc rồi trở về ngay.

- Chú nói vậy sao được! Ít gì cũng ở chơi một tuần lễ chớ!

Tối hôm đó anh em họp lại đông đủ ở lều Tư Mô. Ai cũng tỏ vẻ mừng cho tôi cả. Con quỉ phen này chịu phép rồi, không còn “phá tán” ai nữa. Thế là tôi đi. Bạn có tin rằng câu chuyện sau đây là sự thực không? Xin hãy đọc tiếp.

Tôi đạp xe đi một lúc thì cái khúc cây thay cho pê-đan gãy lọi. Tôi phải chặt một khúc khác tra vào. Đạp một lúc lại gãy. Bởi vì đường rừng, phải đạp mạnh xe mới trườn tới được. Một khúc gỗ chỉ to bằng ngón tay cái thay cho thỏi thép tra vào cần pê-đan thì làm sao bền được?

Nhưng tôi cũng không bỏ chiếc xe đạp. Có ai dùng xe đạp một pê-đan trên thế giới này không? Nếu có thì đó là nhà văn Xuân Vũ của tiểu ban Văn Nghệ R năm 1963. Thiết là một kỳ quan kỳ cục. Vứt nó đi thì không thể, còn dùng nó với chức năng bình thường thì cũng không được. Tôi đành phải nhảy xuống dắt nó đi. Cho đến chiều tối đến một cái xóm không biết tên là gì. Tôi vào đại một ngôi nhà bên đường xin nước uống...

Tôi bèn trở cái xe cho chủ nhà là một người Miên

xem. Thời may ông ta có cái sườn xe đạp hu treo lưng lẳng trên vách. Ông ta lấy xuống, tháo chiếc pê-đan tra vào cho xe tời. Tời trả cho ông một, hai trăm rịa (gì đó không nhớ). Ông ta tỏ vẻ thương người nên tối hôm đó tời ngủ nhờ trong chuồng trâu của ông. Hai con trâu nằm trong vũng sinh để khỏi bị muỗi chích, hôi hám lạ lùng: Giống như RẶC TRÂU ở vùng Nghệ Tĩnh ta vậy.

Ông cho tôi ăn com nếp hấp trong giỏ mây với mắm bò hóc. Ối chao ơi! Ngậm miếng mắm mãi và phải vận dụng tất cả lập trường mới nuốt nổi. Chỉ một miếng thôi, rồi chỉ ăn com nếp không.

Đêm ngủ tôi sợ quá! Đi như thế này liệu mạng thật. Nếu lão già Miên giết tôi chết để lấy chiếc xe đạp và cái ba lô thì chắc không có ai hay. Nhưng cũng may, sáng hôm sau tôi vẫn còn sống. Lão già lại cho tôi ăn com. Tôi trả thêm rịa và lên đường một cách hùng dũng. Trưa hôm đó mới tới con đường đá. Cứ theo bản đồ của anh em ở nhà về cho mà đạp miết. Gần đến chiều thì lại vỡ lở.

Mẹ kiếp tai nạn gì mà liên tục thế này! Thấy một cái xe bò đi tới, tôi bèn hỏi đi nhờ. Thì ra là xe bò chở gạo tiếp tế của phe ta. Người đánh xe bò là dân Mùa Thu và là cán bộ chăn bò ở nông trường Lam Sơn nơi tôi từng vào lao động thực tế sáu tháng. (Do đó có mấy chuyện tôi kể ở trên kia). Anh ta tên là Tư Thêu (sau này gặp lại ở Củ Chi, cũng vẫn “lái” xe bò). Tư Thêu cho cả tôi và xe đạp lên xe bò. Tôi ngồi ngất ngểu trên những bao gạo và nói chuyện ba đồng bảy đổi với Tư Thêu:

- Về hồi nào?
- Mới mấy tháng đây thôi, còn anh?
- Vừa vô tới! Có bỏ cọng rau muống nào ngoài đó không?

- Tôi chưa bị quấn, chớ tui đại đội 2, đại đội 4 bị thiếu gì. Có đưa cưới vợ Mường nữa anh ạ. Vui lắm. Bây giờ về hết rồi.

- Rồi làm sao?

- “Dang mi ra” cho ta về nước chớ làm sao! Chuyển tôi đi liên hoan to lắm. Hùn tiền mua gà vịt mấy bới, nhậu sáng đêm. Mấy bà bầu tới khóc lóc, nhưng đi thì vẫn cứ đi.

- Về trong này cưới vợ chưa?

- Tôi quê ở Thanh An, mấy ổng cho về công tác Củ Chi. Về một tháng là gia đình cưới vợ cho xong.

- Rồi sao lên đây?

- Lên đây cũng gần. Lâu lâu xách xe đạp chạy về rồi trở lên. Tôi tính đưa vợ lên cất chòi ở trên này luôn. Nhưng coi mệt quá nên tôi chưa quyết định. Còn anh đi đâu lang bang đây?

- Cũng đi cưới vợ!

- Giờn hoài anh!

- Bên Bộ Chỉ Huy! Thiệt mà!

- Ờ phải. Nhưng anh ở đâu tới?

- Bên dân chánh.

- Rồi cưới ai bên này?

- Người này chắc chú biết.

- Ai vậy?

- Văn Công Sư Đoàn 330.

- Ai?

- Cô Nguyệt, trưởng đoàn.

- À tôi biết rồi. Tôi quen nhiều người trong đoàn đó lắm. Tôi coi họ hát hoài mà.

- Ai?

- Tám Thom, Huyền Tung, chị Cuộc, chị Hiên v.v... Sao ở ngoài anh không cười, để về trong này mới cười.

- Chíp! Thì khổ vậy đó chú ơi!

- Chị ấy vô hồi nào?

- Vừa vô tới, cô ta gọi thơ cho tôi, tôi phóng qua ngay đây!

- Làm gấp gấp, kéo không kịp.

- Không kịp gì?

- Coi bộ Mỹ nó làm tới nơi rồi. Nó chơi cái kiểu xây cù bắt chuột. Nó gom mình vô rọ rồi hốt một phát là sạch.

- Đây vô đó còn xa không?

- Không xa lắm, nhưng anh có giấy giới thiệu đặc biệt không?

- Đặc biệt gì?

- Vô tới trong cái “nồi gò” đó không có dễ đâu nghen anh. Toàn là thứ dữ không thôi. Anh phải qua mấy trạm gác mới tới được.

- Chiều nay tới không?

- Tới nhưng mà tới rồi, nó không có cho anh vô đâu.

- Xe bò ở đâu vậy nè?

- Cửa đảng chó ở đâu anh!

- Sao chú lại làm cái việc này?

- Đảng bảo thì phải làm. Hồi ở ngoài tôi có hứa miễn về được trong này, làm gì tôi cũng làm, bất kể là chuyện gì. Đánh xe bò cũng vinh quang lắm chứ. Nhưng chỉ một mình tôi mới liều mạng đánh xe đi giữa đường ban ngày như thế này. Anh coi giờ này có bóng dáng chiếc xe nào không. Độc một mình tôi thôi.

- Sao vậy?

- Vì máy bay nó thấy là nó xoi tái ngay thôi. Tôi ớn lắm, nhưng đi đêm rất cực. Bây giờ tôi sợ chết hơn hồi đi trên Trường Sơn. Anh biết tại sao không?

- Không.

- Vì sắp có con rồi!

- Ủa, mau vậy hả?

- Thì nàng tắt kinh ngay tháng đầu mà. Còn tám tháng nữa thì có con nít oe oe. Ít nhất con tôi phải nhìn thấy mặt bố rồi bố nó hãy chết chứ.

- Sao chú bị quan vậy?

- Không phải tôi bị quan đâu anh ơi. Cái chiến tranh này ác lắm. Mình không có sống được để ăn mừng thống nhất đâu!

- Chú nói thiệt chứ!

- Chết lạ lắm anh ạ. Mới thấy đó lại chết liền. Ngay trên đường này. Đêm hôm kia. Một đoàn xe bò nhè. Bỗng một trái pháo bắn rầm. Hai con bò tan xác. Hai người chủ cũng văng theo bò. Bốn chiếc hỏng, ba bị thương. Xe tôi đi chót nên không việc gì. Con người có mạng anh ạ. Tôi lết tụt đi đằng sau

nên chẳng việc gì! - Tư Thêu móc túi lấy thuốc hút và tiếp. - Tháng trước xe tôi đi đầu thì pháo bắn vét trúng khúc đuôi. Tôi chết hụt hai lần rồi. Chắc lần thứ ba thì dính. Không lẽ tôi hên hoài.

- Sao không về quê công tác?

- Tôi cũng định xin về Thanh An làm cán bộ xã để ở gần nhà, nhưng ở trên bảo thiếu người nên cứ xét tới xét lui hoài.

- Đánh xe thế này chừng nào thì lên đại tướng được?

- Lên đầu mà lên anh. Tôi đi bộ đội mười năm, ra Bắc đào đất tám năm, anh biết tôi lãnh quân hàm gì không?

- Quân hàm gì?

- Thượng tá. Há há... há. Thiệt mà, nhưng Bộ Quốc Phòng phát lộn cho ông Cống đeo dùm, nên được thượng sĩ. Tôi đeo được vài hôm thì ở trên lại bảo phát lộn nữa nên tôi chỉ còn trung sĩ. Vô đây thì không còn gì hết. Nhưng tôi thấy không cần nữa. Tôi đâu có công gì. Chính con bò mới có công chứ. Nếu ở trên gấn quân hàm thì xin gấn cho nó. Ờ ờ... gấn ở chỗ Nguyễn Công Trứ lấy cái quạt che.

- Chú về trong này rồi rượu ở Thanh Hóa ai uống cho hết?

- Tại tội tôi uống bạt mạng cho nên họ mới khắp nhiều chớ nếu không có tội tôi thì họ khắp bán cho ai?

Chiều hôm đó tôi tá túc với Tư Thêu. Y chở gạo tới giao cho quán kho rồi trở ra:

- Bây giờ hết giờ làm việc rồi. Anh ra chòi tội tôi nghỉ đỡ. Ở đây toàn là dân thuộc F330 hồi trước. Ở ngoài đó chặn bò, móc gốc lim, về trong này lại đánh xe bò vác gạo. Kể ra lính Nam Kỳ mình cũng hân hạnh lắm đấy!

Tôi nôn nóng muốn vào gặp Nguyệt ngay, nhưng Tư Thêu bảo:

- Nói là tới, nhưng anh cũng phải mất nửa ngày nữa! Thủ tục phiền phức lắm.

- Thủ tục gì?

- Thủ tục vô khu vực của Bộ Chỉ Huy chó thủ tục gì. Xin lỗi anh cấp bậc gì?

- Tôi đâu có cấp bậc gì.

- Muốn vô đó phải là đại úy trở lên. Cớ tội tôi còn khước mới vô được.

- Vậy muốn vô đó phải làm sao?

- Anh cứ ở đây nhậu chơi đã, để tôi lo cho. Anh chân ướt chân ráo lại không có cấp tước, vô đó bị tội nó xài nguyên tắc, có khi bảy ngày anh chưa gặp được chị Nguyệt. Tội tôi tuy là đám chặn bò nhưng có đường dây riêng. Chặn bò móc với chặn trâu, đi cửa sau mau hơn cửa trước.

Tôi đành nghe theo Tư Thêu, mắc vòng lắc lư nằm chờ. Tổ đánh xe bò toàn là dân Nam Kỳ, anh nào anh nấy đều quá lứa cả. Họ rất vui mừng coi tôi như một thằng đồng bệnh Nam Kỳ ế vợ ở miền Bắc. Họ có thừa gạo còn thức ăn cũng không thiếu. Họ có một tốp đi săn thịt rừng. Cho nên ăn uống rất phê phớn.

Tôi uống rượu cũng khá lắm. Hồi ở Hội Nhà Văn tôi uống rượu nổi tiếng hơn viết văn mà! Tôi đóng góp thêm rịa và tiền Sài Gòn. Một người vác xe đạp chạy đi, một tiếng rưỡi đồng hồ trở về với bốn bình toong rượu óc ách máng trên ghi đồng xe đạp. Thịt mền nướng nguyên con như bê thui. Không chặt ra. Cứ để trên bếp xèo từng miếng ăn và tu rượu như dân thiểu số dọc Trường Sơn.

Một anh tên là Biểu cụt hai ngón ở bàn tay phải rót rượu mời tôi rồi hỏi:

- Anh còn nhớ tôi không?
- Đồng chí cũng ở Lam Sơn à?
- Đại đội trồng cao su. Anh đến coi rồi về Hà Nội viết bài “Lam Sơn Quê Hương Mới” gởi vô tụi này đọc khóc muốn chết.
- Tôi viết cái gì trong đó.
- Lúc anh vô thì báo nói là trong Nam Ngô Đình Diệm bỏ thuốc độc giết cả ngàn tù ở Phú Lợi. Anh em trong đại đội biến cảm thù thành sức mạnh thúc suốt đêm, đốt đuốc đốt rừng để trồng hạt cao su.
- Ờ, ờ, tôi nhớ rồi.
- Lúc đó trời lạnh nên tụi này phải quạt khói cho ấm để cao su không chết.
- Rồi sau đó có mọc lên được không?
- Có.
- Chắc bây giờ gần có mùa rồi.
- Nó chỉ lên được hơn gang tay rồi héo đọt chết ráo anh ạ.
- Sao vậy?

- Đâu có biết. Chắc là vì trồng không đúng đất chớ gì. Cũng như cây so đũa vậy, ở Ba Vì và Viện Nông Học Hà Nội trồng lên rất tốt nhưng không có trái.

Tôi buột miệng nói:

- Đúng là trồng sai đất, như cây vú sữa vậy thôi.

- Cây vú sữa nào?

- Cây vú sữa của Hồ chủ tịch đấy mà.

- Vẫn không có trái à anh?

- Trái gì được mà trái!

Con người cũng thế. Sống ở miền Bắc dân Nam Kỳ vất vả vất vưởng như một lũ ốc mượn hồn. Bây giờ được rút về Nam cũng chẳng làm được gì ngoài sự cúi đầu phục tùng sự đô hộ của bọn Bắc Kỳ xâm lược.

Tôi hớp một ngụm to rồi bảo:

- Bây giờ sắp tập kết một phát nữa đó các bạn ạ.

- Sao?

- Sắp tập kết lần nữa. Hi..hi..!

- Giỡn hoài anh Hai ơi! Chuẩn bị bỏ vợ bỏ con phát nữa hả?

Vừa đến đó thì Tư Thêu từ bên ngoài đẩy một người vào:

- Ê thằng Bắc Kỳ này chơi được lắm. Cho nó đi vài châu đôi rồi chốc nữa sẽ bàn công việc giúp ông “nhà dăng” của mình. Nè, Tám Nghĩa mày muốn chơi với tụi này thì phải lấy bằng cấp mới được.

Tám Nghĩa nói giọng rắc su hào:

- Dưa hấu chơi tới đâu rau muống chơi tới đó, sợ gì!

Tư Thêu cầm bi đông rượu mở nút kê vào miệng Tám Nghĩa:

- Hết bình này là cao cấp, nửa bình là trung cấp, một phần ba là sơ cấp. Làm đi. Không có nói nhiều.

Tám Nghĩa ngửa cổ ra nốc hai ba cái bị sặc, lấy bi đông ra, chùi mồm và nói:

- Có gì đưa cay không chứ?

- Ờ quên!

Tư Thêu bẻ cái giò mền khét cháy đưa cho Tám Nghĩa. Tám Nghĩa nhai rau rầu rồi nốc tiếp một hơi dài, đưa bi đông cho Tư Thêu. Tư Thêu lắc lắc bi đông và nói:

- Mà chỉ đậu sơ cấp thôi. Cho ăn đại táo!

- Thế cũng được! - Tôi bảo - Tầu bắt khả ép.

Tám Nghĩa lắc đầu:

- Em chịu thua các đại ca thôi.

Một anh to lớn, mắt đỏ lừ, râu ria như chổi xể, tay chân như hộ pháp nãy giờ không nói gì cả, bây giờ mới rót rượu cho tôi và hỏi:

- Bộ quên tôi à?

- Ồ...ơ...

- Vương Tu Đồ đội trưởng đội đánh cá của nông trường Lam Sơn nè cha!

- Ồ ờ...Tôi có gặp ông ở kho gạo trên Trường Sơn mà.

- Về đây vẫn làm thủ kho.

- Còn đờn “vận cổ bà con” không?

- Mới gởi mua được cây Xi-ta ở ngoài chợ Long Hoa.

Đó là Bảy Nguyên, một tay chơi nhạc cổ rất khá nhưng không chịu vô Văn Công. Ngón tay y thật to, bấm bít cả phím đàn. Tôi hỏi:

- Mấy thằng Mỹ giam trong hầm ở kho gạo ông trên Trường Sơn ông giao lại cho ai?

- Chết mẹ nó hết ráo còn giao cho ai gì?

- Sao vậy?

- Nó không muốn sống thì nó chết chớ sao! Thôi bỏ đi, uống!

- Uống thì uống!

Một chập Vương Tư Đồ nói với tôi:

- Chú muốn vô trong Bộ thì tôi bảo thằng Bắc Kỳ này dắt đường cho! Nó là cai ngục ở đây đây. Nè Nghĩa, đây là nhà dăng Nam Kỳ của tao, mày có cách nào đưa ông vào trông được không?

- Để làm gì?

- Cưới vợ!- Vương Tư Đồ kể luôn câu chuyện của tôi và hỏi: - Có cô Nguyệt ngoài Bộ Tổng vừa vô phải không? Vợ chưa cưới của ông này đây!

- Thế à?

- Có không?

- Có một đoàn vừa nam vừa nữ, nhưng không thấy ai tên Nguyệt....

Tư Đồ cười :

- Đây là lũ ăn trộm như tụi mình vậy, đâu có ai dám giữ nguyên tên họ mà mày biết. Nè nhớ nghe, mai mày vô trong đó hỏi có ai tên là Nguyệt Văn Công F330, thì xin phép ra đây có chồng cô ta tới thăm.

- Dạ được rồi. Tưởng chuyện gì chớ chuyện đó thì

dễ mà. Em là trưởng phòng thường trực, ai ra vào em đều nhật ký cả. Nhưng muốn vô bên trong phải là đại úy trở lên.

- Tao biết rồi, nhưng vẫn sĩ làm gì có cấp bậc.

- Được rồi, để em lo.

- Nội đêm nay mày phải tìm cho ra cô Nguyệt và cho cô ấy hay như tao nói.

- Dạ được.

- Được thì thưởng cho nửa bình toong đấy!

Tư Thêu vừa nói vừa ấn cái miệng bình rượu khóa mồm Tám Nghĩa.

Nhờ Tám Nghĩa trưa hôm sau tôi gặp Nguyệt ở phòng thường trực. Kể từ ngày tái hợp Nguyệt trên Trường Sơn với hai ông bạn nhạc sĩ của tôi đến nay có trên ba tháng. Nguyệt cho tôi biết sau chuyến công tác phục vụ bộ đội trên đường dây, nàng về Bộ Tư lệnh Sư đoàn 330 xin đi Nam ngay. Nàng được đi con đường đặc biệt có nhiều quãng đi bằng xe hơi nên vào đến đây một cách bất ngờ. Bất ngờ nhất là nàng không có màu da xanh vàng bủng beo như dân Trường Sơn.

Bây giờ này ra trước mắt tôi rất nhiều chuyện phải giải quyết: Cưới hỏi? Chia tay? Chùng nào gặp? Nếu cưới thì chùng nào đi đồng bằng? Nếu ở lại rừng thì đóng đồ ở đâu, bên này hay đem nàng về tiểu ban Văn Nghệ? Rồi ăn ở với nhau cách nào? Vợ chồng là điều mơ ước của tôi từ lâu, nhưng khi đụng vào thực tế thì cả một trời khó khăn. Đây tôi kể ra một vấn

để thôi: Cái mừng? Làm sao có được cái mừng và cái giường để vợ chồng ngủ với nhau. Chẳng lẽ lại treo vòng nằm gần nhau thôi ư? Chẳng có ai yêu vợ trên vòng cả. Tôi đã từng mục kích một anh Huyện ủy làm tét vòng chết một cô bé ở Trường Sơn. Đá nhọn đâm gãy đốt xương sống ở lưng quần. Anh chàng dòng mất bỏ cô gái nằm quần quai rồi chết.

Ngoài cái mừng còn cái giường, ngoài cái giường còn cái nhà, ngoài cái nhà còn túi tiền. Cả hai đứa đều là vô sản hoàn toàn. Và nếu nàng có thai thì đẻ con ra ai nuôi. Tôi đã từng thấy hai cặp vợ chồng ở tiểu han Văn Nghệ. Nó không ra làm sao cả. Nhếch nhác, lằng xẹt!

Nhưng mà đã đến đây rồi, tôi không thể trở lui nữa.

Sau một ngày chờ đợi sự duyệt y của bên trên, tôi mới được Tám Nghĩa cho vào khu ngoài của Bộ Chỉ Huy và được phép mặc vòng gần Nguyệt.

Ở khu này có khá đông người: những cán bộ từ sơ cấp đến trung cấp từ Bắc vào đây nằm chờ đợi sự phân công của Bộ để đi các tỉnh hoặc các cơ quan.

Đúng như lời Tư Mô nói: “Ít nhất cũng phải ở chơi một tuần.” Nhưng vừa mặc vòng gần bên Nguyệt là tôi đã thấy một tuần lễ không dài hơn một cái chớp mắt. Câu đầu tiên tôi nói với Nguyệt là:

- Chúng ta nên thành hôn em ạ!

Nguyệt làm thinh. Tôi không biết Nguyệt không đồng ý hay đồng ý, bèn rấn tới:

- Có lẽ anh phải xin phép hoãn lại chuyến đi đồng bằng.

Nguyệt vẫn làm thỉnh. Tôi không biết phải nói gì nữa. Đang nhúm bếp nấu hai chiếc cà mèn com, Nguyệt quay lại nói:

- Rồi làm sao anh. Làm sao sống?

Làm sao sống?

Bây giờ tới lượt tôi làm thỉnh. Tôi nằm trên võng thò đầu ra nhìn những ngọn lửa nhảy múa dưới đít cà mèn. Quả thật nàng có những suy nghĩ giống tôi. Cuộc sống ở rừng, ngoài bom pháo ra còn một ngàn vấn đề khác phải giải quyết trước khi lấy nhau. Hoặc cứ lấy nhau rồi tới đâu hay tới đó. Vợ có bầu sắp đẻ, làm sao? Nhà bảo sanh đâu? Đi bằng cách gì để tới đó nếu có một nơi gọi là nhà bảo sanh như những cái chòt vịt trong kháng chiến chống Pháp chẳng hạn. Cuộc sống ở đây dã man không thể tả hết.

Tôi ngồi dậy để lấy một mớ khô nai mà Tư Đồ cho tôi bữa trước.

- Chúng mình ăn bữa cơm đầu tiên với nhau.

Nguyệt thút thít khóc. Tôi không biết sợ gì hết, chỉ sợ đàn bà khóc thôi. Nàng khóc là vì sung sướng được gặp lại tôi hay vì sắp phải chia tay?

May quá vừa lúc “tắc nghẽn” tình cảm đó thì Lập và Sử tới.

Lập là nhạc sĩ nổi tiếng Hà Nội với chiếc clarinette. Anh ta chỉ thổi một tiếng “đô” là rung động lòng người. Không có nhạc sĩ nào thổi tiếng “đô” bằng Lập. Nó nhỏ thỏ lại gầy, hai con mắt như hai trái dầu u. Cổ cao như cổ con cò ngàng. Không rõ người ở đâu. Còn Sử là bạn tôi từ lúc ở Cần Thơ,

tôi làm trưởng tiểu ban Văn Nghệ và đã làm lời cho nhiều bản nhạc rất phổ biến của nó. Anh của Sử là Thanh Cao không về vì vợ đã lấy chồng trong Nam. Sử và Lập đều ở chung đoàn Văn Công với Nguyệt.

Thấy hai người tới, Nguyệt đon đả:

- Hôm nay tôi đãi anh Sử và chú Lập một món.

- Món gì?

- Thịt nai khô.

- Ở đâu mà chị có? - Lập hỏi.

- Anh Vũ mới kiếm ở đâu đó không biết.

- Vậy để tôi đi lãnh com đem lại hun vò! - Nói vậy rồi Lập chạy đi.

Sử bảo tôi:

- Thôi, mày lo xong cho rồi. Đây là màn chót đó. Ông Cao ổng bảo tao vô nói với mày đừng có xụi xụi nữa. Già ngắt cả đám rồi! Nó vô đây là vì mày.

- Tao biết rồi. Nhưng mày tính, làm sao sống?

- Kệ mẹ! Trong chiến tranh ai mà tính trước được những gì sẽ xảy ra. Sống ngày nào hay ngày ấy. Bây giờ ở Hà Nội còn loạn xà ngầu lên kia, trong này thế mà khỏe hơn đó.

- Giồn hoài mày!

- Tao về đây đâu có từ già được vợ con. Mẹ con chúng nó di tán đâu lên Bắc Ninh Bắc Giang gì đó. Tao chỉ gọi ít chữ rồi đi.

- Thế cơ à!

- Ngay Bộ Tổng Tư Lệnh cũng đã rời khỏi Hà Nội.

- Mày bảo tao làm gì bây giờ?

- Làm cái gì thì tùy mày nhưng chuyện này nếu lời thôi nữa là tại mày.

Sử nói thẳng với tôi trước mặt Nguyệt. Sử biết Nguyệt từ lâu và rất thương tôi. Hồi 1952 đã có lần Thanh Cao có ý định bắt em vợ ở Nữ Học Đường Sài Gòn về gả cho tôi, nhưng hồi đó tôi lại không muốn vợ con gì hết để nhẹ gót “lãng du” theo kiểu Dũng trong *Đoạn Tuyệt*. Lãng bây giờ trở thành lãng nhách, du bây giờ thành du hí.

- Sao, Nguyệt tính thế nào? - Sử quay sang Nguyệt.

- Em đâu có tính sao. Mọi việc đều do ảnh hết cả.

- Đó thấy chưa. Tao sẽ vô báo cáo với tổ chức dùm mày. Rồi thì tiến hành.

Tôi bảo:

- Mày muốn làm gì đó mày làm.

Chúng tôi ăn bữa cơm khá thịnh soạn. Vì là đi đường đặc biệt, nên nhạc sĩ Lập còn mấy cặp lap xường mang đi từ Hà Nội. Nguyệt còn nhiều ruốc thịt. Sử góp vào mâm cơm một mớ bột ngọt. Vừa ăn vừa nghe tin đánh máy bay Mỹ ở Hà Nội từ chiếc radio Lập mượn của bạn trong Bộ Chỉ Huy.

- Mai mày về dùm tao cái khẩu hiệu nghe Lập!

Sử bảo.

- Khẩu hiệu gì anh?

- “*Vui duyên mới không quên nhiệm vụ.*”

- Chà! Oai vậy hả?

Cơm xong Sử và Lập nằm vông của tôi và Nguyệt nói chuyện khào trong lúc tôi và Nguyệt đi xuống suối rửa gà-mèn và lấy nước lên nấu trà.

Tôi hỏi Nguyệt:

- Em còn giận anh hết?

- Em đâu có giận gì anh.
- Vụ cái cách ruộng đất, thành phần không cơ bản, v.v... mà không giận à?
- Ồi thôi, ba cái vụ đó, bỏ đi anh ạ.
- Em hứa là không giận anh chớ.
- Cũng tại em một phần. Tự ái to quá, nên mới như thế đó.

Tôi thấy Nguyệt rất chân thành. Nếu không có ba cái vụ chinh huấn Cải cách Ruộng Đất, thì đã không có sự xích mích nhau vì thành phần... Cải Cách Ruộng Đất đã phá nát không biết bao nhiêu tình duyên cán bộ tiểu tư sản và địa chủ.

- Nay mai anh phải đi đồng bằng. Anh muốn có một tấm ảnh của em để đem về gia đình.

- Em đâu có mấy ảnh.

- Anh có nhưng không còn. Khi anh đi qua khu 6, đói quá, anh đói lấy nửa con chó ăn mất. Bây giờ cần thì lại không có.

- Mấy ảnh mà đổi cho ai ở khu 6?

- Một ông nhà mình đổi được con chó. Anh ném cho ông cái máy ảnh đi được ông chia cho một nửa. Chíp! Lúc đó đói tan đường hay lạng thịt anh cũng đói. Nhờ thịt chó ăn liên tiếp mấy bữa và mớ thịt nạc làm ruốc mà anh băng qua nổi vùng Mã Đà. Để anh bảo thằng Lập vô trong đó tìm họa may có.

- Thôi anh ạ! Để em đưa cho anh cái ảnh của em.

- Anh muốn ảnh hai đứa kia chớ!

- Phải rồi nhưng không có thì làm sao bây giờ.

Chúng tôi trở lên với bốn chiếc gà-mèn đầy. Tôi

thổi lửa đun nước. Lập chạy về lều lấy gói trà Ba Đình và gói mút dừa mút hột sen đem tới.

Sử nói:

- Bữa nay coi như đám tuyên bố của tụi bay luôn. Không cần phải có sự chứng kiến của tổ chức gì cả. Kể từ bây giờ tụi bay thành vợ chồng. Không có cặp tình nhân nào tiến tới vợ chồng gian nan và hàng chục năm như tụi bay vậy.

Nguyệt không nói gì. Nâng ngồi trông chừng lửa, không quay mặt lại. Lập rót một nắp gà mèn trà đưa cho nàng và nói:

- Em chúc mừng anh chị.

Sử lấy một nhúm mút dưa cho Nguyệt:

- Ăn đi cô nữ sinh. Kẹo này là kẹo ngọt không còn đắng cay nữa.

Sử và Lập cũng làm vậy đối với tôi. Uống vài tuần trà, hai đứa từ già ra về. Bây giờ tôi nghĩ tới chuyện làm một chiếc giường dã chiến, nhưng không có dao rựa bén. Với con dao găm Hàng Mã tôi không thể đốn nạng và số cây đủ để làm một chiếc giường. Cho nên tôi đi gom lá rài dưới đất rồi trải hai chiếc võng lên. Chiếc lều không có vách. Chúng tôi dùng hai cái mùng giăng khít nhau làm vách nhà. Tuy giăng hai chiếc nhưng chỉ một chiếc có người nằm còn chiếc kia bỏ trống. Tôi nhớ lần gặp Nguyệt trên Trường Sơn. Nhờ có bàn tay của thằng bạn dục sĩ mà chúng tôi có chỗ kín đáo để yêu nhau. Lần đó đã trở thành bước quyết định cho cuộc đời chúng tôi. Cái đêm vừa hạnh phúc vừa hãi hùng. Chúng tôi bị

bom trộm suýt chết. Đại úy Mật đã hi sinh vì trận bom đó, không xa chúng tôi mấy.

- Em nhớ lần vừa rồi không?

- Em không nhớ gì khác ngoài anh. Kỳ đó trở ra đến Bộ Tư Lệnh, em xin đi vô với anh liền. Ban tổ chức cho ngay. Mấy ông cũng biết vụ anh với em, nên trước khi đi ông Xuân Ôn có gọi lời thăm anh. Ông Xuân Ôn ở phòng Chính Trị ấy mà.

- Ủ, ông ta học trước anh hai lớp, dân cùng quê.

- Với ông Dương Thông nữa.

- Dương Thông nào?

- Ông Phó ban Tuyên Huấn sư đoàn, người Bắc.

- Anh không ngờ em vô nhanh vậy. Nếu em vô trễ chừng hai tuần chắc chúng mình hết gặp nhau. Sẽ có chừng vài ba năm hôn nhau trên giấy nữa.

- Em ngại quá. Chúng ta sẽ sống cách nào?

- Thôi đừng tính lui, chỉ nên tính tới.

- Chừng nào anh đi đồng bằng?

- Đang chuẩn bị đi thì được thu em. Từ đây qua đó mà thu đi mất cả tháng.

- Em vô sau anh chỉ một tháng thôi.

Tôi hôn Nguyệt trên má và trên môi rồi chúng tôi ôm nhau. Chúng tôi sẽ thành vợ chồng đêm nay không có dè dặt không có nhín nhúc gì nữa. Câu nói của Sử và Lập đã xe duyên chúng tôi. Tôi cảm thấy không cần có mặt của tổ chức. Chính tổ chức đã phá suýt hỏng tình duyên của chúng tôi. Ôi cái thứ lập trường rơm!

Nguyệt không phản đối bất cứ cử chỉ nào của tôi.

Tôi ngồi dậy cúi hôn hai bàn chân nàng và thầm thì:

- Hai bàn chân em đã đạp lùi những dãy núi đá tai mèo để đến với anh. Tôi hôn lên tóc nàng và nói: - Tóc em dù có trở bạc như hoa rừng cũng sẽ mãi mãi đẹp như một bài thơ bất tận của anh...

Tôi không muốn nhìn quần áo hay bất cứ thứ gì che khuất thân thể chúng tôi nữa. Da thịt của người con gái trên ba mươi tuổi thơm như hương rừng đọng đặc. Tôi ôm choàng lấy nàng. Nàng kêu lên khe khẽ:

- Anh! Anh! Em yêu anh!

- Anh yêu em, Nguyệt!

- Anh đừng giận em nữa nghe. Em xin lỗi anh.

- Không phải lỗi của em.

- Em không bao giờ yêu ai khác.

Tôi hôn môi nàng như uống những tiếng nàng vừa thốt vào trong hồn. Chúng tôi quấn riết lấy nhau. Những đầu núi nhọn, những con dốc trút người, những ngọn suối chảy như điên, những đỏi rét, những cơn sốt mưa, những chiều nắng cháy những ngọn gió Lào khét man rợ,... tất cả, tất cả đều tan biến trong đôi cặp môi của cô gái và chàng trai Trường Sơn. Chúng tôi sống ngoài trái đất không biết bao lâu.

Độ lúc nửa đêm, tôi bỗng nghe gió ù ù thổi đến. Nàng quay đầu ra lắng tai nghe rồi thầm thì:

- Gió to quá anh ạ!

- Bên em, anh không nghe gì hết! - Tôi càng ôm riết lấy Nguyệt và hôn lên hai đóa hoa lan liên tục.

Nàng vắn vẹo người và đưa tay sờ lên mặt lên cổ rồi đưa dài xuống ngực tôi.

- Anh với em ghi thêm một kỷ niệm nơi đây nhé?

- Tôi thăm thì.

Nguyệt trả lời bằng một cái hôn môi rất dài rồi làm một cử chỉ hiến dâng hoàn toàn.

Tôi không ngờ tôi còn nhiều sức lực đến thế. Khi tôi vừa dứt khúc cuối cùng của bản nhạc tình ái thì Nguyệt lại thăm thì:

- Mưa anh ạ.

- Kệ nó. Mưa thì mưa.

- Lều của mình dột hết.

- Anh yêu em giữa mưa, giữa bão, giữa trời long đất lở.

Mặc cho nàng tỏ vẻ lo lắng, tôi vẫn cứ tiếp tục cắn thêm lên con đường hạnh phúc.

Bỗng mưa đổ rào rào trên lưng tôi. Nước trút như ai xối từ ngọn cây. Cả hai đều phải ngồi dậy. Nền đất ướt, rồi nước xâm xấp lớp lá khô. Mưa càng lúc càng to không phải một trận mưa thường. Chúng tôi ngồi đợi nhưng mưa đã không tạnh lại càng lúc càng to thêm.

Những cơn mưa như vậy tôi có lạ gì trên Trường Sơn, nên tôi vẫn phớt lờ, tỉnh khô. Tôi mò lấy trong ba lô ra những tấm ni-lông mà chúng tôi dùng làm áo che mưa dọc Trường Sơn, quấn quanh mình chúng tôi. Nguyệt như chú gà con rút vào cánh gà mẹ. Nàng rủ rủ:

- Em ước được trốn mưa mãi như thế này.

Tôi hôn lên tóc lên má ướt đầm của nàng. Chúng tôi ngồi, tay quàng tay nhau lâu lâu lại ngửa mặt nhau ra mà hôn, không thấy sợ sệt gì hết.

Hóa công bất chấp hạnh phúc của đôi trai gái rừng, cứ trút nước xuống mặt đất.

Bỗng Nguyệt kêu lên:

- Nước ngập hết rồi anh ạ!

Tôi lấy đèn pin bấm lên thì thấy những chiếc lá trôi lênh bênh trên mặt đất và mép rừng thì phập phều và nhòe ra những phẩm nhuộm xanh cả vùng nước.

- Để anh qua bên lều thằng Sử chút.

- Chi vậy?

- Coi nó có ni-lông dư không anh lấy đem về che thêm lều mình và mắc võng nằm.

- Ảnh làm gì có ni-lông dư?

- Nếu không anh bảo nó sang lều thằng Lập ở.

- Anh có đi thì mau lên. Ngồi một mình, em sợ lắm.

Tôi cầm đèn rọi trên mặt đất và lội lồm bồm. Đến nơi thấy Sử đang ngồi chong ngóc trên võng trong lều.

- Vũ hả? - Nó hỏi. Đi đâu vậy ông nội?

- Đi qua mầy mượn một ít ni-lông về che lều.

- Nóc lều bay hết trơn rồi đâu còn tấm nào. Còn một tấm tao đang choàng đây, có lấy thì lấy. - Nói xong nó quăng tấm ni-lông cho tôi. - Tao đi qua ké lều thằng Lập.

Tôi chụp lấy rồi đi qua lều của thằng Lập. Tôi không ngờ là tôi đi lạc vì nước ngập không còn

đường mòn. Tôi đi loanh quanh mãi mới tới lều của Lập để lấy thêm ni-lông.

Lập ở khá xa Sủ, nên lúc trở về tôi lại đi lạc. Mưa vẫn trút ào ào. Tôi cố tìm lối về nhưng vẫn cứ đi lang thang. Chiếc đèn pin hết điện lu dần trong màn mưa dày đặc. Tôi cất tiếng gọi to nhưng không có tiếng đáp lại.

Sấm sét nổi lên trên đầu. Lưng trời rách ra bởi những tia chớp. Gió xoáy. Những ngọn cây quay ù ù như những cái đầu tóc của người điên.

Tiếng cây đổ ầm ầm. Một gốc cây to nằm ngổn ngang trước mặt. Tôi hoàn toàn mất hướng về. Tôi sốt ruột muốn về với Nguyệt ngay tức khắc. Tôi ân hận đã bỏ Nguyệt mà đi trong lúc giông gió. Dù có một ít kinh nghiệm ở rừng, nhưng tôi cũng chưa từng lâm vào cái cảnh hãi hùng như đêm nay: lạc lối hoàn toàn.

Mãi đến lúc tạnh mưa tôi cũng vẫn không về được lều. Tôi bắt đầu thấy ánh đèn xa xa lấp lánh trong màn đêm. Đó là những toán an ninh đi cứu cấp. Họ biết trận mưa đã làm bật gốc cây rừng. Đã có nhiều người chết vì bị cây ngã đè. Tôi đã từng trông thấy một anh lính bị một nhánh cây gãy phóng ngay bụng như một lưỡi kiếm khổng lồ, trên Trường Sơn.

Toán an ninh đến gần. Tôi kêu cứu. Họ đi tới và chập sau chúng tôi về lều. Nhưng tôi đã không tìm ra chiếc lều hạnh phúc của tôi nữa. Loay hoay mãi lúc lâu tôi mới tìm ra gốc cây và dưới những nhánh cây khổng lồ, chiếc lều mong manh của chúng tôi nằm bẹp dí. Tôi thét lên:

- Nguyệt! Nguyệt!

Không có tiếng đáp. Một nhân viên an ninh trèo lên thân cây bò theo những nhánh cây mà đu người xuống đất. Từ trong những nhánh cây ngổn ngang, anh ta gọi:

- Chết rồi!

- Ai chết?

- Không biết ai trong này.

Tôi đứng lặng ngắt, không còn biết nói gì làm gì nữa. Phải đợi tới sáng người ta mới đem cửa đến cắt những nhánh cây để lôi xác Nguyệt ra. Nó bẹp dí như nghiền. Tôi không còn nhận ra Nguyệt nữa.

Năm tấm linh hồn đã qui tiên trong đêm mưa bão hải hùng đó. Gã nhạc sĩ clarinette cũng chung số phận của Nguyệt!

Áo quan làm bằng thân nửa đập dập đan lại với nhau và huyết mộ là cái hố dưới gốc cây bật rễ.

Tôi chôn người yêu ở nơi rừng đất nước người mà không còn một giọt nước mắt nào để khóc.

Nàng quyết chí về. Nàng đã đến. Hạnh phúc đã chụp bắt được. Nhưng chính nàng lại biến đi. Thành ra đến rồi cũng như không. Do đó tôi đặt tên cho tập hồi ký này cái tên “Đến Mà Không Đến” để kính viếng hồn Trương Thị Nguyệt, quê ở Cần Thơ. Cũng như tôi, nàng đã đến mà không đến.

Ba mươi năm tám thảm kịch xảy ra, bây giờ ngồi viết thấy rõ lại như in.

Thế là trên đường Trường Sơn về tới R, tôi mất hai người yêu, người nào cũng suýt làm vợ tôi cả. Phương chết ở khu 5 tôi chỉ nghe Thiệp kể lại mà không thấy trước mặt, còn ở đây tôi nhìn tận mắt

thi thể của Nguyệt bị đè bẹp dưới thân cây. Sọ đầu bẹp nát quén với bùn và tóc lầy nhầy. Phải mất năm sáu tiếng đồng hồ một tiểu đội công binh của Bộ Chỉ Huy mới cưa thân cây từng khúc và lôi xác nàng ra. Mới vừa là một người con gái xinh xắn mà bây giờ đã trở thành một vật kỳ cục nhìn mà phát kinh hãi. Ruột gan lôi cả ra hai bên hông, lưỡi thè ra một bên mồm và đôi chân nhừ nát, be bét máu me.

Thân cây đã ngã đè nguyên trên người nàng nên không bộ phận nào còn nguyên. Nhưng trong cái rủi có cái may: ở đây có một đội công binh xây cất nhà cửa và đào hầm hố, cho nên có sẵn dụng cụ cắt cây. Nếu ở tiểu ban Văn Nghệ thì phải mất một ngày mà chưa chắc đã đem xác nàng ra được.

Bạn thử tưởng tượng, trước đây một giờ, nơi đây là giường cưới của chúng tôi. Bây giờ là mộ nàng. Còn nỗi đau đớn nào bằng?

Khi đem được xác nàng ra thì trời cũng hùng đông. Ở chỗ lều kia, một toán công binh khác cũng đã đem được chàng nhạc sĩ clarinette ra. Cây ngã đè lên mình nó như một ngọn roi to vắt ngang. Cái cây nhỏ hơn cây của Nguyệt. Lập không còn ngáp ngáp, mi mắt hết run run, còn tay chân đã tím xanh.

Kẻ mất hồn là Sử. Nó sắp chui vô lều thàng Lập thì cây ngã. Nó chỉ bị nhánh cây quất tét trán. Nếu hai đứa nằm chung vồng thì nó sẽ lãnh nguyên thân cây với thàng Lập.

Nó với tôi đi đón nửa vác về, chẻ ra rồi với sự chỉ dẫn của đội công binh chúng tôi đan thành những tấm liếp rồi ghép lại thành chiếc hộp nửa thay cho

hòm. Xác của Nguyệt nát ngóu mềm nhũn. Tôi phải lấy tay hốt những mảnh phổi văng ngoài đất cho vào tấm ni-lông rồi gói lại..

Xong, bốn đứa nắm bốn góc nhấc lên để lọt vào lòng chiếc hòm rồi đẩy nắp, ràng bằng dây mây.

Từ đầu táng đó: nơi nàng vừa hưởng hạnh phúc cũng là nơi nàng thọ nạn. Tôi và Sử đắp mộ cho hai kẻ bạc mạng. Xong lại đẽo cây làm mộ bia. Tôi dùng cái lưỡi dao công binh mà khắc có một chữ “N” trên gỗ tươi.

Không có nhang để đốt trên mộ cho ấm lòng người chết. Cũng không có một đóa hoa. Sau cơn bão, tất cả đều điêu tàn. Tôi còn ở đây làm gì nữa. Đi cho khuất mắt.

Tôi thâm nhủ:

- Thôi, nằm đây em nhé. Anh đi! - Miệng run run nói mà chân đi không đành.

Gia đình nàng có hai chị em. Chị tên là Loan, có chồng là y sĩ trong kháng chiến. Chị Loan thương tôi lắm. Chính chị đã xe sợi tơ duyên cho chúng tôi. Khi ra miền Bắc, chị thấy chúng tôi tự ái rồi chia tay, chị buồn nhưng không biết làm gì để hàn gắn. Tự ái giai cấp thì khó mà dẹp được. Thành phần bóc lột.

Khi tôi vác chiếc xe đạp trở ra đường lớn thì gặp Tư Thêu. Hấn cũng đang đánh xe bò không về hướng cơ quan tôi để ăn gạo. Hấn hay mọi chuyện bên trong Bộ Chỉ Huy. Hấn chỉ thở dài rồi ném chiếc xe đạp lên xe bò.

Tôi ngồi nghe bánh xe lăn nghiêng mà đứt từng đoạn ruột. Có ngờ đâu một chuyện lạ lùng như vậy

lại có thể xảy ra. Mà lại xảy ra cho tôi. Rốt cuộc cưới vợ rồi vẫn không có vợ ngay sau đó. Tôi không còn ham muốn gì nữa. Nhưng vẫn phải về cơ quan để đi đồng bằng. Cứ chốc chốc tôi quay lại ngó cái ngàn cây um tùm mỗi lúc một xa dần.

- Thôi, em nằm đấy nhé. Anh phải đi. Anh sẽ trở lại xây mộ cho em!

Tôi biết chắc chắn là tôi không đời nào còn có dịp trở lại đây nữa mà miệng thì nói thế để tự an ủi mình và vỗ về linh hồn người xấu số.

Trên đường Trường Sơn tôi cũng đã chôn một thằng bạn đồng hành với tôi và cũng hứa như thế. Tôi cũng đã gặp những cái xác chôn vùi bên đường không biết thuộc đơn vị nào. Giải phóng Miền Nam là một sự hi sinh quá đáng, vô ích nữa. Những cái chết thấy mà thương tâm. Dù có chết, người cán bộ hoặc chiến sĩ không phải chết như vậy. Con cái gì của họ mà họ thương xót?

Đến chỗ rẽ, Tư Thêu dừng xe, nhắc chiếc xe đạp bỏ xuống đất cho tôi rồi bệu bạo nói:

- Thôi, anh đi nhé.

- Ủ, tao đi. Mạnh giỏi nhé.

Hai thằng đàn ông ôm nhau khóc. Nó khóc thay cho tôi.

Và đến bây giờ tôi mới khóc được. Khóc cho nàng và khóc cho tôi.

Khóc trong hờn đau. Hai khoé mắt như hai hốc suối cạn.

Hết vượt núi, ở rừng bây giờ tới lợi sinh. Toàn những cực đoạn của sự đi đứng. Leo núi thì có đoạn đường hai ngày không có nước, ở rừng thì không thấy ánh nắng mặt trời, da bunn xì như da người chết còn lợi sinh thì ngâm nước suốt ngày đêm, thân mình như con mả sống. Đường đi thật là dài và vô cùng ngao ngán với sức khỏe xuống dần từng ngày.

Những người đã đi đồng bằng như Mỹ Tho, Long An, Bến Tre, Rạch Giá, Cà Mau về lại cho tôi con đường đó bằng mồm một cách chi tiết. Nghe xong, muốn nghỉ chơi luôn, nằm tại R tiếp tục lãnh thưởng của muối đòn xóc. Nhưng... sứ mệnh thiêng liêng của tôi là về tận Bến Tre viết cho được quyển tiểu thuyết về Đồng Khởi kia mà! Đâu có “sọc dưa” nửa chừng như vậy được! Hơn nữa, tôi còn có một thúc giục khác có lẽ còn to hơn. Đó là trở lại quê nhà

thăm lại ông bà cha mẹ và hàng xóm mà khi ra đi từ 45 tôi mới mười lăm tuổi bây giờ đã ba mươi ba.

Mười tám năm xa cách. Đứa bé mới sinh thời đó có thể đã có con bây giờ! Biết bao nhiêu biến đổi. Thế là tôi tự động viên lấy quyết tâm đi!

Ông Hai Tân phó Ban Tuyên Huấn R đến bảo tôi: “Anh đi cho cẩn thận nhé!” Biết thế quái nào là cẩn thận. Với bom đạn ai có dám đùa chơi mà không cẩn thận. Tôi trả lời bằng một tiếng “Vâng” cũng vô nghĩa như lời khuyên của ông ta.

Đêm. Chúng tôi được đưa xuống ghe tiếp vận ở một bến sông mà chúng tôi không biết đó là sông nào.

Khi ngồi dưới ghe người lái ghe (chạy bằng đuôi tôm) bảo chúng tôi nằm xuống không được ló đầu lên. Vì có bọn “Thầy Bùa” Cao Miên hay rình bắn bẫy để giết đồ. Chúng nó vừa làm mấy phát. Ghe tiếp vận bị cướp sạch, người bị giết chết. Tôi nằm ngửa. Bầu trời đen kịt như mặt táo tàu bị gà mổ tóa ra với những mụn rỗ xanh, giống như một truyện cổ tích hãi hùng nào. Đường đi từ làng Ho vô đến đây không biết là bao nhiêu trạm đã qua rồi. Một điều tôi nhận thấy là cuộc trường chinh này rất phiêu lưu. Mạng sống của cán bộ không có được một sự bảo đảm tối thiểu. Ở vùng Cao Nguyên thì bị thổ phỉ, Fulro, vô tới đây thì lại bị “Thầy Bùa”.

Bất cứ lúc nào cũng có thể chết được cả. Anh tài công ghe có cây cạc-bin nạp đạn sẵn để ở sau lái còn tôi thì vừa được “nhà văn” Bùi Kinh Lăng “ủy viên”

Hội Văn Nghệ Giải Phóng cấp cho một cây P38 còn tốt. Thủy Thủ cho tôi một sợi dây dù để buộc vào thắt lưng cho đúng mốt con nhà binh. Như ở trên đã nói, chỉ những cán bộ trung cấp mới được phát đồ ni-lông K54 Trung Quốc. Tôi không được nhận lãnh súng ở trường đi B. Cũng may, nếu tôi được cái ân huệ đó thì một là tôi vứt bỏ vì không mang nổi, hai là đổi đồ ăn.

Bây giờ tôi mới thấy cần súng vô cùng. Trên đường Trường Sơn tuy là tay trơn nhưng lúc nào cũng có AK của bộ đội đi chung “bảo vệ” cho. Bây giờ ra đi chỉ có hai đứa, ông bạn già thì không có gì cả ngoài cái mái tóc hoa râm và những khớp xương lỏng lẻo khô chất nhòn.

Máy chạy êm ru. Độ một lúc thấy không có gì xảy ra, tôi ngủ quên hồi nào không hay. Khi được đánh thức dậy thì đã đến nơi. Anh tài công ghe máy giao chúng tôi cho giao liên xuống bơi.

Tôi bấm đèn pin để thấy đường bước qua xuống. Trời đất một chiếc thuyền bẻ còn tang thương hơn cả tôi. Nếu tôi không nạo vét hết cả nghị lực cách mạng còn sót lại trong người thì tôi không thể bước sang chiếc xuống này nổi.

Chỉ một mảng lấp lánh ở ven bờ hiện ra dưới ánh đèn nhưng tôi vẫn thấy nước xoáy. Tôi buột miệng hỏi:

- Sông gì đây đồng chí?
- Vàm Cỏ Đông!
- Waico oriental! Chú nhớ hồi mình học Địa Dư không?

Tư Mô pha trò “Oàm” Cỏ Đông ơi “Oàm” Cỏ Đông...

Chúng tôi bước qua xuống, nghe cái chết nhẹ bồng như chiếc lá. Anh giao liên vừa xô xuống ra vừa bảo:

- Có pháo bắn các đồng chí cứ ngồi yên nghe.
- Vâng!
- Có pháo nữa sao đồng chí?
- Có *pháo bầy* chứ không phải pháo độc chiếc đầu.
- *Pháo bầy* là pháo gì đồng chí?

Anh giao liên không trả lời, nói một cách quạu quọ:

- Tình hình dưới này động lắm! Mai dám có *chụp*!
- *Chụp* là gì đồng chí?
- *Nhảy giò* ít nhất là một trung đoàn.
- *Nhảy giò* là gì đồng chí?
- Tụi này thường là Sư 7 hoặc Sư 9. Sư 9 mới trên Cao Miên về đóng ở Mỹ Tho. Vùng này là mục tiêu của nó.

Anh giao liên bơi nhanh ôm doi lách vịnh theo nước xuôi như thuộc lòng. Anh không chú ý những câu hỏi của tôi. Không rõ anh ta đang bận tâm lái xuống hay không thềm trả lời những câu ngớ ngẩn. Vốn là kẻ đã từng sống trên sông nước miền Tây nên đi được một lúc, tôi nghe xuống lướt chậm, tôi bèn quơ tìm đồ tạt nước. Tôi đựng nhảm miếng bập lá dẹp tả tôi. Điều này chứng tỏ chủ nhân dùng nó liễn tay. Tôi tạt lia lịa.

Tôi hơi yên tâm vì thấy không đến nỗi chìm xuống. Hồi ở nửa đường Trường Sơn tôi đã nghe những

đoàn cán bộ từ Nam ra Bắc kể về tình hình miền Nam. Họ đã dùng những danh từ *chụp, pháo, nhảy giò*, nhưng tôi chưa nghe họ nói tới *pháo bầy*.

Tôi lại hỏi :

- *Pháo bầy* là pháo gì đồng chí?

- Nó bắn "*la-phan*" nổ như súng máy chứ không có bắn các bùm đầu!

- Nghĩa là sao? Tôi vẫn chưa hiểu nên hỏi tiếp.

- Nghĩa là nó bắn lia lịa chứ không có bắn từng phát từng phát, mỗi phát cách nhau hai, ba phút và đạn nó nổ rồi mới nghe tiếng đạn đi veo veo. Cho nên đầu có nhảy hằm kíp.

Tôi vẫn không hiểu gì hết. Tư Mô đáp thay cho anh giao liên:

- Cái thứ đạn pháo này độ nhanh trước tiếng động như phản lực vậy chú ạ. Khi máy bay qua khỏi đầu mình rồi thì mới nghe tiếng động cơ ầm ầm. Loại pháo này bắn đạn nổ xong mình mới nghe tiếng đạn đi và tiếng tổng đạn ở lòng pháo. Siêu âm là nó đó.

Anh giao liên tiếp:

- Tụi nó có một giàn ở Đồng Tâm Mỹ Tho hay Long An gì đó.

- Ở Mỹ Tho Long An mà bắn vô tới đây?

- Tới chớ! Ở đâu thì tôi không biết chớ ở tỉnh này chỗ nào nó bắn cũng tới hết cả. Không một ngõ hẻm hang cùng nào nó không với tới.

Nghe tiếng nói của anh giao liên tôi đoán anh ta chưa tới ba mươi tuổi. Đêm tỉnh mịch gần như chết. Cái thú im lặng rợn người.

Tôi sợ cả tiếng nói vang to nên chỉ thầm thì:

- Đồng chí có tham gia kháng chiến chống Pháp không?

- Hồi đó tôi còn nhỏ. Ba tôi đi tập kết thì tôi mới mười lăm tuổi.

- Ủa, đồng chí có bố đi tập kết?

- Bố là cái gì?

- Bố là tía. Tư Mô trả lời thay tôi - Đó là tiếng Bắc.

Bỗng có tiếng “hụp hụp hụp” ở xa xa. Rồi tiếng nổ oàng oàng oàng.

Anh giao liên vẫn điềm nhiên bơi.

- Nó *thụt* đấy! Nhưng pháo nhỏ, không phải pháo Đồng Tâm hoặc Long An.

- Nó bắn xa không?

- Xa lắm.

- Bao xa?

- Không rõ, hai ba chục ba bốn chục cây số, tôi không rõ. - Anh giao liên tiếp. - Bữa nay nó *thụt* ven bên kia Đồng Tháp Mười.

- *Thụt* là sao?

- Là bắn đó! - Tư Mô giải thích. - Hai bên cùng là Nam Kỳ mà xa lạ trong ngôn ngữ. Chú em không hiểu *bổ* nghĩa là gì, còn chú thì không rõ *thụt* là sao! Người mình quan niệm cà-nòng bắn như ống *thụt* nước, nghĩa là dồn vô ống trúc rồi *thụt* bắn ra cùng vậy!

Tôi cười ngất:

- Như trẻ con chơi nhà chòi à?

- Nó bắn mình đỡ không kịp mấy chú ơi! - Anh giao liên nói với giọng buồn nguyền. - Nó nổ mình

chết rồi mình mới biết là mình chết mấy chú ơi! - Anh giao liên gọi chúng tôi bằng chú.

Giao liên ở đây cũng giống như giao liên Trường Sơn ở cái điểm là bí quan và bất mãn cực độ, nhưng mới nghe qua vài câu tôi cũng đã thấy rõ anh giao liên ở đồng bằng kể cận tử thân gấp mười lần anh giao liên Trường Sơn.

Tôi hỏi:

- Ban này nó thụt ở vùng nào vậy đồng chí?
- Nó cắt đường dây của mình đó. Nó biết hết đường đi của mình hai chú ạ!
- Mình không mở đường khác được sao?
- Mở đường mới luôn nhưng đi vài tháng là nó biết, nó lại cắt.
- Ban này đồng chí có nói là ông già đi tập kết?
- Dạ! Mấy chú ở ngoài về phải không?
- Phải! Sao biết?
- Chú nói giọng Bắc.
- Ủa vậy sao? Tôi giật mình hỏi.
- Còn “ủa” gì nữa. Ăn rau muống tám, chín năm lú lười nghe rõ lắm. - Tư Mô nói.
- Anh có nhận thấy điều đó ở tôi không?
- Có chứ. *Vâng, nhi, nhé, thế à!* Những chữ đó đầy trong tiếng của chú. Hồng chùng trong máu của chú cũng có “chất Bắc”.

Tôi quay lại anh giao liên:

- Bố cháu ở đơn vị nào?
- Cháu đâu có biết. Cháu không có gặp ông. Cháu chỉ nghe má cháu nói lại thôi. Ông thoát ly đâu hỏi cháu bậy, tám tuổi gì đó lặn!

Tôi định lấy cảm tình với anh giao liên bằng cách nói vòng quanh sự tiến bộ của dân Nam Kỳ tập kết, những đơn vị và cá nhân Nam Bộ được khen thưởng, được huân chương và được tuyên dương anh hùng quân đội, anh hùng lao động. Trước nhất tôi nịnh đám dân Long An một phát. Tôi nói:

- Ở ngoài Trung ương khen ngợi dân Long An đủ lắm. Sau Bến Tre là Long An. Hai tỉnh này được Trung ương Đảng tuyên dương là “Lá cờ đầu của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam!” Bí thư Trung ương Cục Miền Nam bây giờ là đồng chí Sáu Lầu gốc Long An.

Thấy anh ta im lặng tôi chắc anh ta “thăm bài” nên tương thêm một loạt để chiếm thêm cảm tình.

- Thống nhất đất nước rồi đồng chí đất gia đình ra thăm Hồ Guom, Tháp Rùa, Chùa Một Cột... cho biết.

- Đẹp lắm hả chú?

- Sau đó đi thăm lăng Bác!

- Ủa, Bác Hồ chết rồi sao?

- Chưa, chưa, nhưng chừng đó thì chắc Bác không còn sống! - Tôi tiếp - Miền Bắc ta tươi đẹp vô cùng. Dân chúng đang hăng hái xây dựng xã hội chủ nghĩa. Lúa tốt gấp mấy lần lúa trong ta nhờ lai giống lúa Liên Xô và Trung Quốc, Triều Tiên. Có những hợp tác xã được mùa, lúa chín bông lúa đầy đặc đến nỗi mình leo lên đứng trên ngọn mà lúa không sập.

- Trúng quá hả chú?

Tôi tuôn ra thao thao bất tuyệt, tuyên truyền anh giao liên mút mùa, còn Tư Mô thì ngồi im hút

thuốc. Anh ghiền nặng. Trước khi đi anh đã nhờ mấy cậu tiếp phẩm mua giùm thuốc rê đồn cứng một bịch ni-lông to bằng nửa chiếc gối đệm, anh dự định cục nhựa này có thể đủ xài trong con thất ngật chạy không ra chất đốt trên đường. Nghe tôi tuyên truyền hơi mạnh cho anh giao liên, anh nhắc khéo:

- Chú không phải lo! Mai mốt bố về sẽ nói cho con nghe!

Xuồng lách vào trong rạch nhỏ quanh co tối om.

Độ hai ba giờ sáng về đến trạm. Không biết trời đâu đất đâu cứ việc lao vào mò mẫm tìm chỗ mắc võng. Anh giao liên đến bảo:

- Chú nào có muốn mua gì cháu mua dùm cho!

- Ủa, ở đây có quán sao cháu? Tôi kêu lên.

- Dạ có! Mắm, khô, xà bông thơm, thuốc lá thơm, kẹo đậu phộng, trà con Tôm, con Khi, đường cát, đường tán có đủ hết.

- Tôi muốn mua cây bút máy có không?

- Trấu gì ba cái đó?

Tư Mô nói:

- Bút Bic có thiếu gì. Ở trong này không xài Stylo Kaolo hay Pilot hút mực ngòi vắn ló ra thụt vô như thời kháng chiến nữa!

- Vậy à? Tôi không biết.

- Vậy ở ngoài Bắc xài bút gì?

- Toàn ngòi bút lá tre chấm mực trong lọ.

- Cơ quan xài gì?

- Cũng thế.

- Trong này một cây bút giá mấy xu thôi.

Tôi bảo:

- Mua cho tôi một “lố.” - Tôi móc tiền đưa cho anh.
- Mua luôn các thứ ăn uống và một cục xà bông thơm.

Tôi giăng võng nằm chụm đầu với Tư Mô. Anh giao liên xuống mé rạch tát nước xanh xạch rồi bơi đi. Tôi thấy trong người khỏe khoắn vô cùng vì cái quán mà anh giao liên vừa nói. Bằng ấy mặt hàng ở trong một cái quán cóc trong vùng giải phóng ư? Khác nào Tổng Hợp Bách Hóa Hà Nội? Mà ở đây lại không cần phiếu.

Tư Mô hút thuốc và chậm rãi cất giọng:

- Tôi nói với chú chuyện này, chú đừng có giận tôi nghe.

- Chuyện gì? Anh cứ nói đi! Gì mà giận!

- Mấy việc tốt đẹp chú nói hồi nãy ở trong này người ta biết hết rồi.

- Vậy hả? Sao biết?

- Thì cũng mấy ông ở ngoài đó về trong này nói tùm lum ra. Họ còn biết nhiều chuyện đẹp ác nữa. Tiểu ban mình cũng đã ngập tràn những chuyện như vậy rồi. Ấy là mấy cha ngoài Bắc về còn giữ kỷ luật cơ quan đấy. Còn mấy tướng bung ra ngoài, bắt măn đầu hồi đòi nào, đi tới đâu họ ria tới đó. Bây giờ không có ai tin mấy ông tập kết nữa đâu.

- Có vụ đó nữa sao anh Tư?

- Có chứ!

- Sao anh chưa đi đồng bằng mà anh biết?

- Thì mấy cậu ở tiểu ban mình đi về, uống trà nói. Dân mình trong này bây giờ không có muốn thống

nhút đầu. Đây tôi nói nhỏ với chú thôi. Chú của chú cũng từng đi kháng chiến như tôi, nhưng tại sao bỏ ngang? Đó là một vấn đề. Các ông bà tập kết ra Bắc rồi về đây toàn nói chuyện bất mãn. Đó là hai vấn đề.

Tôi thở dài. Một còn hơn lợi một keo Trường Sơn.

Tư Mô tiếp:

- Dân Nam Kỳ ra ngoài đó bị chết xe chết tàu dữ hả chú?

- Đầu có ai bị chết tàu đầu! Chỉ có ông Mười Kinh Tổng Thư Ký ủy Ban Hành Chánh Tỉnh mình ra đó làm gì ở Bộ Nội Vụ, thay mặt cho Bộ đi Hải Phòng đón tiếp Việt kiều ở Tân Đảo về, khi chuyển qua tàu, ông bước hụt chân té và chết chìm thôi chứ đâu có ai chết tàu chết xe gì.

Tư Mô thở khói một hơi dài rồi bảo:

- Thôi, ngủ đi. Mai tình hình dám “động” lắm! Xướng đồng bằng thì phải chuẩn bị cặp giò và cái lỗ mũi. Tụi đi trước về cơ quan khuyên như vậy.

- Chuẩn bị cặp giò thì phải, còn cái lỗ mũi, tại sao?

- Chém vè dưới lục bình lú lỗ mũi lên thở. Hiểu chưa?

Buổi sáng chúng tôi dậy thì mặt trời đã ló lên ba sào. Tình hình yên tĩnh. Trong trạm đã có trên ba bốn chục khách vì đường nghẽn nên bị ứ lại. Có những người đã nằm cả tuần lễ, cú nhao nháo đi ra đi vào, chắc lưỡi gãi đầu gãi tai: “Kiểu này thì bỏ mạng sa tràng rồi!” “Kiểu này thì... thì...” v.v...

Tôi và Tư Mô chẳng “bỏ” gì cả. Cuộc sống rừng khan hiếm đủ thứ, kể cả không khí và trời xanh, nên

lò đầu ra được khỏi tàng cây rậm bịt đến đây hít thở không gian mênh mông thì sốt ruột cái gì?

Anh giao liên đem về các thứ mua ở quán. Tôi muốn kêu lên như một đứa trẻ con. Sau năm tháng không biết, cái mái nhà, không biết mua một món hàng... bây giờ có tất cả.

Buổi sáng hôm nay là buổi sáng lịch sử. Tôi thấy một mái nhà. Cái nhà của anh giao liên, một cái nhà nhỏ hai mái như chòi trâu nhưng có vách phen và lợp bằng lá dừa nước... Tuy vẫn phải giăng võng ngoài bờ ngoài bụi nhưng mắt được nhìn thấy một cái nhà.

Một điều lạ lùng nữa là ở đây nấu nướng tha hồ, nước sôi ở ngay bờ muong, củi, không phải đeo gộc cây đứng như ở Trường Sơn và có cả quán bán đồ.

On Bác on Đảng con suýt làm phân bón rừng Cao Nguyên, nhờ hồng phúc của Bác mà con được trông thấy miếng kẹo đậu phộng và cục xà bông thơm. Nhưng không phải của Hợp Tác Xã Thống Nhất hoặc nhà máy Cao Xà Lá sản xuất mà là của ngụỵ Sài Gòn.

Có cá mắm sặc, khô mực, khô cá đuối, cá hổ, đường, đậu v.v... những thứ ở Hà Nội rất khó mua hoặc không có để mua. Tôi nói với Tư Mô:

- Mình nhậu một ván tẩy trần đi anh Tư!

- Tẩy Rờ đó chứ!

- Sao mình gọi là R anh Tư?

- Hừ, chú hỏi cắc có vậy! Chính tôi cũng không hiểu R là cái gì. Rờ gì, rờ rún hay rờ m... Nhưng tôi cứ hiểu R là Rừng. Không có tự vị để tra nghĩa.

- Bây giờ trước nhất là làm ba con khô mực đi!

- Nhờ chú giao liên đi mua giùm một xị “sum sum” mới được.

Tôi gọi anh giao liên tên là Tôn đến và nhờ thi hành lệnh của anh Tu. Tôn sẵn sàng đi ngay. Tôi hỏi:

- Ngày mai có chuyến đi xuống chùa đồng chí?

- Chùa đâu chú à! Đường còn kẹt. Nó đang *đổ dũ* ở miệt dưới.

- Nghĩa là phía nào? Tôi chẳng biết đâu là trên đâu là dưới cả.

- Dưới là dưới chứ còn chỗ nào nữa. - Tu Mô pha trò. - Chú nốc một xị rồi sẽ thấy cái chỗ dưới nó đổ dũ ngay.

Tôn cười và hỏi:

- Có thịt trâu hai chú có làm vài kí không?

- Bộ trong này dư trâu làm ruộng hả chú?

- Trâu bị cà-nông hồi hôm!

- Bắn sơ sơ vậy mà có thiệt hại rồi à?

- Có chứ. Chuyện đó xảy ra hằng ngày. May mà không có người chết. Đạn pháo là đạn mù mà chú. Nó đâu có ngắm mục tiêu. Nó chỉ nhắm mắt thấy đùa trúng ai trúng? Chú gặp dịp may, mua vài kí đi. Lốp ăn tươi lốp làm lương khô. Đường đây còn dài, và còn nhiều việc chông chênh lắm chú ạ. Có ba cái lương khô giắt lưng là vững bụng nhất.

Tôi gật và đưa tiền, rồi nói với Tu Mô:

- Lương khô heo, gà, chó, nai, khỉ, voi, rồi bây giờ tới lương khô trâu! Còn thứ gì làm lương khô được nữa không?

- Cá chú ạ!

- Cá đã đành rồi!

- Chuột chúng cháu cũng làm lương khô luôn!

- Vậy nữa?

- Chuột tháng mưa mập lắm. Chú mua vài con làm thử coi. Ăn cũng chết giấc chứ chẳng chơi đâu! Bữa nào tình hình yên tĩnh, vài ba chúng cháu đi dậm cù bắt chuột lớp ăn lớp bán tự túc.

- Dậm cù là sao?

Tư Mô nói:

- Chú đi ra Bắc lâu quá rồi quên mấy cái vụ quen thuộc của xứ mình. Dậm cù là một trận chiến gồm năm sáu người bao vây một đám lác ruộng, dùng chân dậm lác ngã xuống và càng ngày cụm lác càng thu nhỏ lại. Chuột rút vào. Cuối cùng bị đuổi nột, chúng liều chết vọt ra. Minh chụp đầu. Dậm cù có càng nhiều người càng tốt vì chuột khó chạy thoát.

- A, tôi nhớ ra rồi. Hồi tôi ở nhà mỗi lần bãi trường về quê cũng chơi cái trò dậm cù này. Tụi ở vườn có đứa bắt chuột giỏi, chúng chụp ngay đầu và bóp cổ con chuột nhả răng, nhưng cũng có đứa chụp cái đuôi chuột quay lại cắn la trời.

Tôn đứng đó, chưa chịu đi làm sứ mạng. Tội giục thì nó nói mua có một xị không đủ đồ lễ mũi mua làm gì. Nghe nói thế Tư Mô móc túi đưa thêm tiền và dặn:

- Đong một lít chần đi, còn bao nhiêu thì mua đậu phộng. Nếu dọc đường có gặp lá cách quơ dùm một mớ. Có mỡ heo không? Chắc, quên mất cái vụ mỡ dẫu. Xào thịt trâu không có mỡ thì xào làm sao?

- Ôi ôi! Mỡ đường quán thiếu chi. Tôi đãi mấy chú mỡ Mỹ.

- Mỡ Mỹ là mỡ gì? Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Mỡ từ bên Mỹ đem qua bán cho mình.

- Sao Mỹ lại bán mỡ cho mình?

Tư Mô trả lời giùm thằng Tôn:

- Đây là mỡ của dân Mỹ tặng cho dân Việt Nam tức là ba thằng Ngụy đó! Tặng phẩm của Mỹ nhưng vợ quan chộp lấy đem bán đầy các chợ. Mình mua đem về ăn. Vậy chó chú không thấy mấy cái thùng mỡ tổ nái ở nhà bếp tiểu ban mình đấy à?

- Tôi tưởng là thùng không chó?

- Còn ba cái thịt hộp nữa. Hộp sơn màu cứt ngựa là của nhà binh. Nó đem sang cho lính Mỹ nhưng cũng chạy tọt vô trong này tiếp tế cho mình. Chú chưa thấy hộp thịt heo nạc nằm ki lô trút ra cục nào cục nấy bằng đầu gối mình vậy.

Tôn xen vô:

- Ở dưới này cũng có thiếu gì ba cái ngừ đó chú. Bà chủ quán này cứ mỗi chuyến đi chợ là mua về cả xuống. Tha hồ bán cho cán bộ, bộ đội.

Tư Mô vụt hỏi :

- Ở gần đây có bán dừa khô không chú? Thịt trâu xào lá cách thì phải xào nước cốt dừa mới đúng điệu.

- Trời đất! Nước cốt dừa! Tôi kêu lên.

- Sao? Xào lá cách thì phải nước cốt dừa chó la cái gì!

- Thì đúng rồi! Nhưng tôi sực nhớ ra rằng gần mười năm tôi không có ăn dừa.

- Sao vậy? Ngoài đó không có dừa à?

- Có nhưng ít thôi. Ở Quảng Xương Thanh Hóa! Nhưng chánh quyền cấm bán. Chính phủ mình mua hết cả để gây vườn dừa.

- Thế à?

- Tôi quên mất xứ mình là xứ dừa.

Thấy thằng Tôn cứ đứng lẩn chần mãi không chịu đi, tôi giục, hấn bảo:

- Chờ cho *tan phèn* mới đi được.

- *Tan phèn* là sao? - Tôi lại hỏi.

- Là chờ cho trưa trưa thì đi mới bảo đảm! Điếm bán thịt trâu hơi xa. Đi bỏ trạm rùi nó chụp dù bơi về không kịp. Nó tới nhanh lắm chú ơi. Trước khi tới nó chào mừng bằng nửa giờ *pháo bầy*. Không có thứ gì ngóc đầu lên được. Xong pháo bầy thì trực thăng tới. Vài cặp *cá lẹp* ria như mưa bắc. Nếu không có cá lẹp thì phản lực bỏ bom. Xong đầu đấy mới cho *đầu lảng* tới.

- *Cá lẹp*, *đầu lảng* là cái gì?

Tôn nói :

- *Đầu lảng* là một trong các loại trực thăng tụi nó dùng để chụp mình đó chú ạ. Nó cũng là trực thăng bánh bạch thôi nhưng mình nó như còn cá chẻm có vảy sáng trưng và cái đầu nó lảng dùng để chở cấp chỉ huy, còn đen thui và có càng trông rất dị hợm thì dùng chở lính.

Còn *cá lẹp*, chời ơi! Cái thứ cá lẹp, nhắc tới đầu teo tới đó. Cũng là trực thăng thôi nhưng mình nó đẹp và mỏ nó dài. Trước khi đổ dù nó thả hai con cá lẹp tới phóng rốc-kết tàn nhẫn. Mỗi phát bốn

quả. Ai lọt vô giữa thì lượm không được miếng da! Rồi còn bắn nữa. Nó bắn không có nghe rồn rột như trung liên đâu. Súng của nó nổ như bò đái... e e e... éc. Mỗi loạt dài chừng hai phút. Nó phóng rốc-kết rồi bắn thì hầm nào cũng không chịu nổi.

Tôi chú ý nghe còn Tư Mô thì phớt lờ.

Lúc lội Trường Sơn, tôi có nghe một cán bộ từ trong Nam ra Bắc nói cho nghe cái vụ nhảy giò của trực thăng... Hồi đó tôi chỉ hiểu mơ màng, bây giờ đến thực địa mới hình dung rõ hơn.

Vụ nhậu thịt trâu quy mô thực hiện một cách dễ dàng nhờ nhiệt tình của thằng Tôn. Liệu chừng tan phen nó đi mua rồi bơi xuống theo mé sông tìm hái được cả lá cách và mua được một trái dừa khô trong xóm. Tư Mô là người ăn uống kỹ lưỡng, tỉ mỉ, chứ không phải như tôi món gì cũng ăn, chín sống gì cũng xực không kén thứ gì. Anh đòi cho được lá cách và dừa khô để xào thịt trâu “ăn cho nhớ nhà chơi” chứ không chịu xào bằng mỡ Mỹ. Nhưng được dừa khô rồi thì không có bàn nạo. Đó là món đồ nghề thiết thân với dừa khô. Không có bàn nạo thì chỉ ăn dừa kho thôi! Cho nên đành chịu vì không tìm đâu ra cái bàn nạo ở giữa cái chốn ma quỷ này.

Thằng Tôn đem thức ăn của nó chung ty với chúng tôi. Nó có vẻ thân mật hơn với những người khách khác. Nó cũng uống rượu. Uống được vài hớp nó hỏi một cách bất ngờ:

- Ai tập kết cũng đều về hết hả hai chú?

Tôi nói:

- Có người về có người không.
- Tại sao vậy chú?
- Chọn lựa dữ lắm chứ đâu phải hốt ngang hốt ngựa như mua tép ngoài chợ!
- Không biết chừng nào ba cháu mới về?

Ba cái vụ tập kết tập kiểc Hà Nội Hà Niếc Miền Bắc Miền Biếc xã nghĩa xã nghiếc, có lẽ nghe đã đầy tai chán ngấy rồi nên Tư Mô để cho tôi đối đáp, còn anh cứ chăm chú tiêu diệt những miếng thịt trâu thom núc. Tôi nói lấy lòng thằng Tôn.

- Sớm muộn gì cũng về thôi! Cháu đón ở đường dây này thì chắc gặp.

Thằng Tôn không tỏ vẻ vui mừng gì hết. Nó hơi ngó xuống và uống rượu liên tục. Tôi đoán là nó nhớ bố nên lựa lời mà an ủi:

- Dân Nam Bộ mình ra ngoài đó được đề cao dữ lắm. Ba cháu ở bộ đội, biết đâu đã được gọi đi học Liên Xô, Trung Quốc rồi!

Thằng Tôn vẫn im lặng. Tư Mô liếc ngang tôi, ý bảo: coi chừng tới hổ! Tôi hiểu ý nhưng tôi vẫn cứ tuyên truyền miền Bắc xã nghĩa để bù đắp lại “công ơn” miền Bắc đã thất lung buộc bụng nuôi những thằng Nam Kỳ ăn hại, trong đó có tôi. Hơn nữa, tôi đoán là ở nơi điều hiu hút gió, những ông bạn giao liên trẻ này ngày ngày dầm mưa dãi nắng đội pháo bom đều một lòng tin tưởng ở ngày mai xán lạn của miền Nam và họ không thể biết những chuyện tang thương ngẫu lục của dân tập kết ở ngoài đó, cho nên tôi không ngại “phóng đại tô màu” mặc cho ông bạn già háy liếc:

- Nếu hồi đi tập kết ba cháu là đại đội trưởng thì khi về phải ít nhất là tiểu đoàn trưởng.

Thằng Tôn lắc lia:

- Chắc không có đâu chú ơi!

- Sao vậy? Thiếu gì chiến sĩ ta ra ngoài đó được để bạt vượt cấp.

- Ai chớ còn ba cháu thì chắc không được đâu. Cháu biết mà.

- Tại sao?

- Vì ba cháu không có chữ nghĩa gì! Cháu nghe má cháu nói mà. Riêng cháu cũng biết là hồi cháu lớn thì ba cháu còn đi ở cho người ta.

Tôi vỗ đùi như đóng kịch:

- Nếu vậy thì càng hay nữa. Cháu không biết chớ thành phần bản cố nông là thành phần được Bác Hồ chiếu cố nhất vì đó là nòng cốt của cách mạng.

Tư Mô xen vô một cách móc họng:

- Bản cố cớ Nguyễn Văn Sơ không chú? - Anh gấp miếng bẫy nhảy vút xuống mé ao và tiếp - Đó mới thiệt là bản cố bảy mươi lăm phần dầu của xà bông Trương Văn Bền hả?

Tôi háy lại ông bạn già. Tôi không ngờ ông bạn lại biết những chuyện hóc búa này.

(Xin mở một cái ngoặc khá dài để bạn đọc hiểu đầu đuôi câu chuyện:

Thật ra thì đó cũng chẳng phải là chuyện đại chúng nhưng cũng chẳng phải là chuyện phòng the nên người ta có biết thì cũng chỉ xầm xì với nhau vì đây là một trong những cái sự hồ to của đảng và quân đội: chuyện này để

đời, tôi có muốn giấu giùm cho đảng cũng không giấu được. Bây giờ ngó lại thấy nó quá u kỳ cục. Không hiểu tại sao người ta có thể phạm sai lầm như vậy.

Số là hồi cải cách ruộng đất, lính ông Viêt Thắng Hồ (tên viết theo kiểu Mỹ) đuổi lính ông Giáp Võ Nguyên chạy tét nước. Cũng vì cái thành phần mà thôi. Ai có gốc bản cổ nông thì kể như ngủ khò ru, còn anh nào tiểu tư sản trở lên phú địa mệt cầm canh, không khác nào cái án treo trên cổ. Trong quân đội có một anh cần vụ tên là Nguyễn Văn So. Sơ chuyên môn xách dép và nấu cơm cho Thiếu tướng Nguyễn Thanh Sơn tức là Nguyễn Văn Tây dân đại địa chủ ở Vĩnh Long vô đảng hồi 1930. Kháng chiến nổ ra ở Nam Bộ, tôi không biết ông làm gì, ở đâu; nhưng khoảng 1948 tôi được thăng em trai của ông rủ đi Cao Miên: “Anh tao làm Tư Lệnh Tỉnh Nguyễn Quân của mình trên đó.” Nhưng tôi không đi. Khi tập kết, tôi có gặp ông ở bến Chắc Băng trong đoàn Tỉnh Nguyễn Quân hồi hương. Ra Bắc nghe đầu ông ấy được phong (miệng - chớ không thấy đảng báo) Thiếu tướng. Tôi chỉ gặp thăng em trai của ông thôi. Một hôm nó cho tôi hay rằng ông Thiếu tướng vắng mất hết lon gáo. Tôi hỏi nó tại sao? Nó bảo là tại vì thăng ở độ (tức là tên cần vụ Nguyễn Văn So) tố khổ ông. Ông gốc là địa chủ gộc, Vĩnh Long ai còn không biết, nhưng ông giác ngộ vô sản từ khuya làm tới chức Tướng, cần gì phải tố ra đảng mới rõ.

Thế nhưng ông vẫn mất chức như thường. Còn tên So thì được đề bạt lên làm hiệu trưởng trường Cải Cách Ruộng Đất cao cấp của quân đội. Trường này là cái “ái thứ ba” đắm nước mắt của cán bộ từ Thiếu tá trở lên. Có

lắm anh chỉnh huấn tại trường này xong, lon gạo rớt hết vì thành phần không cơ bản! Còn đại tướng Tổng Tư Lệnh và Hồ Chủ Tịch, Hoàng Văn Hoan, Phạm Văn Đồng thành phần gì? Sao vẫn là lãnh tụ?

Lúc đó tôi còn ở trong quân đội, không đeo lon mang gạo gì cả, coi cái tướng Cải Cách Ruộng Đất cũng vui vui vì mình là tiểu tư sản, tội không nặng mấy.

Nhiều anh bạn Nam Kỳ đi học ở cái trường này, khi về khóc khóc mếu mếu trông rất thảm thương. Báo Quân Đội Nhân Dân đăng ảnh và tiểu sử Nguyễn Văn Sơ như anh hùng Cải Cách Ruộng Đất với thành tích tố cáo làm ngã ngựa một ông Tướng từng là chủ cũ và là thủ trưởng của mình. Sau đó, tôi có gặp lại thằng em ông Tướng. Nó cười khẩy: thằng ăn trộm tố điều! Nó giải thích thêm: hắn ăn trộm dưa nhà tao có lần bị người nhà bắt được. Bây giờ nó oán, nó dựng chuyện và bịa ra cái thảm cảnh của gia đình nó chứ chẳng có cái đích gì? - Sao ở trên dễ tin thằng cần vụ hơn một ông Tướng vô đảng từ 1930? Ba mươi năm qua, tôi vẫn không tìm ra câu trả lời! Đi theo cách mạng vô sản chẳng phải dễ đâu bà con làng xóm ơi!)

Tôi hỏi Tư Mô:

- Ông cũng biết chuyện ấy nữa sao ông nội?

- Thì cũng do mấy cha ở ngoài về xì ra.

Tôi bèn bóp méo câu chuyện kể cho thằng Tôn nghe rồi bảo:

- Nguyễn Văn Sơ là người ở cho địa chủ cũng như ba cháu vậy, nhưng khi ra ngoài Bắc được Bác Hồ cho làm tới hiệu trưởng trường cao cấp quân đội đó.

- Ở độ mà làm hiệu trưởng như vậy rồi làm sao chỉ huy mấy ông có học chú?

- Ờ ờ. Tôi như bị mắc nghẹn miếng thịt trâu nên ngập ngừng. - Ở ngoài đó ít cần chữ lắm cháu ạ. Lập trường mới là cái cần nhất. Người có lập trường làm cái gì cũng được, còn người có chữ không làm được cái gì!

Nhưng thằng Tôn không tin, nó nói:

- Chú bảo vậy sao được. Chẳng lẽ dốt như cháu mà

lên làm chỉ huy cả trăm cả ngàn người. Chỉ làm giao liên là tốt thôi!

Tôi đành lặng thinh và nâng chén rượu uống cho đỡ nguợng. Tư Mô cũng đánh trống lảng giùm tôi:

- Con trâu này chắc còn tơ nên thịt không dai hả chú em?

- Dạ, nó mới nổi cổ.

- Trâu chết vậy là bỏ mùa ruộng.

- Ối! Ruộng mà kể gì chú ơi! Làm xong mùa có được gì.

- Trục thẳng bố hả?

- Thuế!

Thằng Tôn nhu giật mình, nói lắp:

- Có khi một trái cà nông thầy vô giữa bầy trâu, chết ba bốn con, què hai ba con!

Com nước xong, tôi lên vồng nằm. Trời chiều lại có chất men trong người, nên tôi muốn thả hồn theo Lý Bạch lên Hoàng Hạc Lâu, nhưng thằng Tôn lại lê tới tâm sự. Nó có vẻ dè dặt hơi lâu, nói chuyện bao đồng một chốc rồi mới hỏi:

- Mình có gửi thư ra Bắc được không chú?

- A, cái đó thì chú không rõ.

Tư Mô đáp xằng:

- Muốn gửi thì gửi. Có khi ra tới, có khi không.

- Vậy nữa à?

- Trên R có bưu điện ra trung ương nhưng có lẽ là chỉ dành cho cơ quan thôi.

Thằng Tôn nói:

- Cháu muốn gửi thư cho ba cháu đừng có về.

- Hà! Tôi ngóc cổ dậy, gắt. - Tại sao?

Thằng Tôn lặng im. Tay nó đưa lên nắm đầu vòng của tôi run run.

Trong bóng chiều vàng ối tôi thấy cặp mắt thằng nhỏ rung rung. Nó suýt khóc.

Tôi không biết chuyện gì, nhưng đoán chắc là có bi kịch trong gia đình. Tôi nằm xuống im lặng. Hồi lâu nó mới nói:

- Má cháu đã lấy chồng.

Trời đất. Tôi kêu thảm. Đó là bi kịch to lớn nhất của một gia đình.

Chồng đi (tập kết) thì có chồng nhà

Hơi nào mà đợi chồng xa đi về.

Ca dao trào lộng trở thành đời sống hiện thực của thời đại Hồ Chí Minh.

Câu đó được đổi ra như sau:

Chồng đi (giải phóng) thì có chồng nhà

Hơi nào mà đợi chồng xa đi về.

Còn trong đám Nam Kỳ tập kết thì có câu chế diễu những anh miền Nam cưới vợ Bắc:

Ngang lưng thì giắt su hào

Đầu quần rau muống chân quào bánh đa.

Và tự chế diễu mình:

Đất Bắc anh gìn con tí ngăng.

Trời Nam em giữ cái bẻ hê.

Trung ương không nghe làm gì. Trung ương ở nhà lâu ba góc có hàng rào làm bằng xương dân Nam Kỳ bịt kín, ông nào cũng gối đầu trên miếng đất xéo tanh tanh dí mũi vào chòm cỏ rối, đầu có ông nào bị chia loan rẽ thúy! Cho nên không thông cảm nổi với các đức lang quân bị gối chiếc phòng không, mua phùng gió bắc, kêu không thấu Thiên Tào Bắc Đẩu.

Vừa trỗi ra khỏi rừng mới bước chân xuống vùng có dân cư, tôi đã đụng ngay cái bi kịch không màn này.

Tôi không nói gì thêm, sợ làm thằng Tồn khóc ré lên. Nhưng nó không khóc. Nó hỏi tôi:

- Mà chú biết thằng chồng bây giờ của má cháu là ai không?

(Tôi suýt kêu trời. Cái câu hỏi đầy hài hước và bi thương. *Thằng chồng của má cháu!* Ở Hà Nội, có chiếu một phim có cái tên cũng ngược đời như thế “*Người chồng của vợ anh ta.*” Nhưng không chói lố tai bằng “*Thằng chồng của má cháu!*”)

Tôi không thể đoán thằng đó là thằng nào. Thằng nào mà má cháu gọi bằng chồng, còn cháu gọi bằng thằng? Nó không phải là ba cháu ư?

Thằng Tồn nói tiếp:

- Thằng cha Xã đội trưởng chú ạ!

- Rồi sao?

- Nó rà rê riết rồi má cháu ung.

- Chip!

- Nó bảo là đám tập kết hết về rồi. Mỹ vô, miền Bắc không dám đánh. Mỹ đánh ra Bắc, Bắc thua. Nó nói đủ thứ, ngày một ngày hai. Nó gạ gẫm, tới lui,

ban đầu thì ngày, lần lần thì đêm. Có khi cà nông thụt, nó chui đại vô hầm với bả!

Tôi nằm im không dám cựa cựa như sợ mỗi cử động của mình làm vết thương của nó vỡ to thêm. Nó tiếp:

- Bây giờ cháu ít về lắm chú ạ. Về càng thêm chán. Cháu lấy trạm làm nhà.

- Lâu chưa?

- Có con rồi.

- Trời đất!

- Hai ba bốn năm trước chó không phải mới đây. Cháu định bữa nào đựng đầu cháu lia cho nó một băng AK.

- Bậy nào! Làm vậy loạn hết.

- Thì tại nó loạn trước mà.

- Rồi xã ủy chi ủy không có kỷ luật gì à?

- Nó là xã ủy chứ còn ai nữa?

- Vậy thì hết chỗ nói rồi!

Đây là phần nâng cao chất lượng của bi kịch. Chồng đi làm cách mạng, vợ ở nhà bị người ta cuốn mất. Đó đã là bi kịch, nhưng cái kẻ cuốn vợ nhà cách mạng kia lại chính là đồng chí của nhà cách mạng. Thế mới dzui.

Tồn tiếp:

- Xã này có hai ba trường hợp như vậy chú ạ!

- Vậy à?

- Mà toàn là xã ủy, chi ủy chủ động không hề!

- Chủ động là sao?

- Thì là vậy đó. Máy bà kia cũng có chồng đi tập

kết như ba cháu. Rầu lắm chú ơi! Bà nào bà nấy cũng mang bụng chứa thè lè như chuột thảng mưa. Có bà giấu giếm nhưng ai cũng biết. Có bà đẻ con rồi quăng xuống sông để phi tang nhưng làm sao mà tan được. Có bà bỏ nhà đi chỗ khác vì sợ bà vợ lớn chửi bới.

Tôi đã từng biết vụ ghen của bà lớn Duẩn ở Hà Nội. Hà Nội có nhiều lính và nhà bê tông cốt sắt thế mà đồng chí Tổng bí thư không có chỗ để cho bà nhỏ ở tránh khỏi nanh vuốt của bà lớn. Đồng chí phải cho bà nhỏ chạy sang bên Tàu tị nạn. Thì ở cái vùng giải phóng hỗn loạn vô pháp luật này làm sao có chỗ dung thân cho những nạn nhân của sự ghen tuông?

Thằng Tôn thờ dài sườn sượt. Nó không nói gì nữa. Trời tối hẳn. Tối như ở Trường Sơn, nhưng sự tối tăm hôm nay ở đây là sự tối ám của tâm tư. Cách mạng càng kéo dài càng thêm nhiều bi kịch. Chẳng có gì vui cho mỗi cá nhân. Như tôi vậy. Cái vui duy nhất của tôi là đã thoát khỏi nơi mình không thích, nhưng cái bi kịch của tôi thì vô tả.

Tôi đã rời khỏi rừng nhưng trái tim của tôi còn ở lại đó chôn sâu nơi một hố đất giữa rừng già. Còn biết được ngày nào tôi trở lại. Mưa gió sẽ san bằng tất cả, nhưng tim anh thì mang mãi hình dáng của em.

Tôi bỗng sực nhớ ra rằng lúc bối rối tôi đã bỏ luôn cả chiếc ba lô của Nguyệt vào hòm. Trong đó có biết bao nhiêu là món có thể giữ để làm kỷ niệm.

Thằng Tôn đi về chòi của nó bỏ tôi và Tư Mô ở lại với nhau trên hai chiếc võng giăng cụng đầu. Bất ngờ Tư Mô hỏi:

- Chín Nheo ra ngoài làm cái gì?
- Chín Nheo nào?
- Thì... nhà họ Lưu, không nhớ à? Chú ở trong chi hội Văn Nghệ Nam Bộ với chả chú ai!
- À! Nhớ! *Chùm Vải Đỏ! Chùm vải đỏ!* Tôi bật ra mấy câu thơ:

*Một bước đầu qua ranh Nam Bộ
Nhận món quà ủng hộ của Đồng Nai
Lòng run run theo một chuỗi cười dài
Vải ngọt quá, ngọt như tình đất nước...*

phải chả không?

- Chớ còn gì nữa.
- Mà anh hỏi chả làm gì? Chả ra ngoài chẳng còn văn thơ gì nữa. Làm gì trên Phủ Thủ Tướng, được ở trên cấp cho chiếc xe hơi Peugeot 401 hồi mình còn ở trường tấm vùng.

Tư Mô nói:

- Tôi nhớ bài *Chùm vải đỏ* của chả. Mới mé ranh Nam Bộ đã nhận được chùm vải ngọt của Bà Rịa. Còn tụi mình mới lú ra khỏi rừng thì được vị bần chua của đồng bằng.

- Bần gì ở đâu?
- Bần mọc đầy hai ven sông đó!
- Nhưng mình đã ăn trái nào đâu mà chua với chát?

- Chuyện thằng bé kể đó không chua thì ngọt à?
 - Anh thật! Tôi trở mình úp mặt vào mép vồng.
- Tư Mô hút thuốc liên miên. Một chốc anh nói:

- Không kết tội thì không được! Nhưng kết tội thì cả quan tòa cũng đau lòng.

- Tội gì? Tòa nào?

Tư Mô lặng thinh. Anh ném tàn thuốc xuống mương. Tôi nghe một tiếng “xèo” to. Chắc điếu thuốc còn dài nhưng anh không hút nữa. Anh nói:

- Đàn bà mà không có đàn ông ở nhà cả chục năm trời thì còn gì là đàn bà? Chú chưa có vợ, chú chưa biết chuyện đó đâu. Cá bỏ trong giỏ không có hom, nếu nó không vọt ra thì cũng bị mèo thò móng vào chụp, chú hiểu không? Đàn ông đi như thế nếu có chuyện gì xảy ra và bất cứ như thế nào cũng là lỗi ở đàn ông chứ không phải của đàn bà! - Tư Mô thở dài. Anh nói như một tín đồ của Freud - Xác thật là tội lỗi nhưng đó lại là hạnh phúc của người đời. Đàn bà mười năm không biết đàn ông thì còn là cái gì được chớ? Chú xem con cá, con chim, con chó, con trâu có phải chịu đựng gian nan thế không? Đàn bà Việt Nam đâu có phải là đàn bà Âu Châu mà nuôi chó berger, mà xài dụng cụ cao su được. Hoặc họ nói thẳng với anh hàng xóm là tôi muốn ngủ với anh một đêm thôi vì mai mốt chồng tôi về, tôi không cần anh nữa. Tập kết hai năm đã là quá lắm rồi. Bây giờ gần mười năm. Một người con gái đã phải già, một người đàn bà trung niên đã là mẹ chiến sĩ. Chú thấy không? Đàn bà Nam Kỳ đã xa chồng chín năm kháng chiến rồi bây giờ đã xa thêm chín, mười năm nữa...

Xin Trời hãy tha thứ cho họ.

Tôi không muốn nói gì. Vì tôi không phải chịu đựng loại thảm kịch đó. Tôi ra Hà Nội một thân

một mình. Tôi có bạn gái. Nếu tôi muốn lấy vợ cũng không phạm gì cả. Nhưng tôi thấy nó không ổn thế nào ấy. Vì Hà Nội không phải là nơi cư trú vĩnh viễn của tôi. Hơn nữa tôi luôn luôn tìm đường trốn.

Những ngày tôi đi công tác ở các tỉnh, ở các đơn vị quân đội người Nam Bộ hoặc những nơi có đông người Nam Bộ, tôi thấy nhiều chuyện đau lòng.

- Anh Tư ơi! Tôi kêu lên. - Người Nam Bộ mình là những con vật hy sinh anh ạ!

Tư Mô không nói gì. Hai bàn tay anh mò mò bị thuốc nghe sột soạt. Anh lại hút. Tôi tiếp:

- Chẳng những đàn bà bị hy sinh mà đàn ông con trai cũng thế! Cả anh nữa?

- Còn phải nói! - Tư Mô đồng ý một cách xuôi chèo với tôi. - Tài Lé chửi ghê lắm!

- Anh có gặp già à?

- Có chứ!

- Vẫn lé?

- Muôn năm.

- Vẫn cầu nhàu?

- Muôn năm!

- Vẫn ở đó?

- Muôn năm! Và vẫn nói chuyện hấp dẫn. Có một bà tư sản ở Sài Gòn mê chả dữ lắm!

- Mê gì ở cái bộ xương đó?

- Mê nghe chuyện của chả thôi! Bà ta nói là nếu xù Tài đồng ý, bà sẽ mượn lũy cú mỗi tuần tới nói chuyện cho bà nghe một ngày, chuyện gì cũng được! Thằng chả có duyên tẻ. Nói cái gì nghe cũng hay,

nhất là chuyện Miệt Thứ. Ba cái chuyện lăm cẩm Trèm Trèm U Minh!

- Chả chửi cái gì?

- Lũy bảo là cách mạng gì kỳ cục vậy. Khi đánh giặc thì cùng đánh. Khi thắng giặc xong thì một thằng chạy đi hưởng lạc, còn một thằng thì bị trời quăng vô chuồng cọp.

- Chuồng cọp nào? Thằng nào bị quăng?

- Tụi tui đây chứ còn thằng nào! Chuồng cọp là Chi Hòa, Côn Đảo, Bà Rá, Kontum! Chú không biết chứ tụi này ở lại chỉ trong vòng vài tháng là bị xức hết ráo. Trần Chính, trưởng ban tuyên truyền Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ, nhớ không?

- Thầy cũ của tôi.

- Bị thật ngay sau khi các vùng hoàn thành các chuyển tập kết. Đó là người trong tỉnh mình. Còn cỡ như tôi, cậu của chú thì vô khám ngay. Không chuồng cọp là gì? - Tư Mô ngồi bật dậy. - Đành rằng đấu tranh thì phải có hi sinh, nhưng mình tránh sự hi sinh oan uổng và tức tối đó được không? Người ta tưởng đem được mấy chục tầu người ra Bắc là đủ rồi, còn những kẻ ở lại lộ mặt hoặc lem nhem thì cứ việc ở lại tha hồ mà chui trốn và tin tưởng trung ương.

Tôi biết Tư Mô có một tâm sự uất ức dài như Cửu Long Giang, nhưng tôi không dám khuyên can gì. Ngược lại tôi còn tán thành. Đúng là trời đồng chí mình quăng vô chuồng cọp. Ngoài ra tôi còn thấy mình chỉ là một tên vô tích sự. Ra Bắc có làm được cái gì để hai năm thống nhất đất nước đâu!

Về tới R, ở Chiêu Đài Sò, tôi gặp rất nhiều người quen cũ từng là cấp trên của tôi ở quận, ở tỉnh trong kháng chiến chống Pháp nằm la liệt sốt triển miên, để làm gì? - Chờ Ban Tổ Chức R giải quyết sinh mạng chính trị cho mình, tức là tuyên bố khai trừ, cảnh cáo, hoặc trấn an và được chấp nhận cho công tác trở lại. Họ bị tù vừa ra hoặc “bí mật liên lạc” với đảng trong nhiều năm. Trong số người này, có một người từng là thư ký Thanh Niên Cứu Quốc quận Mỏ Cày của tôi tên là D. Anh ta nhờ tôi nói dùm với Ban Tổ Chức giải quyết sớm sớm, hoặc “chém,” hoặc “tha”, lẽ nào cũng được. Để nằm dài như vậy khổ sở quá. Nhưng tôi có quyền hạn gì! Hơn nữa tôi cũng không biết Ban Tổ Chức ở đâu và ai là chủ của cái ban đó. Anh ta tưởng là dân tập kết về thì oai hùng lắm. Tôi đành hứa cho qua trường trước khi chia tay nhau. Từ đó tôi không gặp lại anh ta nữa.

Tư Mô có lẽ đã nhờ anh Năm Quang, tức Trần Bạch Đằng, bảo lãnh (cũng như bảo lãnh tôi vậy) nên được về ngay tiểu ban Văn Nghệ R. Tuy được làm việc, sáng tác nọ kia, nhưng phải mang cái án gõ không ra. Ôi, cách mạng! Giá đừng có cách mạng thì dân Việt Nam đỡ chết chóc và bầm dập hơn. Cách mạng không làm nên hạnh phúc cho ai cả, mà ngược lại. Tính đến năm 63 là đã đổ máu gần hai mươi năm, nhưng chẳng thấy người cán bộ Nam Bộ nào được hưởng cái gì cả. Chỉ toàn hi sinh.

Tư Mô nói tiếp:

- Nếu tôi bị rơi vào trường hợp của bố thằng Tôn thì tôi hoàn toàn không bắt tội người đàn bà.

- Khổ lắm anh Tư ơi! Tôi van anh. Thôi ngủ đi để còn giờ sáng mai nó “*chup*” thì mình chạy.

Tư Mô im. Nhưng tôi nào ngủ được. Tôi về đây là thoát rồi, dù có gì xảy ra đi nữa thì cũng hài lòng. Tôi chợt nhớ lại tất cả bạn bè, lũ còn ở ngoài Bắc lẫn đám bị trói quăng vào chuồng cọp: Phạm Anh Tài, Huy Hà, chú, cậu tôi và v.v... không nhớ hết.

Tư Mô làm tôi nhớ nhất Phạm Anh Tài, bởi có nhiều kỷ niệm trong thời kỳ chống Pháp

Không rõ anh làm ở tòa soạn tờ *Tiếng Súng Kháng Địch Miền Tây Nam Bộ* hồi nào nhưng khi tôi đến (1950) thì thấy anh đã ở đó rồi. Anh in thơ, in truyện nhiều nhất trong những nhà thơ, nhà văn trong vùng. Tài rất thích thơ Huy Cận. Tôi được anh ngâm cho nghe hầu hết tập *Lửa thiêng*. Giọng của anh là một giọng ngâm đặc biệt không thấy ở ai khác.

Đẹp xưa, Ngâm người v.v... bài nào anh ngâm nghe cũng muốn đứt ruột đứt gan. Anh ngâm xong lại bình về kỹ thuật và chính anh đã khuyên tôi: “Ê, Xuân Vũ, sao mày không cưới vợ cho rồi?” - Thôi ông nội ơi? Một cái ba-lô trên lưng đã thấy nặng rồi, đeo thêm cô vợ làm sao đi nổi? - Ấy, mày cưới vợ xong rồi mày sẽ thấy cái ba lô nhẹ hơn! Hi hi... Kháng chiến này còn dài mày ạ. Mày có chắc mày khỏi ốm đau không? Mày lungs phổi thì đi đường đường nó chích cho mũi calcium rồi về chớ nó đâu có chứa mày lâu. Mày có vợ nó ở nhà nuôi gà, nuôi vịt, mày về trụ hình ở nhà có trứng gà tắm bổ, nó nấu com sốt cho mày ăn! Như tao nè, vợ tao có khi nào cần nhằn khi tao về nhà đâu. Nó còn mong cho tao bệnh để ở nhà nữa là khác!

Câu khuyên thật chí lý chí tình và khoa học, nhưng tôi đã không thích vợ con lại coi chuyện đó hơi kỳ cục. Đến khi hòa bình lập lại, tôi làm ở tòa soạn thì anh ở nhà. Tuy còn dính chân ở cơ quan, nhưng anh có giấy của bác sĩ cho nghỉ dài hạn. Dài là bao dai, không ai biết, nhưng lâu lâu thấy anh đến nói chuyện với cấp chỉ huy rồi “biến” ngay trước khi họ thay đổi ý kiến!

Khi tôi sắp xuống tàu tập kết ở bến Chắc Bàng thì gặp anh. Lúc bấy giờ các cơ quan dân chánh đều hối hả rộn rịp tập trung ở vùng này để lo móc ngoéo gia đình xin đồng hồ, bút máy, áo ấm, để đem ra Bắc bán ăn. Anh đưa tôi coi cái điện văn và nói:

- Xừ Tiếng (tức Huỳnh Văn Tiếng, Giám Đốc Sở Thông Tin Nam Bộ kiêm Giám Đốc Đài Phát Thanh Tiếng Nói Nam Bộ) mới đưa tao!

Tôi đang đọc thì anh nói:

- Ở ngoài kêu tao ra.

- Ngoài là ai?

- Tổ Hữu.

Tôi mừng rỡ bảo:

- Vậy sửa soạn nhanh đi cha! Mình cùng đi một chuyến!

Anh lắc lia:

- Thôi th... thôi!

- Sao vậy?

- Tao không có đi đâu!

- Sợ bỏ vợ hả?

- Cũng có một phần, nhưng cái chính là tao không muốn đi!

- Không đi ra đó thì đi đâu?

- Về Sài Gòn.

- Làm gì ở trên?

- Chưa biết! Nhưng mày ra ngoài đó rồi mày làm gì có biết không?

- Gặp cụ Hồ cho bồ cái công kháng chiến.

Anh xua xua tay không nói. Chả là tôi mới làm một bài thơ là *Thay áo mới* vừa đăng báo, với hai câu kết mà tôi rung đùi khoái lắm:

Mười năm dồn lại một ngày

Là ngày tay cháu cầm tay Bác Hồ!

Anh nói:

- Tao có đọc thơ của mày. Hay lắm!

- Tại sao anh không đi chứ?

- Nhưng đó chỉ là thơ. Còn đi ra ngoài lại khác.

- Khác thế nào được!

- Rồi mày xem. Ở trong này thì mày thấy gần ổng, nhưng khi ra đó thì thấy lại xa hơn lúc ở trong này!

Rồi anh ăn mấy quả cam nhà của tôi, vừa đi vừa nói chuyện trên bờ kinh xáng.

Quả thật “ra ngoài đó thì xa” đúng y như rằng. Chẳng những xa mà tôi hết ham gặp Bác Hồ nói chi bắt tay. Tôi không được bắt tay bác và thú thực tôi cũng không mơ ước được cái hân hạnh đó. Chẳng phải riêng tôi mà nhiều không biết bao nhiêu.

Anh Tài ở lại Sài Gòn viết văn, viết hay hơn trong kháng chiến. Nếu anh ra Bắc có lẽ (tôi đoán vậy thôi) anh sẽ ít nhiều dính vào Nhân Văn Giai Phẩm.

Dòng tâm sự của tôi chảy lan man như nước sông
Vàm Cỏ. Nếu tôi có ngọn đèn dầu trong tay, tôi chỉ
cần nghiêng qua mép vồng thì:

*Khêu đèn ta thấy trong dòng nước
Có máu Miền Tây, máu Hậu Giang.*

Huy Hà! Đó là nhà thơ kháng chiến, người thứ hai
tôi quen thân sau Anh Tài. Tôi đi chiến dịch Long
Châu Hà chung với Quốc Hương bài “*Cười vui mà đi
Long Châu*“, rất hay. Làm xong Quốc Hương hát và
dạy bộ đội hát rền trời.

*Cười vui ta đi Long Châu
Tình thương reo trong nòng súng
Ta về mang theo vui mừng
Cầm súng ta đi diệt Tây!*

Huy Hà làm ca dao. Được câu nào anh đưa cho tôi:

- Ê! Xuân Vũ coi đã không?

Huy Hà có cái sắc-cốt cũ rách đi đâu cũng mang
xẻ xệ và miệng cứ lải nhải những câu thơ viết ra:

*Làng tôi mấy cội trâm bầu
Làng tôi có mấy nhịp cầu sang sông
Có bao du kích xung phong...
... Sắc rần chia đũa nửa con
Mặn mà mà nhớ mà thương nhau hoài!*

Đôi lần Huy Hà cũng bảo tôi:

- Ê, Xuân Vũ mày muốn vợ chưa? Tao gả em vợ
cho! Mày thấy nó là mày thích ngay!

Ôi! Bao kỷ niệm êm đẹp của thời kháng chiến
phơi gan trái mật tuổi thanh niên, như dòng nước
nhỏ róc rách chảy về những kẽ hở của tâm hồn, len
vào tận những nơi cùn cạn.

Sáng hôm sau trời lặng gió êm. Trời thương tội sút mẻ đui cùi này nên không có chụp dù. Hai thằng được ăn cơm trắng, nhai đậu phộng và uống trà quạu đã đòi. Rồi ngủ một giấc ngon lành, yên chí rằng sau khi thức dậy không có ma rét theo nín lưng.

Nước sông đỏ lừ và ngọt ngào. Từ lâu chuyên môn uống nước lá cây mực, nước voi đầm, nước suối vô vị. Bây giờ được uống nước Cừ Long Giang.

Tư Mô là một người châm biếm tế nhị, một người rành đời và hiểu cảnh thổ què hương rất sâu sắc. Đại khái ăn món gì thì phải có thứ gì đi kèm. Anh nhắc những chuyện mà tôi quên hoặc nói những chuyện mà tôi không biết. Đang uống trà bỗng anh hỏi:

- Hồi trước chú có đi tới Cù Lao Bảo chưa?
- Có. Đó là xã Thanh Triệu chứ gì.
- Chú có kỷ niệm gì ở đó không?
- Tôi nhớ là tôi có đọc một bài báo *Tổ Quốc* ký tên

là Sắt Máu ở trong một quán nơi tôi mua cái ca uống nước bằng nhôm năm đồng để đeo trên nắp ba lô.

- Đó là mục gây căm thù của báo *Tổ Quốc* do ông Bùi Kính Lăng nhà mình, hồi đó tên là Lê Nguyên Phổ, phụ trách.

- Đúng. Bài đó tả một tên lính Pháp hiếp một em bé gái ở Đồng Tháp Mười. Em bé mới có bảy tuổi nên hấn lấy dao găm rạch âm hộ của em...

Tư Mô thêm:

- Câu cuối cùng là: “... *Rồi hấn trườn lên một cái xác không hồn!*”

Tôi kêu lên:

- Tôi phục anh nhớ dai hơn tôi.

Tư Mô hỏi:

- Chú biết Thành Triệu có gì đặc biệt không?

- Lôm chôm, sâu riêng, măng cục. Và nước ngọt bốn mùa! Chú nhớ không?

- Vậy à?

- Nước dưới biển tràn lên đến cỡ Vàm Tân Hương thì còn mặn, nhưng lên tới An Thới Thạnh Thới thì đã pha chề. Nước mặn không lên tới đầu Cù Lao Bảo và Cù Lao Minh.

- Hồi vô khu 9 tôi lên đây bằng qua Vĩnh Long.

- Đúng, nhưng hồi kháng chiến tàu bè không kiểm soát nổi sông Cửu Long. Còn bây giờ ghé góm lắm chú ơi. Tụi đi đồng bằng về kể lại nghe rất ớn. Nay mai mình phải qua sông Cửu Long và lộ Đông Dương. Hơn cầu Bình Thân (tục gọi là cầu Trần Thân) ở khu 9 xa.

- Ô đoạn nào?

- Không biết, nhưng nghe nói đoạn Ấp Bắc thì bề rồi.

- Nguyễn Ngọc Tấn đi viết về Ấp Bắc gọi ra ngoài đó. Sao không có gì đặc sắc cả?

- Ở xa nghe thì “đặc,” khi đến nơi lại “lòng.” Tài Lé nói đúng hả?

Chiều đến, thằng Tôn lại dắt chúng tôi đi. Lần này thì đi bộ. Toàn càn rừng. Nửa đêm mới tới điểm mới. Sáng hôm sau thấy sông mênh mông, nước lé đế mép bờ.

Vàm Cỏ Đông! Vàm Cỏ Đông!

Vàm Cỏ Đông là con sông từng chứng kiến cảnh nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt tàu Esperanto của Pháp cách đây cả thế kỷ. Thuở nhỏ học lịch sử không thấy chuyện đó, nhờ đọc sách mà biết. Và nay tôi mới thực sự đến bên bờ sông lịch sử này. Nước xoáy như vụ, đỏ như máu.

Hai tên Nam Kỳ kháng chiến hai mùa mắc vòng nằm trên bờ phóng mắt nhìn dòng nước mà tưởng là máu của những bậc tiền nhân đã hi sinh oanh liệt hãy còn hồng cho đến ngày nay.

Hoà hồng Nhật Tảo oanh thiên địa

Kiểm bạc Kiên Giang khiếp quỷ thần

Đất nước mình rộng lớn và nhiều chiến công quá - tôi buồn rầu nghĩ - nhưng con cháu thì chẳng may mất chút nào. Độc lập! Giành cả trăm năm chưa được mà sự hy sinh thì không xiết kể. Hôm nay nằm

trên bờ sông lòng lo mơ hoài niệm một chiến công hiển hách mà thương tủi cho dân mình.

Nước lớn dâng lên ngập nửa thân cây bần. Những cánh nhụy trắng rơi lá tả trên mặt nước. Những con chim dòng dọc nghệ làm ổ trên ngọn kêu vang và cắn đá nhau chí chóe. Cảnh trí gần gũi với quê nhà làm nhớ nhung đứt ruột. Cách mạng khởi đầu có vẻ kết thúc nhanh. Ai dè cậu bé đã trở thành gã trung niên mà chiến tranh không có mồi chắm dứt.

Rải rác cạnh bờ sông khách nằm chờ chuyến đi, đi và đi. Suốt đời cứ đi và chưa có bao giờ ai nói với mình rằng chừng nào sẽ đến. Nhiều người công tác ở vùng này có kinh nghiệm nên họ có sẵn sẵn lưới câu và mồi. Vừa hạ trại là họ quảng câu chờ bắt cá. Tư Mô cứ nhắc nha nhắc nhảm.

- Nếu biết thế này thì tôi đã mua lưới câu lặn lung đem theo.

- Thôi anh ơi, nghỉ đi cho khỏe để đi, ở đó mà câu.

Tôi đi rảo tìm người quen. Quen loại nào cũng được. Từ dưới quê nhà lên R hay từ Bắc vô Nam cũng được. Tôi đã từng có những cuộc gặp gỡ ly kỳ ở lưng Trường Sơn.

Quả thật, đi rảo một hồi thì một anh chàng thi sĩ quen từ hồi 1949-50. Hắn tên là Lê Xí. Lê Xí người Phan Thiết không biết lọt vô Nam Kỳ lục tỉnh hồi thời nào mà đi kháng chiến ở Bến Tre. Lê Xí làm thơ đăng trong tập san của Đoàn Văn Hóa Kháng Chiến Tỉnh từ năm 1946 cùng với Tư Mô. Lúc đó tôi là thiếu nhi cứu quốc mê thơ nhạc họa vô cùng và coi

Lê Xí như một trong những thần tượng thơ. Lê Xí có một người bạn họa sĩ tên là Chi Lăng, cận thị nặng, vẽ cho các báo tỉnh, được các nữ cán bộ trong đó có cả chị Ba Định mê lắm. Một buổi trưa trên đường đá phá hoại hình nanh sấu từ Giồng Luông lên Cầu Mống, Chi Lăng một bên, Lê Xí đi một bên. Giữa hai người, giăng một sợi dây nhợ, một đầu buộc vào ba lô Lê Xí một đầu buộc vào ba lô Chi Lăng, trên dây nằm những quần tiểu và áo thung. Đó là cách phơi đồ trong kháng chiến ngông ngông mà chỉ có hai nghệ sĩ này phát minh và tôi chưa thấy ai dùng. Nhưng tôi rất thích cái sáng kiến đó.

- Về hồi nào vậy cha? - Tôi hỏi Lê Xí.

- Lâu rồi. Thấy Hà Nội không có tó thì biết là “lặn” rồi chờ gì.

- Lâu nhưng bao lâu?

Lê Xí xòe hai ngón tay.

- Còn “Xa Lờ” hết?

- Vẫn cứ “xa”, càng xa! Lê Xí ngoeo cổ thất vọng.

Nguyên là Lê Xí có vợ đẹp lắm, người Cái Mon là xứ giàu đẹp nhất Bến Tre. Người đẹp yêu nhà thơ nhờ thơ. Khi tập kết, Lê Xí không kịp từ giã vợ, lúc bấy giờ đang có thai. Ra Bắc gặp tôi, Lê Xí than thở một cách hài hước và tự chế diễu mình: Le poète “xa-lờ” (sale).

Một năm nọ ăn Tết xã nghĩa, tôi ở trong cái gara đẹp như Phủ Toàn Quyền của Bác, Lê Xí tới chơi, trời rét như cắt da, Lê Xí chỉ mặc áo sơ mi và để tặng tôi mấy dòng thơ, ký tên Le Poète “Xa-lờ.” Một

lần khác Lê Xí khoe tôi tấm ảnh hai vợ chồng chụp chung. Tôi lấy làm ngạc nhiên sao anh chị lại trùng phùng được? Nhưng Lê Xí bảo nhỏ: “ảnh ghép.”

Vì thế bây giờ tôi mới hỏi: “Còn Xa-lờ hết?”

Khi nghe Lê Xí đáp “càng xa” thì tôi rất kinh ngạc. Đó là trường hợp của hàng ngàn cặp vợ chồng, trong thời đại Hồ - nào phải riêng nhà thơ “Xí” này. Tôi không hỏi tới nơi mà rẽ ngang:

- Có ông bạn thơ của “vu” đảng kia! - Rồi tôi kéo tay Lê Xí.

Hai người bạn già háp nhìn nhau. Một gã trung niên nhìn hai tên già háp. Cả ba cùng quái gở như nhau như trong một cuộc tái ngộ ở ngoài càn khôn.

Kháng chiến đã đi qua hai mươi năm để lại những đốm bạc trên đầu họ.

Thời đó, Lê Xí rất trẻ, rất tài và rất trí thức nên vô đảng Dân Chủ của Đặng Ngọc Tốt ở Bến Tre. Thấy đảng Cộng Sản lấn lướt, Lê Xí bèn bỏ Dân Chủ để nhảy vô Cộng Sản, nhưng bỏ xong, không vô được, thành ra buông hình bắt bóng chơi vui ở giữa hai mé bờ, mặc cho sóng vỗ ngã nghiêng.

Ra Hà Nội, Lê Xí có được đảng ngó tới, nhưng vẫn cứ để Xí ở bệ cửa nhòm vô chứ không cho vô vì cái tịch Dân Chủ xanh lét kia.

Hai con người gặp nhau, mỗi người một mối hận riêng. Họ không muốn chạm tới mối hận lòng đó. Còn tôi thì lại càng muốn cho họ nghĩ tới việc khác.

Tôi hỏi Lê Xí:

- Ở đây người ta câu cá gì cha?

- Cá chạch lấu.
- Là chạch gì?
- Nó như cá chạch ở xứ mình nhưng to như con rắn hù ri và có bông có hoa coi ghê lắm.
- Có ai bắt được chưa?
- Có chó. Mấy tay nghề địa phương câu một ngày được cả chục.
- Ăn gì hết.
- Nó bán chứ. Mỗi con bán năm sáu chục đồng.
- Bạc gì?
- Bạc thành.
- Ủa mình xài...
- Bạc thành chó đâu có Tín Dụng Phiếu như hồi kháng chiến? - Lê Xí vừa nói vừa móc túi đưa ra tờ bạc. - Bạc Sài Gòn đấy! Hồi kháng chiến cũng gọi bạc thành là bạc xanh. Bây giờ cũng thế!
- Năm sáu chục một con cá chạch? Vậy lương bác sĩ ở Hà Nội chỉ mua được một con cá chạch thôi sao?
- Tư Mô xen vào:
- Thì cũng như năm chục rịa chỉ mua được gói trà con khi đồ dít.
- Khi có tháng chó. Nói cho đúng chữ nhé, nhà thơ không xa-lò!
- Cũng xa-lò như toa vậy chó sao không xa.
- Mấy năm?
- Sáu bảy, tám năm rồi! Tư Mô chỉ tôi - chú em này là không phải xa-lò.
- Vì tôi không có lò để mà... xa.
- Le poète “xăng-lò!”

Cả ba thằng cùng cười. Tôi chỉ cười gượng.

- Vậy phải về kiểm lò mau mau, kéo hết!

- Năm nay bằm mấy rồi?

- Bằm ba.

- Meo dữ rồi đa! Dừa sắp lác nước rồi. Không khéo khô chỉ còn thắng lấy dầu đốt đèn.

Ba người “xa lò” và “xăng lò” bù khú với nhau một lúc rồi Lê Xí dẫn bọn tôi đi tìm mua cá chạch lấu.

Đó là một cái tăng lạp xụp không có vẻ gì đặc biệt cả nếu không có cái hũ đường để bên đầu võng. Lê Xí vốn quen với chủ tăng nên hỏi ngay:

- Có trụ nào không Năm Hứa?

- Còn ba trụ. Nhưng có người dọn rồi.

- Ai?

- Tốp đi Cà Mau Rạch Giá gì đó.

- Ăn một lúc ba con à?

- Cả chục người mà! Toàn dân Nam Kỳ, đều mang “giò heo” cả nên họ xài tốn lắm. Họ dọn được bao nhiêu, bắt hết bấy nhiêu.

- Nhín một con cho tụi này được không?

Năm Hứa, một anh chàng tóc tai vén khéo, râu ria cạo sát lẹm, áo thung ba lỗ. Theo Lê Xí cho biết anh ta là kiểm soát viên của đường dây. Anh ta nằm ì tại đây rồi lấy tình hình từ các trạm mà báo cáo về R. Nhân việc nhàn rồi, y câu cá chạch lấu bán cho cán bộ với giá tương đối thông cảm tình đồng chí. Cán bộ từ R đi xuống thì khoái chất tươi nên bi nhiêu bi cũng mua nhậu tắm bổ. Năm Hứa không dám bán vì đã chịu miệng rồi. Bọn tôi cứ loay hoay chưa

biết cách nào nâng một nạng chạch về làm tiệc. Ba đưa mà xoi tái một nạng thì vừa phải, không nhiều mà cũng không ít. Miếng ăn thấy đó mà không xúc được. Bạn đã từng đói, thèm đủ thứ như tôi thì bạn mới có thể hiểu được nỗi bức dọc trong lúc này.

Tư Mô nhỏ nhẹ với chủ cá:

- Đồng chí thông cảm cho! Anh em cũng gian khổ như nhau mà. Nếu các đồng chí ấy nói gì, tôi chịu trách nhiệm cho.

- Không được đâu. Mấy chả dọn kỹ lắm. Tôi đã cho các chả coi cá và ngã giá chắc rồi.

Lê Xí vọt miệng:

- Nói nó lóc ra mất một con!

- Hà hà... Năm Hứa lưỡng lự một chốc rồi nhìn mặt nước nói: - Nước đang nhùng rùng, cá ăn mạnh, tôi bỏ một lúc ba lưỡi đăng kia, để tôi đi thăm. Chùng nào không dính sẽ cho cá bò...

Ba đưa tôi ngồi chễm hồm trong lều. Tư Mô quần thuốc hút. Lê Xí cào cào mớ tóc ngắn như tim kếp.

Tư Mô gọi ý:

- Mình cà ri một nửa nhậu, kho lạt một nửa để ăn com!

- Lấy gì mà cà ri?

- Tôi có thủ một mớ gia vị. Hồi ở trên R, mỗi lần mua ngũ vị và nghệ để ướp thịt nai, còn dư lại tôi đều thủ kỹ.

Tôi nói:

- Cá chạch nấu chua là tuyệt sắc. Săn ở đây có bản chín rụng thiếu gì.

Đang còn bàn tính mơ-nuy thì một phái đoàn quân sự toàn mang giò heo đi tới. Tôi kêu lên ngay:

- Ê Trung!
- Ai đó?
- Tui nè.
- À, à nhà báo văn nghệ hả?

Hắn là Đại đội trưởng Công Binh ở bến phà Lược ở Thọ Xuân Thanh Hóa trong tiểu đoàn Công Binh của Đại úy Mật. Tôi đến đây công tác hồi 1957-58 chỉ đó sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm.

Hắn tên là Đặng Chí Trung nhưng vì nhỏ thó, lúc nào cũng ho khạc nên chiến sĩ tặng cho biệt hiệu Đặng Vi Trùng..

Đặng Vi Trùng mừng rỡ khi nhận ra tôi:

- Cũng vô?
- Không vô thì ra à?
- Đi cu ki vậy sao?
- Có bồ chó. Nè, ông Mật chết rồi ta!
- Sao vậy, hồi nào?
- Ngoài Trường Sơn, bị bom trộm. - Tôi kể vắn tắt và nói - Lãng nhách. Phải ổng nán lại đi chung với tôi thì khỏi rồi.

- Chậc! Cha nội đó khiến chết hay sao á. Cho đi Liên Xô không chịu, cho đi Trung Quốc cũng không. Chỉ đòi về. Về rồi vậy đó, không tới.

- Nằm lại luôn ở đó rồi.

Tôi thở dài:

- Ổng chưa vợ hả ta?
- Hình như chưa! Ngoài bốn mươi rồi. Có lấy thì lấy ai?

Trung vui vẻ rẽ ngang chuyện khác:

- Ôi mà rồi cũng tới phiên mình. Vô đây còn dễ chết hơn ở Trường Sơn nhiều.

- Tôi tưởng xuống được đồng bằng là lột vỏ sống đời chó!

- Lầm to! Lầm to! Ai từ Bắc về cùng đều nghĩ như vậy cả. Nhưng khi xuống đồng bằng rồi mới thấy là đồng bằng gai góc, không có phải là đồng bằng ăn hút như thời chống Tây đâu!

Tôi quay sang Le poète xa-lò:

- Không còn cái vụ phoi quần áo theo kiểu đó nữa nghe cha non!

- Kiểu đó là kiểu nào?

- Giăng dây qua hai chiếc ba lô...!

- Hồi đó mình chơi nông nhiều thứ lắm.

Năm Hứa thăm câu trở về, xách một chùm cá, đuôi cá kéo lết trên mặt đất.

- Ăn to rồi!

Tôi vốn xấu chứng đói, nên thấy cá thì la lên:

- Tôi bắt hết cả chỗ đó nghe!

- Ba con lặn đồng chí ạ!

- Ba con chó ba chục con tôi cũng mua hết.

Đặng Vi Trùng không giành giựt:

- Để các chả hết đi. Tôi chỉ bắt số dọn sẵn thôi. Để tính việc đắp đầu gối cái đờ rồi tới nay ta “*nói tâm tình không giấu nhau*”¹ nghe nhà... rằng!

Tuy nói vậy, Đặng Vi Trùng chưa vội đi. Hắn kéo

¹ Một câu trong bài hát *Niềm Thương Mến* của Phan Văn và Xuân Vũ được giải nhất Giải thưởng Cửu Long 1950 ở Nam Bộ.

tôi ra xa, rỉ tai: “Xuống đó phải cẩn thận cho lắm nghe. Đùng có mà ăn no ngũ kỷ đó. Ông Sản chết rồi!”

Ông Sản nào? À tôi nhớ ra rồi. Đặng Quốc Sản, Trung đoàn trưởng trung đoàn Cửu Long hồi kháng chiến chống Pháp. Nghe đâu ông ta mới được Trung ương đưa về làm Tư lệnh khu 8 (Hồi chống Pháp Trần Văn Trà làm Tư lệnh). Về mống nào rụng mống nấy. Tôi thăm nghĩ. Nguyễn Văn Bảo, Chính ủy F330 về làm Chính ủy khu Sài Gòn Chợ Lớn vừa về tới nơi là bị biệt kích bắn chết. Nguyễn Hoài Pho, trước là Tỉnh đội phó tỉnh đội Cần Thơ (nơi tôi làm trưởng tiểu ban Văn Nghệ) về làm Tư lệnh khu 9 cũng chết. Trần Đình Xu tức Ba Đình về làm Tư lệnh khu Tam Giác Sắt cũng đã hi sinh. Bốn ông tư lệnh. Nghe mà rùng mình. Máy ông Tướng đi đâu tiền hô hậu ủng, giáp sắt bó người đấy. Còn bọn văn sĩ này có gì bảo vệ? Nghe Đặng Vi Trùng nói, tôi lặng thinh. Hắn còn dặn: “Bí mật”.

Kéo lết ba con chạch lấu về lều, tôi bảo Lê Xí:

- Dời vòng lại đây cho có bạn.

Thế là nổi lửa. Ba con cá, làm xong, khứa ra đòn cụng ba gà-men. Thiệt là hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhon.

Tư Mô làm bếp chính. Tôi và Lê Xí chỉ hụ họ. Tư Mô phân công:

- Le poète Xa-lò đi móc bồn chín. Còn pồ-ệt xăng-lò thì đi đồn mái dầm cắt lấy khúc non đem về tước vỏ, để cà-ri thay cho măng le, măng tre.

Xong nhiệm vụ hai đứa tôi leo lên vòng đu đưa

chờ thời. Bỗng tôi nghe tiếng thét ở mé sông. Tôi vừa ngồi bật dậy thì thấy một người ở dưới nước vọt lên, trần trụi, tay bụm..., tay bơi, mặt mày trắng nhách. Tu Mò hỏi:

- Cái gì vậy?

- Chắc có bo bo chạy ngoài sông. Lê Xí đáp.

Nhưng không phải. Anh ta chạy vụt qua vòng tụi tôi để về lều. Chập sau, mới biết là anh ta bị tai nạn cá nóc. Về đồng bằng có hai cái “nóc” đáng sợ nhất. Dưới nước: cá nóc. Trên trời: bù nóc.

Cá nóc là loại cá chỉ to bằng ngón chân cái, mình vàng, có đốm đen. Khi bị nắm đuôi lắc lắc thì nó phình ra như một chiếc bong bóng con. Mồm nó rất nhỏ nhưng răng rất sắc. Nó thường khoét đuôi mông người tắm trườn.

Bù nóc là loại trọc thẳng không rõ ký hiệu là gì nhưng mình nó tròn như con cá nóc nên dân đồng bằng gán cho nó cái tên là (trọc thẳng) bù nóc. Hễ đi đường trống mà gặp bù nóc là hết phương chạy. Nó bay sà trên đầu, đáp ngay trước mặt. Hễ chui xuống hầm thì nó rà ở miệng hầm. Tên Mỹ thò đầu ra kêu: “Vi Xi! Vi Xi!” Nếu không ra nó tung trái khò hoặc lựu đạn.

Anh chàng kia bị cá nóc khoét ngay cái bửu bối. Anh ta tự băng bó lấy và lên võng nằm. Thấy bạn “bị thương” mà không hỏi thăm thì cũng khó coi, nhưng hỏi thăm thì cũng hơi khó... mở miệng. Cho nên chúng tôi đành lấy mắt ngó và đoán mò với nhau thôi!

- Có lẽ không nặng lắm đâu!
- Nó “húc”nhằm cái “chốt” thì trở thành “cán bộ... xa lộ” luôn đó.
- Không có y tá y tướng gì ở đây hết ráo thì nặng hay nhẹ gì cũng không chữa được.
- Mẹ, cá gì mà cá ác vậy chứ. Nhè cái chỗ ăn thua của người ta mà tấn công!
- Không biết đó là dân Mùa Thu hay Mùa Đông?
- Coi bộ vó không đoán ra nổi là mùa gì. Nếu Mùa Thu thì đau khổ lắm.

Chiến tranh Việt Nam lần chống Mỹ này có lắm hài kịch. Chết và bị thương đủ cách ở Trường Sơn. Bây giờ về ven đồng bằng lại gặp cái tai nạn kỳ cục này. Không biết cá nóc ở sông Vàm Cỏ đã đánh giải phóng quân được mấy trận như vậy? Bắn tĩa kiểu này chẳng thua gì Nguyễn Văn Cội bắn tĩa Mỹ ở Củ Chi.

Tư Mô ngồi lặng thinh làm nhiệm vụ đầu bếp, bây giờ mới cất tiếng:

- Cái kiểu này thì ông ta trở thành người không có cổ?
- Bị chỗ đó thì sao lại không có cổ?
- L’homme xăng “cu”²

Ông “thương binh” nằm im cho tới lúc anh giao liên bắt ngờ xuất hiện. Không biết anh ta có được báo cáo cái tai nạn cá nóc vừa rồi hay không mà lại ghé ngay tăng của nạn nhân và nói oang oang:

- Tôi quên phổ biến cho các đồng chí một kinh nghiệm là nếu tắm dưới sông thì phải mặc quần đũng có chủ quan mà bị cướp mất cái cò súng. Vừa

rồi có một đồng chí mùa Thu bị nạn đó. May mà nó chỉ mere có một góc tư thôi.

Chúng tôi không nói gì. Anh “thương binh” cang nằm im thìn thít.

Trời chiều bớt nắng. Liền với bờ sông là một khu rừng chổi tràm xơ xác. Nếu khách chui vào đó thì chắc lòi lung bị trục thẳng xot dễ dàng. Bây giờ tôi mới thấy cái hay của Trường Sơn. Dù sao trên đầu mình cũng luôn luôn có một tấm giáp bằng lá che mắt kẻ địch. Đạn bắn thì thùng tuốt nhưng sự rậm rạp làm cho những kẻ sắp chết an tâm hơn là đứng giữa trời nhìn thấy kẻ địch lù lù đi tới giết mình mà không phương chạy thoát.

Anh giao liên cũng võ trang một loại súng như giao liên Trường Sơn: cạc-bin.

Anh ta nói như chơi:

- Nếu có động, các đồng chí rút vào rừng tràm đó.

Tư Mô hỏi:

- Nếu trục thẳng nhảy giò thì chạy đi đâu đồng chí?

Anh giao liên gạt ngang:

- Ở đây chỉ sợ bù nốc thôi. Còn nhảy giò thì chắc không xảy ra! Nó mới nhảy tuần rồi!

Tôi hỏi :

- Tại sao đồng chí lại chắc vậy? Nếu nó châu đòi thì sao?

- Vì nó nhảy xuống kỳ rồi, chẳng bắt được cái mẹ gì ngoài ba cái c. bản.

Tôi cười ngất:

- Tôi có thấy cái nào đâu!

- Nước ròng lòi mé bãi cơ. Cả một rừng c... lờm chòm như chông vậy. Hổ hổ. Cái tiếng tự nhiên làm tôi nhớ nạn nhân. Tôi ngoắc anh giao liên lại gần và rỉ tai. Anh ta kêu lên:

- Thế thì bỏ mạng rồi. Mất cái chìa vôi đó thì chết sướng hơn! Rồi anh ta đi lại vòng nạn nhân lắc lắc - Có sao không đồng chí?

Tôi làm bộ không chú ý nhưng tai thì lắng nghe xem sự thế ra sao.

- Chíp! Sao không cẩn thận gì hết trời vậy cha?

- Tôi đâu có ngờ!

- Tôi không thể nhắc mỗi người được. Phải tự bảo vệ lấy chó. Mà có ngay *chỗ nghỉ* không?

Anh chàng không đáp. Hồi lâu mới hỏi:

- Trạm có y tá không đồng chí?

- Tất cả khách đều phải tự túc mọi cái. Chúng tôi không có bất cứ thứ gì ngoài sự dắt đường cho các đồng chí.

Anh giao liên trở lại lều tôi:

- Đồng chí có thuốc đỏ không?

- Thuốc đỏ là thuốc gì? - Bị hỏi bất ngờ tôi đâm ra ngớ ngẩn.

Từ Mô bảo:

- Mọc-cuya thì tôi có đây, nhưng nó chỉ sát trùng thôi ăn thua gì!

- Thì đồ vậy thôi, chó có cái thuốc gì là thuốc trị cá nóc cần đâu!

Từ Mô lấy chai thuốc đỏ thấm miếng bông gòn đưa cho anh giao liên và nói nhỏ với tôi:

- Thằng này chắc tên là Lắm hoặc là Liền.
- Sao anh biết? Nó đâu có tự giới thiệu với mình.
- Trạm trước có thằng “Tôn” thì trạm này gặp
thằng “Liền” hoặc thằng “Lắm” là đúng công thức
với vụ cá nóc đớp cái “chông ba lá” của ông khách
kia rồi chứ gì!

Tôi cười và nói nhỏ:

- Báo hại, nếu anh bạn mình đang móc vớ vô thì
không biết tính sao!

Tối hôm đó Đặng Vi Trùng đến mắc võng nằm
gần tôi. Vi Trùng hỏi ngay:

- Quyển sách thế nào?

Tôi ậm ờ:

- Mình đi nên giao lại cho nhà xuất bản Quân Đội.
- Lâu thế mà chưa in à?
- Chưa!

(Đó là truyện dài *Những tiếng nổ ngầm* của tôi viết
mất hai năm, xong hồi 1960 đưa cho nhà xuất bản
Quân Đội. Rằng hay thì thật là hay, nhưng nó lại bị
ở trên chề là lộ bí mật quân sự nên ngâm dấm luôn.
Nhân vật chính là Đặng Vi Trùng. Câu chuyện một
toán công binh do Đặng Vi Trùng chỉ huy phá sập
cầu Bến Lức năm 1952 bằng mìn.)

Tôi đánh trống lảng:

- Kỳ này cậu về làm một cú Bến Lức nữa hả?
- Trước thì dễ hơn. Bây giờ thì vô phương. Bộ Tư
Lệnh Khu định làm một cú để ăn mừng gì đó nhưng
tớ không mò lại gần được chiếc cầu.

Tôi nói:

- Hồi đó cậu đội lục bình thả rề theo nước rồi đáp vô chân cầu đặt mìn coi bộ dễ mà.

- Ba tháng trời mới làm được. Bây giờ khó lắm. Nghe nói nó đốt đèn điện tử và thả cá leo cá lung gi quanh chân cầu, khó bề đội lục bình như hồi trước lắm.

Tôi cười:

- Cậu sợ cá leo mà có sợ cá nóc không?

- Cá nóc là cá gì?

Tôi trở anh bạn đằng kia và kể vắn tắt câu chuyện.

Đặng Vi Trùng cười hắc hắc vang trong đêm tối.

- Cá nóc cũng nguy hiểm nhưng không đáng ngại bằng bù nóc. Cá nóc chỉ gặm một tí thôi nhưng bù nóc thì nó thỉnh nguyên con!

Chuyện cũ nhắc lại thì như chuyện mới. Nhất là chuyện được nhắc lại trên cái nền cũ là Vàm Cỏ Đông. Cầu Bến Lức. Quả thật con đường này là con đường tâm tư dằn vặt. Tôi từng say mê cái anh công binh Đặng Vi Trùng với chiến công oanh liệt này. Một đội công binh Nam Bộ vô cùng anh dũng đã nghĩ ra cách đột nhập vào chân cầu và đánh sập cầu làm cả đến bên Tây phải chú ý và gọi là một cuộc tấn công xuất quỷ nhập thần.

Cầu Bến Lức thuộc tỉnh Tân An nối liền Sài Gòn với các tỉnh Tiền Giang và Hậu Giang. Do đó nó trở thành cây cầu chiến lược gần như cây cầu Long Biên Hà Nội.

Đặng Vi Trùng là đội trưởng. Các đội viên gồm có: Niệm và Tân. Niệm là người Nam, Tân là người

Bắc. Hai người này phụ trách đánh chân cầu phía Bắc tức là phía Sài Gòn.

Họ đã mò mẫm nghiên cứu và chế tạo mìn, tự kết cấu dây điện, cả kế hoạch kéo dài ba tháng. Họ được địa phương giúp sức. Xã đội trưởng là một nông dân người to lớn, bị Tây bắt một lần và trốn thoát. Tây lùng mãi nhưng không kết quả. Tây gọi Monsieur Le Gros (cái anh to lớn) do đó có tên là xã đội “Gô”.

Hàng đêm họ lên ngọn sông đội lục bình trên đầu và thả trôi theo dòng nước để thử đột nhập vào chân cầu. Nhưng quanh chân cầu, ngay trên mặt nước có một sàn gỗ để lính đứng gác. Cứ mười lăm phút chúng lại rọi đèn quanh chân cầu và khắp mặt sông đồng thời ở hai đầu cầu đèn pha quét ánh sáng đi xa hơn. Để có giẻ lục bình nào trôi gần chân cầu là chúng xả tiểu liên bắn nát.

Thế mà họ vẫn đánh sập được một chân, hỏng mất nhịp giữa. Xe cộ ngưng chạy mấy ngày liền chờ cầu nổi bắc xong mới lưu thông.

Tôi tưởng khi ra Bắc thì đội công binh này phải được tuyên dương như một tập thể anh hùng. Nhưng không, chẳng ai được gì cả. Trung thì được huy chương chiến công hạng ba. Nhận nhưng không đeo. Niệm đi nông trường cuốc gốc lim, còn Tân thì về xã cày ruộng hợp tác ở Thái Bình. Tôi đi tìm gặp lại họ để hỏi tài liệu viết lên một chiến công to lớn của Nam Bộ đồng thời cũng để nhắc cấp trên một việc không nên quên. Nhưng ở trên cho là lộ bí mật quân sự! (Lộ bí mật quân sự nhưng phải thưởng kẻ có công chứ!)

Bây giờ gặp lại Trung, sách chưa in, tôi hơi xấu hổ, nên không dám nói thật. Nhà văn gì viết sách không được xuất bản (bất kể lý do gì) nên tôi đánh trống lảng:

- Ông đi được Tháp Mười về, thấy tình hình như thế nào?

- Tình hình gì?

- Dịch ta. Tình hình dân vận, đại khái như thế.

- Tôi ở đây luôn chớ về đâu nữa. Đây thuộc đất của tôi. Đây là ven Tháp Mười rồi, tức là I Hai.

- Sao bây giờ gọi là I?

- Tôi cũng không biết. Thấy ở trên bảo thể thì hay thế. Lê Quốc Sản làm Tư lệnh. Mang hia leo lên bàn thờ một cách bất ngờ!

- Trận nào?

- Không trận nào cả. Bị ruồng chết.

- Chạy không thoát à?

- Bây giờ không phải như thời chống Pháp đâu. Hồi đó nghe Tây vô Tháp Mười, mình còn nấu trà uống đúng ba bình rồi đi bắt gà làm thịt, nhậu xong xuống xuống đi, vừa chống xuống vừa ca vọng cổ. Bây giờ không được! Nghe nó tới là nó đã tới lù lù trước mặt kia rồi. Chạy thì ăn đại liên từ trực thăng, không chạy thì bị bù nốc xốt. Bù nốc là thứ ngạt nghèo nhất ông bạn nhà văn ơi. Nó bay như bông vụ quay, chớp mắt nó tới rồi. Nó dạn hít như gà vậy. Với tay đụng mà! K54 bắn cũng rớt.

- Sao không lia?

- Úy trời! Nó mà rớt một cái là tụi kia bu đen như

chuồn chuồn, mình không chạy thoát đâu. Rồi bom tới, cà nông thụt, rồi đổ dù, thằng nào dại lắm mới dám bắn trực thăng.

- Ông bị lần nào chưa?

- Bị rồi.

- Sao vậy?

- Thì cũng mấy cha mùa Thu nhà mình mới về chưa biết qui luật, thấy con bù nốc chúc đầu xuống ngoáy ngoáy cái đuôi như con mèo hụi chuột thì tưởng dễ ăn, vác AK ra làm một loạt lập công chào mừng quê hương anh dũng cái chơi. Chiếc trực thăng bị thương nhưng bọn nó trả hỏa gấp một ngàn lần.

Thằng phi công nhảy xuống đất nhưng mình đâu có ló đầu ra khỏi miệng hầm mà bắt. Rồi trực thăng tới thông thang dây, nó leo lên. Kỳ đó ở trên cảnh cáo đơn vị bắn ẩu và cấm tuyệt không được bắn trực thăng ngoại trừ lâm trận.

Trung tiếp:

- Tôi có thể nói hồi kháng chiến chống Pháp lực lượng mình có một, lực lượng địch đến mười. Bây giờ lực lượng mình vẫn một, lực lượng Sài Gòn đến một trăm.

- Nó kéo trên dù vậy cha nội?

- Để vài hôm ông bạn bước xuống tới Long An Mỹ Tho rồi thấy.

- Còn Bến Tre nhà tôi thì sao?

- Cũng cỡ Mỹ Tho vậy.

- Ở ngoài Bắc mình nghe trận Ấp Bắc oai hùng lắm mà!

Trung lặng im. Trời đen như mực. Đèn trực thăng chớp thay sao, bay qua lượn lại ở những vùng xa. Tôi không biết hướng nào là hướng nào nên hỏi:

- Ấp Bắc ở chỗ trực thăng bay đó phải không?

- Xa nữa cơ. Ở đây không đoán được đâu. Chíp! Hồi kháng chiến ở Tháp Mười tụi này bị một trận tổng ruồng kinh hồn. Cơ quan Bộ Tư lệnh đông sạch. Thiệt hại tám mươi phần trăm. Nhưng so với bây giờ, trận đó chỉ là trò chơi trẻ con. Ông xuống dưới đó thế nào cũng đi ngang qua Ấp Bắc. Rồi sẽ thấy. Không có một cái cây một mô đất nào không bị thương, lỗ bom không đếm hết nổi. Bom *địa* nay nông dân đã làm ao thả chà nuôi cá rô phi rồi, gọi là rô phi Ấp Bắc.

- Bom *địa* là bom gì?

- Là bom tấn đẩy, mỗi quả nổ phá một lỗ to bằng một miệng *địa* nên mấy bác nông dân mình gọi là “bom *địa*”. Pháp ăn thua mẹ gì. Tôi không muốn làm ông bi quan đâu để ông đến thực địa rồi thấy.

- Nhà quân sự nói thì chắc như bấp rồi! Còn trận Ấp Bắc?

- Đó là trận thử sức giữa ta và địch.

- Kết quả thế nào?

- Nó gây hết dăm ba ngoe còn mình rụng cả ngoe lẫn càng. Đừng có nói ra ngoài. Bí mật đấy. Đó là tiểu đoàn chủ lực mới thành lập. Sau trận đó còn non đại đội.

- Trời đất!

- Bây giờ đồng bào vùng Ấp Bắc bỏ đi sạch rồi. Ông đi qua đó sẽ thấy nhà không vườn trống.

- Tại sao?

- Ngày nào nó cũng dội bom. Trục thẳng đi qua bắn, đi lại bắn. Xe tăng ngoài lộ cái bắn vô. Phi thuyền ở Đồng Tháp bắn ra. Pháo Đồng Tâm nện bồi. Minh thắng thì cũng có thể gọi là thắng, nhưng thắng rồi không còn gì. Ban chỉ huy tiểu đoàn hi sinh hết. Chiến sĩ của mình mới nhập ngũ nhưng rất gan dạ, bắn tới viên đạn cuối cùng chứ không chạy nhưng về đến căn cứ thì trốn hết. Có phái đoàn Bộ Tổng Tư lệnh vô tận nơi nghiên cứu. Đồng chí trưởng phái đoàn thay mặt Bộ Tổng Tư lệnh khen ngợi chiến sĩ tiểu đoàn và đặt tên cho tiểu đoàn là đơn vị gương mẫu và được mang tên là “Tiểu đoàn Ấp Bắc” để đánh dấu chiến công này.

Tôi nghe mà lạnh xương sống nhưng cố gượng:

- Chắc tiểu đoàn này cũng cỡ với 307 hồi trước.

- Làm gì có! Nói cho oai vậy thôi, chứ đây chỉ là những anh du kích đôn lên, chưa quen trận lớn nên sau trận tránh những anh còn lại mất tinh thần. Họ không ngờ tụi Sài Gòn lại đánh ác vậy. Nó thả quân tiếp vận bằng trục thẳng và tung hàng mấy chục xe lội nước lặn mà. Nhiều chú du kích đông luôn không trở lại xã nhà nữa. Tiểu đoàn Ấp Bắc làm sao so được với 307 hồi trước!

- Bây giờ cha nghĩ sao?

- Nghĩ sao cái gì?..

- Đánh chừng nào mới thắng?

- Chừng nào chừng, mình cũng phải đánh chó làm sao mà nói trước được.

- Tôi thấy ngoài Trung ương “Khoi” lắm cha nội à! Nguyên một cái đường Trường Sơn thấy cũng đã bê bối lắm rồi. Ông biết đó.

Trung hỏi tôi:

- Ông Mật chết cách nào?

- Bom trộm! - Tôi kể lại vụ gặp cái giò heo treo lủng lẳng trên cành cây, cái ví có hình và đoàn cán bộ Nam Cờ bị bắt xuống Bác Kế đã bắt tuân thượng lệnh đi thẳng vô Ông Cự cho Trung nghe. Trung kêu trời inh ỏi rồi nói:

- Ở ngoài đó mình bị lép quá cỡ! Chậc! Bây giờ còn làm sao được. Phải chi ông ấy về tới trong này thì tụi tôi bảnh biết mấy. Hai ông là thứ rái lội nước ở vùng Gò Dầu Thượng, Gò Dầu Hạ, Bến Cát...

- Chết lằng nhách!

- Biết bao cái chết lằng nhách. Ông Tư lệnh I Hai nhà mình cũng chết lằng nhách chứ có đáng gì cho cam. Chết như Đỗ Huy Rùa, Trung đoàn phó chỉ huy trưởng Tiểu đoàn 307 hồi trước kia mới hiền hách, còn ông Sản chạy bị trực thăng bắn chết ở Gò Đồi.

- Chậc! Không biết bà Minh hay chưa?

- Bà Minh nào?

- Vợ ông ở Hà Nội.

- Chưa đâu. Ở đây còn không mấy ai biết nữa là ở Hà Nội.

Chiều hôm sau giao liên tới đả thông một cách hùng hồn: “Đây là chặng đường sanh tử, dài dằng dặc tuy không nguy hiểm bằng vượt lộ Đông Dương và băng sông Cửu Long, nhưng phải đi một mạch từ

sáu giờ tối đến sáu giờ sáng, nghỉ thì chỉ đứng dưới nước mà lấy lại sức chứ không có bờ. Ai lạc thì ráng chịu chờ giao liên không có trở lại rước. Các đồng chí nên cố gắng đi theo đùng để đứt đuôi.

Nghe qua lời đã thông của ông trời con mà khách ớn cả xương sống. Tôi nhìn Tư Mô, Tư Mô nhìn tôi. Hai đứa không biết nói gì. Cái nguy hiểm là đi đêm. Mà lại không có đường. Toàn là đồng nước. Tôi đoán đây là Đồng Tháp Mười. Sự thực thì tôi mù tịt, giao liên dắt đi thì đi, bảo chạy thì chạy, bảo bò thì bò, không được hỏi đây là đâu và chừng nào tới.

Tắm rửa được mấy ngày với bọn bành cá chạch lấu, cũng khá hơn ở Trường Sơn, còn đòi voi đòi tiên gì nữa.

Hơn thế, ở đây thấy bắt đầu lộ dạng quê nhà, phần khởi vô cùng. Dù chết cũng ráng lết. Có một câu chuyện thần thoại hồi ở ngoài Hà Nội tôi được nghe, kể cũng hay hay. Chuyện rằng có một cán bộ có tuổi khi về gần đến Bà Rịa thì kiệt sức không ráng nổi nữa. Anh em trong đoàn bèn thay phiên nhau khiêng ông về đến ranh tỉnh Bà Rịa là ranh Nam Bộ và cho hay đã về đến quê nhà. Nghe thế, ông ta mỉm cười và tắt thở.

Tôi đến chia tay Đặng Vi Trùng. Hấn dặn tôi theo kiểu ông Hai Tân:

- Đi cho cẩn thận nghe “nhà răng”.

Tôi cười:

- Đi thì đi chứ biết cẩn thận là sao?

- Về tới Bến Tre, hú cho mình một tiếng.

- Còn ông, nếu đánh được cầu Bến Lức cũng hú cho mình một tiếng.

Rồi đi. Trời bắt đầu nhọ mặt thì đoàn khách - độ chừng hai mươi người - bắt đầu cuộc vận lý trường “sinh”. Tôi và Tư Mô muốn chắc ăn nên đi ở khúc giữa. Vị trí này thì có vẻ an toàn, nhưng khổ cái là không được “đuýt đuôi”, nghĩa là phải bám sát khúc trước. Ở Trường Sơn tôi đã làm đuýt đuôi một lần. Đám khách sau tôi không biết đường đi tới, họ sần si đòi đánh tôi. Đánh thì tôi chịu chứ không đi nổi mới đuýt đuôi chó ai muốn chi vậy. Tôi cố gắng lội dính theo đoàn. Từ chiều đến khuya, tôi vẫn giữ được cự ly tốt. Nhưng về khuya thì đuối sức. Cứ phải nghe tiếng lội bì bõm mà định hướng đi. Càng ngày cái khoảng cách giữa tôi và người đi trước càng rộng ra. Giao liên làm đúng lời tuyên bố của anh ta trước khi xuất phát nghĩa là đuýt đuôi ráng chịu, anh ta không trở lại rước. Sợ sẽ xảy ra một vụ suýt bị đánh như ở Trường Sơn, tôi bảo Tư Mô:

- Mình nên đi chót anh Tư ạ!

- Đi chót họ bỏ mình làm sao? Chú không nhớ giao liên bảo là nó không trở lại rước à?

- Thì đành vậy! Chú đi ở giữa mà đuýt đuôi thì những người đi phía sau mình cự chết!

Tuy không đồng tụt lại chót nhưng dần dần hai đứa cũng cầm đèn đỏ. Ở phía sau khách thấy chúng tôi đi chậm họ cần bừa lên trước. Bây giờ chúng tôi đâm ra lo. Nếu lạc đường thì biết hướng nào mà đi? Không khéo lại đâm đầu vô bót. Người ta không

còn nhớ đồng chí đồng chơi gì nữa. Cứ dầm bừa lên nhau. Cứ nghe tiếng bì bõm càng xa ra là tôi giục Tư Mô hoặc Tư Mô giục tôi lội mau lên. Lội Đồng Chó Ngáp này có mấy cái bất lợi. Một là nước sâu ngang bụng, ít khi ngang đầu gối. Hai là năn và cỏ dày quẩn chân. Ba là gốc trầm lục nằm dưới bùn. Đạp có cái đau té sùm, nhưng phải bò dậy buơn theo.

Rồi lại mưa. Mưa giữa đồng hoang, gió rít nghe vô cùng man rợ, trời chớp nhè nhằng như có hàng nghìn con quái vật lỏng lộn trên nền trời. Thân phận con người trở thành nhỏ bé, vô nghĩa. (Bây giờ ngồi viết những dòng này, nhìn lại cái đoạn đường Chó Ngáp, tôi chợt nghĩ: Đảng Việt Cộng đã dắt nhân dân ta đi qua quá nhiều đồng chó ngáp mà rồi không đến đâu cả.)

Lúc ở trên tiểu ban, Tư Mô có bảo tôi nên võ trang bộ giò bằng đôi giày bắt heo để chống gốc trầm lục ở chặng đường này. Tôi cũng chọn lựa và quảy theo một đôi, nhưng vẫn không bỏ đôi dép Trường Sơn thân mến. Đem tới đây, tôi thử xỏ vô và lợi thử thì thấy không thể đi được. Nước mức vô đầy nhóc, bùn bám bốn bên, nặng như hia sắt, rút lên được thì vương cỏ năn, nên cuối cùng tôi vút bỏ để lợi chân không. Tôi hỏi Tư Mô:

- Anh có đau chân không?
- Thùng ít ra vài ba vết.
- Giày anh đâu?
- Mắc kẹt dưới bùn, tôi bỏ luôn rồi.
- Sao vậy?

- Ngồi đó mà moi họ đi mất.
- Thành ra anh đi chân không à?
- Chớ sao nữa. Còn chú?

Trời bắt đầu mưa to. Mưa như trời sắp sập xuống đầu, vượt nước không kịp. Nhìn bốn phía, phía nào cũng tối đen, không có một ánh đèn biểu hiện sự sống. Không ai nói chuyện. Chỉ thỉnh thoảng vang lên tiếng kêu hú của giao liên gọi khách, hoặc khách lạc kêu giao liên. Tư Mô coi vậy mà khá hơn tôi. Anh kéo ngọn còn tôi là kẻ cầm đèn đỏ sau cùng. Sức lực đã rơi rớt từ Trường Sơn vô tới R, còn đâu! Chiếc ba lô thấm nước nặng như dòn ba tảng đá xanh. Lạy Chúa, xin cho con gục rồi chết ở đây luôn, chỉ mong Chúa nâng hồn con về quê nhà.

Tôi nghe rã rời đến mức đã phải tựa nhủ như vậy. Anh giao liên nhân đạo dừng lại trên một gân bờ lầy lội để chờ những người sau tới. Được đứng trong bùn ngập nửa ống quyển và không phải lội đi đâu là một hạnh phúc quá lớn đối với tôi. Mưa vẫn rơi như roi quất vào mặt. Ni-lông che trùm nhưng không ăn thua. Cả người lẫn ba lô không thứ gì còn khô. Có lúc lội qua đìa bào nước lên tới mũi, phải lột ba lô ra làm bè như búp lá. Mỗi lần qua đìa đầm như vậy thì giao liên cho dừng lại để chấn chỉnh đội ngũ.

Đứng trên bờ nghỉ chân, Tư Mô móc thuốc ra hút cho ấm. Cả một vấn đề. Anh nhờ hai ba người đứng áng gió mới bật được hộp quẹt Zippo ra lửa mà đốt. Loại hộp quẹt này có cái chắn gió. Nếu là hộp quẹt thường thì bật không ra lửa. Nhưng anh chưa đốt xong điếu thuốc giao liên đã quất:

- Ai vô kỷ luật thế hả? Trục thẳng nó thấy nó tới là chết cả đám.

Tư Mô đành rút điều thuốc mà không dám ho he gì. Nghỉ một chốc, anh ta quát thình không:

- Tiếp tục đi!

- Còn bao xa nữa đồng chí? - Tiếng the the của một người đàn bà xuyên qua mưa.

- Không xa mà cũng không gần. Kỳ này phải giữ cự ly cho chắc.

Tiếng một người đàn ông:

- Báo cáo đồng chí giao liên có một nữ đồng chí yếu quá, không đi nổi.

- Yếu sao không ở lại? - Anh giao liên quát ngay.

- Dạ, công tác khẩn cấp mà đồng chí!

- Khẩn gì mà khẩn dữ vậy? Rồi bây giờ đồng chí ấy ra sao?

- Dạ bò hết nổi rồi. Nằm đằng kia.

Ông cán bộ nào đó nói năng hết sức lễ phép. Tôi biết là ông ta nén giận để được sự giúp đỡ, nếu bình thường chắc anh giao liên ăn bóp tai.

Anh giao liên hùng dũng đi về phía ông cán bộ chỉ. Một ánh đèn pin nhoáng lên. Chỗ đó cách tôi không xa, nên mặc dù qua màn mưa, tôi vẫn nhìn thấy một người nằm, tóc xõa ra trên tấm ni lông xanh. Cổ nhiên là tấm ni lông trải trên bùn. Ánh đèn pin tắt.

- Tôi không có trách nhiệm gì hết! Anh giao liên tuyên bố.

Ông cán bộ vẫn lễ phép nằn nì:

- Xin đồng chí giúp đỡ chị ấy.
- Giúp đỡ bằng cách nào bây giờ?
- Chỉ đồng chí là có thể giúp thôi, chúng tôi là khách, biết gì mà giúp.
- Bây giờ nằm ở đây, chốc nữa giao khách xong, tôi trở lại, nếu chị ấy khỏe thì theo tôi trở về trạm.
- Nằm ở giữa đồng mưa gió thế này thì làm sao đồng chí?
- Làm sao thì làm. Nhiệm vụ của tôi là dắt khách không phải cõng khách.

Cuối cùng đoàn khách vẫn đi. Chị cán bộ nằm lại. Ai cũng đau lòng nhưng không ai ở lại được. Vì ai cũng phải đi. Đó là nguyên tắc của đường dây từ Hà Nội vào đây, chứ không phải riêng ở đây. Ai đau cú tha hồ nằm lại và tự do chết. Tôi đã từng nằm lại vài ba lần như thế này ở Trường Sơn.

Giao liên nói là trời nói. Đâu phải đùa. Tôi không hiểu rồi chị cán bộ kia nằm lại cách nào trên đầu là mưa tuôn, dưới lưng là bùn sinh và đĩa vắt, nhưng tôi không lo âu nhiều lắm vì đã có bác Hồ ở ngoài kia lo rồi. Đêm nay bác lại không ngủ cho mà coi.

Cuộc vận lý trường... sinh đạt mục đích cuối cùng. Đoàn khách đến một cái nền chòi khá rộng, có thể dùng làm chỗ nghỉ chân cho trăm người, đất cứng chó không đến nổi sinh lấy như nơi chị cán bộ nằm nghỉ. Ở đây khách được ngồi bóp, bằng bó chân hoặc trải ni-lông ra đất mà nằm. Trời đã tạnh mưa nhưng còn gấm. Bạn phải vượt qua sáu, bảy tiếng đồng hồ lội buơn liên tục dưới sinh lầy thì bạn mới có thể hiểu hết cái hạnh phúc đứng trên một gò đất cao và nghỉ ngơi nó to lớn vĩ đại như thế nào. Anh giao liên không nói gì cả. Cũng không ai hỏi gì. Sợ anh ta phát cáu.

Tư Mô làm quen với hai ba ông bạn và cho họ thuốc hút. Cái ống quẹt Zippo tỏ ra có hiệu lực vô cùng. Một ngọn lửa bật lên giữa đêm đen có tác dụng như một lò sưởi. Một làn thuốc lá thoảng qua trong màn sương lạnh làm ta tưởng đến mùi trầm hương của Tiên Phật.

Anh giao liên đến xin thuốc Tư Mô. Tư Mô rất hân hạnh tặng cho anh ta. Vừa bập bập điều thuốc, anh ta nói:

- Bữa nay dám ở dưới đó không lên lắm đa!

- Ở dưới nào, đồng chí!

- Ở trạm dưới. - Anh ta cắt nghĩa tiếp - Cái gò này là nửa đường đi. Tôi ở trên đưa khách xuống, tụi nó ở dưới dắt khách lên đây. Hai bên giao khách cho nhau rồi mạnh ai quay về trạm nấy.

- À ra thế!

- Chớ chú nghĩ coi, giò cẳng nào mà lội cho nổi cánh đồng này. Cứ vài ngày lội một chuyến. Quần áo rã hết. Móng chân tua ra. Ở trên đâu có bồi dưỡng cái gì ngoài ba cây súng.

Tôi bắt đầu lo lắng, nên hỏi phăng:

- Nếu ở dưới không lên rồi làm sao đồng chí?

- Thì tôi dắt khách trở về để vài hôm lại dắt đi.

- Trời đất! - Tôi kêu lên.

Anh giao liên hơi cáu:

- Các chú đi có một lần, qua rồi thôi, còn tôi ở đây đi hoài mà!

- Đã có xảy ra lần nào chưa?

- Có chớ sao không? Hễ ở dưới bị chụp thì ghèn đường đâu có dẫn khách lên được. Coi đường dễ đi vậy chớ không dễ đâu. Ban đêm mù mờ là dắt khách vô tuốt trong bóng tối.

- Bộ có xảy ra rồi à?

- Có chớ!

- Rồi làm sao?

- Thì nạp thịt cho chần chó làm sao?

(Hồi chín năm cũng có một vụ long trời lở đất như thế ở Sài Gòn. Đầu khoảng 48-49 gì đó ban Công Tác Thành Sài Gòn Chợ Lớn của Việt Minh hoạt động rất mạnh. Ban này chuyên môn ám sát và bắt cóc. Tên đầu sỏ của nó là Trung đoàn trưởng Nguyễn Văn Thi. Một hôm Thi ngồi xe Jeep cho tài xế lái đi công tác trong nội thành Sài Gòn. Thịnh linh tên lái xe chạy thẳng vào bốt Ca-ti-na nộp cho mật thám Pháp. Thi bị tù Côn Đảo tới 1954 mới được thả ra miền Bắc. Xin đọc hồi ký Củ Chi).

Nhưng đó là một sự cố ý. Không biết ở đây giao liên có thực sự lạc đường không? Tôi cách hỏi, thì anh ta bảo:

- Ai mà biết được. Nhưng chuyến đó ba chục khách bị bắt, một số chạy bị bắn chết.

- Rồi thẳng dắt đường đi đâu?

- Đi đâu ai biết đi đâu! - Anh giao liên đáp cộc lốc nên tôi không dám hỏi phăng tới nữa.

Chờ mãi không thấy bóng dáng trạm dưới đưa khách lên, anh ta càu nhàu:

- Kiểu này thì bỏ mạng rồi!

- Ở dưới bị chụp hả đồng chí?

- Chắc là vậy rồi!

- Mỗi khi gặp sự bất thường ở dưới không cho trên này ám hiệu gì hết sao đồng chí?

- Ám gì được mà ám. Phải như ở bờ sông bên này với bờ sông bên kia thì còn quơ khăn được còn đây cách nhau cả “triệu” cây số mà làm sao quơ?

Vài loạt cà nông nổ xa xa, làm mọi người giật mình. Anh giao liên bảo:

- Đó là cà-nông Đồng Tâm. Mỹ Tho ở hướng đó đó.

Nghe hai tiếng Mỹ Tho tôi thấy mình gần lại quê nhà vô cùng. Hồi còn đi học hể về tới Mỹ Tho qua Bắc Rạch Miễu là tới đất Bến Tre rồi. Bây giờ nghe nói đó mà không biết chừng nào mới lết tới. Chờ thêm một tiếng đồng hồ nữa vẫn không thấy tăm hơi của trạm dưới, anh giao liên bảo:

- Bà con mình chuẩn bị đi trở về.

- Đi trở về hả đồng chí?

- Chắc là nó không lên được rồi.

- Chờ chút nữa xem sao đồng chí.

- Chờ thì được, nhưng sợ sáng mình bị lòi lung trực thăng nó xốt, thủy phi thuyền nó gấp như cò gấp cá cạn.

- Rồi mai phải trở lại à, đồng chí!

- Chớ còn cách nào nữa! Ai muốn đi về thì về. Ai muốn ở thì cứ ở! - Anh ta nói xằng giọng rồi lội đi.

Khách lao nhao một lúc rồi cũng lội theo. Ai mà dám ở lại thì gan cùng bù nốc và phi thuyền. Đi ngang chỗ gân bò lúc này thì thấy chị cán bộ còn ở đấy. Chị đã ngồi dậy. Anh giao liên ra lệnh:

- Đồng chí nào khỏe thì kè chị ấy. Còn một đồng chí vác ba lô giữm.

Nói vậy thôi, anh ta không cần biết có ai thi hành lệnh hay không. Thi hành hay không cũng đều không phải trách nhiệm của anh ta. Tôi cũng không quan tâm đến việc đó nữa. Vì tôi cũng là kẻ không có

trách nhiệm trong việc chị đi, chị nằm hay chị chết ở đó. Cũng như Nguyệt vậy. Nàng bị cây ngã đè, nhưng các ông Bộ Chỉ Huy ở ngay cạnh đó có trách nhiệm gì đâu. Ngay cả một lời chia buồn cũng không mà!

Tôi và Tư Mô lại nằm ăn hút bên bờ sông Vàm Cỏ được vài ngày thì có lệnh đi. Lần này thì mọi việc suôn sẻ nghĩa là hai trạm trên dưới gặp nhau tại cái nền nhà hoang giữa đồng. Chúng tôi đi theo anh giao liên để về Mỹ Tho. Thay vì lợi một lần Đồng Chó Ngáp thì chúng tôi lợi hai lần. Tinh thần cách mạng càng cao, chó sao!

Quê hương gần hơn trên đường đất. Tôi bắt đầu thấy xóm dừa và ruộng lúa. Nhưng sức đã kiệt. Lợi suốt một đêm dầm mình dưới nước phèn và nước mưa. Da móp như vỏ sò, chân bước lên ngọn nân nhọn không còn biết đau. Ở Trường Sơn có một chặng lấy đường thủy làm đường bộ suốt một ngày. Con đường đó so với cái Đồng Chó Ngáp này, không biết cái nào ác hơn. Tư Mô còn dẹo giò cú khuyến khích tôi: “Ráng lên chú. Chút nữa mình nghỉ!” Mất tôi đã thấy lá dừa xanh ngấn ngắt kia rồi. - Ráng lên chú. Ở ngoài đồng lòi lung trực thẳng đến nguy lắm.

Tôi vẫn biết vậy, nhưng cặp giò đâu còn nghe theo ý chí của mình. Còn chừng vài bước nữa thì tới mé vườn, nhưng tôi không tài nào lết được. Tư Mô coi lơ mơ vậy mà khỏe hơn tôi. Anh bảo:

- Chú cứ đi tà tà, để tôi vô trước lo com nước.

Tôi ngã khuỵu xuống ngọn nân không cần biết gì nữa. Bình nước đã cạn, sức cũng kiệt theo. Những

người giỏi giò đã vô tới chân vườn từ lâu. Có lẽ họ đã cơm nước xong treo võng nghỉ ngơi. Mặc kệ họ, tôi không cần. Nhưng ngọn nần đã mẹp xuống, lưng tôi chạm nước, thú nước phèn bị nắng nung sắc lại chạm vào da rát như muối. Có một kinh nghiệm tôi được Đăng Vi Trùng phổ biến là khi cần nghỉ ở giữa đồng thì lấy ní-lông trải ra rồi nằm trên đó. Người mình sẽ lún xuống như nằm trong cái chảo, không bị ướt. Nhưng tôi không còn nhớ cái kinh nghiệm đó nữa. Đã ngâm nước suốt đêm rồi, bây giờ thêm chút nữa cũng chẳng sao. Nhưng ngọn nần yếu không đủ sức giữ tôi, cả người tôi bị ngập dần trong nước. Bạn có từng thấy ai ngủ dưới nước chưa? Nếu có thì đó là nhà văn hồi kết Xuân Vũ.

Tôi giật mình thức dậy thì thấy nước đã ngập tới cổ. Tôi đã ngủ một giấc thần kỳ. Trời nắng chang chang. Mặt trời lên cao mú. Da thịt xốn xang lạ lùng. Tôi cố nắm gốc nần ngồi bật dậy. Tôi sức nhớ cái kinh nghiệm và rút tấm ni lông trải trên đầu ngọn nần rồi gieo mình lên đó. Như vậy, cú yên chí lớn nằm phềnh ra ở giữa đồng, lòi lưng nguy hiểm vô cùng. Chắc không ai có gan nằm như tôi vậy. Trục thẳng qua lại, nếu trông thấy thì sà xuống xốt như điều xốt gà. Tôi lấy tay lôi quặc những mớ nần nguy trang lấy lệ. Mặc kệ, nằm ăn nằm thua.

Vừa nằm tịnh dưỡng bắp thịt được một chút thì lại nghe nước ngập lưng. Tôi ngồi quàng dậy. Một trũng nước đục và tanh rình. Tôi quyết định một cách anh dũng không thêm nghỉ nữa, cuộn ni-lông và nhắm chân vườn trực chỉ.

Đúng là cái Đồng Chó Ngáp. Chó ngáp mà cả người cũng hả họng. Tôi cố gắng tối đa. Tôi dùng tay nhỏ chân lên và nhấc tới từng bước. Nghĩa là nếu không có tay, chân lún sinh không rút lên nổi. Và cứ thế mà trở thành Đường Thế Dân sa lầy. Bằng cách đó, tôi lết tới chân vườn thì thấy Tư Mô ngồi trên võng. Anh lột ba lô tôi xuống lấy võng mắc ngay cho tôi ngã lưng. Trà đã châm sẵn trong bi đông. Anh bao giờ cũng thủ một chút phòng thân chó không như tôi khát là nốc hết. Anh nhường võng, rót nước cho tôi. Tôi nốc một hơi rồi bật ra võng mặc kệ tất cả, kể cả chụp dũ. Nhưng Tư Mô bảo:

- Nghỉ chút rồi đi!

- Há? Tôi la lên.

Viết tới đây tôi nhớ Hoàng Việt, người bạn đường của tôi từ Hà Nội đến R. Giữa Trường Sơn lắm lúc đi không kịp đoàn, phát cầu, anh đứng lại, gục xuống gậy quất:

- Ê mày Xuân Vũ! Mày bảo tụi nó đứng lại chờ tao! Tao không phải là súc vật mà đi không cho nghỉ, nghe chưa?

Nếu anh lợi Đồng Chó Ngáp chắc anh còn la to hơn. Vì ở Trường Sơn tuy vất vả nhưng có chỗ ngồi và chỉ có một con đường mòn. Muốn nghỉ thì cứ ngồi phệt xuống mà nghỉ rồi lẹ mọ cũng tới nơi, không mấy khi lạc đường. Còn ở đồng này, ngồi không được, đứng im thì đĩa vắt còn nếu lết lại sau thì không biết đường đi, lạc loài giữa đêm tối, thật hãi hùng.

Tư Mô nói tiếp:

- Chú coi quanh đây, dấu chụp dù còn ràng ràng!

- Hả? - Tôi lại la lên.

- Nó chụp hôm qua!

Tôi tỉnh người ngay. Tư Mô nói:

- Tụi mình vậy mà may. Nếu còn cả đi chuyển trước thì xuống tới đây đụng tụi nó rồi.

Tôi đâm ra sợ sệt: Về chưa tới nơi, bỏ xác dọc đường! Dám lắm! Thiếu gì người.

Tôi hỏi:

- Giao liên đâu?

- Nó đi trước rồi.

- Sao kỳ vậy?

- Nó đã báo mà! Chặng đường này nó không dừng lại chờ ai hết. Vừa đến đây nó thấy dấu “chụp” nó dắt khách đi tới điểm mới.

- Rồi mình làm sao?

- Cứ mò đi.

- Tôi hết đi nổi rồi.

- Tôi cũng vậy. Nhưng phải rời khỏi chỗ này ngay.

- Đây là đâu?

- Chắc là Kiến Tường hay Mỹ Tho gì đó. Giao liên bảo là sau khi chụp, nó thường chơi pháo. Đôi khi nó chụp phát nữa. Tôi có hỏi đường tới điểm mới.

- Xa không?

- Giao liên bảo là cú thẳng vô xóm nhưng xóm không có người. Quẹo trái hai phát rồi quẹo mặt. Thấy cây cầu gãy thì lội qua sông. Trạm ở bên kia sông.

- Sông gì?

- Ai biết sông gì.

Tuy muốn nằm vạ ở đây nhưng nghe nói, tôi cũng nổi da gà, nên không dám liều nữa. Uống thêm miếng trà rồi lom khom đi tiếp. Đường đi dọc theo một bờ cau. Những cây cau to bị thương nát mình. Vết thương còn mới. Một miếng giấy dán trên thân cau bên đường. Tôi đưa tay gỡ lấy đưa lên mắt đọc: “Đù má Việt Cộng,” một quãng nữa, “Đả đảo Minh Râu” và “Hoan hô thằng chủ tịch hãm con nít”. Tư Mô hỏi:

- Giấy gì đó?

- Tụi nó chửi mình!

- Chửi gì?

Tôi làm thinh, đưa mẫu giấy cho Tư Mô. Tư Mô không cầm vì anh đang cúi xuống nhặt một bao thuốc Ruby Queen và bảo:

- Thuốc chú ạ! Tụi nó hủy của quá! Hút mới nửa bao mà ném đi!- Vừa dứt lời lại kêu lên: - Cái hộp quẹt Zippo!

- Đầu nào?

- Ở bờ nương kia. Chú giỏi giò nhảy qua lấy!

Tôi tụt ba lô nhảy phốc cái qua liền, nhưng tôi khựng lại. Bên nương kế một xác người nằm dưới nước. Sợi thắt lưng bị đạn đứt đôi máu đỏ một vùng nước. Tôi nhảy trở qua, nói cho Tư Mô nghe.

- Tử sanh hữu mạng chú ạ! Tôi cứ giật mình mạng mình lớn lắm. Nếu ông bà không cầm chân mình ở lại trạm trên thì bây giờ mình nằm ở nương cau này hoặc vô khám lớn rồi.

Nhu hai thằng què cô độc, tôi và Tu Mô không biết sợ gì nữa, cứ đi ẩu, tới đâu tới. Xóm thôn vắng ngắt.

- Đây có phải là Ấp Bắc không anh?

- Không biết.

- Hồi ở ngoài đó tôi có nghe Nguyễn Ngọc Tấn về tận Ấp Bắc để lấy tài liệu viết, tôi nôn quá! Kế đó lại nghe Nguyễn Văn Bổng đi tận Bến Tre mình.

- Đùng có nôn! Xuống đó rồi lo mà nhảy nai chứ nôn gì!

Hai bàn chân bị củi tràm lục đâm nát như xâm mứt, giày dép tuột mất hết, chỉ còn hai bàn chân trơn, bước trên đất khô lỏm chỏm, đau thốn tới óc, nhưng phải bặm môi mà đi, ngồi ở đây một phút chết một phút.

- Không biết ai nằm ở đó?

- Ở đâu?

- Dưới muong cau!

- Chắc không ai thấy.

- Có thấy cũng không làm gì được!

- Không biết mùa Thu hay mùa Đông?

- Tôi gặp thiếu gì “ca” như vậy ở Trường Sơn! Còn ác hơn nữa cơ! Nó leo lên cây treo võng nằm rồi đi luôn, không có ai biết.

- Người mình sống thảm mà chết cũng thảm.

Đến chiều chúng tôi tới trạm. Đúng lúc khách sửa soạn vượt qua lộ Đông Dương. Chùng mười người. Quân dân chánh đủ hạng. Anh giao liên với một giọng không vui vẻ chút nào đứng trên một thềm nhà hoang nói:

- Nó mới phục kích đoàn trước. Chúng tôi định cắt đường mới, nhưng tìm không ra khúc nào vắng, thành thử cứ đi đường cũ.

Mấy ông dân chánh nhất gan ở lại muốn chờ có đường mới bớt nguy hiểm hơn sẽ đi, nhưng các cha quân sự thì hăm hăm bảo: “Bi nhiêu bi cũng phải qua cho khỏi lộ trong đêm nay.” Thế là đi.

Tôi ngó ý với Tư Mô nên nằm lại nghỉ một chuyến vì tôi biết cái phong cách qua lộ Đông Dương từ hồi kháng chiến chống Pháp rồi. Không phải chỉ vọt qua lộ là xong đâu. Vọt qua được rồi phải đâm đầu phóng bạt mạng không còn nhớ tên tuổi gì hết, đến chân vườn mới được ngừng. Với cặp giò đầy thương tích làm sao chạy? Giao liền nghe bèn quát:

- Các đồng chí phải đi. Chúng tôi không nhận ai ở lại trạm hết. Chúng tôi sẽ dòi trạm nội đêm nay.

Đêm tối ngựa bàn tay không thấy. Cứ mò mẫm mà đi như những thằng mù. Giao liền đã dặn gắt gao: không được đứt đuôi. Không kêu la hoặc làm tiếng động, không hút thuốc. Như chiến sĩ ra trận, người ngậm thẻ, ngựa không đeo lạc. Cứ đi một chốc lại được lệnh ngừng. Hoặc ngồi xuống. Đây có lẽ là áp chiến lược. Nên nhà nào cũng treo đèn trước cửa để phòng “ăn trộm.” Thỉnh thoảng lại nghe tiếng mõ cốc cốc, không biết là mõ của ai? Đánh để làm gì.

Đi cà lắc cà lắc như vậy cho tới khuya thì được lệnh:

- Chuẩn bị!

Chỉ một tiếng đó thôi cũng làm cho tôi nổi da gà. Qua lộ bạc đầu. Qua cầu giám kỹ là đây! Nhìn ra phía

trước thấy một làn gân đen vắt ngang nền trời xám xịt thì biết đó là cái tử điểm mình phải vượt qua: Lộ Đông Dương.

Chỉ qua một lần thôi mà đã run en phát rét còn giao liên thì đi ra đi vào gần như hàng ngày. Đụng phục kích đưa ngực hứng đạn là cái chắc. Kháng chiến thành công, giao liên lùi vào bóng tối. Chỉ một vài nhạc sĩ nhớ tới họ thôi. Thời kháng Pháp, nhạc sĩ Hoàng Lưu có làm một bài *Anh Chín Giao Liên* rất hay:

*Ai có đến Trường Thành (Bà Đầm) có qua Cái
Tắc (Thát Lác) đường về Đông Sơn (Long Nía).*

*Thấy anh Chín liên lạc người ôm ồm đen đen, độ hai
mươi ngoài đầu hót chái cao.*

Mấy năm trời kháng chiến, gian khổ lòng không nao.

Mấy năm trời kháng chiến, anh dốc lòng thi đua.

Đêm tối gió mưa, trên chiếc xuồng ba lá

Đầy công văn, anh chống, anh chèo, anh hát, anh hò

Ngập tình yêu nước non

Bàn tay anh chai ngắt, anh giết hết quân thù

Mặt mày anh sạm nắng, cả đồng bào yêu anh

Kia bớt, kia đồn, trăm chiếc thân cô đơn

Vượt lộ băng ngàn,...

Ngày xưa con lộ này không đến nỗi nguy hiểm như bây giờ. Thời đó, còn trẻ tuổi, tôi coi mỗi lần vượt lộ là một lần lập chiến công. Tôi đã từng qua lộ Cầu Trắng, từng đẩy xuồng chui qua cầu Bình Thân (cũng là tuyến lộ Đông Dương) tuy có nguy hiểm, nhưng vui vui. Bây giờ thì không. Vì tụy trong xương

sống đã cạn, đầu gối đã khô chất nhờn, nhất là vừa qua Đồng Chó Ngáp. Xe trên lộ chạy không ngớt. Xe ở đâu mà dữ vậy? Cứ chiếc này qua, chiếc kia tới, đèn pha cứ vượt tới sáng lòe trước mặt. Ngồi quan sát mà đái trong quần hồi nào không hay.

Bỗng được lệnh tiến lên. Đám người nhổm dậy đi khòm khòm. Đúng là một lũ ăn trộm. Trên Trường Sơn thì thay tên đổi họ, xuống đồng bằng thì đi rình mò ban đêm. Giao liên không còn ra lệnh nữa. Cứ sò vào lưng người trước, hễ thấy họ đi thì đi, họ dừng thì dừng. Gốc rạ khua rào rào dưới chân.

Dế gáy ren ren trong những mô đất. Bờ cỏ đã ướt sương. Mạng ai nấy lo, hồn ai nấy giữ. Thấy người trước vọt chạy, tôi cũng phóng theo. Tôi trườn lên bờ và phóng chừng bốn, năm bước. Gan bàn chân chưa kịp có cảm giác ấm lạnh đường nào thì đã tới bên kia, rồi nhào xuống ruộng. Chẳng ngờ chạy được ít bước thì súng nổ.

Cái lô cốt ở gần đó bắn vết dọc ven lộ. Đạn đi như tàn thuốc. Tôi đang rối loạn thần kinh thì có tiếng kêu ở ven bờ: “Chú Hai”. Tôi quay lại. Trong ánh sáng mờ mờ, tôi thấy Tư Mô đang ở dưới nương. Không biết anh khôn vong nhảy xuống đó để tránh đạn và kêu tôi nhảy xuống đó cho chắc ăn, hay anh trật chân té xuống nương, nhưng dù thế nào tôi cũng như cái máy đang chạy không “phanh” lại được. Tôi chạy thẳng một mạch vô vườn. Cũng may, lính ở lô cốt chỉ bắn chứ không đuổi theo. Nếu nó đuổi theo thì nguy to.

Độ gần sáng tôi mới gặp lại Tư Mô.

Tôi hỏi:

- Anh xuống nương làm gì?

- Tôi bị lọt xuống đó. Tôi đưa tay cho chú kéo lên mà chú chạy tuốt. Bộ không thấy tôi sao?

- Có thấy chó. Nhưng tôi tưởng anh kêu tôi xuống để tránh đạn.

- Tôi không thấy đường nên nhảy xuống đó. Bị bông súng quấn lên không được.

- Tôi hoảng quá. Đầu còn hôn phách gì mà nghĩ tới việc cứu anh.

Hai anh em mò mẫm đi bậy trong xóm. Té ra giao liên phía bên kia mép lộ không có sang qua bên này. Anh ta dắt khách ra gần đến đường, chỉ hướng rồi xua khách chạy qua. Mạnh ai nấy chạy đến chân vườn phía bên này thì có người rước. Bây giờ lại không có ai rước cả. Có lẽ nghe súng, anh ta lẫn trốn ở đâu đây?

- Đạn nó bắn rớt trước mặt nghe ớn quá, chú.

- Tôi đâu có để ý gì. Cứ chạy thả ga thôi.

- Coi có mất giống gì không?

- Kệ nó, mất gì mất, miễn mình còn thì thôi.

Cũng may, chập sau anh giao liên tới gom chúng tôi lại rồi dắt đi. Vừa đi, Tư Mô nói:

- Tử sanh hữu mạng thiệt chú ạ!

- Sao vậy?

- Nếu mình chậm chân thì bị nó bắn vét rồi - anh dừng lại rỉ tai tôi - chắc có vài cậu “nằm đường”.

Chiều hôm đó đến bờ sông Cửu Long. Xuống đã

đến đây đậu sẵn hồi nào không rõ. Máy đuôi tôm hần hoi. Nước lớn ngập mé bờ. Nước đỏ au, cuộn cuộn chảy. Những giẻ lục bình trôi phăng phăng như những bầy thủy quái sút xiềng trôi lên mặt nước đi phá phách dân gian. Tôi bỗng nhận ra một anh bạn quen. Phát! Phát ở xưởng phim Hà Nội. Tội nghiệp nó không phải người quay phim, không phải đạo diễn cũng không phải diễn viên xi-nê. Nó chỉ là thằng quản lý lo cơm áo gạo tiền cho đoàn quay phim mỗi khi đi quay bên ngoài. Vậy đưa nó về làm gì, tôi cũng không hiểu nổi.

Mọi người đã ngồi dưới xuồng chờ nổ máy, nhưng hần cứ đứng chết trân trên bờ. Anh giao liên thúc giục cách mấy hần cũng không nhúc nhích. Trông nét mặt thì biết hần sợ. Hần chưa lấy lại tinh thần vì chết hụt đêm qua.

Cái sợ của nó lây sang tôi. Anh giao liên hơi cúi trước thái độ của Phát:

- Nếu đồng chí không đi thì đồng chí cứ ở lại một mình, tôi không chịu trách nhiệm.

Phát đáp không chút suy nghĩ:

- Đồng chí cứ đi!

Thấy tình thế gay go, tôi bước lên bờ.

- Thôi đi xuống ông nội ơi! Làm gì mà sọc dưa vậy?

- Ai đi cứ đi tôi ở lại chuyển sau.

Hần đi tới miền Tây. Tôi biết vậy. Từ đây về đó nếu không may thì bỏ xác dọc đường như chơi. Càng về đồng bằng càng lợi vào gai góc. Lúc nào cũng thấy cái chết chòn vồn trước mặt. Khách dưới xuồng mỗi

người một tiếng, kẻ thì thúc giục, người lại chê bai nhưng Phát không lay chuyển. Đang dang ca bỗng có tiếng máy xình xịch trên sông càng lúc càng gần. Anh giao liên quát:

- Ho bo, hô bo!

Mọi người ngo ngác. Các ông cán mùa Thu có lẽ không biết hô bo là cái gì, nhưng thấy mấy người kia nhảy lên bờ thì cũng nhảy theo và chạy tán vô vườn. Chập sau, tiếng máy xa dần. Anh giao liên mặt mày cắt không được hột máu, lấp bắp:

- Nó đi tuần sông đó!

Tư Mô hỏi:

- Nó đi thường xuyên hay lâu lâu mới đi, đồng chí?

- Không chừng, không đổi gì! Nó muốn đi thì nó đi.

Một ông cán đeo K54 hỏi:

- Không qui luật gì hết à?

- Qui rùa gì đâu!

- Không nắm được qui luật mà hành quân thì ớn quá!

- Nắm gì được mà nắm?

- Vậy cứ đi liều à?

- Liều không liều, nhưng chắc thì không chắc.

- Trời đất! - ông cán quân sự kêu lên. - Đi vậy khác gì chỉ mảnh treo chuông. Nếu ông kia không dùng dằng, mình qua sông thì đụng rồi.

Anh giao liên nói tỉnh bơ:

- Thì vậy thôi!

- Vậy sao được đồng chí!

- Hô bo nó chạy lướt trên mặt nước nhanh như máy bay. Nó tới mình không có né kịp.

Tư Mô nói:

- Nó vừa qua, mình tép đuôi nó được không đồng chí?

- Tép thì tép. Cái gì cũng may rủi hết.

- Không có ai làm hiệu ở ngoài sông à?

- Hiệu gì mà hiệu. Nó núp trong những lùm bần rậm, dùng ống dòm canh chừng mà. Mình lú ra là nó chơi. Có lần nó quào luôn một xuống lớp bắt sống lớp chết. Ý mà thôi, nói tới nói lui tôi cũng nhợn quá! Có đi thì xuống xuống. Ăn thua chỉ mười lăm phút thôi!

Vâng! Mười lăm phút đó có phép làm cho đám ăn trộm này hãy còn là một đám ma bùn trên dương thế hay thành một lũ quỷ dưới đáy sông. Cuộc sống như treo dưới lưỡi gươm máy.

Hồi kháng chiến, con sông này cũng đã bao phen nhuộm máu những người cán bộ lưu động: bác sĩ Nguyễn Thiện Thành đã từng bị tàu Pháp bắn chìm ghe trên sông này. Ông ta đeo be ghe. Tàu tới. Một tên Pháp giơ súng định bắn. Ông la lên: “Tôi là bác sĩ.” Tên Pháp ngừng tay và vớt ông lên đem về thành. Sau đó ông lại lên trở ra khu chống Pháp.

Cuối cùng rồi chiếc đuôi tôm của giao liên vẫn chở khách tách bến. Không ai nói một lời nào. Tôi ngồi sau lưng Tư Mô nhưng nhìn thấy nét lo âu khủng khiếp trên nét mặt anh. Tấm lưng còm côi của anh phấp phồng. Chiếc cần cổ teo tóp của anh

rút xuống. Hai tay giăng ra nắm cong ghe. Không ai nói gì. Mắt trở ra nhìn, dáo dác.

Có lẽ không ai trông thấy gì ngoài những cây bản ngâm mình dưới nước. Máy chạy êm ru. Xuống từ trong khém đâm ra sông rộng. Anh giao liên bảo:

- Máy đồng chí ngồi trước ngó sang phải, máy đồng chí ngồi sau ngó sang trái. Hễ thấy nước tỏa trắng đỏ là hô bo thì cho tôi hay ngay. Không ai được lao chao. Chờ lệnh tôi.

Anh ta chỉ lo việc lái xuống. Dòng sông hiện ra trước mặt, đỏ như pha máu.

Ai đã từng đi qua sông Cửu Long Giang

Cửu Long Giang sông trào nước xoáy

Ai đã từng nghe tiếng tiểu đoàn

Tiếng tiểu đoàn ba trăm lẻ bảy

Mọi người mặc quần tiểu cời trần trong tư thế nhảy xuống sông lặn. Bao nhiêu dũng khí của thời kháng Pháp bị rơi rớt trên Đồng Chó Ngáp cả rồi. Tôi nhìn mùt mắt. Chỉ thấy những chiếc ghe buồm trên sông. Ước gì mình được đi thanh thoi như họ.

Tôi nói:

- Chắc nó đi thẳng rồi đồng chí!

Anh giao liên nói:

- Nếu nó đi thẳng thì nói làm chi. Sợ nó quay lại hoặc có chiếc sau đi tới.

Chiếc xuống vẫn ghéch mũi phóng sang bờ bên kia. Không xa lắm. Hàng bản ven sông hiện ra càng lúc càng rõ nét. Trong cái màu xanh kia đang ẩn

núp những họng súng, có thể lắm. Chúng thừa biết chẳng có ghe xuồng nào đi như vậy. Chúng vừa uống bia với tôm khô vừa chờ chúng tôi ra giữa sông mới xả súng bắn rồi chạy hô bo tới xách óc từng tên lên.

- Tôi là bác sĩ - Tiếng la của bác sĩ Thành vang lên trong tâm khảm tôi. Bỗng anh giao liên chửi thề. Tôi không biết chuyện gì. Thì ra máy hỏng. Cái đuôi tôm đang quay như gió bỗng chậm lại rồi ngừng hẳn như con cá bị chặt đuôi. Một luồng gió lạnh buốt tâm tư chạy khắp đoàn khách. Anh giao liên quát:

- Lấy dầm bơi! - rồi bật đuôi tôm lên quay ngược gác ra phía trước.

Anh đóng cột chèo và tra chèo vào trong lúc đám khách quơ những cây búp lá lót dưới ghe làm dầm bơi lia lịa. Chiếc xuồng loay hoay một lúc rồi tiếp tục trườn tới với tốc độ rùa bò. Sóng bắt đầu vỗ mạnh vào mạn xuồng vì đã ra giữa dòng nước xoáy. Thằng Phát ngồi chết trân. Hai tay nó ôm gối, đầu nó gục xuống không muốn nhìn gì hết. Nó lâm râm khẩn vái. Không nghe rõ nó kêu ai phù hộ: Chúa, Phật, hay đức Huỳnh Giáo Chủ. Có lẽ đây là Vương quốc của Hòa Hảo. Hồi 1948 tôi theo bộ đội vượt sông này ở khúc Cần Thơ để xuống miền Tây và bị bộ đội Hòa Hảo chặn đánh ở Bù Hút. Vị đại đội trưởng bị dân làng chém chết bằng dao trong trận đó.

Thấy ghe đi chậm mọi người tự động dùng tay bơi tiếp. Tốc độ không tăng mà chiếc ghe lại chòng chành. Sóng tạt ướt mặt. Nước vào từng chập. Một người ngồi gần lái cầm miếng bẹ chuối tát xanh xạch như một thứ nhịp trường canh hướng về cuộc sống.

Bỗng... Rắc ùm!

Cây chèo trái của anh giao liên gãy ngang. Anh chúi lúi thay vì nhảy trên lưng khách anh lại nhào xuống sông. Loay hoay một lúc anh mới leo lên được. Và tiếp tục chèo một chèo. Anh chửi thề:

- Đ.m. chèo mục, xui quá? - rồi quát - bơi riết lên!

Những chiếc dầm tay lại thọc xuống nước. Bỗng anh giao liên kêu lên:

- Quên rồi!

- Quên gì đồng chí? - Đám khách lao nhao hỏi.

Anh ta không đáp, buông chèo ngồi xuống giỏ sạp lái rút lên một chiếc thùng móp méo. Anh mở nút rồi đổ vào máy. Thì ra cái thùng xăng. Anh quay máy ra sau rồi giật. Máy nổ. Xuống phóng nhanh. Đám khách cười ré lên. Một người nói:

- Trời ngó lại!

- Nhờ tôi van vái này giờ! - Phát bảo.

Tính lại thử xem, đến nay, trên đường qui cố hương, tôi đã qua bao nhiêu con sông, lạch suối? Suối sông vô danh thì không nhớ hết. Bên cạnh đó, những con sông hữu danh thì bây giờ nhìn lại bản đồ mới thấy: Sông Bé, Sông Đồng Nai Thượng, Đồng Nai Hạ, Vàm Cỏ Đông, Sông Cửu Long. Thời kháng chiến có câu: Qua sông bạc đầu, qua cầu giám kỷ. Tôi đã qua bằng ấy con sông với phương tiện vô cùng “hiện đại” như vừa thấy ở trên, nhưng hãy còn khá hơn những chặng đường Trường Sơn lắm khi chết hụt. Và tôi đã từng trông thấy một anh lính miền Bắc chết đuối, đồng đội không vớt được vì không ai biết bơi.

Cuối cùng rồi tôi cũng về tới Bến Tre. Mảnh đất đầu tiên tôi đặt chân lên là Thành Triệu hay Phú Túc gì đó. Lại phải vượt thêm một lần nữa sông Cửu Long. Bây giờ hết sông suối rồi nhưng gặp bom đạn tua tủa. Ngay buổi sáng, chúng tôi được chào mừng bằng một trận bom. Hai thằng chui đại xuống một cái hầm hoang ven đường khi phản lực đã trút loạt bom thứ nhất, tiếng miêng đạn bay veo veo bên tai. Tư Mô cũng như tôi không có kinh nghiệm trốn bom. Kháng chiến chống Pháp có bị trận nào. Nay bất ngờ nên lúng túng và chui ẩu. May mà có chỗ để chui. Ngồi dưới hầm nước ngập, tôi không hiểu gì cả. Cái hình ảnh một ông già Nam Kỳ lợi Trường Sơn kiệt sức được đồng đội khiêng về đến ranh Nam Bộ thì tắt thở - hiện lên trong đầu tôi.

Khi dứt trận bom chúng tôi lóp ngóp bò lên. Mấy trái bom vàng lườm như cam Bố Hạ nằm lăn

lóc trước miệng hầm. Nếu chúng không lười biếng, chịu khó lăn vài thước nữa ắt bỏ cái công từ Mỹ được chuyên chở sang đây. Hai đứa chạy tránh ra. Anh giao liên, một cậu thanh niên non nheo cũng đã chui lên từ hang hổ nào không rõ la hét trong màn khói:

- Coi chừng bom bi. Coi chừng bom bi!

Bom gì cũng coi chừng, đâu phải chỉ coi chừng bom bi? Tôi đã biết loại bom này ở Trường Sơn rồi. Nó be bé xinh xinh như một món đồ chơi. Hai anh lính thấy một quả mắc trên cành, một anh lấy cây thọc xuống một anh đưa tay hứng như hái cam. Bom vừa rụng xuống cụp cánh lại và nổ. Bây giờ lại thấy cái thứ đồ chơi đó ở đây, không treo lủng lẳng trên cành cây mà lại nằm lăn lóc dưới đất. Hú vía! Trận bom bình thường. Nghĩa là kéo dài độ nửa tiếng đồng hồ. Không biết nó thấy cái gì dưới đất mà hi hục đánh dữ vậy.

Khi theo chân giao liên đi tới một quãng nữa thì thấy một chiếc cầu xi măng sụp. Bên cạnh đó là một chiếc đò máy đang cháy và chìm dần xuống nước, khói bốc đen cả một khúc đường. Cảm giác đầu tiên của tôi khi đặt chân lên đất Bến Tre quê nhà là Hà Nội nói láo, Trung ương nói láo, Mặt Trận nói phét. Trước khi đi, ông Nguyễn Văn Vịnh, chủ nhiệm ủy Ban Thống Nhất, đến nói chuyện thì nghe rất xôm, nào ta đã giải phóng ba phần tư dân chúng, bốn phần năm đất đai. Bộ đội đi hành quân toàn bằng đò máy. Từ R xuống đây toàn chui rúc trong rừng. Chỉ có một cái xóm nhỏ bán dăm bảy món hàng đón

gió cho khách đi đường ở vùng Mỏ Vẹt, nhưng lại ở bên đất Miên. Khách đến đó mua sắm đồ vật chút đỉnh - chính yếu là kẹo bánh và gạo, cá khô, mắm để giằn bao tử - rồi mau mau trở về đất mình vì sợ tụi lính Miên bắt được tịch thu. Rõ là một lũ ăn trộm. Từ Hà Nội vô đây, tên họ cũng dấu kín, mua đồ cũng lén lút.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ ngày nay không giống thời chống Pháp, bộ đội và cán bộ đi đến đâu đồng bào đón tiếp rình rang, đãi đằng như đám giỗ. Bây giờ bộ đội cán bộ đi đến đâu nhà không vườn trồng tới đó. Suốt hai ngày, tôi qua những trạm giao liên toàn đóng trong nhà hoang. Dân chúng lẩn tránh Giải Phóng. Vì Giải Phóng đi tới đâu phi cơ đại bác đến đó.

Tôi đi qua những làng mà trong kháng chiến tôi từng đến. An Thành, Thành Thới, An Thới, An Định, Bình Khánh, Phước Hiệp rồi Tân Trung.

Thời kháng chiến tôi đóng vai trò cán bộ tuyên truyền, lúc đó mới mười bảy tuổi mà hăng vô cùng, nói chuyện trước đồng bào cứ tưởng mình là đại diện giả, vì luôn luôn được vỗ tay. Tôi học nghệ thuật diễn thuyết từ trại huấn luyện của Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh của các anh Mạch Văn Tư, Trần Bá Hậu, Nguyễn Duy Hưng (cậu tôi). Bước chân lên tỉnh nhà thì tôi nhớ ngay đến các vị này, những người thầy chính trị và nghệ thuật đầu tiên của tôi. Không biết bây giờ họ ở đâu. Từ ngày Le Roy chiếm toàn tỉnh Bến Tre, dân tôi lưu lạc xuống miền Tây tới bây giờ tôi không còn nghe ai nhắc nhở tới họ nữa.

Những trang sử vẻ vang của tỉnh nhà đã được viết thêm nữa chăng? Tôi thấy niềm vui được trở lại quê hương thật là vô tận. Tôi nhớ những đồng hương bây giờ còn kẹt ở lại ngoài Bắc, nôn nả muốn về mà không được về hoặc không về được. Hai mươi năm như một giấc chiêm bao dài vô tận. Hiện lên trong tôi hình dáng xơ xác của ông chủ tịch tỉnh Bến Tre: ông Đốc Huệ ở Giồng Trôm. Khi biết tôi sắp về Trường Sơn, ông khóc và bảo: “Tao chắc nằm lại ngoài.” Đi mấy ngày liền, gặp cán bộ cũng đông trên đường dây, nhưng không có một người quen. Hình như không ai còn sống. Lốp chết đạn bom lốp tù tội, lốp chết trên đường về.

Thôi, được về tới đây là hạnh phúc rồi!

Khi anh giao liên dắt đoàn khách đi ngang ngã tư Cái Quao thì tôi nhớ thời đi học Mỏ Cày vô cùng. Những hàng me ngày xưa không còn. Thằng bạn học cũ không biết bây giờ ở đâu? Không thấy nó đi kháng chiến. Từ đây mà lên Mỏ Cày có sáu cây số, thế mà không đi được. Đi một quãng nữa thì tới chợ Cái Quao. Anh giao liên bảo đây là cái chợ Giải Phóng nhưng không ai dám tới đây mua bán gì. Chỉ vài ba mái lá xiêu vẹo, bên mấy cây me cháy nám đen và nhựa xám napalm dính đầy cành. Khách định ghé lại mua dăm món đồ dùng nhưng giao liên muốn bảo vệ khách nên giục đi mau. Đây là mảnh đất Giải Phóng nằm trong cái diện tích của Mặt Trận Giải Phóng kiểm soát đây chăng? Suốt trên đường đi tôi không thấy cái nhà nào còn nguyên. Những nhà giàu bị phá hoại thời trước không dựng lại

được đã đành, nhà mới cất cũng không có, nhất là nhà vách gạch, nền đất. Dân mình mặt rệp luôn từ sau 45 không ai còn có thể cất loại nhà đó nữa.

Đi ngang qua Bình Khánh, tới nhà ông Đỗ Phát Quan, nghị sĩ Quốc Hội, nhớ nhà ông huyện Nghĩa và ông Chủ Xạ, những ngôi nhà vĩ đại nhất trong vùng mà ngày xưa tôi có đến chơi với con cháu của họ bạn học trường quận với tôi. Tất cả đều chỉ còn tro lại những cái nền. Trong kháng chiến Việt Minh phá nát, bây giờ Giải Phóng chui vào đồng gạch vụn để trốn. Ngày xưa khi anh Mạch Văn Tư lên Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ, anh Cao Thái Tôn lên thay thì cơ quan Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh dời về đây, đóng muôn năm trong vùng này để anh bào chế thuốc Nam bán lấy tiền nuôi cơ quan. Bây giờ tôi không tìm thấy vùng đất đó nữa.

Đúng là một cuộc bể dâu.

Qua Bình Khánh đến Phước Hiệp. Ở đây có thằng bạn học trường quận, nghe nói nay nó làm tới tỉnh ủy. Anh nó là Xôi từng là cán bộ Thanh Niên Cứu Quốc, đi tập kết nhưng tôi không gặp.

Qua hết Phước Hiệp đến Tân Trung. Tân Trung là làng cuối cùng trước khi tôi đặt bước chân lên quê ngoại. Đây là một làng nhỏ nhưng lại có nhiều người làm quan. Bước chân tới đây, người tôi gặp đầu tiên là một nàng độ chừng hai mươi tuổi. Tôi nhận ra ngay và kêu đúng tên.

Hỏi đi học trường quận tôi ăn trọ một nhà gần chợ, thì cô bé mới biết đi lầm đấm. Hai mươi mấy năm qua...

bây giờ tôi vẫn nhận ra một cách dễ dàng. Cô bé rất ngạc nhiên. Tôi bèn kể lai lịch cho cô nghe. Cô càng ngạc nhiên hơn nữa. Tôi hỏi thăm cha mẹ cô thì mới hay ông bà đã qua đời. Hai mươi năm dù không có chiến tranh thì cuộc đời cũng thay đổi nhiều nữa là chiến tranh liên tục. Những con đường cái ngày xưa tôi đi không còn nữa. Tôi đi trên bờ ranh, trên lối mòn, nhảy muong và lội ruộng.

Đến trạm Giồng Cui thì Tư Mô ở lại. Đây là mé sông Hàm Luông, một nhánh sông Cửu Long chảy qua tỉnh Bến Tre đổ ra biển. Trong ngôi chòi xo xác ở ven sông, Tư Mô trở đường nước cuộn cuộn chảy mà lắt đầu:

- Tôi lại phải qua sông Cửu Long lần nữa.
- Tôi ghé lại thăm nhà ít ngày rồi qua sau. Tôi phải qua trình giấy giới thiệu của R cho tỉnh.
- Thôi chú đi về nhà nhé. Gặp lại gia đình xem sao. Gởi lời tôi thăm già Hung.

Chúng tôi bắt tay nhau sơ sịa nhưng lòng thật ngậm ngùi. Tư Mô nhìn theo tôi bảo:

- Rồi mình sẽ gặp nhau, để bàn kế hoạch sáng tác.

Ven sông là rừng rậm rạp không nhà cửa. Ngày xưa bọn ăn trộm trâu ở những làng Minh Đức, Hương Mỹ, Cẩm Sơn đều đem trâu ra đây giấu để sau đó làm thịt hoặc bán cho bọn lái ở bên Cù Lao Ốc. Người chủ bị mất trâu thường tìm được ở đây những tấm da. Bây giờ cách mạng dùng dây dắt này để làm căn cứ. Vô hình trung cách mạng gắn với bọn trộm cướp hoặc đi trùng dấu của chúng nó. Từ mé sông vào

đến giữa làng tôi phải đi trên một con đường vắng teo, rợn người. Mỗi bước chân đi như dẫm lên một kỷ niệm, mỗi hơi thở hít vào như nghe những ngày xưa làm rộn rục cả lòng. Hai bên đường không còn nhà cửa. Dân tản ra ngoài đồng ở rải rác xa xa một cái nhà. Do đó ít khi tới lui và cũng do đó không còn tình lân xóm nữa. Ngay cả sự đi lại bình thường cũng không còn. Hễ ra đường là người ta đón dác, hối hả như sợ việc không may xảy ra cho mình.

Tôi đi một chập lâu thì đến một gàn đường phóng qua ruộng về phía Cái Quao. Tôi sực nhớ ra đây là lộ Thọ Diệc. Ngày trước khi ở cơ quan Thanh Niên về thăm nhà tôi thường đi đường này. Nó rộng lớn xe bò đi được, bây giờ chỉ là một bờ ranh. Cách đó không xa là ngã ba Tân Trung. Ở đây đã từng xảy ra một trận đánh phục kích của phân đội Nguyễn Thái Học, giết hai Pháp, ba Việt gian. Vậy mà bản tin in trên tờ thông tin tình tôi đã chép lại từng chữ một để đi tuyên truyền.

Những cây công sum suê hai bên đường từng mang những thông cáo cách mạng ra lệnh bắt hợp tác với giặc Pháp, ký tên chi đội trưởng chi đội 19 Đồng Văn Cống.

Tất cả đều không còn. Thời oanh liệt của dân vùng này đã biến mất. Cỏ cây như ngậm ngùi trong vắng lặng mênh mông. Lâu lâu mới nghe một tiếng gà đơn độc như nhắc cho tôi rằng trong cái chết vẫn còn sự sống.

Ngày xưa ở tại ngã ba này có nhà xe ngựa của ông Ba Đệ. Mỗi lần tôi từ nhà ra thăm ngoại tôi thì tôi thường

được đi cùng cậu tôi lên thăm bà cụ ngoại tôi trên làng Cẩm Sơn. Tôi chỉ phải đi bộ một khúc ngắn từ nhà lên đến đây, rồi ngồi xe ngựa chạy toong toong trên đường đá đỏ. Chỉ chừng bốn cây số thôi nhưng quả là một cuộc du lịch kỳ thú. Bà cụ ngoại tôi đã tám mươi tuổi nhưng còn đọc được chữ mà không mang kiếng. Bao giờ tôi lên thăm cụ cũng cho tôi ít nhất là một đồng bạc trắng hoặc năm, sáu đồng hai mươi xu gọi là “góc tư.” Tôi túm vào khăn mù-soa xoắn lại và cầm tro tro trong tay. Với số tiền to lớn đó tôi và cậu tôi thừa sức thuê một cỗ xe ngựa khác về nhà.

Gần ngã ba, ở phía trong vườn là nhà dưỡng tôi. Hồi đó ông làm thôn trưởng. Tôi khéo léo hỏi dò anh giao liên thì được biết hiện giờ ông đang làm cai tổng, gọi là Tổng Cường. Nhưng tôi không nao vì tôi có hai mươi năm thâm niên cách mạng. Nó đủ bảo đảm cho lập trường của tôi. Tuy vậy tôi cũng tự nhủ thầm: sao người thân của mình mà mình thấy xa cách?

Càng đi vào mảnh đất quê hương yêu dấu tôi càng ngẩn ngơ. Không còn gì cả. Cả ngôi nhà thờ đồ sộ ngày xưa tôi vẫn thường đến đọc kinh cũng đã biến mất. Cách đó không xa là hai cái lò rèn ở ngay đầu cầu gọi là Cầu Vĩ bắc ngang qua rạch Tân Huê. Hồi cách mạng mới nổi lên, hai cái lò rèn này đã sản xuất vô số dao găm, phi tiêu, đoản kiếm cho dân quân cách mạng. Bây giờ cũng không còn thấy nữa. Tôi phải khó khăn lắm mới tìm được lối đi. Ở đầu cầu này năm 1946 anh Hoàng Trọng Liễn, một cán bộ xuất sắc của Thanh Niên Cứu Quốc quận Mỏ Cày, em ruột của giáo sư Hoàng Ngọc Bích đã

bị Pháp đuổi bắn chết. Cách đó không xa là nhà của ông Lâm Thiên Tứ, một đại địa chủ trong vùng cũng đã bị tên đội Định ở phố Cầu Mống bắt cùng với người con trai là Lâm Thiên Trường đem về chợ Cầu Mống trói vào gốc cây bắn chết và không cho gia đình lấy xác...

Những cái chết vô cùng oanh liệt ấy đã mở đường cho cách mạng tiến lên. Tôi đã rời xa con đường đó từ thời thiếu nhi đến bây giờ mới quay về được. Bao nhiêu kỷ niệm ấu thơ lẫn kỷ niệm kháng chiến bùng dậy trong đầu. Chân run rẩy bước nhanh, mắt phóng nhìn bốn phía vườn hoang. Không một bóng người thấp thoáng. Ngôi chợ làng không còn một cửa tiệm nào. Tất cả đều hoang tàn lạnh lẽo. Ngôi chợ đầy kỷ niệm ấu thơ của tôi chính là ngôi chợ Tân Hương này.

Ở đây có ông Chệt già tên là Thầy Thọ. Ông là người bạn thân của tôi và cậu tôi. Ông lùn tịt, có cặp mắt kèm nhèm ti hí như không bao giờ mở rộng ra nhưng không bao giờ để lọt một đồng xu hay một hạt đậu. Cái đầu của ông trông như một chiếc gáo dừa gọt nhẵn, còn cái trán mang những nếp nhăn như một mảnh ruộng bừa và ở giữa có một vết cắt to bằng trái Ớt sừng trâu dựng đứng. Ông vừa bán tạp hóa lại vừa bắt mạch hốt thuốc Bắc. Những kệ tủ của ông đen đúa dơ bẩn và cũ xì chúng tỏ rằng ông đến đây lập nghiệp đã lâu. Vừa mang thọ lại vừa hốt thuốc Bắc, nên ông được người ta gọi là Thầy Thọ. Hồi còn bé thơ, có lẽ không ngày nào là tôi không đến chợ này. Đi mua nước mắm dầu lửa, mua đậu phộng, đậu xanh, mua nhang, đèn cây, đặc biệt là giấy bạc và

nhỏ để thả diều. Ở chợ cũng có nhiều tiệm khác, nhưng tôi và cậu tôi chỉ đến tiệm Thầy Thọ.

Mỗi lần thấy tôi, ông đều xoa đầu khen đáo để. Bất cứ tôi mua gì ông cũng bán rẻ hơn người khác, và lần nào tôi cũng được ông thưởng cho một cục kẹo dừa, tôi lột vỏ ra ngay ngậm về đường. Ở kế tiệm Thầy Thọ là tiệm của một ông Chệt trẻ hiệu là Anh Ký. Không biết tại sao có lần tiệm này phát cháy nhưng nhờ ở gần mé sông nên chữa lửa dễ dàng. Nhà lồng chợ, nhà việc, bến sông đều rất thân mến đối với tôi. Những buổi sáng đang ngủ bỗng nghe trống và phèng la văng vẳng, tôi và cậu tôi vùng dậy vừa dụi mắt vừa chạy sang chợ. Biết bao nhiêu trò mị thuật kỳ thú tôi được xem ở ngôi chợ làng này. Một lần tôi được xem gánh Tiểu Lục Sĩ. Tiểu Lục Sĩ không làm trò mà chỉ biểu diễn bấp thịt gọi là luyện nội công. Ông hót bụng vô và đưa tay nện ngang eo ếch thì những đầu ngón tay vừa đung nhau. Ông hít thở phình ngực rồi vận chuyển bấp thịt con chuột chạy ra phần trước của cánh tay, rồi cho nó chạy trở lại chỗ cũ. Xong lại chuyển vận bấp thịt ngực, làm cặp vú vun lên như vú đàn bà và nhúc nhích. Cả bọn con nít lẫn người lớn đều cười khoái trá.

Nhưng chưa hết, ông còn bẻ sắt. Những cọng sắt dài hai tấc to bằng ngón tay út được ông cầm lên và bóp cong lại thành hình chữ U rồi đưa cho mọi người xem có phải là sắt thiệt hay không. Ông lại còn bịt vải một đầu que sắt rồi đút vào răng, nạy cong rồi bóp, ném xuống đất nghe leng keng. Ông

Tiểu Lục Sĩ còn cho biết ở Vĩnh Long ông đã từng nằm trên đường cho chiếc xe hơi chở ba mươi người cán ngang ngực ông. Để chứng tỏ phần nào về sức chịu ghê gớm của bộ ngực, Tiểu Lục Sĩ dùng một thanh sắt dẹp đập liên tiếp năm, sáu phát vào ngực làm cho thanh sắt cong vòng.

Những hồi trống chiêng của những gánh Sơn Đông Mãi Vỡ ngày xưa như còn vang đâu đây hay trong lòng tôi. Cứ mỗi bước chân đi tôi lại như bắt gặp một kỷ niệm ngày xưa hiện về. Mặt đất không còn gì nữa ngoài cỏ rậm và những hố bom, vết đạn, nhưng lòng tôi cứ tươi non như một tàu lá chuối xanh. Tôi bắt gặp lại tôi vài chục năm trước.

Chiếc cầu sắt gần chợ vẫn còn đứng đó như bộ xương con khủng long ngã gục xiêu vẹo. Nhịp giữa bị cách mạng đánh đứt ngang hồi đầu thời kỳ chống Pháp nay được thay thế bằng một thân cây dừa cũng mang nhiều vết đạn. Ngày xưa ở dốc cầu này có một bà cụ ngồi bán những trầu cau vôi thuốc bánh ít bánh tét trong một cái quán nghèo nàn.

Tôi không bao giờ chú ý hoặc ghé lại đây mua bất cứ món gì, nhưng bây giờ chiếc quán và bà cụ lại hiện rõ lên trong đầu tôi. Giá chiếc quán còn đây tôi sẽ ghé lại mua bánh ăn và xin nước uống.

Cỏ mọc lên quá lưng quần, tôi phải đưa tay rẽ lấy lối. Không có ai lai vãng quanh đây. Tôi như con trâu bị kẻ trộm mang đi xa sút dây trở về chuồng cũ, nên vẫn còn nhớ đường. Tôi phải khó khăn lắm mới đi qua nhịp cầu giữa được vì tay vịn không còn nguyên. Nó đã

bị một viên đạn hay một mảnh bom nào xén ngang gãy lìa còn nằm lung lờ, mỗi bên một khúc.

Bên kia đầu cầu là một bụi tầm vông to um tùm che cả cái quán cóc của ông Tám Cẩn. Cái quán này phong phú hơn cái quán của bà cụ vì nó nằm ở ngã ba đi về làng Hương Mỹ quê tôi. Ở đây tôi thường mua những miếng đu đủ chín hoặc dưa hấu vừa đi vừa ăn. Đây là mảnh đất tưới đầy nước mắt của tôi và có lẽ bụi tầm vông kia xanh tươi là nhờ những dòng nước mắt đó. Mỗi lần bãi trường, tôi ra nhà ngoại tôi chơi, đến lúc về, thì ngoại tôi theo tôi đến đây, bịn rịn mãi mới để tôi đi.

Bây giờ ngôi quán kia và bụi tầm vông không còn để lại dấu vết gì! Con đường đất nối liền hai làng Minh Đức và Hương Mỹ từng in dấu chân tôi nay đã trở thành rừng hoang. Tôi cứ đi thuộc lòng. Tim tôi như hòn than bùng đỏ. Sự nóng lòng thấy lại cảnh nhà ngoại tôi làm cho tôi tuôn bờ lướt bụi bất kể gai góc.

Tôi ra đi kháng chiến từ đây và bây giờ tôi trở lại nơi đây như một tên cường đạo hoàn lương với tội lỗi được chính mình nhìn nhận. Tôi tưởng tôi đi trên mảnh đất nào khác không phải quê hương mình.

Không còn nhớ đó là vào buổi chiều hay buổi sáng nữa. Tôi đã gặp lại ngoại tôi đứng trước một căn chòi lụp xụp thấp lè tè như một cái chuồng vịt hẫng. Tôi kêu lên:

“Ngoại!”

Cuộc ra đi theo cách mạng của tôi khởi đầu từ đây và cũng chấm dứt ở mảnh đất này. Khi tôi nhìn thấy ngoại tôi thì tôi rụng rời hết tay chân và trời đất dường như sụp đổ. Hồ chủ tịch, Trung ương đảng, Hà Nội, cách mạng là gì?

Đột nhiên tôi tự hỏi. Và đây không phải là lần đầu.

Giải phóng là cái gì? Ai giải phóng và ai được giải phóng? Giá tôi đứng về để nhìn thấy bộ mặt giải phóng. Tất cả đều là một sự giả dối, lừa bịp, tàn bạo và ngu muội. Bọn Cộng Sản bắt lương chẳng những đã phá nát Quê Hương, Tổ Quốc mà còn tàn phá cả TÂM HỒN DÂN TỘC VIỆT NAM. Tôi sẽ để tất cả thì giờ trong những năm còn lại của đời tôi để chứng minh cho kỳ được điều này.

Sài Gòn 1974/ Hoa Kỳ Tháng Năm 1989

mục lục

Thay lời tựa	
Cộng sản Hà Nội	
truy nã một nhà văn: Xuân Vũ	7
Chương 1.	37
Chương 2.	51
Chương 3.	63
Chương 4.	77
Chương 5.	91
Chương 6.	105
Chương 7.	123
Chương 8.	145
Chương 9.	165
Chương 10.	185
Chương 11.	203
Chương 12.	229
Chương 13.	245
Chương 14.	267
Chương 15.	283
Chương 16.	313
Chương 17.	333

